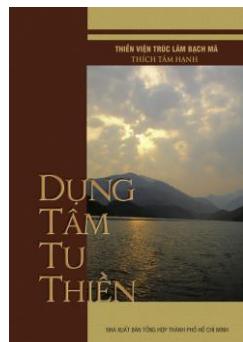


Dụng Tâm Tu Thiền



TK Thích Tâm Hạnh

---oo---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 08-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](#)

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU THAY LỜI TỰA TÂM TRỘM

- 1/ TÂM TRỘM KHÔNG THỂ CHE GIẤU
- 2/ TRỘM CỦA CHÍNH MÌNH
- 3/ TÂM TRỘM NOI CHÚNG TA ĐÃ CUỐP ĐI CỦA BÁU CHÚNG TA
NHƯ THẾ NÀO?
- 4/ VÌ SAO BIẾT MÀ VÂN BỊ NÓ LÉN LÚT DÂN ĐI?
- 5/ CHINH PHỤC TÊN TRỘM, NHẬN LẠI CỦA BÁU NHÀ MÌNH
- 6/ TÓM KẾT

KIẾN PHẬT LIỄU SANH TỬ

- 1/ GIẢI THÍCH Ý NGHĨA KIẾN PHẬT LIỄU SANH TỬ
- 2/ Phân tích câu KIẾN PHẬT LIỄU SANH TỬ
- 3/ THẤY PHẬT NÀO THÌ LIỄU SANH TỬ?
- 4/ PHẬT TÂM NGAY CHÍNH MÌNH, NHƯNG VÌ SAO CHÚNG TA
KHÔNG THẤY, CHUA NHẬN ĐƯỢC ?
- 5/ THẤY PHẬT NHƯ THẾ NÀO THÌ LIỄU SANH TỬ?

DỤNG TÂM TU THIỀN

1. VỌNG TƯỞNG VỐN KHÔNG
2. VỌNG KHÔNG THÌ CHƠN HIỆN
3. KHI NÀO THÌ HẾT VỌNG
4. DỤNG TÂM TU THIỀN

CHÚNG TA TỌA THIỀN NHƯ THẾ NÀO

1. THIỀN LÀ GÌ?
2. ĐÓI DIỆN ĐỂ CHUYÊN HÓA
3. NHẬN BIẾT ĐỂ CHUYÊN HÓA
4. BUỒNG XUỐNG
5. DỤNG CÔNG CHÁNH THỐNG THIỀN
6. ĐIỀU HÒA THÂN TÂM KHI TỌA THIỀN
7. THẤU TỘT TRÍ VÔ SỰ

TRĂNG THU

- 1/ HÀNH VI THIỆN ÁC CỦA MỖI NGƯỜI VỚI VÀNG TRĂNG.
- 2/ DUỐI ÁNH TRĂNG THU.
- 3/ KHỔ ĐAU SANH TỬ LÂU DÀI
- 4/ VỀ VỚI VÀNG TRĂNG CHÂN THẬT CHÍNH MÌNH.
- 5/ TRĂNG MÃI CÒN ĐÂY

MÂY VÀ TRĂNG

- I/ VÀNG TRĂNG NÀO NOI CHÚNG TA?
- II/ THẾ NHẬN LẠI TRỌN VẸN VÀNG TRĂNG TÂM CHÍNH MÌNH
NHƯ THẾ NÀO?
- 3/ VƯỢT CẢ HAI BÊN, TRĂNG TÂM SÁNG VÀNG VẶC

TỰ NGẮM LẠI VÀNG TRĂNG MÌNH

- I/ CHUYÊN TÂM, PHẢN TỈNH, LUÔN TỈNH GIÁC
- II/ TÂM THẾ HIỆN BÀY TẤT CẢ CHỖ.
- III/ VÔ TÌNH THUYẾT PHÁP
- IV/ ÁNH TRĂNG TÂM BẰNG BẠC KHẮP NƠI
- V/ MỖI NGƯỜI HÃY TỰ NGẮM VÀNG TRĂNG MÌNH

KHÔNG CHỈ LÀ XUÂN CỦA ĐẤT TRỜI

- 1/ BUỒN VUI VỚI CẢNH ĐẤT TRỜI
- 2/ KHÁM PHÁ CHÚA XUÂN
- 3/ CHÚA XUÂN ĐÂY RỒI!
- 4/ CHỚ CÓ NHẬN LẦM!
- 5/ LÚC NÀO CHẮNG XUÂN
- 6/ CHÚA XUÂN NHÌN KÌA!

NGHI VÂN SAU CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT

TÂM BÌNH THƯỜNG

- 1/ NGHĨA BÌNH THƯỜNG

2/ CON NGƯỜI CHÚNG TA CÓ THỰC SỰ ÔN ĐỊNH VÀ BÌNH THƯỜNG CHƯA ?

3/ TẠI SAO CHÚNG TA CHƯA ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG ?

4/ BẤT BÌNH THƯỜNG THÌ CÓ TAI HẠI GÌ ?

5/ LÀM SAO ĐỀ ÔN ĐỊNH, ĐỀ ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG ?

6/ TÂM BÌNH THƯỜNG TRONG CÔNG PHU TU TẬP

7/ ĐẠT ĐƯỢC TÂM BÌNH THƯỜNG TUYỆT ĐỐI LÀ ĐẠT ĐÉN
ĐẠO LÝ CHÂN THẬT

8/ ĐẠO VỐN LÀ CUỘC SỐNG THỰC SỰ BÌNH THƯỜNG

9/ RÕ RÀNG, BÌNH THƯỜNG, SỐNG ĐẠO

---00---

LỜI GIỚI THIỆU

Dụng Tâm Tu Thiền là tập sách đầu tay của thầy Tâm Hạnh, ra đời trong điều kiện tương đối khiêm nhường của nó. Dù vậy, tác phẩm vẫn xứng đáng, biểu hiện rõ nét giai đoạn khổ công ban đầu của tác giả. Một giai đoạn hầu hết hành giả nào cũng phải nếm qua. Khó khăn nhất là lúc hạ thủ công phu. Tác giả đã trải nghiệm quá trình thăm dò, tìm kiếm và đang đứng trước lối vào.

Tuy nhiên, trên hành trình về nguồn, trước tiên hành giả phải biết chắc hướng vọng của mình là gì? Nó như thế nào và làm sao chủ động. Có chủ động mới vững vàng tiến bước. Song, việc làm chủ không dễ dàng. Cố gắng. Khắc phục. Không cách nào khéo hơn đâu.

Thanh sơn mãn mục là một cách toàn phóng toàn cảnh. Bên trong ngõ lối quanh co, đá dựng chập chùng gồ ghề hiểm trở. Tuy nhiên, hành giả phần đầu quyết bước cho đến chỗ sơn cùng thủy tận, chỗ tốt cùng của mọi quanh co khó khắn. Tự nhiên trời long đất lở, một phen chuyên thân nhảy thăng vào chỗ an ổn. Người xưa nói:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,

Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn...

Đi đến nước cùng non tận chỗ,

Tự nhiên được báu chẳng về khôn.

Đến đây có thể tạm gọi là biết dụng tâm tu thiền.

Thầy Tâm Hạnh vâng lời dạy của Hòa thượng Ân sư về làng Truồi xứ Huế theo duyên tu hành, biến thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã từ núi rừng hoang vu thành đạo tràng nghiêm tịnh. Tam bảo thầm gia hộ mọi Phật sự nơi đây hưng thịnh, huy chấn tông phong. Đồng thời cũng được chư tôn Lãnh đạo Giáo hội đất Thân Kinh hỗ trợ động viên nên thiền viện sớm thành Tuyển Phật trường, hòa cùng chư sơn, cùng học cùng tu, cùng lợi lạc quần sanh.

Hôm nay, tôi hoan hỷ và cũng để động viên thêm cho thầy Tâm Hạnh trên bước đường tu hành, nên viết đôi dòng giới thiệu tập Dụng Tâm Tu Thiền, xin gửi đến các pháp hữu gần xa chút tâm nguyện sẻ chia của người huynh đệ trong tông môn. Nguyện cùng kết chúng giác ngộ giải thoát, cùng đê huê trong hội Phật tương lai.

Thiền viện Thường Chiếu, ngày 06-01-2013.

THÍCH NHẤT QUANG

---00---

THAY LỜI TỰA

Trải qua những tháng năm đầy đủ phúc duyên được xuất gia tu học tại Thiền viện Thường Chiếu, cùng với các huynh đệ đồng thời, chúng tôi được Hòa thượng Tôn sư và chư Tôn đức hướng dẫn từng bước căn bản nhất để sống một đời đúng nghĩa Thiền sinh. Cuối năm 1993, Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt ra đời, Ngài cho phép chúng tôi lên núi tu tập.

Vào cuối năm 2002, Hòa thượng Tôn sư nhập thất. Ngài chỉ dạy chúng tôi giảng dạy cho chư Tăng nội viện và các đạo tràng Phật tử có duyên trở về Thiền viện tu học. Cộng thêm các bài pháp giảng dạy gần đây, quý vị Phật tử đã phát tâm ghi lại thành tập sách này để góp thêm tư liệu nghiên cứu tu tập cho những pháp lữ hữu duyên.

Bằng tất cả tấm lòng thành kính, chúng con xin dâng lên cúng dường trên Hòa thượng Tôn sư và chư Tôn đức trong Tông môn đã dày công nuôi dạy, hướng dẫn, dùi dắt chúng con từng bước trưởng thành.

Là tập sách đầu tiên và được ghi lại từ những bài giảng nên không sao tránh khỏi những vụng về sai sót. Kính mong các bậc cao minh niệm tình tha thứ và chỉ dạy cho con được học hỏi để hoàn thiện mình trên bước đường lần đầu trở về cõi hương.

Thiền viện TRÚC LÂM BẠCH MÃ

Ngày cuối đông năm Nhâm Thìn - 2012

Kính ghi

THÍCH TÂM HẠNH.

---o0o---

TÂM TRỘM

Thưa toàn thể quý Phật tử,

Khi quý vị quy y Tam bảo, thọ Ngũ giới thì giới thứ hai là giới "không trộm cướp", phải không? Dù quý vị đã quy y Tam bảo hay chưa quy y thì chúng ta đều biết rằng trộm cướp là một điều không nên làm. Nhưng trộm cướp là gì quý vị có biết không? Trộm có nghĩa là lén lấy, mà cướp có nghĩa là đoạt lấy, tức là của gì người không cho mà mình lén lấy hoặc đoạt lấy, đó là trộm cướp. Đó là nói về phần trộm cướp của người.

Còn một phần nữa là, nếu không khéo, chúng ta sẽ trộm lấy của báu của chính mình mà mình không hay. Quý vị thấy có lạ không? Đã là của báu của chính mình, lẽ ra mình phải có quyền tự do sử dụng, tại sao lại có chuyện trộm lấy của báu chính mình? Để giải đáp thắc mắc và làm sáng tỏ vấn đề này, hôm nay quý Thầy sẽ nói chuyện với quý vị về đề tài “Tâm trộm”.

1/ TÂM TRỘM KHÔNG THỂ CHE GIẤU

Bây giờ thử đặt lại một câu hỏi, tại sao mình không được ăn trộm? Thứ nhất, ăn trộm là một hành vi không tốt nên mình không làm. Thứ hai, khi mình ăn trộm thì quả báo xấu sẽ không mất cho nên mình không dám làm. Nhưng làm sao biết được quả báo xấu không mất? Thí dụ một hôm mình lấy của ai một vật gì đó, bị người bắt gặp và báo công an, bị bắt ở tù thì mình thấy được quả báo, phải không? Nhưng nếu mình lén lấy mà không có ai

biết, đáng ra là an toàn, nhưng tại sao quả báo lại không mất? Để rõ vấn đề này, quý Thầy sẽ kể quý vị nghe một câu chuyện, nếu quý vị khéo nghiệm thì sẽ thấy rõ:

Ngày xưa, trong gia đình tại một vương quốc nọ có ba anh em, không may cha mẹ đều qua đời và để lại một số tài sản. Số tài sản đó ba anh em đều chung nhau dùng và không cần phải chia ra, vì họ là những người rất tốt. Bất ngờ một hôm, một viên ngọc quý giá trong số tài sản đó không cánh mà tự bay (mất đi). Ba người đều lên án hành động này và cho rằng một trong số họ phải có một người là thủ phạm ăn cắp viên ngọc. Vì ngoài ba anh em ra, không có một người nào khác có thể biết viên ngọc để lấy.

Sự việc đã được thưa trình ở rất nhiều cấp nhưng vẫn chưa giải quyết được, cuối cùng được đưa thẳng lên triều đình. Trong triều có một vị công chúa rất thông minh, khi nghe sự việc khó khăn, cô xin vua cha cho mặc áo thẩm quan và lên ngồi tòa chánh thẩm. Khi công chúa xét khẩu cung của ba người này thì cả ba người đều chấp nhận rằng, một trong ba người phải là thủ phạm lấy viên ngọc. Nghe xong, công chúa mới kể cho ba người nghe một câu chuyện như thế này:

Ngày xưa ở một vương quốc nọ có một cô công chúa trẻ, mỗi buổi sáng bác giữ vườn thường tặng cho cô một bông hồng rất đẹp. Như thường lệ, cô nhận bông hồng xong, mỉm cười và nói với bác một câu: “Ngày về nhà chồng, ta sẽ biếu cho bác một bông hồng bằng vàng”. Bác giữ vườn chỉ mỉm cười, gật đầu và chào lui chứ không nói thêm gì, nhưng trong nét cười của bác, cô công chúa đoán rằng bác không tin lời mình, vì thế cô mới khẳng định thật mạnh để bác thấy được tấm lòng chân thật của cô: “Rồi bác xem, ta sẽ đến ngay trong đêm tân hôn và chỉ đến một mình để trao cho bác bông hồng bằng vàng đó”.

Trải một thời gian không lâu, cô công chúa đã đến tuổi trưởng thành và lấy chồng. Trong đêm tân hôn, cô trình bày và ngỏ ý xin phò mã cho mình được thực hiện lời hứa năm xưa với bác giữ vườn. Vị phò mã rất thông cảm và để cô đi. Công chúa trong bộ trang sức của một cô dâu, một mình ra đi trong đêm để đến nhà bác giữ vườn với mục đích là tặng bác một bông hồng bằng vàng thật. Trên đường đi cô gặp một tên cướp chặn lại và tính cướp lấy nữ trang. Cô trình bày sự việc và xin phép được làm tròn lời nguyện của mình trước, rồi sau đó khi trở về thì tên cướp muốn lấy gì tùy ý. Tên cướp băng lòng. Đi một đoạn nữa, cô gặp một con cọp chặn đường đòi ăn thịt,

cũng với sự trình bày giống như trước, cọp sẵn sàng tha cho cô đi để làm tròn lời hứa, khi về rồi sẽ ăn thịt.

Cuối cùng cô công chúa đến được nhà bác giữ vườn và trao cho bác một bông hồng bằng vàng. Bác rất ngạc nhiên và cảm động trước sự hiện diện của một cô công chúa kỳ đặc, đã vượt qua nhiều hiểm nguy mới đến một nơi tầm thường như mình chỉ để làm tròn một lời hứa năm xưa. Bác tình nguyện đưa cô trở về nhà. Trên đường về, do bác có tướng vạm vỡ nên cọp và tên cướp đều sợ hãi và bỏ chạy, cô công chúa về nhà được an toàn.

Kể xong câu chuyện, vị công chúa thầm phán hỏi ba anh em: Theo ba vị, các nhân vật trong câu chuyện trên, ai là người có tâm hồn bao dung và cao thượng nhất?

Người anh đầu tiên nói: Chính phò mã là người có tâm hồn bao dung cao thượng nhất. Vì một người chồng mà để cho vợ của mình đi ban đêm một mình như vậy thì rất hiếm, mà phò mã đã dám chấp nhận thì phò mã là người có tâm hồn bao dung và cao thượng nhất.

Người anh kế tiếp tục trả lời: Chính con cọp có tâm hồn bao dung rộng lượng nhất. Tại vì đang đói mà nó nhịn được để công chúa đi rồi trở về ăn sau, như vậy nó có một tâm hồn rất cao thượng.

Đến người em út thì trả lời: Chính tên cướp là người có tâm hồn bao dung rộng lượng nhất, vì nó đã chiến thắng được lòng tham.

Bấy giờ vị công chúa thầm phán hỏi người anh thứ nhất: Có phải anh đã có gia đình rồi không?

Anh nói: Thưa phải, tôi đã có gia đình rồi.

Cô hỏi người anh thứ hai: Ở nhà anh có tật tham ăn, phải không?

Anh này cúi đầu, nhưng hai người kia đều xác nhận rằng anh này ở nhà rất tham ăn.

Vị công chúa mới nói rằng: Phàm người khen một đối tượng nào thì thường khen những cái gì na ná giống như lòng của mình. Sở dĩ người anh thứ nhất khen phò mã là người có tâm hồn khoan dung độ lượng nhất vì anh đứng trên cương vị của một người chồng cho nên rất thông cảm về vấn đề phải cho vợ đi ban đêm một mình. Người anh thứ hai khen con cọp là cao

thượng tại vì anh là người ham ăn, nên cho người nhịn ăn là cao thượng. Người em thứ ba khen tên cướp là cao thượng, vì chính mình do lòng tham đã lấy viên ngọc đó nên mới khen tên cướp đó là giỏi, là bao dung độ lượng vì thăng được lòng tham.

Nghe qua kết luận, mọi người đều vỗ tay hoan nghênh công chúa rất thông minh, xử kiện rất giỏi.

Qua đó quý vị thấy, thông thường mình tưởng rằng khi khen một người là mình khen người đó, nhưng thực tế là mình khen những cái của người đó giống như mình. Ở ngoài đời, thấy ai chơi thân với một người bạn nào, nếu mình biết tính tình của người bạn đó, mình có thể suy ra tính tình người này thế nào liền, phải không?

Quý vị thấy người em thứ ba giấu kín việc ăn trộm trong lòng, nhưng tại sao công chúa lại phát hiện được?

Thông thường mình nghĩ rằng khi lấy trộm của ai thì tự mình nghĩ giấu kín cái đó không cho ai biết là an toàn. Nhưng quý vị hãy thử nghĩ: Khi mình muốn giấu kín một điều gì đó thì phải có một niệm trong lòng mới giấu kín, phải thấy "niệm trộm" đó cho nên mới giấu kín. Và giấu kín là giấu kín niệm trộm đó. Như vậy, niệm trộm đó chính mình đã phát hiện và thấy rồi thì mình có thể giấu được không? Có thể giấu được với người khác, nhưng không thể giấu được với chính mình. Chính vì không giấu được, có một cái móng tâm như vậy, nên vị công chúa này mới phát hiện người em thứ ba là người ăn cắp viên ngọc.

Giả sử hôm nay quý vị lấy trộm của ai một vật gì đó, nếu mình chưa nghe câu chuyện trên thì từ cái niệm trộm trong lòng đó, mình khen tên ăn trộm là người khoan dung độ lượng nhất. Bây giờ mình nghe giảng, biết rồi, thì khi niệm trộm khởi lên, từ niệm trộm đó mình suy ra một niệm khác, là khen con cọp có tâm hồn bao dung rộng lượng nhất chẳng hạn thì thiên hạ cũng đâu ai biết. Nhưng thực ra, khi mình muốn nói qua một cái khác thì phải có cái này mới nói trớ qua cái khác được, mà cái này chính là cái tâm trộm đã ngự trị trong lòng mình rồi. Cho nên dù mình có trớ qua trớ về hay là tráo trớ thế nào đi nữa, nhưng cũng không ngoài một niệm trộm đó. Mà niệm trộm đó chính mình đã thấy thì không thể thoát được, nó là tác nhân để chiêu lấy quả. Hôm nay mình trộm của người thì ngày sau mình phải chịu mất của, đó là quả báo không ai có thể tránh được. Chính vì mình giác biết

cái quả báo xấu không thể mất cho nên mình không dám lấy trộm của người. Đó là phần thứ nhất về lấy trộm của người.

---o0o---

2/ TRỘM CỦA CHÍNH MÌNH

Bây giờ qua phần thứ hai là lấy trộm của chính mình. Muốn hiểu mình đã lấy trộm của báu của chính mình như thế nào thì trước tiên phải xác định được cái gì là của báu của chính mình. Nếu không biết của báu của mình là gì thì làm sao nói là lấy trộm được. Cho nên bây giờ phải xác định "Cái gì là của báu chính mình?" và "Mình đã lấy trộm nó như thế nào?".

Nếu thực sự là của báu chính mình, nó phải đảm bảo những đặc tính sau:

- Nó phải ngay nơi chính mình chứ không phải mang từ bên ngoài vào.
- Nó phải chân thật không hư dối, tức là không phải là đồ giả. Vì nếu là đồ giả thì không thể gọi là quý báu được.
- Nó phải không hư hoại, tức là không sanh, không diệt. Nếu nói là của quý báu mà hư hoại thì không còn nghĩa là quý báu nữa rồi.

Bây giờ coi lại, cái gì là của báu ngay nơi mỗi người?

Nơi thân thể con người chúng ta có hai phần: phần thứ nhất là sắc chất có nghĩa là thân này, và phần thứ hai là tinh thần là những cái nghĩ suy ở trong nội tâm mình.

Trước tiên mình xét thân sắc chất này có phải là mình không? Nếu thân này là mình thật thì giả sử có một lúc nào đó, một phần cơ thể bị tách ra khỏi thân thì cái đó là của ai? Nếu thân là mình thì khi tách ra phần đó cũng phải là mình, phải không? Nhưng nếu cái được tách ra là mình thì cái đang nhìn đó là ai? Như vậy cái đối diện đó là mình và đây cũng là mình thì có hai cái mình, nếu có hai cái mình thì đó chưa phải là mình thật.

Kế nữa, thân này nó chỉ tồn tại được trong vòng một thời gian rồi nó sẽ chết và hư hoại đi. Vì nó là cái bại hoại vô thường nên không phải thật là mình được. Như vậy phần sắc chất không phải là mình.

Bây giờ tới phần thứ hai là phần tinh thần, có nghĩa là tâm sanh diệt, tâm suy nghĩ khởi niệm ở trong mình. Cái tâm này có rất nhiều thứ như buồn, vui, mừng, giận, thương, ghét... Vậy những thứ đó, cái nào là mình đây? Nếu giả sử quý vị thích vui thì bây giờ vui là mình, còn khi buồn là ai? Nếu thật cái vui là mình thì mình sẽ vui hoài và không bao giờ buồn, phải không? Nhưng con người mình có lúc buồn, lúc vui. Nếu vui và buồn cùng là mình thì mừng, giận, thương, ghét cũng là mình, vậy thì một ngày có rất nhiều cái mình, cái mình đó là cái lộn xộn chứ không phải là cái mình chân thật.

Như vậy, thân sắc chất này và tâm suy nghĩ sanh diệt, hai cái đó không phải là mình rồi thì cái gì là mình? Thông thường người thế gian thường hay cho cái niêm tưởng suy nghĩ là mình nên khi khởi một niệm gì thì nói tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế khác, chấp nhận cái đó là mình. Nhưng hôm nay qua phân tích, quý vị biết cái đó không còn là mình nữa, thân này cũng không phải thật là mình nữa thì bây giờ: Cái gì là mình đây?

Nếu quý vị đã nghe Hòa thượng giảng thì chắc còn nhớ, Hòa thượng nói, giả sử một lúc nào đó bao nhiêu duyên bên ngoài không màng tới, và trong lòng cũng không có gì bận bịu phải lo nghĩ, mình ngồi thành thoi buông hết toàn bộ. Lúc đó trong lòng không có một gợn niệm nào khác, nhưng khi người đi qua quý vị có biết không? Vẫn biết vẫn thấy. Đâu phải đợi khởi nghĩ mới biết, mới thấy. Gió thoảng qua mình thấy mát, người vật đi qua, mình đều thấy biết hết, nhưng trong không gợn một niệm thì cái biết đó chính là chân thật nơi mỗi con người chúng ta.

Tại sao quý Thầy dám quả quyết đó là thật? Quý vị biết tại sao thật chưa? Lâu nay mình chỉ nghe một chiều, nghe giảng thì tin là thật, nhưng bây giờ đặt lại câu hỏi: "Tại sao dám quả quyết nó là thật nơi mình?" Phải đặt lại câu hỏi đó thì mới có sự đánh động tới tận tâm can và niềm tin mới vững chắc không bao giờ đổi.

Khi quý vị có niêm nghĩ suy thì đó là tướng gì? Là tướng động. Khi không có niêm nghĩ suy thì đó là tướng gì? Là tướng tĩnh. Khi khởi là động, khi không khởi là tĩnh, đó là hai tướng của tiền trán, có động và có tĩnh. Nhưng cái mà khi khởi niêm cũng biết, khi niêm đã bắt rồi, không còn niêm tưởng nó vẫn hăng háng biết thì cái biết đó có bị lệ thuộc trên tướng động và tướng tĩnh không? Cái biết đó luôn hiện hữu trên hai tướng động và tĩnh, nó không phải là tướng của sanh diệt. Mà không phải là cái sanh diệt thì chính nó là cái chân thật ở nơi mình.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy Ngài A-nan: “Nếu rời tiền tràn mà có tánh phân biệt tức là tâm ông. Nếu tánh phân biệt đó rời tiền tràn mà không có thật thể thì đó là bóng dáng phân biệt của tiền tràn”.

Ví dụ chúng ta cùng nhìn bình hoa này, ai nhìn cũng biết. Nhưng làm sao nhận ra cái biết như thế nào là biết chân thật và biết như thế nào không phải là chân thật mình?

Khi quý vị nhìn bình hoa này thì quý vị biết bình hoa, khi quý Thầy cát bình hoa đi, nếu quý vị nói rằng không còn biết gì nữa thì cái biết đó là cái biết gì? Đó là cái biết của tiền tràn, là bóng dáng phân biệt tiền tràn. Tại sao? Tại vì đợi có bình hoa (tiền tràn) nó mới có biết, cát bình hoa đi thì nó không còn thấy biết nữa, biết theo bình hoa bên ngoài, theo bình hoa bên ngoài mà sanh diệt cho nên nó là bóng dáng phân biệt tiền tràn.

Nhưng bây giờ chúng ta tỉnh sáng lại, không bám theo bình hoa, thì khi có bình hoa này mình cũng biết và khi không có bình hoa này mình vẫn hằng thấy biết thì cái đó là “rời tiền tràn mà vẫn có tánh phân biệt”, vẫn có cái thấy biết hằng hữu, cho nên cái đó “chính là tâm ông”. Trên tướng động nó cũng có, trên tướng diệt nó cũng có, cho nên nó không sanh không diệt, là hằng hữu, là chân thật, là không hư dối. Cái không sanh diệt trên tướng động và tĩnh đó là của báu chân thật nơi chính mình. Của báu đó ở đâu? Trong hai câu cuối của bài kệ kết thúc bài “Phú Cư Trần Lạc Đạo”, vua Trần Nhân Tông đã nói:

**“Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm chờ hỏi thiền”.**

Khi đối cảnh mà không có một niệm khởi phân biệt thứ hai thì ngay đó là vô tâm. Vô tâm nhưng mình vẫn thấy biết thì cái thấy biết vô tâm đó mới có thể thấy biết được trên vật và không vật, trên cả tướng động và tĩnh. Còn nếu cái thấy biết có tâm, tức là có khởi phân biệt, có bóng dáng phân biệt của tiền tràn thì nó không phải là tâm của chính mình. Ngài nói: “Trong nhà có báu thôi tìm kiếm”, của báu đó là đối cảnh vô tâm, nhưng mà ở đâu? Ở trong nhà, là ngay nơi mỗi chúng ta, của báu đó là nơi mỗi quý vị chứ không phải ai đem cho cả.

Tới đây quý vị đã tin ngay nơi mình, mỗi người ai cũng sẵn có của báu chưa? Đã sẵn có, nhưng chưa dùng được trọn vẹn, đúng không? Và có người

cả đời không biết và dường như cũng không có ai nói cho biết. Tại sao lâu nay chúng ta lại bị khuất lấp, mê mờ đến vậy?

Bây giờ quý Thầy ví dụ như thế này, quý vị nào khéo thì sẽ thấy. Khi quý vị bận rất nhiều việc và trong lòng lăng xăng nhiều thứ thì để cái gì ở đâu là quên ở đó, phải vậy không? Hễ mình để chùm chìa khóa ở đây là quên, tìm hoài cũng không ra, càng tìm càng rối. Tại vì bao nhiêu thứ nghĩ đã ngỗng ngang một đống trong đầu, bây giờ thêm một cái niệm tìm là thêm một đống thứ hai nữa thì làm sao tìm ra được? Minh cũng chưa biết chắc bằng cách nào để tìm ra nữa. Nhưng đến tối, quyết định buông hết để ngủ cho khỏe, khi vừa nằm xuống thì liền nhớ ra chùm chìa khóa đã bỏ quên ở đâu. Như vậy có phải những cái nghĩ suy ồn ào hằng ngày đó đã che lấp đi tánh giác sáng của mình không?

Chính những niệm tưởng lăng xăng đó đã che lấp đi của báu chính mình, tuy rằng của báu không mất, nhưng bị che lấp đi mà mình không biết thì coi như đã mất, mà mất là do ai ăn trộm? Niệm tưởng che lấp giấu đi thì chính niệm tưởng là kẻ ăn trộm rồi. Nhưng niệm tưởng đó ở đâu? Trong mình chứ đâu phải ai đem tới. Như vậy, chính mình lại đi ăn trộm của mình, mới nghe qua tưởng là vô lý, nhưng bây giờ thì thấy có lý.

Tại sao gọi là ăn trộm? Những niệm tưởng lăng xăng đó là vọng tưởng khởi nghĩ, sanh diệt âm thầm bên trong, đâu có ai thấy được. Đồng thời nó lại có khả năng che lấp đi kho báu của chính mình mà mình không nhận ra. Những vọng tưởng đó, dù người đã phát hiện hay chưa phát hiện ra, nó cũng âm thầm lén lút lao ra. Chính vì nó có tính chất âm thầm và lén lút giấu đi của báu chân thật chính mình cho nên nó là tâm trộm của mình, cướp đi của báu chính mình mà mình không hề hay biết.

---o0o---

3/ TÂM TRỘM NƠI CHÚNG TA ĐÃ CƯỚP ĐI CỦA BÁU CHÚNG TA NHƯ THẾ NÀO?

Tới đây quý vị đã phát hiện được chủ trộm chưa? Bây giờ phát hiện được, bắt được rồi phải không? Hôm nay quý vị phát hiện được chủ trộm ngay nơi mình, chính chủ tâm trộm này đã âm thầm lén lút trộm của báu của mình khiến cho chúng ta phải nghèo nàn đi trong sanh tử không biết từ hồi nào tới bây giờ vẫn còn nghèo.

Và quý vị đã biết hành tung của nó ăn trộm như thế nào chưa? Biết hành tung tức là biết được đường đi néo về của nó, nó lén ở góc nào, nó cướp của báu mình như thế nào. Bây giờ quý Thầy kể một câu chuyện để quý vị thấy được chú trộm đó đã lén ăn cắp một cách rất tinh vi như thế nào.

Vào thời Đức Phật có một vị trưởng giả tên là Tăng Hộ, sau khi thọ tam quy ngũ giới, vị này phát tâm thêm và xin được xuất gia. Khi được xuất gia, vị này tu hành miên mật, không bao lâu chứng được Thánh quả A-la-hán. Trong lúc đó người em gái vị Tỳ-kheo này sanh hạ được một người con và cũng đặt tên là Tăng Hộ (Tăng Hộ cháu).

Tuổi vừa lớn, người em gái cho con mình đến xuất gia với người cậu (vị Tỳ-kheo đã chứng A-la-hán). Thế là người cháu được chấp thuận cho xuất gia và làm bốn phận hầu thầy một thời gian thì xin đi an cư ở một vùng khác. Sau mùa an cư, vị Tăng Hộ cháu này nhận được hai xấp vải do thí chủ cúng dường. Người cháu muốn dâng vật phẩm này lên cúng dường lại cho thầy là cậu mình, nhưng vị thầy nói:

- Ta đã đủ y rồi, con cứ cất đi mà dùng.

Nhưng người cháu nói:

- Thưa Thầy, Thầy hoan hỉ nhận cho con, vì khi nhận xấp y này con đã có ý niệm là sẽ cúng dường cho Thầy, xin Thầy hoan hỉ nhận cho.

Vị thầy vẫn một mực từ chối:

- Con cứ cất đi, ta đã đủ y rồi, ta không nhận nữa. Mãi đến lần thứ ba, người cháu mới nói:

- Bạch Thầy, hồi nào tới giờ con chưa có dịp để cúng dường cho Thầy, hôm nay không có vật gì để cúng, con có xấp y này mong Thầy nhận để cho con có phước.

Người thầy vẫn từ chối và không nhận. Người cháu đang đứng quặt hầu thầy mà tâm ngổn ngang trăm mối: "Mình từ cõi vô thân, cha mẹ thì mình đã bỏ lại ở đời mà đi tu rồi, chung quanh bạn bè không còn ai, chỉ còn nương tựa vào người thầy mình, mà đặc biệt người thầy lại là cậu ruột nữa. Mình cũng hết lòng hầu thầy một cách chu đáo và hôm nay muốn cúng dường cho thầy xấp vải này mà thầy không nhận, chứng tỏ rằng thầy mình chẳng thương mình chút nào cả. Cô quạnh quá biết làm sao bây giờ, buồn quá tu

hành chi nữa, thôi về nhà, nhưng làm gì để có ăn bây giờ? Thôi thì còn hai xấp vải mình bán đi để mua một số dê, loài này sanh trưởng nhanh lắm. Bán dê con kiếm được nhiều tiền, mua vườn tược, sắm nhà cửa rồi kiếm một cô bạn cùng sống. Khi cô bạn cho ra đời một người con thì hai vợ chồng cùng nhau bế con đến để quy y với cậu mình. Trên đường đi, trời nóng oi bức, thấy cô vợ cũng mệt mỏi rồi, mình định bế đứa bé một lúc. Nhưng cô vợ lại không cho. Giành qua giành lại, đứa bé rơi xuống đường, tức quá lấy cây đánh cho bà vợ một cái”.

Dòng suy tư miên man đến đây, đột nhiên giật mình nghe vị thầy nói: Ngày con, con không đánh trúng cô vợ mất nét kia đâu, mà đã đánh trúng cái đầu trọc của Thầy đây này.

Quý vị thấy, hễ mình sơ suất một chút là nó đã lén đi rồi. Đang là một chú Sa-di đứng quạt cho thầy mà thả cho tâm tưởng đi miên man tít tận đâu, nào là bán dê, rồi mua vườn tược, cưới vợ sanh con đủ thứ. Đến khi đập người ta một cái rồi mới sực tỉnh ra, cuộc sống của mình trong lúc miên man đó có dính dáng gì khi mình đã tỉnh nữa đâu. Đến đây quý vị đã thấy tâm trộm này lén lút như thế nào chưa? Cho nên chúng ta thường gọi "mở mắt chiêm bao" là vậy. Thân đứng quạt hầu thầy, nhưng tâm vẫn lén lút và trốn đi.

Đó là chuyện của ngài Tăng Hộ. Nhưng quý vị thử xét lại có lúc nào mình giống như vị này không? Giống. Minh phải thật thà, có sao nói vậy, giống thì nói là giống. Phải dám thấy rằng "mình đã có lần như vậy" thì mình mới dám thấy đó là trộm. Mà thấy là trộm, là giặc thì mới có thể loại bỏ nó ra được, chứ còn cứ bao che thì không bao giờ loại được giặc ra khỏi nhà.

Có lúc đang ngồi nghe pháp ở đây, nhưng thỉnh thoảng quý vị cũng có thể ra được phố Đà Lạt, cũng về được Sài Gòn, cũng coi được nhà khóa cửa chưa, rồi trưa nay mấy đứa đi học về ai đón, ai nấu cơm, không biết đồ ăn dặn như vậy nó nấu canh có ngon, có mặn không? Minh ngồi đây, đang ngồi sờ sờ đây nhưng nó cũng có quyền nghĩ thoáng một cái thứ hai nữa. Đó là nó đã lén, đã cướp đi của báu của mình rồi. Cái này không phải riêng một mình quý vị đâu mà đã là chúng sanh, nếu không khéo thì bị nó lén trộm thường lắm.

Hòa thượng có lần kể câu chuyện: Ngày xưa ở Quảng Ngãi trong một ngôi chùa nọ, hôm ấy người ta lập đàn chấn tế và thỉnh Hòa thượng Trụ trì

làm chủ lễ. Hòa thượng bận việc cho nên nhờ thầy Tri sự đi. Thầy Tri sự bận rất nhiều việc, khi phải đi đột xuất thì xách áo đi chứ không kịp sắp xếp gì cả. Khi đứng nghiêm trang trên đòn chấn tế, bất chợt nhớ lại không biết chùm chìa khóa mình bỏ đâu rồi. Vì lo cái chùm chìa khóa nên suốt buổi chấn tế miệng thì tụng kinh mà trong lòng cứ nhớ cái chùm chìa khóa. Tối đến Hòa thượng trụ trì nằm mộng thấy cô hồn về báo: “Bạch Hòa thượng, hôm nay thầy Tri sự cho tụi con ăn toàn chìa khóa”. Tại sao? Vì quỷ thần ăn qua tâm niệm của mình, khi niệm tụng mà nghĩ đến chìa khóa suốt buổi thì suốt buổi đó quỷ thần phải ăn chìa khóa. Như vậy một lúc mà có hai niệm thì trong đó phải có một cái là trộm chứ không khác đi được.

Ngày xưa ở Long Thành có một cô đi xe đạp chờ con đến chợ để bán hàng. Buổi sáng hôm ấy có chuyện buồn gì đó nên vừa đạp xe mà tâm vừa nghĩ tưởng bâng quơ. Khi đến chợ, nhìn lại thì mới phát hiện ra người con không còn ngồi sau yên xe nữa. Quay lại đi tìm mới biết nó đã bị té tại đoạn đường có ổ gà mà không hay.

Có khi chúng ta đang đi mà vẫn trôi nổi trong vòng suy tư, nghĩ ngợi vẫn vơ, nhiều lúc mình không biết mình đang đi nữa. Có nhiều lúc quý vị nghe Hòa thượng nói mình thật giống người điên. Nghe thì thấy hơi lạ tai, khó nghe, nhưng xét lại thì mới thấy đúng. Người điên là người nói lảm nhảm ở ngoài miệng, còn mình điên thì nói ở đâu? Mình không nói ngoài miệng mà lảm nhảm ở trong tâm. Vừa đi nhưng mà trong bụng mình nó cứ lảm nhảm, cứ tính cái chuyện gì đâu đó mà mình không hay. Có nhiều lúc đi đụng cột nhà rồi mới biết.

Bây giờ ngồi xét lại tâm niệm của mình mới thấy rằng có quá nhiều chú ăn trộm. Cái cần nghĩ thì mình nghĩ đã hành rồi, nhưng còn cái không cần nghĩ nó cũng không tha cho mình. Có khi mình ngủ rồi mà nó vẫn chưa chịu ngủ, nó cũng còn kéo mình đi nữa. Càng tơ tưởng viển vông nhiều thì nó càng không giúp ích gì mà lại che lấp đi của báu chính mình. Cho nên trong Luận Đại Trí Độ có nói: “Tâm tánh chúng sanh giống như dao bén, nhưng chỉ dùng để cắt bùn, bùn chẳng thành gì mà dao thì mỗi ngày một hư tổn”.

Tâm tánh của mình giống như dao bén, tức là tâm mình vốn sáng suốt thanh tịnh, nhưng mình không biết dụng tâm tánh mà khởi theo những niệm tưởng, đó chẳng khác nào dùng dao bén để cắt bùn. Nhưng niệm tưởng đó lại không giúp ích gì cho tuệ mạng của mình mà chỉ làm mờ đi tánh sáng vốn tịnh, cho nên Ngài nói “bùn chẳng thành gì mà dao thì mỗi ngày một hư tổn”.

Càng khởi tưởng nhiều thì nó càng che lấp chân tánh của mình, giống như con dao vốn bén mà đem đi cắt bùn sinh thì nó sẽ bị cùn lụt đi, rất là đáng tiếc.

Ngài nói tiếp: “Lý thể thì thường diệu mà chúng sanh tự thô, nếu ai hay khéo dùng đó thì liền hợp với bản diệu”.

Tức là lý thể nơi mỗi chúng ta luôn là ảo diệu, vốn là nhiệm màu, nhưng vì chúng ta khởi nghĩ theo vọng cho nên chính mình làm cho nó thành thô, không còn diệu nữa. Nhưng nếu ai khéo dùng, tức là khéo nhận lại và sống trọn vẹn với thể vốn sẵn đó thì liền khé hợp với bản diệu, khé hợp với cái diệu ban đầu sẵn có nơi mỗi chúng ta.

Bây giờ mình đã phát hiện được rằng, sở dĩ lâu nay tâm tánh mình bị che mờ mà sanh ra bao nhiêu lỗi lầm và đau khổ là vì một chú tâm trộm đó. Tuy tâm trộm là nhiều, nhưng quy lại chỉ là một niệm tưởng thôi chớ không có gì lạ. Khi nghĩ thiện thì nó mặc áo trắng, khi nghĩ ác thì mặc áo xanh, khi vui thì mặc áo hồng,... Nó mặc rất nhiều thứ áo, nhưng chỉ là một loại niệm tưởng chứ không có chủ nào khác vào đây cả. Chỉ cần nắm ngay chú đó mà giải quyết là sẽ nhận lại kho báu chính mình.

Ngài Linh Nguyên Duy Thanh, một Thiền sư ở Trung Hoa nói rằng: “Người học thời nay chưa thoát sanh tử, bệnh tại chỗ nào? Lỗi tại tâm trộm chưa chết. Người học thời xưa ngay một câu nói liền thoát sanh tử, công hiệu tại chỗ nào? Tại tâm trộm đã chết”. Tức là các Ngài xưa kia ngay một lời nói, ngay một lời khai thị mà sạch cái tâm trộm trong lòng đi thì báu hiện ra sờ sờ, đó là giải thoát sanh tử, các Ngài sống an lạc và đầy đủ diệu dụng. Còn chúng ta hôm nay nghe một lời khai thị, nghe một lời giảng, nhưng mình chưa dồn hết sức để nghe mà còn lén chạy ra nữa, cho nên tâm trộm chưa chết. Và do cái tâm trộm thứ hai chưa chết đó nên bản tánh vẫn bị mờ, nhà mình có của báu mà không xài được.

Vậy học đạo công hiệu hay không là ở chỗ tâm trộm của chúng ta có chịu chết hay chưa, chứ không phải là do người xưa có một cái gì kỳ đặc hơn bây giờ. Thời nay nếu quý vị nào khéo phát hiện và làm chủ, thắng được tâm trộm nơi mình thì học đạo cũng tiến bộ và có công hiệu giống như quý Ngài thời xưa không khác. Quý vị phải dám tin mạnh điều đó, như thế mình mới có một niềm tin sâu mạnh vào của báu nhà mình và thấy rõ tâm trộm kia.

4/ VÌ SAO BIẾT MÀ VĂN BỊ NÓ LÉN LÚT DẪN ĐI?

Giờ quý vị đã thấy được hành tung của tâm trộm mình nó như thế nào rồi, hễ mình lơ đãng một chút là nó lén đi, cướp mất của báu nhà mình liền. Biết là như vậy, nhưng tại sao thỉnh thoảng vẫn bị nó lén lút trốn đi? Bây giờ đã tin chắc mình có của báu, Hòa thượng đã chỉ rất rõ và lăm lóc mình gần như thấy ra rõ ràng nữa. Có khi mình cũng biết rằng của báu đó nó có tác dụng lớn, vọng tưởng kia chỉ là cái không đâu, che lấp của báu chính mình. Đã biết như vậy, nhưng tại sao nó lại hay lén lút trốn đi? Nếu chưa nhận ra căn nguyên của nó thì chúng ta vẫn bị nó ăn cắp của báu hoài. Hòa thượng cũng đã chỉ nhiều rồi, ngồi trong đây thì quý vị có thể nhận được phần nào, nhưng mà khi bước ra khỏi phòng thì bị nó cướp đi hồi nào không hay, mình vẫn là kẻ nghèo nàn đói khổ.

Theo quý thầy, có ba lý do khiến mình để chú trộm đó cướp đi châu báu của mình:

- Thứ nhất là mình chưa biết hết giá trị của báu nhà mình, nên chưa trân quý của báu đó một cách đúng mức. Giả sử có một vật gì đó quý nhất trên thế gian này như viên ngọc chẵng hạn, khi biết nó quý rồi, quý vị cất trong tủ khóa kỹ lại hay là để hời hột bên ngoài cho dễ mất? Hễ mà biết quý thì bằng mọi cách cất giữ khóa lại thật cẩn thận. Nhưng hôm nay mình nghe có của báu chân thật nơi mình, của báu đó còn quý hơn tất cả các loại báu ở thế gian nữa, mà mình vẫn để cho bị trộm đi là vì mình chưa thấy hết giá trị của nó, nên chưa trân quý nó một cách đúng mức và để bị trộm cắp đi.

- Thứ hai là mình chưa thấy hết sự nguy hiểm và giả dối của tâm trộm đó. Nếu quý vị thấy nó nguy hiểm và giả dối thì chắc mình không bao giờ để cho nó trộm đi.

- Thứ ba nữa là mình chưa dám thật thà với chính mình mà còn che giấu nuôi dưỡng nó nên bị nó gạt. Chính vì vậy cho nên chư Tô nói "mình nhận giặc làm con" tức là còn chưa chấp, dung dưỡng nó. Mà nhận giặc làm con thì giặc nó cướp của báu mà mình không hay.

Bây giờ quý vị biết ba lý do mình bị tâm trộm cướp đi của báu của mình thì quý vị muốn dừng tâm trộm đó, không cho nó cướp của báu nữa hay là vẫn tiếp tục cho nó ăn trộm? Phải dừng để lấy lại của báu. Muốn dừng một cách mạnh mẽ và có hiệu quả thì trước tiên phải biết ba điều kiện cần thiết:

- Thứ nhất là phải biết trân quý của báu noi chính mình, của báu này là của báu xuất thế gian, có thể giúp chúng ta giải quyết được cái khổ lớn sanh tử. Tất cả quý vị có ai là người không sợ cái khổ sanh tử? Khổ sanh tử là cái khổ lớn nhất mà ai cũng sợ, sanh ra đời này là khổ lăm rồi. Vì sợ khổ sanh tử nên mình mới tìm đường học đạo để giác ngộ và giải thoát, hôm nay mới ngồi đây để nghe giảng. Chư Phật, chư Tô sở dĩ giải thoát được khổ sanh tử là bởi các Ngài ngộ lại Phật tâm noi chính mình, mà Phật tâm đó, các Ngài nói rằng, nơi mỗi chúng sanh đều có, Phật tâm đó chính là của báu chính mình. Các Ngài nhận lại của báu này nên giải thoát khổ sanh tử, vậy thì chúng ta nhận lại của báu này không lẽ chúng ta còn đau khổ hay sao? Vô lý! Do vậy, chúng ta phải cố gắng giữ gìn của báu này, không bao giờ để cho chú trộm lấy mất. Để mất là chúng ta phải chịu khổ một cách rất oan uổng và đáng thương.

- Thứ hai là phải thấy rõ sự nguy hiểm của tâm trộm đó. Xét lại, sở dĩ mình bị luân hồi, chịu khổ trong sanh tử cho tới hôm nay là do nghiệp mình đã tạo. Mà nghiệp là từ thân, miệng và ý tạo nên. Nhưng thân, miệng là cái làm theo ý khởi tưởng, mà khởi tưởng chính là chú tâm trộm này. Như vậy, phát hiện ra kẻ tạo nghiệp để đi trong sanh tử chịu nhiều khổ đau cũng lại là chú tâm trộm này nữa. Chính tâm trộm này đã lén lút cướp đi của báu của mình, khiến chúng ta phải lang thang chịu khổ từ kiếp này sang kiếp nọ trong vòng luân hồi sanh tử, khi thì sanh vào loài nga quý đói khát khổ sở, khi thì làm súc sanh ngu muội không biết gì, lúc thì làm người bữa đói bữa no, đủ thứ khổ. Đã nhiều kiếp như vậy rồi mà chúng sanh vẫn không hề hay biết, vẫn lẩn lẩn trong đó mà chịu khổ. Giờ biết rõ sự nguy hiểm và giả dối của chú tâm trộm này rồi, quý vị còn dám tha thứ và để cho chú lén trộm của báu mình nữa không?

- Thứ ba, là phải dám mạnh dạn trung thực, dám can đảm thật thà với chính mình để thấy rõ nó thì có thể thắng được, nếu còn che giấu để cho nó lén lút lừa gạt và lấy trộm của mình hoài thì không bao giờ thắng được mà còn phải chịu khổ nữa. Nó ẩn trong bóng tối của sự lén lút và che giấu, nhưng nếu mình trung thực và thật thà thì đó là ánh sáng, đem ánh sáng soi rọi nó, đó là “cháy nhà ra mặt chuột”.

Sở dĩ chúng ta thường suy nghĩ mông lung trong lòng một cách tự do, không sợ sệt, không hổ thẹn gì cả, là vì mình nghĩ rằng những suy nghĩ đó chỉ có một mình mình thấy thôi chứ người thứ hai không thấy. Nhưng giả sử mình sống gần một người nào đó mà khi mình nghĩ bất cứ điều gì, họ đều thấy rõ hết tâm niệm của mình thì quý vị có dám nghĩ tầm bậy không?

Không bao giờ, thậm chí còn phải chẩn giữ tâm rất kỹ. Như vậy để thấy rằng, mình chưa thật thà với chính mình. Dù người khác biết hay không biết, mình vẫn phải chẩn giữ tâm cho kỹ thì mới gọi là trung thực và thật thà. Quý vị dám gan dạ như vậy thì bảo đảm không có một chú trộm đen tối nào có thể lẩn trong tâm mình được hết và việc tu hành của mình sẽ rất mau tiến.

Quý Thầy kể quý vị nghe một câu chuyện:

Vào thời Đức Phật có sáu mươi vị Tỳ-kheo, sau khi nhận Thiền quán từ nơi Đức Phật xong, các vị ra đi đến một ngôi làng rất bình yên dưới chân núi tại nước của vua Ba-tư-nặc để tìm chỗ an cư và tu tập. Khi đến, bà mẹ của vị thôn trưởng Ma-ti-ca đón các vị Tỳ-kheo vào và dâng đồ cúng dường. Sau đó bà quỳ và tác bạch: “Thưa thỉnh các Ngài có muốn gì không?”

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo trình bày ý nguyện của mình là muốn tìm một nơi an ổn để tu tập trong mùa an cư sắp tới. Bà mẹ của thôn trưởng Ma-ti-ca là người rất có tín tâm, hoan hỉ thỉnh quý vị này: “Thưa cái Ngài, mời các Ngài ở lại đây an cư trong mùa hạ, con hứa sẽ giữ gìn trai giới một cách kĩ lưỡng và cúng dường các Ngài đầy đủ để quý Ngài an cư và tu hành ở đây”.

Sau khi sáu mươi vị Tỳ-kheo này đồng ý rồi, bà xây cát tinh xá có nơi ăn ở đàng hoàng, thỉnh các thầy Tỳ-kheo này về an cư, hàng ngày bà cung cấp thức ăn thức uống một cách chu đáo.

Đến nơi, các thầy Tỳ-kheo nói với nhau: “Chúng ta phải thấy rằng cửa địa ngục ở trước mắt mình, nó đang mở ra, rất nguy hiểm. Đời người thì rất chóng vánh, muốn thoát khỏi khổ sanh tử không gì hơn là đạo vị. Ân huệ của chư Phật không thể mang đến cho một người chưa dám thật thà và tu hành”.

Các thầy Tỳ-kheo quy định với nhau rằng, mỗi người phải đến một gốc cây và chuyên tâm để tu tập, hai người không được ở chung một chỗ để bàn chuyện ồn ào. Mỗi khi có bệnh tật gì cần phải gấp thì rung chuông để biết và đến giúp đỡ nhau. Sau đó mỗi người chia tay đi một nơi, đến từng gốc cây riêng biệt để thiền quán.

Bà mẹ thôn trưởng Ma-ti-ca tới tinh xá, bà không thấy ai cả, tưởng các Ngài giận và cãi nhau bỏ đi. Bà thắc mắc thì được một người khuyên rằng “nếu muốn gặp các thầy Tỳ-kheo này thì rung chuông là quý vị tới liền”. Khi tiếng chuông vang lên, bà thấy quý thầy từ mỗi gốc cây, mỗi người ôm bình bát đi lại, đi riêng rẽ chứ không ai đi chung với ai cả. Bà ngạc nhiên và nói:

“Thưa các Ngài, có phải là các Ngài không vui với nhau không? Tại sao khi đến đây thì quý Ngài đi chung thành đoàn các thày Tỳ-kheo trang nghiêm mà bây giờ mỗi thày lại đi riêng mỗi nơi như vậy? Có phải các Ngài đã phiền lòng nhau?”

Quý thày Tỳ-kheo thưa: “Không phải, tại vì chúng tôi đã quy định với nhau và sống như vậy để thiền định”.

Nghe vậy bà giật mình, bà nghĩ người đời mà đi riêng như vậy có nghĩa là giận dỗi, còn quý vị Tỳ-kheo này đi riêng là để thiền định. Lần đầu tiên, điều rất lạ này tác động mạnh vào đầu bà, bà nói: “Vậy thưa quý Ngài, pháp Thiền quán đó chỉ có quý Ngài mới áp dụng được, hay tôi cũng có thể áp dụng được?”

Quý thày Tỳ-kheo nói: “Nếu bà muốn thì vẫn áp dụng được, không phân biệt ai cả, tại gia hay xuất gia đều thực hành được”.

Bấy giờ bà thưa thỉnh quý thày chỉ dạy pháp Thiền quán. Với nhiệt tâm nỗ lực tu hành, kết quả trong một thời gian ngắn bà chứng được Tam quả A-na-hàm và được các thần thông trước cả quý thày Tỳ-kheo này nữa.

Quý vị biết tại sao bà này tu tập mau có kết quả không? Vì lần đầu tiên nghe một điều rất lạ và quý cho nên bà dồn hết tâm lực để làm cho bằng được. Vì thiết tha, nỗ lực, cố gắng công phu một cách mạnh mẽ cho nên bà chứng quả trước cả quý vị Tỳ-kheo. Còn “quý thày Tỳ-kheo này” có lẽ nghe Phật giảng hoài cho nên hơi bị nhảm, làm loi loi chưa đủ mạnh lắm. Vì thế cho nên nhiều lúc tin mà không lấy ra xài được. Còn bà này mới nghe cho nên bà quý trọng, cố gắng thực hành thành ra bà lấy ra xài được liền. Trong đây, nếu quý vị nào tôn trọng pháp, thiết tha cố gắng tu tập và chứng quả trước quý thày thì đó là một điều rất tốt, đáng trân quý chứ không phải thường. Quý vị có quyền chứng quả trước, không ai cầm cản, điều này rất bình đẳng và tự do, là quyền của mỗi người. Còn nếu nghe pháp lâu năm, thấy pháp sẫn quá và mình nghe thì hiểu liền rồi xem thường, không thiết tha dụng công tu tập cho đến nơi đến chốn thì đành phải chậm tiến hơn thôi.

Khi đã chứng quả A na hàm và có thần thông, trong đó có tha tâm thông thì ai nghĩ gì là bà biết hết, sáu mươi vị Tỳ-kheo này còn là phàm phu nên nghĩ gì là bà cũng thấy hết. Bà xem xét lại: “Tại sao quý thày Tỳ-kheo này chưa chứng quả như mình?” Bà thấy rõ ràng là tại quý vị này còn nghĩ tưởng lung tung quá, bèn quyết định sẽ giúp quý thày chứng quả giống như mình.

Bấy giờ bà mới quán tưởng "bạn bè đồng hạnh có hòa hợp không?" thì thấy rõ ràng mấy vị Tỳ-kheo này hòa hợp, "quý vị này chỗ ở có yên ổn không?" thì chỗ ở cũng yên ổn ám áp, lại quán "thức ăn có đủ không?", thì ra thức ăn không được đủ cho nên cái bụng cồn cào tu không hiệu nghiệm. Bà liền bắt đầu nấu những loại cháo ngon đem cúng dường các vị Tỳ-kheo này. Đúng vậy, khi ăn những loại cháo ngon này, quý vị Tỳ-kheo sức khỏe được tăng trưởng và phần chân tinh thần tu hành, qua mùa an cư thì cả sáu mươi vị đều chứng Tứ quả A-la-hán, tức là hơn vị thí chủ này một quả vị nữa.

Mãn mùa hạ, các vị Tỳ-kheo từ giã vị thí chủ này và trở về gặp Đức Phật. Đức Phật hỏi: "Có lẽ mùa an cư này có người chăm sóc chu đáo nên các thày trông có vẻ khỏe?"

Các vị Tỳ-kheo liền thuật lại câu chuyện, Phật khen các thày Tỳ-kheo đã tu hành tốt và vị thí chủ kia đã khéo hộ trì nên các thày tu hành có kết quả.

Khi kể như vậy, có một Tỳ-kheo đứng bên nghe được thích quá, bèn nghĩ: "Bà này cúng dường hộ trì chu đáo như vậy khiến quý thày tu hành chứng quả thì ai mà không thích. Bây giờ xin đức Thế Tôn cho tôi đó để tu tập một thời gian, mong chứng quả như các Tỳ-kheo bạn".

Được chấp thuận, vị Tỳ-kheo này tới tinh xá của bà, khi vừa tới nơi thì nghĩ: "Chà, mình đi đường mệt mỏi thế này, phải chi có ai quét dọn tinh xá và bưng cho một ly nước mát tới thì ngon biết mấy". Vừa nghĩ xong thì bà thấy tâm liền. Đúng như tâm thày Tỳ-kheo này nghĩ, bà cho người bưng một ly nước tới và cho người quét dọn sạch sẽ. Cho đến thày này nghĩ đến ăn món gì là bà liền cho người mang đến món đó... Bấy giờ vị Tỳ-kheo mới nghĩ: "Chết rồi, như vậy là mình nghĩ cái gì bà này cũng thấy hết. Mình còn là phàm phu thì nghĩ thiện cũng có mà nghĩ ác cũng có, nghĩ hay cũng có mà nghĩ xấu cũng có, lỡ mà nghĩ tầm bậy, bà này thấy thì nguy to. Thôi bây giờ nên trốn trở về lại nơi Đức Phật".

Ngài hốt hoảng chạy về gặp đức Thế Tôn và kể lại mọi chuyện: "...Con nghĩ gì thì bà này đều biết hết, nếu con nghĩ điều xấu thì nguy hiểm quá, nên con phải trở về".

Đức Phật nói: "Chính đó là chỗ mà ông phải nên đến để tu tập".

Vị Tỳ-kheo nói rằng: “Con không dám, tại vì con còn phàm phu nghĩ nhiều thứ quá, nếu bà này thấy, con không ở được”.

Phật mới an ủi: “Vậy Tỳ-kheo, ông có thể canh chừng được một việc duy nhất hay không?”

Thầy Tỳ-kheo trả lời: “Bạch Thέ Tôn, nếu nhiều thì khó, chứ một việc thì được”.

Đức Phật mới dạy: “Ông chỉ canh chừng tâm của ông, tâm ý rất khó kiểm soát, đừng nghĩ thêm việc gì khác. Tại vì tâm thường dao động, cho nên ông chỉ làm một việc là canh chừng tâm của mình thôi”.

Vị Tỳ-kheo này nghe Phật mới nhận ra rằng, tuy nghĩ thì nhiều, nhưng mà chỉ có chán tâm là xong, thấy cũng có khả năng làm được cho nên trở lại tu tập. Do chán tâm rất kỹ nên trong vòng ba hôm thì vị này chúng được Tứ quả A-la-hán.

Sau đó, bằng vào sức thần thông có được, Ngài ngồi lại để xét xem kiếp trước bà này với mình đã có nhân duyên gì mà hôm nay lại hộ trì mình tu như vậy. Mới thấy rằng, trong kiếp thứ chín mươi chín mình có nhân duyên vợ chồng với bà, và bà đã có một ác tâm cho nên mình bị mất mạng. Đến đây, vị Tỳ-kheo này không được vui. Bà thí chủ này dùng tha tâm thông biết được tâm thầy này đang nghĩ và đang làm gì cho nên bà dùng tâm khuyên thầy quán tới kiếp thứ một trăm thì thấy trong kiếp ấy, thầy đáng tội chết nhưng bà đã tha cho thầy. Khi biết rõ mọi nhân duyên tiền kiếp, thầy Tỳ-kheo này mới quán xét lại và hướng dẫn cho bà cách để đạt đến quả vị A-la-hán, rồi sau đó Ngài mới nhập vào Vô dư y Niết Bàn.

Qua câu chuyện đó, quý vị xét lại coi, sáu mươi vị Tỳ-kheo trên chúng được A-la-hán là do điều phục và chán giữ tâm ý một cách chu đáo, miên mật và kỹ lưỡng. Nhưng đặc biệt vị Tỳ-kheo đến sau một mình này, hễ Ngài vừa khởi nghĩ điều gì thì bà thí chủ kia liền thấy hết, đọc được tâm Ngài một cách vanh vách, giống như là đi dép trong bụng vậy, do đó Ngài chán tâm kỹ lưỡng hơn, không dám nghĩ gì cả. Chính vì vậy cho nên ba ngày là Ngài chứng quả vị A-la-hán chứ không đợi đến ba tháng.

Bây giờ xét lại noi mình, khi khởi nghĩ một điều gì, do vì không ai thấy cho nên mình đã buông thả và tơ tưởng dệt thêm thành đòn thành đống. Có khi cũng soi xét lại nhưng không kỹ lưỡng và dứt khoát, cho nên nó đã che mờ đi tâm tánh của mình. Thì ra lâu nay cái tâm trộm đó nó lén lút, nó lộng

hành mình một cách tự do là do mình chưa thật thà với mình, vì vậy cho nên tu hành chậm tiến. Còn nếu mình nghĩ một điều gì mà chung quanh mọi người đều biết thì mình không dám nghĩ tầm bậy, do đó việc tu hành sẽ mau tiến bộ hơn.

Như vậy, tu hành chậm tiến hay mau tiến là chính tại nơi mình, mà lâu nay có khi mình vẫn đỗ thura tại nhiều duyên khác bên ngoài. Giờ muốn tu tiến thì mình phải công bằng với mình mới được. Công bằng là sao? Giả sử khi mình khởi một điều gì thì mình coi như mọi người đang thấy hết những khởi nghĩ của mình, như vậy không bao giờ mình dám khởi nghĩ tầm bậy. Nếu khi ở một mình chúng ta cũng sống giống như khi đang tiếp khách đông người, những điều mình nghĩ trong lòng giống như những điều mình đang nói ra cho mọi người biết, dám thật thà như vậy thì giống như mình đem ánh sáng soi vào bóng tối, kết quả không có một chút đen tối nào có thể lẩn trốn được hết. Quý vị tập thử như vậy sẽ thấy sự tu hành của mình sẽ rất mau thăng tiến.

Chính vì thế nên các bậc Cố đức có nói: "Công tâm nếu bằng với tư tâm thì không việc gì mà không thành tựu. Đạo niệm nếu bằng với tình niệm thì thành Phật đã lâu rồi".

Công tâm tức là cái tâm chất trực ngay thẳng, tâm nghĩ về việc chung. Nếu cái tâm chung ấy bằng với cái tâm lén lút suy nghĩ riêng tư cho mình thì làm việc gì cũng được thành tựu cả. Lâu nay mình làm việc khó thành tựu là vì mình không nghĩ đến cái chung mà chỉ nghĩ đến cái riêng cho mình, cái nhỏ nhoi này nó cản trở cho nên làm không được thành tựu. Còn "đạo niệm" tức là cái niệm nghĩ nhớ về đạo (chưa nói tới cách sống đạo chân thật), nếu nó bằng với cái tình niệm (niệm tưởng phàm tình) thì mình đã thành Phật lâu rồi. Hôm nay mình vẫn còn làm chúng sanh ngồi đây thì cái nào nhiều hơn? Niệm suy nghĩ về phàm tình nhiều hơn, cho nên còn làm chúng sanh, luân hồi trong sanh tử đã nhiều kiếp từ xưa tới giờ.

Bây giờ quý vị thử kiểm lại noi mình thì thấy rất rõ. Hằng ngày mình nghĩ tới chuyện hơn thua phải quấy rối xấu của người khác nhiều hay là nghĩ soi xét về mình nhiều? Nếu nghĩ chuyện hơn thua phải quấy rối nhiều thì đó là niệm tưởng phàm tình. Còn nếu quý vị nhớ tới chuyện tu thôi, chưa nói tới chuyện mình phải nhận được bản tâm chân thật đó, thì mình cũng thành Phật nữa. Cho nên bây giờ phải cân bằng lại, thay vì ngày xưa mình suy nghĩ phàm tình nhiều thì ngày hôm nay mình suy nghĩ chuyện tu hành nhiều hơn,

có thể việc tu hành mới tiến bộ. Quý vị cần thấy rõ như vậy để cố gắng thực hành.

Ngài Quy Sơn dạy: “Phàm là tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật, không dối gạt, tâm hạnh sau lưng trước mặt lừa phỉnh. Trong tất cả thời thấy nghe bình thường không có chiêu uốn (không thuận theo tình niệm). Cũng chẳng phải nhăm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư Thánh chỉ nói, bên nho bợn là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tưởng lập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong treo lặng lẽ không động, không ngại, gọi người này là đạo nhơn, cũng gọi là người vô sự”.

Nếu chúng ta chiêu uốn theo tình niệm riêng tư thì bị tình niệm gạt. Vì lý do đó cho nên tâm quanh co, lòng nhiều nghĩ ác, việc tình kiến tưởng nương theo đây mà sanh khởi, càng trái xa đạo. Tâm mình chân thật, ngay thẳng trong từng tâm niệm và việc làm, không để cho tình niệm kéo lôi thì trong lòng mới rỗng rang, thanh thản, thanh tịnh, mới khé hợp với đạo chân thật.

---o0o---

5/ CHINH PHỤC TÊN TRỘM, NHẬN LẠI CỦA BÁU NHÀ MÌNH

Nay giờ nghe giảng, quý vị đã thấy rõ nơi mình có một chú trộm ăn núp từ xưa tới giờ, lén trộm của báu mình mà mình không hề hay biết gì cả. Bây giờ mới biết chứ từ trước tới giờ đâu có biết. Nhiều lúc thấy mà lờ mờ vạy thôi, cho nên nó cũng ăn núp ăn cắp hoài, để mình phải chịu khổ rất đau đớn. Bây giờ mình biết chú rồi thì mình phải dứt khoát loại trừ. Tất cả quý vị ở đây, ai cũng muốn loại trừ chú tâm trộm đó, nhưng mà loại trừ nó khó hay dễ? Nếu mà nói khó thì chắc không ai tu hành được, cho nên cũng là dễ thôi. Nhưng mà nếu nói dễ thì tại sao hôm nay mình cũng chưa thắng được nó mà còn ngồi đây? Như vậy là khó hay dễ đây? Chính xưa kia quý Ngài tu hành, khi chưa sáng đạo, quý Ngài vẫn thấy rằng "giặc nhà là khó giữ" nữa, huống gì mình bây giờ nhiều lúc thấy khó cũng phải, ai mà khéo tu thì thấy dễ cũng phải. Nhưng bây giờ muốn công phu có hiệu quả, muốn chăn giữ có hiệu quả thì phải biết cách chăn giữ như thế nào mới có thể thắng được chú tâm trộm đó.

Quý thầy dẫn một giai thoại sau đây để quý vị thấy người xưa tu hành cũng thao thức về vấn đề khó giải quyết chú tâm trộm này.

Một hôm thầy Tri viên hỏi Thiền sư Duyên Quán (ở Lương Sơn): “Khi giặc nhà khó giữ thì thế nào?” Tức là Ngài biết tâm trộm là giặc trong nhà rồi, biết thỉnh thoảng nó vẫn lén lút trốn đi và ăn cắp của báu của mình nữa. Chỉ cần quên một chút là nó lén trốn đi liền. Sở dĩ ngày nay mình tu hành khó khăn cũng là lỗi tại mình hay quên, phải không? Chính vì quên cho nên việc tu hành của mình phải nhọc nhằn, giữ chú tâm trộm này rất khó. Ngài đã nhận biết và thao thức phải làm sao để giữ gìn được. Bây giờ Thiền sư Duyên Quán đáp: “Biết được thì chẳng phải là oan gia”.

Tới đây quý vị thấy khó hay dễ? Mới đầu mình thấy nó là giặc thì khó, nhưng nếu khéo nhận biết chú đúng cách thì chú không còn là oan gia nữa, thì dễ rồi phải không? Lâu nay vì chúng ta mê làm nên nó mới trở chứng và trộm của báu mình mà mình không hay biết, cho nên mới trở thành giặc. Bây giờ mình biết được nó thì không còn bị nó gạt nữa. Không còn bị gạt thì nó không còn là kẻ thù, là oan gia nữa, tức là nó không còn hại chúng ta được nữa. Cho nên ngài Duyên Quán mới nói “khi biết được thì không còn là oan gia”, không còn gì phải gọi là khó giữ nữa. Mới đầu tưởng chú ta cố định là giặc nhà thật nên khó giữ, nhưng nếu nhận biết được chú ta rồi thì không còn là oan gia nữa.

Nhưng biết như thế nào đây? Mình phải đặt câu hỏi tới cùng thì thực hành mới có hiệu quả. Sở dĩ mình thấy giữ chú tâm trộm này khó, là do mình thấy chú giặc đó là thật, phải không? Nhưng khi biết chú là giả, là không thật rồi thì không còn khó nữa.

Khi chúng ta mê, bỏ quên đi tánh chân, tức là bỏ của báu mình mà theo vọng cho nên có chú giặc đó. Như vậy chú giặc đó có là do mê. Biết như vậy rồi thì bây giờ xoay trở lại, giác lại, không theo vọng nữa, tức là không theo chú giặc đó nữa. Khi nó khởi lên, mình liền giác biết tột nó là vọng, là giặc thì ngay đó liền là chân, không còn mê nữa, phải không? Tại sao như vậy? Bây giờ quý vị nào khéo công phu thì sẽ thấy rõ vấn đề này.

Tại sao tâm trộm là vọng, là giả? Lâu nay mình từng nghe Hòa thượng giảng, niệm tưởng của mình là giả, là vọng. Nhưng quý vị biết nó là giả là vọng mà tại sao nó vẫn cứ lén lút dần mình đi hoài? Tại sao nó vẫn còn chi phối được mình? Mình phải đặt câu hỏi để xét cho tới cùng. Tại vì mình chỉ nghe Hòa thượng nói là vọng nhưng tự nơi mình thì chưa thấy tột nó là vọng. Nếu thấy tột là giả thì không bao giờ chúng ta còn theo cái giả cả. Nhưng miệng thì nói giả mà trong tâm vẫn âm thầm cho là thật, còn muôn giữ cho nên mới bị nó dẫn đi.

Cũng giống như khi quý vị bị nhậm mắt, mắt bị nhòa đi thì thấy trong hư không có chớp chớp, có hoa đốm. Hoa đốm trong hư không mình đang thấy tùng lum đó, từ đâu mà có? Người bị mắt nhậm thì thấy, còn người bên cạnh không bị nhậm mắt thì có thấy đâu. Nhưng khi đang bị nhậm mắt, đang thấy hoa đốm thì không thể nói là không có được. Tuy nhiên, nếu mình hỏi người đang thấy hoa đốm đó là hoa đốm ở đâu, anh chỉ giùm tôi coi, chỉ được không? Chỉ không được thì hoa đốm đó là thật hay giả? Nếu nói là thật có thì phải chỉ ra, nhưng nói là không có thì đang thấy đó làm sao nói là không được. Cho nên, nó không phải có mà cũng không phải không, nó là giả có, mà đã thấu tột nó là giả thì mình có nên theo cái giả không?

Cái tâm trộm, cái tâm sanh diệt nơi mỗi chúng ta cũng giống như vậy. Bây giờ quý vị xét lại coi, mình đang ngồi đây, trong lòng chưa nghĩ một cái gì hết thì tâm mình có niệm tưởng nào không? Mình vẫn hằng biết, vẫn trong sáng, nhưng không có một niệm tưởng nào cả. Nhưng thoát quên thì nó dây lên liền. Như vậy từ đâu mà nó có? Quên thì có ra thôi chứ đâu phải là thật. Nếu có một chỗ sanh ra nó thì nó sẽ sanh hoài không dứt, nhưng không có chỗ nào sanh ra nó cả, mà hễ vừa quên thì nó tạm có vậy thôi cho nên nó chỉ là giả có chứ không thật.

Do thoát quên thì vọng khởi, tức là nó không có đầu mối và nguồn cội gì cả. Nó có ra là do mình mê và quên vậy thôi. Bây giờ khi nó đang có, khi đang có vọng vậy đó, quý vị tìm lại coi, cái gì là vọng, quý vị đem ra cho quý thầy coi thử được không? Tìm lại không được, vừa quay lại tìm thì nó mất liền. Như vậy nó là thật được không? Nếu là thật thì đem ra cho quý thầy coi được, nhưng vừa tìm lại thì không những không đem được mà nó mất tăm dạng ngay. Vậy nó mất đi đâu? Hễ mê thì có, mà tìm lại thì không còn, không thể nói đi đâu cả. Giống như khi chưa mở đèn thì bóng tối tạm có, mở đèn lên thì bóng tối liền tan, chúng ta không thể nói là bóng tối đi đâu cả, vì nó có thật đâu mà có chỗ đi. Vọng tưởng cũng vậy, chỗ sanh không có, khi mất cũng không có chỗ nới trở về, hiện tại thì chỉ ra không được, vậy nói nó thật được không? Thê mà lâu nay mình vẫn âm thầm coi nó là thật, vô lý quá phải không?

Bây giờ mình đã rõ tâm trộm, tâm sanh diệt đó là giả, là không thật rồi thì có nên theo cái giả không? Chúng ta không ai muốn bỏ cái thật mà theo cái giả cả, nhưng vì chưa thấy tột nó là giả, cho nên mình bị nó lừa một lúc vạy thôi. Tuy nói là một lúc, nhưng từ hồi sanh tử tới giờ đã lâu chưa? Mê trong thời gian lâu dài như vậy, nghĩ lại thấy rất mệt và chán, nhưng giác lại thì còn ngồi đây sáng suốt, an ổn tu hành được, thì cũng không phải là ở đâu

lâu xa cả. Đang ngủ thì mơ mộng lung tung, mà tỉnh ra thì đâu chưa rời gối, vẫn còn nằm đó. Mộng của một đêm là giấc mộng ngắn, mộng trong sanh tử là giấc mộng dài. Dài hay ngắn cũng đồng một loại là mộng thôi. Đã đồng là mộng thì có dính dáng gì mình đâu. Chỉ cần tỉnh ra thì hiện nguyên hình thể là mình, hết mộng. Đó cũng là một đặc ân an ủi cho mình. Khi còn đang mê dù đi xa muôn kiếp, nhưng khi giác lại thì liền đó là quê nhà, không ở đâu xa cả.

Bây giờ tiến thêm một mức nữa, quý vị biết chú tâm trộm là giả rồi, không còn là oan gia nữa, chú không còn cướp của báu mình nữa, nhưng bây giờ làm sao lấy lại của báu đây? Lâu nay lỡ bị cướp rồi, bây giờ biết chú là giả, thấy rõ chú rồi đó và có thể không theo chú và không để chú gạt nữa, nhưng mà lỡ bị lấy rồi, bây giờ làm sao quý vị đòi lại của báu đây?

Quý vị đã nghe Đức Phật dạy trong Kinh Viên Giác “tri huyền túc ly”, biết huyền thì ngay đó liền là lìa. Sớ dĩ mình còn ôm cái tâm vọng vì mình vẫn còn âm thầm thấy nó là hơi thật và chưa thấy tột nó là giả. Còn nếu thấy tột vọng là giả rồi thì không ai dại gì mà theo cái giả cả. Cho nên biết tột nó là vọng, là huyền, là giả thì liền đó là lìa. Bây giờ cái “lìa” này nó không còn có một hành động thành tướng lìa nữa, mà biết tột là giả thì ngay đó tự nó liền là lìa, phải không?

Ví dụ quý vị đi đường mà thấy có một cục vàng thì mình mới lượm, chứ còn gặp một tờ giấy loại thì mình có thèm lượm đâu. Khi biết nó là giả thì không bao giờ mình ngó ngàng tới. Quý vị có cố tâm, có cố gắng để đừng lượm tờ giấy loại không? Biết nó là giả thì mình không lượm vậy thôi, cho nên liền là lìa, thì “lìa” bây giờ không còn là một động từ nữa, mà chỉ thấy tột là giả, thì ngay đó liền lìa.

Nhưng khi biết là giả rồi, lìa rồi thì không còn gì nữa sao? Giả sử như mình đang khởi nghĩ, vọng thoát sanh phải không? Bây giờ biết giả, tìm lại nó thì nó không có, biết giả liền là lìa, thì lúc này quý vị có còn biết không? Tuy cái vọng mất đi, nhưng mình vẫn còn biết, hăng biết, thì “cái biết” đó, có vọng nó cũng biết, mất vọng nó cũng vẫn hăng biết, “cái sáng suốt hăng biết đó” là của báu chính mình, nó vẫn nằm y nguyên đó, chưa mất bao giờ. Vậy quý vị đã lấy lại của báu được chưa? Lâu nay chú trộm rình đó che lấp một chút choi vây thôi chứ đâu có mất đi đâu. Bây giờ hễ mình phát hiện, chỉ cần vạch ra một cái thì liền lấy lại ngay của báu giàu có vô kể. Cho nên Đức Phật nói tiếp “ly huyền túc giác”. Biết huyền liền lìa, ngay khi biết huyền thì vọng huyền nó lặng liền. Ngay trong cái lặng, hăng biết mà lặng lẽ

đó, tánh chân của báu hiện ra, cho nên Phật nói "ngay khi lìa đó tức là giác" tức là tánh giác hiện sẵn đó, mà giác tức là Bồ đề. Tu hành quá dễ phải không? Dễ nhưng mà lâu nay mình vẫn trộm trộm trộm trật là tại vì mình chưa mạnh dạn buông xuống, chưa có công phu mạnh mẽ nên chưa được tương ứng.

Như vậy quý vị thấy chân và vọng không phải xa, không phải bỏ cái này để tìm cái khác, mà mình phải khéo léo ngay trên vọng không theo nó thì tánh chân hiện tiền, và phát hiện rõ ràng rằng, trên vọng tánh chân vẫn sẵn đủ. Tại vì khi khởi niệm mình bận theo niệm đó mà quên đi "cái hăng biết" nên tạm gọi là mất đi. Nhưng khi vọng niệm lặng đi mình còn "cái sáng biết" đó, mới hay ra chưa thiếu vắng bao giờ. Bây giờ quý vị quay trở ngược lại thì sẽ thấy, ngay trên vọng "cái đó" không có vắng, tại vì chúng ta bám cái này mà quên cái khác vậy thôi.

Ví dụ trên mặt bàn này có tất cả mọi đồ vật đây, nếu quý vị nhìn bình hoa này cho nó là đẹp thì không bao giờ thấy được tất cả các vật khác, không thấy được cái mặt bàn vàng và sáng này. Nhưng khi quý thầy dẹp tất cả những vật này đi, quý vị không còn gì để thấy nữa, thì bắt buộc mình phải thấy cái mặt bàn vàng sáng này thôi. Mặt bàn sáng này là dụ cho cái kho báu của mình, sẵn đó từ bao giờ mà tại sao lâu nay mình không biết? Tại mình chỉ thấy theo vọng tưởng mà quên nhận lại tánh thấy biết chưa từng động này. Cũng như khi chúng ta trụ vào bình hoa này cho nên quên sự hiện hữu của mặt bàn, nhưng nó vẫn hăng có đây. Khi có bình hoa, mặt bàn vẫn hăng có ở đây, nhưng theo bình hoa này thì quên đi sự hiện hữu của nó. Bây giờ dẹp bình hoa này đi thì nó lộ bày ra.

Như vậy chúng tỏ rằng trên vọng, tánh sáng biết đó vẫn có, nhưng mà theo vọng phân biệt nên quên đi cái tánh giác kia. Bây giờ mình biết vọng là giả, lặng xuống thì tánh giác đó lộ rõ ra. Khi tánh giác lộ rõ ra rồi thì mình thấy rằng, lâu nay trên mê nhưng nó chưa từng thiếu vắng bao giờ, của báu vẫn còn nằm sẵn trong nhà đó. Quý vị có mừng không? Tuy bị ăn trộm lâu rồi mà hôm nay được trao lại của báu thì rất là mừng. Ai cho? Chỉ là nhận lại thôi, đâu phải ở đâu bên ngoài mà phải đợi người khác cho!

---00---

6/ TÓM KẾT

Bây giờ biết rồi thì quý vị phải tỉnh giác, đừng quên và lơ đãng, bất giác để cho chủ tâm trộm đó có cơ hội ăn trộm của báu chính mình nữa.

Quên thì bị nó trộm và cướp của báu, từ đó lâm vào cảnh cửa mất nhà tan, chịu nghèo nàn và lang thang đói khổ. Nhớ lại thì không theo nó, liền đó ngồi trong nhà mình, cửa báu đầy nhà ăn xài không hết, phút chốc bỗng trở thành trưởng giả giàu sang ngay. Như vậy giàu hay nghèo là do mình hay là do ai? Do mình quên hay nhớ thôi.

Đến đây quý vị đã trả lời được câu hỏi: "Của báu của mình thì mình phải có quyền thợ dụng chứ tại sao mình lại ăn trộm của mình" chưa? Đành rằng của báu của mình thì mình có quyền xài. Nhưng nếu không biết xài, để quên đi thì sẽ bị che lấp. Mà ai che lấp? Chủ trộm đã che lấp. Chủ trộm đó từ đâu? Cũng trong nhà mình. Cho nên mình đã cướp của báu của mình. Bây giờ quý vị phát hiện được rồi thì nhận rõ ra, quên thì nghèo mà nhớ lại thì giàu, giàu hay nghèo là do mình, chỉ ở trong khoảng khắc quên và nhớ thôi chứ không xa.

Quý vị trong đây muốn mình là người giàu hay người nghèo? Ai cũng muốn mình giàu, cho nên hôm nay quý vị mới tới đây khiếu nại với quý thầy: "Thầy làm sao kiện giùm tôi, bắt thẳng ăn trộm trả lại của báu cho tôi, tôi nghèo quá rồi. Tôi nghe người ta kể là tổ tiên tôi để lại một tài sản lớn lắm nhưng bị nó ăn cắp, bây giờ tôi cũng chẳng biết lai lịch, mà hò sơ thì bị cháy hết trơ rồi, bây giờ làm sao Thầy bắt lại tên trộm giùm và đòi nó trả lại của báu cho tôi".

Vì muốn giàu nên hôm nay quý vị mới đến đây khiếu nại. Bây giờ đã nghe quý thầy chỉ rồi thì quý vị có muốn lấy lại kho báu của mình hay không? Nếu muốn thì kể từ đây, mỗi vị không có quyền quên nữa. Nhớ lại thì lấy lại được của báu chính mình và trở thành giàu sang vô kể, mà quên đi thì thành kẻ lang thang nghèo nàn, đói khát khổ sở. Đến đây quý vị đã nhận biết rõ hết rồi, quý Thầy xin chúc toàn thể quý vị khéo chăn tên trộm, khéo nhận lại của báu nhà mình để mỗi vị đều trở thành một ông trưởng giả giàu mãi không bao giờ nghèo.

---o0o---

KIẾN PHẬT LIỄU SANH TỬ

Như quý vị biết, tất cả chúng sanh còn ở trong khổ, chưa thoát được khổ là vì chưa thoát ra khỏi vòng sanh tử, còn bị cái khổ lớn của sanh tử chi phối, trói buộc. Khổ của sanh tử là cái khổ lớn nhất, từ đó kéo theo những cái khổ khác có ra. Vì vậy, muốn vượt thoát hết tất cả các nỗi khổ khác thì phải nhắm ngay cái gốc, đó là phải thoát ra khỏi cái khổ lớn của sanh tử.

Khô lón sanh tử đã thoát thì bao nhiêu cái khổ khác không còn. Cho nên những vị tu hành miên mật thường khắc trên trán câu “Sanh tử sự đại”, có nghĩa là sanh tử là việc lớn, cần giải quyết cho xong. Chúng ta đi chùa, cũng như quý Thầy, quý cô đi tu, mục đích cũng chỉ là để giải thoát khỏi cái khổ lớn sanh tử. Vậy muốn thoát khỏi cái khổ lớn đó thì phải làm sao? Trong Kinh chúng ta tụng niệm thường có câu: “Kiến Phật liễu sanh tử”, tức là thấy được Phật thì vượt qua hết sanh tử, đó là mục đích chính của việc tu hành. Thoát được sanh tử thì mình được giải thoát, được an nhiên, tự tại mà không còn bị các khổ khác chi phối. Cho nên đề tài nói chuyện hôm nay là “Kiến Phật liễu sanh tử”.

---00---

1/ GIẢI THÍCH Ý NGHĨA KIẾN PHẬT LIỄU SANH TỬ

Câu này chúng ta thường thuộc lòng hoặc đọc tụng hằng ngày, nhưng có bao giờ quý vị tự hỏi lại mình “Kiến Phật liễu sanh tử” là gì không? Nếu một câu này mà thông được thì hết khổ, còn chúng ta tụng rất nhiều mà đến giờ vẫn còn khổ thì chứng tỏ rằng chưa thông được câu này. Chư Tăng dạy: “Tụng kinh nhiều nhưng chỉ ngay một câu mà thông nghĩa lý, thâm nhập và sống được thì có lợi hơn là tụng nhiều mà không hiểu”. Chư Tăng cũng ví dụ giống như biển cả tuy nhiều, nhưng chỉ cần ném được một giọt nước thì sẽ biết được tất cả vị của trăm dòng. Cũng vậy, tụng kinh nhiều là tốt, nhưng nếu ngay một câu mà thâm nhập được thì mình mới có lợi ích thiết thực.

Đầu tiên, muốn đi vào nghĩa lý thì trước phải hiểu nghĩa của câu đó. “Kiến Phật” nghĩa nôm na nhất là thấy Phật, còn “liễu sanh tử” là tóm rõ bản chất thực của sanh tử và vượt qua khỏi sanh tử, không còn bị sanh tử chi phối. Nói cho đầy đủ thì “liễu sanh tử” bao gồm liễu sanh và liễu thoát, cho nên mình hay nghe câu “liễu sanh, thoát tử”. Liễu sanh tức là ngay lúc đang còn sống trong cuộc đời này mà vượt lên trên tất cả, không còn bị hoàn cảnh của cuộc đời chi phối, làm khổ. Liễu thoát là khi chết được an nhiên, giải thoát, không còn bị cái chết làm khổ, không còn bị trói buộc trong vòng sanh tử của tam giới nữa. Người được liễu thoát thì tùy duyên phát nguyện vào đời hóa độ chúng sanh, làm tròn bản nguyện của mình để thành tựu quả vị Phật, không có gì trói buộc hay ngăn ngại. Như vậy, chúng ta tu hành muốn vượt thoát khỏi vòng sanh tử, không còn bị sanh tử chi phối thì Đức Phật dạy chúng ta phải “kiến Phật”, chỉ có gặp Phật, thấy Phật thì mới có khả năng liễu sanh thoát tử. Đó là giải thích về nghĩa lý.

---o0o---

2/ Phân tích câu KIẾN PHẬT LIỄU SANH TỬ

2.a/ Phật còn tại thế

Vậy chúng ta phải thấy Phật như thế nào? Chúng ta đọc trong kinh sử, vào thời Đức Phật còn tại thế, có những vị túc duyên đầy đủ, khi vừa gặp Phật liền chứng quả và giải thoát sanh tử ngay tại chỗ. Rồi có những trường hợp gặp Phật, xuất gia, nghe pháp, tu hành, chứng quả và cũng giải thoát sanh tử. Nhưng cũng có không ít người gặp Phật mà không liều sanh thoát tử. Quý thầy kê ra một số trường hợp cụ thể để quý vị thấy:

Trưởng giả Cấp-cô-độc là một người rất kính tin Tam bảo và là một trong những đại thí chủ thời Đức Phật. Trong nhà ông có một bà giúp việc, bà này rất trung thành với chủ, làm việc rất tận tụy, nhiệt tình. Trưởng giả Cấp-cô-độc tin tưởng nên bao nhiêu của cải, vàng bạc, tài sản đều giao cho bà cất giữ chìa khóa. Trưởng giả hay đem tiền của bố thí cho người nghèo và cúng dường Đức Phật và chư Tăng, người mà ông kính trọng nhất. Mỗi lần Đức Phật đến đều có rất đông đệ tử đi theo, phải tốn kém nhiều nên bà già tiếc, càng tiếc nên càng ghét Đức Phật. Qua nhiều lần chịu hết nổi, bà tuyên bố không muốn gặp Đức Phật, không muốn nghe pháp của Đức Phật, không muốn gặp các vị Tỳ-kheo. Chuyện này đồn tới tai Mạt-lợi phu nhân, một người cũng rất kính tin Tam bảo. Mạt-lợi phu nhân muốn tìm cách để khuyến hóa và cứu bà khỏi tội phỉ báng Tam bảo, bèn đề nghị ông Cấp-cô-độc cho mượn bà lão để phục vụ cho buổi lễ cúng dường Đức Phật và chư Tăng của mình. Ông Cấp-cô-độc sai bà mang một mâm vàng đến cho Mạt-lợi phu nhân để cùng cúng dường trai tăng. Khi vừa quay ra thì gặp Đức Phật đi vào, bà chạy ra đằng sau cũng thấy Phật, chạy cửa khác cũng gặp Phật, bốn phương tám hướng đều gặp Phật. Bà chạy về nhà, đóng cửa, tay ôm mặt để khỏi nhìn thấy Phật, nhưng kiêu gì vẫn nhìn thấy hình ảnh của Đức Phật nên rất tức giận. Ngài Mục-kiền-liên thấy thế liền dùng thần thông làm nhà nghiêng đất đổ để chiết phục bà, bà không sợ mà còn chửi rủa. Đức Phật biết, nhưng im lặng không nói gì. Sau buổi thọ trai, Đức Phật gọi La-hầu-la đến nói: “Bà lão lúc nãy có duyên với con, con hãy đến độ bà đó”. Ngài La-hầu-la vâng lời, đến chỗ bà lão cất tiếng gọi. Nghe tiếng gọi của Ngài La-hầu-la, tự nhiên bà lão trong lòng vui mừng hoan hỷ, chạy ra mở cửa cho Ngài La-hầu-la và cung kính đánh lễ. Ngài La-hầu-la nhân đó thuyết pháp thập thiện cho bà lão nghe. Bà lão nói: “Ngài quả là một vị chủ đế thiêng, cho nên hôm nay mới thị hiện xuống đây để nói cho tôi nghe bài pháp

vì diệu này, chứ còn ông Cồ Đàm và các đệ tử của ông ấy còn thua nhiều, không nói được pháp này". Ngài La-hầu-la giải thích lại là không có ai hơn được Thế Tôn và những bài pháp này là do học được từ thầy mình là Đấng Như Lai. Bà lão dụi mắt nhìn kỹ lại thì thấy đây đúng là Tỳ-kheo đệ tử Phật chứ không phải trời. Nhưng giờ pháp đã thấm rồi nên không còn bỗn xỉn nữa mà ăn năn vô cùng. Bà đánh lễ sám hối và năn nỉ Ngài La-hầu-la tạo điều kiện cho bà được gặp Phật và sám hối để được xin xuất gia. Sau khi xuất gia tu hành, bà chứng quả rất nhanh. Lý do Ngài La-hầu-la độ được bà vì Ngài và bà lão nhiều đời là mẹ con với nhau, còn Đức Phật và bà lão trong tiền kiếp có duyên không thuận. Trong một đời quá khứ, bà lão nguyên là một vị hoàng tử học hiểu rất thông, tu rất tinh tấn nhưng theo tà kiến. Lúc bấy giờ có một vị Tỳ-kheo rất giỏi đến thuyết pháp, nhưng Hoàng tử không chịu nghe, còn buông lời mắng nhiếc, chính vì vậy nên phải chịu quả khổ nơi địa ngục, sau được sanh làm thân người cũng phải chịu làm thân nô bộc. Vị hoàng tử kiếp trước chính là bà lão nô bộc, còn vị Tỳ-kheo thuyết pháp chính là tiền thân của Đức Phật. Do còn chút duyên đời trước cho nên đời này bà lão vẫn không chịu nghe Đức Phật thuyết pháp.

Xét lại câu chuyện, nếu nói "thấy Phật liễu sanh tử" thì bà lão kia thấy Phật nhưng không liễu sanh tử. Rồi về phần giáo hóa, Đức Phật cũng không độ được bà lão mà phải nhờ đến đệ tử nhỏ của mình là Ngài La-hầu-la.

Một dẫu chứng nữa, trong thành Udu có một cô gái xinh đẹp nhất thành tên là Mạn-la-hoa, con một vị trưởng giả. Vợ chồng ông trưởng giả muốn tìm một người xứng đáng để gả con gái mình. Một hôm Đức Phật đi ngang thành đó để giáo hóa. Ông trưởng giả nhìn thấy tướng mạo của Đức Phật rất đẹp liền chạy lại ngoảnh lời gả con gái. Đức Phật im lặng không trả lời. Tưởng Ngài đồng ý, ông lão chạy về gọi vợ. Khi hai vợ chồng đến, Đức Phật đã không còn ở đó, chỉ còn dấu chân để lại. Bà vợ biết xem tướng thấy dấu chân Phật có vàng thiêng luân nên nói: "Không được rồi, người này tuy đẹp thật nhưng có dấu chân như thế này thì không còn ái nhiễm nữa, không thể nào lập gia đình đâu". Ông trưởng giả không tin vì tướng Đức Phật im lặng là đồng ý. Hai vợ chồng đi tìm thì thấy Đức Phật đang ngồi dưới gốc cây và đến gặp. Đức Phật tùy duyên thuyết pháp, hai vợ chồng chứng quả Tu đà hoàn, quả vị đầu tiên trong dòng Thánh, do đó không còn ý định về việc gả con gái nữa. Lúc đó có đứa nô tỳ nghe được chạy về nhà thuật lại cho cô con gái của ông trưởng giả là Đức Phật đã nói cô gái như da hôi thối, là đồ dơ, chỉ gạt được những người ngu ngốc. Cô gái nghe xong rất tức giận vì chưa có ai dám khinh rẻ mình như vậy, nên ôm mối hận và quyết định trả thù. Sau đó cô gái chấp nhận làm vợ đại vương thành Udu, trở thành hoàng

phi vùng Kosambi. Trải qua nhiều năm, đợi đến khi Đức Phật và Ngài A-nan qua vùng đó giáo hóa, cô gái lúc này là hoàng phi thành Udu thuê những người chuyên chửi bới để chửi mắng Đức Phật xối xả, nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đi qua. Ngài A-nan chịu không nổi, thỉnh Đức Phật đi đến những chỗ khác, nơi mọi người đã được giáo hóa, thích nghe pháp và đều kính trọng Đức Thế Tôn. Đức Phật nói: “Có vị thầy thuốc giỏi nào lại trung bảnh chỉ trị bệnh cho những người lành mạnh, còn những người nan y thì đi chỗ khác không?” Ngài A-nan nói: “Thưa không, Bạch Thế tôn”. Đức Phật nói: “Cũng vậy, Phật ra đời là để cứu khổ chúng sanh, những chúng sanh này đang khổ cần ta cứu, nên ta cần ở đây để cứu”. Sau khi nghe Đức Phật và Ngài A-nan nói chuyện như vậy, những người chửi mướn thấy được lòng từ bi quảng đại của Đức Thế Tôn cho nên sám hối và xin học pháp. Một thời gian sau, trong thành Udu này phần đông đều là những người kính tin Tam bảo.

Một trường hợp khác, có một bà ngoại đạo là Đàm giá ma na cũng khởi tâm ghét Đức Phật nên độn bụng rồi đến vu oan cho Ngài. Trời Đế Thích hóa làm con chuột trắng đến cắn đứt sợi dây làm cái độn trong bụng bị bung ra, khiến mọi việc rõ ràng. Rồi Đề-bà Đạt-đa là đệ tử của Phật nhưng vì sanh tà kiến nên mới lập mưu với vua A-xà-thé thả voi say để giết hại Phật, rồi canh đường đi của Phật để lăn đá xuống. Trong Kinh Nguyên Thuỷ, bài Kinh Phạm Độ có chép lại câu chuyện, một hôm trên đường đi khất thực về, hai cha con ông Phạm Chí gặp Đức Phật, người con thì dùng hết lời để tán thán ca ngợi Đức Phật, trong khi đó người cha thì dùng hết lời để chê bai Đức Phật... Như vậy hai người này cũng gặp Phật mà đâu có liễu sanh tử? Hoặc có nhiều vị Tỳ-kheo xuất gia với Phật nhưng sau đó hoàn tục thì cũng không liễu sanh thoát tử. Còn rất nhiều trường hợp khác tương tự như vậy.

Qua các trường hợp trên, quý vị thấy những người đó tuy đều thấy Phật, gặp Phật nhưng không liễu sanh tử, ngược lại còn không ưa Phật, thuê người chửi mắng Phật, vu oan cho Phật hay còn định đem chuyện sanh tử đến cho Phật. Vậy phải hiểu thế nào về câu ‘Kiến Phật liễu sanh tử’?

---o0o---

2.b/ Phật đã nhập Niết Bàn

Ở trên là các trường hợp thấy và trực tiếp diện kiến Phật thời Đức Phật còn tại thế. Nay giờ sang một trường hợp khác, sau thời Đức Phật nhập Niết

Bàn, chư vị Tô sứ ra đời không thiếu những vị tu hành ngộ đạo, có khả năng liễu sanh tử, làm chủ được sanh tử.

Ngài Đạo Giai Phù Dung khi được vua ban tử y mà không nhận, đó là tội khi quân nên phải phạt đánh bằng trượng. Nhưng vì rất gầy yếu, chỉ đánh 5 trượng là thân thể Ngài chịu không nổi rồi. Vị quan thấy đây không phải là một người phạm tội, chỉ vì khiêm nhường không nhận tử y của vua mà bị đánh như vậy thì không đáng, nên tìm phương tiện để giúp Ngài không bị đánh. Vị quan thưa: “Bạch Hòa thượng, pháp nước có chế, nếu người nào bị bệnh thì khỏi bị hành hình, vậy Hòa thượng đang có bệnh không?” Ngài nói: “Tôi tuy ốm yếu thật nhưng không có bệnh”. Vì vậy, Ngài phải chịu đánh. Bị đánh nhưng vẫn an nhiên thì ngay lúc đang sanh mà liễu sanh. Khi sắp tịch, Ngài nhóm đồ chúng lại, ngồi kiết già và đọc kệ rồi nhắm mắt từ giã ra đi. An nhiên thị tịch thì đó là liễu thoát. Ngài nói: “Sanh không thích thiền đường, tử không sợ địa ngục, buông tay đi ngang ngoài tam giới, mặc tình vươn bồng nào buộc ràng”. Quý vị thấy Ngài có sợ sanh tử không?

Còn ngài Đặng Ân Phong hỏi chúng: “Đã có ai tịch ngồi chưa?”. “Có rồi”. “Có ai nằm tịch chưa?”. “Có rồi”. “Có ai đứng tịch chưa?”. “Có rồi”. “Vậy có ai lộn ngược tịch chưa?”. “Chưa từng có”. Ngài liền trồng cây chuối mà tịch, y áo vẫn ngay thẳng. Như vậy là làm chủ được sanh tử chưa?

Ngài Chỉ Y Đạo Giả đến tham vấn Thiền sư Bổn Tịch ở Tào Sơn. Qua đổi đáp, Ngài Bổn Tịch hỏi: “Thế nào là việc của Chỉ Y?”. Ngài nói: “Chiếc áo vừa khoác vào thân, muôn pháp thấy đều nhu”. Đó là trình thế. Ngài Tào Sơn gạn lần nữa: “Thế nào là dụng của Chỉ Y?” Ngài Đạo Giả liền đến gần “Dạ” một tiếng rồi đứng tịch. Đó là trình dụng. Sống thì muôn pháp đều nhu, còn tịch thì cần tịch liền tịch. Nhưng Ngài Tào Sơn vẫn chưa chấp nhận: “Ngươi chỉ giỏi đi thế ấy, sao chẳng giỏi đến thế ấy?”. Đạo Giả khi ấy mở mắt ra, hỏi: “Một chân tánh linh khi chẳng nương bào thai thì thế nào?”. Tào Sơn bảo: “Chưa phải diệu.” Đạo Giả hỏi: “Thế nào là diệu?” Tào Sơn bảo: “Chẳng mượn! Mượn!”. Đạo Giả trân trọng liền tịch.

Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ ở Việt Nam cũng vậy. Khi sắp chia tay cõi đời, thê thiếp khóc ầm ī. Ngài ngồi dậy, bảo lấy nước rửa mặt rồi quở: “Sanh tử là chuyện thường, tại sao các ngươi lại khóc làm náo loạn chân tánh ta?” Xong, Ngài nằm xuống và đi luôn. Quý vị thấy Ngài có liễu sanh tử không? Một cư sĩ ở trong trần mà được như vậy, rất đặc biệt!

Những trường hợp tương tự như trên rất nhiều, không thể kể hết. Quý thầy chỉ dẫn chúng một số trường hợp cho quý vị thấy.

Qua đó cho chúng ta thấy, chư Tô và các vị thiền sư đã liễu được sanh tử, làm chủ được sanh tử nên mới có khả năng đến đi tự tại như thế. Như vậy, các Ngài ra đời sau thời Đức Phật, không được gặp Phật, nhưng chư Tô và các vị Thiền sư thấy ai mà được liễu sanh tử, không còn bị sanh tử chi phối? Có thể có người nói, tuy Đức Phật đã nhập Niết Bàn nhưng còn tượng Phật, nếu các Ngài do thấy tượng Phật mà liễu sanh tử thì chúng ta đây có thấy tượng Phật, có lẽ lại mỗi ngày không? Nhưng đã liễu sanh tử chưa? Cũng có người liễu, có người chưa liễu, phải không? Như vậy, nghĩa đó vẫn chưa trọn vẹn. Nếu “thấy Phật liễu sanh tử” thì phải là trọn nghĩa hoàn toàn là bất kỳ người nào thấy Phật cũng phải liễu được sanh tử. Nhưng tại sao những vị trực tiếp gặp Phật hoặc quý vị thấy qua hình tượng, có người thì liễu, có người lại không liễu? Vậy thì chúng ta phải nghĩ như thế nào về câu “Kiến Phật liễu sanh tử”?

Nếu có vị nào không hiểu, chưa tin thì có thể nghi có lẽ do kinh nói sai. Nhưng Kinh thì dứt khoát không sai, mà có sai là do mình hiểu chưa tới nơi tới chốn. Nếu chúng ta hiểu theo chữ nghĩa mà giải thích như vậy thì quý Ngài xưa nói: “Y kinh diễn nghĩa, tam thế Phật oan. Ly kinh nhất tự, túc đồng ma thuyết”, có nghĩa là chấp chặt theo chữ nghĩa của kinh mà giải thì oan cho chư Phật ba đời. Oan túc nghĩa là trái với nghĩa lý sâu xa của Phật, không thấy hết nghĩa lý Đức Phật muốn chỉ. Còn nếu không nương kinh mà nói, muốn gì nói đó (ức thuyết) thì đồng với lời của ma nói. Đức Phật có dạy “tam pháp án”, “tứ pháp án” để tất cả những gì nói ra mà sai với tam pháp án, tứ pháp án thì không phải là chánh pháp, cho nên nói gì cũng phải đặt nền tảng trên những lời Đức Phật dạy. Vậy nếu không được chấp chặt vào lời kinh, cũng không phải bỏ kinh đi mà nói thì phải làm sao? Trong chữ Hán có câu: “Thanh xuất ư lam nhi thanh ư lam”, có nghĩa là màu xanh được lấy ra từ màu lam, nhưng nó xanh hơn màu lam. Văn tự là một màu xám, nhưng cuộc đời thì mãi đổi xanh, mãi đổi hoài, không cố định. Quý vị ngồi đây nghe nói thì có thể gật đầu một cách dễ dàng, nhưng khi về nhà nói với người thân, nếu không có phương tiện khéo léo thì họ có dễ dàng chấp nhận không? Cho nên mình cũng phải khéo léo uyển chuyển, có thể phát minh nhưng làm gì cũng không được mất nền tảng căn bản, giống như màu xanh được lấy ra từ màu lam, tuy xanh hơn màu lam nhưng không rời màu lam đó để có.

Ở đây cũng vậy, “Kiến Phật liễu sanh tử” mà mình hiểu theo chữ nghĩa giống như nay giờ giảng thì coi như là đã oan cho chư Phật ba đời rồi, vì chưa thấy được hết lý kinh. Nay giờ phải thấy sâu hơn, rõ hơn, đừng chấp vào chữ nghĩa thì mới thấy Kinh nói đúng và ứng dụng thực hành mới có kết quả tốt. Nhưng nếu nói Kinh đúng thì phải thấy cho tột là tại sao đúng, nếu không thì chỉ là lời nói suông.

Bây giờ, để thấu tột vấn đề này, chúng ta chỉ cần đặt một câu hỏi: “Thấy Phật nào thì liễu sanh tử?”. Chắc rằng có rất nhiều người trả lời được là phải thấy Phật tâm, phải không? Nhưng đã liễu sanh tử chưa? Nếu mình biết mà vẫn chưa liễu sanh tử tức là mình chưa biết cách thấy được ông Phật đó. Giờ không đặt ra là thấy Phật nào nữa, vì quý vị đã biết rồi, mà điểm chính yếu là thấy Phật như thế nào? Thấy Phật thì liễu sanh tử, và muốn liễu sanh tử phải thấy Phật. Như vậy, chúng ta chỉ cần thấy tột hai chữ “thấy Phật” thì xong.

---000---

3/ THẤY PHẬT NÀO THÌ LIỄU SANH TỬ?

Trong Kinh Kim Cang, Phật dạy:

Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhơn hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai.

Tức là nếu thấy Phật bằng thân vàng trượng sáu, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hay bằng âm thanh để tìm câu Phật thì người đó rơi vào con đường bị lách lạc, không thể thấy Phật. Nếu quý vị nhìn trên thân tướng như vậy mà cho là thấy Phật thì Chuyển luân thánh vương cũng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì Đức Phật và Chuyển luân thánh vương khác nhau chỗ nào? Trên thân tướng thì có giống nhau, nhưng Đức Phật đã giác ngộ viên mãn, còn Chuyển luân thánh vương thì chưa.

Như vậy, không phải trên âm thanh, sắc tướng thấy Phật mà phải thấy suốt qua tâm giác ngộ viên mãn thì mới thấy Phật được trọn vẹn. Tâm giác ngộ đó chính là Phật tâm sẵn đủ nơi mỗi người chúng ta. Người tu hành phải

nhắm vào chỗ đó là chính chứ không phải nhắm bên ngoài mà cầu. Nếu tìm cái gì bên ngoài, dù có huyền diệu đên đâu thì cũng không phải là thực, cho nên Phật nói ngoài tâm tìm Phật là ngoại đạo. Trong Kinh, Phật đã khẳng định: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Tại sao mình sẽ thành Phật? Vì sẵn có hạt giống Phật. Ngài khẳng định: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, tức là mỗi chúng ta ai cũng có sẵn tánh Phật, nếu mình nhận lại Phật tâm nơi chính mình thì sẽ không còn bị sanh tử chi phối, có ngày rồi cũng sẽ thành Phật như Ngài. Lâu nay con người thường có mặc cảm, nghĩ chuyện thành Phật là việc của ai chứ không phải mình. Nhưng Đức Phật đã khẳng định như vậy, tức là đã cho chúng ta một niềm tin chứ không phải nói suông. Biết đó là sự thật thì mình phải tin, tin thì mới dám làm, còn nếu không tin hoặc tin nhẹ thì dễ quên mà không dám làm.

Như vậy, nếu mình nương Phật bên ngoài, nương theo giáo pháp của Phật để thấy lại Phật tâm nơi chính mình thì đó là con đường đi đến liều sanh tử. Ai nhận được Phật tâm nơi chính mình cũng đều liều sanh tử giống nhau, không còn bị sanh tử chi phối, ràng buộc. Thấy như vậy mới thấy tột Kinh nói không sai, còn không thấy được đầy đủ như vậy mà nghi ngờ rồi phỉ báng thì vô tình chuộc tội.

Đến đây, quý vị đã rõ, muốn thoát khỏi sanh tử thì phải nhận lại Phật tâm ngay nơi chính mỗi người. Nhưng câu hỏi đặt ra là: Đã ngay nơi chính mình, sẵn nơi mình thì dĩ nhiên mình phải nhận được và giải thoát được sanh tử, nhưng tại sao lâu nay mình vẫn bị sanh tử chi phối? Tại vì chưa nhận được. Lý do tại sao chưa nhận được?

---o0o---

4/ PHẬT TÂM NGAY CHÍNH MÌNH, NHƯNG VÌ SAO CHÚNG TA KHÔNG THẤY, CHUA NHẬN ĐƯỢC ?

Quý vị nghe giảng chắc biết câu chuyện của Ngài Phá Táo Đọa. Không biết Sư tên gì, nhân một câu chuyện mà thành tên là Phá Táo Đọa. Ở vùng gần Tung Sơn có ngôi miếu thờ ông Táo rất linh, người đến giết vật cúng tế thường xuyên. Một hôm, có vị thiền sư, sau này gọi là Phá Táo Đọa dẫn nhóm đệ tử đi vào trong miếu. Sư đến chỗ thờ ông Táo, lấy gậy gỗ vào đó ba cái bảo:

- Bếp ơi! Đây là ngôi gạch hợp thành, Thánh từ đâu lại, Linh từ đâu đến mà người đời chuộc mạng nhiều sinh vật như thế?

Nói xong, Sư gõ mấy cái nữa thì cái bếp ấy liền ngã đổ và dồn nhóm đê tử đi ra. Đi được một quãng đường, chợt có vị mặc đồ xanh như là quan đến lễ trước Sư, Sư hỏi:

- Ông là ai?

Vị đó thưa:

- Con là thần Táo ở ngôi miếu kia, vừa rồi con được Hoà thượng khai thị pháp vô sanh nên được giải thoát kiếp táo, sanh về cõi trời, do đó con đến tạ ơn Hoà thượng. (Rõ được pháp vô sanh tức là rõ được Phật tâm của ông thần táo).

Sư bảo:

- Vô sanh là tánh sẵn có của người, chẳng phải nhờ ta thuyết pháp.

Vị ấy bèn lạy rồi biến mất. Vị tăng thi giả thắc mắc hỏi:

- Chúng con lâu nay theo hầu Hòa thượng nhưng chưa hề được nghe Hòa thượng giảng pháp, ông thần Táo này được nghe pháp gì mà sanh lên cõi trời nhanh như vậy?

Sư bảo:

- Ta chỉ nói với y là: “Do ngôi gạch hợp thành, thánh từ đâu lại, linh từ đâu đến”, chứ không có đạo lý gì khác.

Nếu nói với ông thần táo rằng, nơi ông có sẵn Phật tính, ông nên nhận lại, đừng bám theo những cái này mà khổ, thì như vậy là thuyết đạo, chứ không phải là chỉ cho thấy đạo. Còn vị Thiền sư chỉ nói, cái này là do ngôi, gạch hợp thành. Nghe nói chỉ là đồ ngói gạch, tức là đồ bỏ, thì ông thần táo tỉnh ra, không bám chấp vào đó nữa, liền lìa, liền nhận lại ngay tánh linh không nằm trên đồ giả đó, nhận được pháp vô sanh. Vị Thiền sư chưa hề nhắc đến pháp vô sanh cho hiểu mà khéo chỉ ra cho tự thầm nhận. Thần táo đã thể nhận được pháp vô sanh, đây là chỉ cho thấy đạo chứ không phải thuyết cho hiểu đạo.

Như vậy, quý vị thấy lâu nay ông thần táo bám vào mấy cục gạch đó để được cúng tế, tạo nghiệp chịu khổ là tại sao? Tại vì ông chấp nhận cục đá đó

là ông mà quên đi cái tánh linh của mình. Ông vừa buông cái nương giả tạm đó thì liền sáng tỏ Phật tâm nơi mình, liền đó thoát kiếp Táo.

Chúng ta thường chấp cái thân tú đại vay mượn giả tạm là mình, chấp tâm nghĩ suy sanh diệt là mình cho nên mới quên đi Phật tâm của chính mình. Cái đó là sanh diệt vô thường mà mình theo nên bị đồng hóa với nó, khi nó thay đổi thì mình phải khổ thôi. Bây giờ đừng chấp nữa thì nó có sanh diệt là chuyện sanh diệt của nó, còn mình đang thấy đây thì ai có thể đụng đến và làm khổ mình được? Cho nên cái quan trọng là phải khéo nhận lại Phật tâm thì mới giải thoát sanh tử.

---00---

5/ THẤY PHẬT NHƯ THẾ NÀO THÌ LIỄU SANH TỬ?

5.a/ Thấu tột các tướng là huyền hóa, không dừng trụ, thấy suốt qua các tướng

Bây giờ hỏi thân tâm sanh diệt này là giả hay thật? Tuy hiểu là giả mà không dám nói là giả. Nghe nói ngói, gạch thì bỏ dễ dàng vì giả, không phải mình, còn nghe thân tâm sanh diệt thì có vẻ khó bỏ là vì mình thầm cho nó là thật. Quý vị nghe Hòa thượng giảng “Đừng chấp thân này, coi nó là giả. Lặng đi những suy nghĩ kia thì cái gì hiện ra đó. Ngay đó là Phật tâm”. Nghe những điều đó ai cũng tin, hiểu, nhớ và rất thuộc, nhưng hiện nay vẫn bị sanh tử chi phối, chưa dứt hết khổ. Vậy kẽ hở ở chỗ nào? Đó là do mình hiểu nhưng chưa thấy được ông Phật đó. Phải thấy rõ Như Lai của chính mình thì mới có thể giải quyết được việc sanh tử, còn nếu chỉ nhìn Phật bên ngoài thì mình vẫn còn y nguyên là trần tục.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật đã dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. Tức là hễ cái gì có tướng đều thuộc về sanh diệt, còn mắt cho nên đều là đồ giả. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức là đang thấy lại Như Lai nơi chính mình. Câu này quý vị cũng thuộc, cũng hiểu nhưng chưa thấy phi tướng nên hiện tại vẫn bị sanh tử chi phối, chưa được giải thoát. Cho nên đặt tiếp một câu hỏi nữa là “thấy phi tướng là thấy như thế nào?”. Mình phải moi cho tận cùng ngõ ngách thì tâm sanh diệt của mình hết đường lẩn trốn, lúc đó mình mới hết khổ.

Khi đưa cái ly này lên thì đang là thấy tướng. Nếu cho cái ly là thực, không thấy nó là giả thì liền lao theo, thấy cái ly này đẹp hay xấu, có cần

hay không. Khi lao theo thì mình tự đồng hóa mình với cái ly, coi nó là mình, chính vì vậy khi đưa cái ly lên thì thấy mà để ly xuống thì không thấy, có nó thì có mình, mà để xuống thì mình mất. Đó là nhận làm bóng dáng bên ngoài mà cho là mình. Như vậy, lỗi là tại thấy các tướng là thực.

Bây giờ đưa ly lên mà quý vị thấy nó là giả thì có quan tâm không? Giống như tờ giấy bay qua mắt thôi, không cần phải quan tâm. Nếu mình nhìn tất cả các tướng, các sự vật đều giống như tờ giấy bạc giả kia thì trên vật mình không quan tâm, không theo nữa thì ngay đó đang thấy. Để cái ly xuống, mình vẫn thấy vì không theo. Thấy là giả, không theo thì trả lại cái thấy ban đầu, cái ly nó có và không, nhưng mình vẫn hằng hữu. Khách thì có đến đi, mà chủ vẫn ngồi trong nhà. Khéo nhìn được như vậy là chúng ta nhìn bằng cái thấy biết Phật nơi mỗi người. Từ cái ly mà suy ra các cảnh cũng vậy. Bao nhiêu cảnh sinh hoạt hằng ngày đều là giả chứ không có gì là thật cả, nhưng mình quên, làm chấp cho nó là thật nên mới lao theo, mà khi lao theo thì mất mình. Cái mất mình này nghe thì bình thường, nhưng nếu quý vị chiêm nghiệm cho kỹ mới thấy rõ. Một lúc nào đó, trong nhà có ai làm trái ý mình, nếu mình nhớ tinh thì lúc đó bình tĩnh, nhắc nhở nhẹ nhàng, còn nếu lúc đó đang quên mình, nghĩ chuyện đâu đâu thì sẽ có thể nổi giận, nói lời cát gắt, khi cơn giận nổi lên thì bao nhiêu nghiệp khác kéo theo rồi phải chịu khổ. Một chút xíu quên và nhớ thấy rất bình thường, nhưng thực ra nó có giá trị và tác hại rất lớn. Bây giờ, thấy các pháp giả không theo, thấu suốt qua, không dừng trụ trên một tướng nào thì liền thấy rõ mình đang sống một cách sáng tỏ rõ ràng, thênh thang, không động, không mê mờ. Lúc nào cũng sống như vậy thì không gì có thể chi phối kéo lôi được mình chạy ra hết. Còn ở đây thì nhớ, hiểu nhưng về nhà mà coi thường cái giá trị này thì sẽ dễ quên. Khi quên thì các cảnh sẽ móc, sẽ kéo mình hồi nào không hay.

Lâu nay mình hiểu rất kỹ, nhưng trên thực tế khi tiếp xúc cảnh thế thoảng vẫn bị nó kéo, đôi lúc khiến mình bị nghi ngờ. Nhưng xét lại, nhiều khi chúng ta thường theo những lý quá cao siêu mà quên để ý những bước dưới chân. Khi nghe nói các pháp là giả thì ai cũng hiểu nhưng vẫn bị nó chi phối, có nghĩa là mình chưa dám thấy nó là giả. Nếu đã thấy tốt nó là giả thì không có vấn đề gì cả. Quý vị thường nghe ví dụ giống như cục vàng giả và thật đối với đứa con nít và người lớn. Đưa một cục vàng giả rất đẹp cho đứa con nít chơi, bảo nó là giả, nó cũng nói là giả, nhưng khi lấy cục vàng giả đó đi thì nó khóc liền. Như vậy, nó vẫn nói giả nhưng mất vàng nó vẫn khóc. Thỏi vàng giả muôn đời nó vẫn là đồ giả, nhưng đối với đứa con nít thì không dễ dàng thấy nó là giả. Với một người đã trưởng thành, đã có một kho vàng thật đầy nhà rồi thì cục vàng giả đó có ảnh hưởng gì họ không? Có thì

để đó chơi mà mất thì thôi, không màng tới. Có và không có giống nhau, không có gì đáng để bàn nói hay sanh tâm có không còn mất đối với cục vàng giả đó. Tâm bình an phẳng lặng như vậy là do thấy rõ cục vàng giả kia là đồ giả, không có giá trị gì đáng để chúng ta phải quan tâm. Tương tự, các pháp thế gian là huyền hóa, không thật, nhưng do con người chúng ta còn thơ dại trong ngôi nhà giác ngộ nên thầm chấp cho là thật rồi bị nó che mờ đi tánh Phật của chính mình. Nếu thấy các pháp là giả, thấy suốt qua các tướng sanh diệt huyền hóa, không dùng trụ trên một pháp nào thì ngay đó tánh Phật đang hiện tiền. Cho nên Đức Phật nói, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng thì ngay đó thấy Như Lai, là vậy. Nói rõ hơn chút nữa để quý vị thấy. Khi quý vị thấy cảnh mà lao theo là chúng ta đã quên mình theo vật thì mình đang đồng hóa với vật. Như nhìn tất cả những thứ này, nhìn cái ly nghĩ cái ly, nhìn hoa nghĩ hoa thì đang là lao theo. Thấy hoa thì nghĩ người nào chơi hoa giỏi, hoa này loại gì, chung được bao nhiêu, quý như thế nào, giá ngoài chợ bao nhiêu một cành, buôn về Sài Gòn là bao nhiêu, một dọc như vậy. Nhưng bây giờ, dẹp hết tất cả những cái này đi thì quý vị nghĩ gì? Đã quen đuổi bám theo rồi nên khi không còn gì để nghĩ thì con người ta lại hoảng hốt, chơi voi. Các Thiền sư nói: “Quả đất này tiêu hết thành bụi thì ông nương vào đâu?” Giả sử quả địa cầu này tan vỡ thì mình như thế nào? Đó là các Ngài cho mình một cái thấy lại về chính mình. Nhìn tất cả những cái này mà nghĩ là thật thì mình đang bị đồng hóa với nó cho nên khi nó mất thì mình hụt hẫng, sợ hãi và khổ đau. Nếu chưa có khả năng dám thấy nó là đồ giả thì phải đặt lại một giả thiết: “Khi quả địa cầu này bị tiêu hủy hết thì mình nghĩ gì, lấy cái gì, nương vào đâu để suy nghĩ?”. Ngay đó, trả lại cái ban đầu vốn tự sáng biết, chưa từng động niệm, không cần đợi có vật mới biết, phải không? Và ai đang hiện đó? Như Lai đang hiện tiền. Bằng cái hiện tiền đó mà sống trên tất cả cảnh thì có cảnh nào thiếu vắng giác tánh Như Lai không? Thấy thì liền biết, chưa từng thiếu vắng bao giờ. Nhưng tại sao lâu nay trên các cảnh mình bị thiếu vắng? Tại vì mình không dám thấy tất cả cảnh bị tiêu mất nên làm chấp trên nó. Nói tiêu mất đó là ví dụ, bởi vì người thường đợi sau khi việc đã rồi mới biết, còn bậc trí ngay thấy liền giác rõ. Cảnh này cái nào rồi cũng có thể tiêu đi, nhưng chúng ta đợi khi nó tiêu tan rồi mà vẫn còn tiếc, chưa dám chấp nhận là đồ bỏ. Còn bậc trí thì các vật đang là còn đây, nhưng biết rõ nó không phải là thật, không có gì bền cả. Nếu mà tất cả quý vị đều có một cái thấy bằng trí tuệ Bát Nhã liên tục và mạnh thì có gì chi phối không? Không chi phối thì trả lại cái thấy ban đầu sáng rõ chưa từng sanh tâm động niệm. Vậy thì trong cảnh nào mà Như Lai không hiện tiền? Trên tất cả các cảnh vật hằng ngày, Phật tâm của mình đang hiển hiện sờ sờ ra đó rồi.

5.b/ Không hoại các pháp thể gian

Như vậy, khi nói thấy các tướng phi tướng thì rõ ràng là không phải dẹp tắt cả các tướng mới thấy là phi tướng, mà ngay trên tướng, rõ nó không phải là thực tướng, là huyền hóa, thấy suốt qua, không dừng trụ trên bất kỳ tướng nào thì liền đó Như Lai hiện tiền bàng bạc, sáng rõ, không động, là thấy Như Lai. Đó là cách thấy Phật. Thấy được như vậy là rõ được câu kinh Phật đã chỉ “Kiến Phật liễu sanh tử”. Điểm chính yếu ở đây là không phải đợi diệt hết các tướng mới thấy Như Lai. Bởi cảnh vật bên ngoài không bao giờ diệt hết được, nó sanh rồi diệt, rồi lại sanh liên tục theo chiều xoay vần của nó. Cho nên chúng ta phải ngay trên tướng mà thấy là chẳng phải tướng thì sẽ thấy suốt qua tướng, ngay đó Như Lai hiện tiền.

Ví dụ, quý vị thích cái ly này, nhìn một cách chăm chú thì có thấy được cái bình hoa bên cạnh không? Không, vì mình thấy cái ly là thật, tâm đang bận trụ ở cái ly này, vì trụ nên mình là nó và không thấy được sự hiện hữu chung quanh. Dù cho một lúc mình có thể thấy hết các vật chung quanh, nhưng không phải thấy biết về nó, không phải thấy biết theo nó mà chỉ là đang sáng biết rõ ràng, các vật có còn hay không mình cũng không hề mảy may gọn sóng, đó mới là cái thấy biết không do ở trên vật mà có, là cái thấy biết thật. Khi chúng ta rõ suốt các sự vật là giả, không theo, không dừng trụ trên một tướng nào thì trả lại cái thấy biết nguyên thể ban đầu đó. Tất cả mọi sự vật mình đều thấy suốt một cách rõ ràng, cái thấy đó rộng lớn, thênh thang mà sáng rõ, không động. Đó là ngay trên tướng mà thấu suốt được cái không tướng thì Như Lai đang hiện tiền. Mới thấy, ngay trên tướng mà tánh hiển hiện rõ ràng chứ không phải tách rời ra. Cũng là những sinh hoạt hằng ngày đây, nhưng người còn chấp mọi thứ là thật thì kẹt trên nó, chỉ thấy theo tướng đang bị sanh diệt vô thường mà không biết thấy lại mình nên bị nó chi phối và phải chịu khổ. Còn người đã suốt tột thì nhìn thấy cái gì cũng sáng tỏ tánh tánh hết cho nên các Ngài mới nói thấy sắc rõ tâm, đó là Như Lai đang hiển hiện một cách rõ ràng. Khi quý vị sống được như vậy sẽ thấy công dụng rất hay, nó diệu dụng, phi thường, đặc biệt. Bao nhiêu cảnh hằng ngày, nhiều lúc mình thấy bình thường nhưng lúc này cảnh cảnh như là sáng ra, trong lặng, thanh thoát. Quý vị thấy người đi lại, chim hót ..., thấy rõ cảnh đang là động nhưng trong mình không động, không có niệm nồng sở, không thấy mình và nó, không thấy có hai, có mình thấy và có nó bị thấy, mà nó là sự hiển hiện trong lặng trong tự tánh chánh định của mình, bắt cả nồng sở. Đây chính là cái nhìn mà các Thiền sư đã nói: “Cây gậy là cây gậy, hoa

hồng là hoa hồng”, không có một niệm thứ hai xen vào mà tất cả đều rõ ràng, sáng rõ. Thấy được như vậy mới thấy tốt được lời Đức Phật dạy.

5.c/ **Thấy biết như thị**

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: “Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với tất cả pháp, nên biết như thế, nên thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sanh pháp tướng”. “Như thế” có nghĩa là bắt nǎng sở, không một niệm thứ hai xen vào. Nếu vừa có niệm thứ hai xen vào thì ngay đó pháp tướng đã sanh. Nếu “như thế” thì ngay đó pháp tướng không sanh. Bởi vì mình chưa thể “như thế”, còn đang có niệm nên Phật nhắc thêm cho biết “đừng để sanh pháp tướng”. Bởi vì tình thức của mình rất vi tế, sâu xa, nhỏ nhiệm nên điều này cần có công phu đặc lực chứ không phải chỉ hiểu suông. Trong pháp hội của Hòa thượng Chi ở núi Đại Ngu có một vị tăng mỗi ngày tụng Kinh Kim Cang đến cả trăm biến. Nếu không dốc tâm thì mình đọc một ngày chưa chắc đã xong Quyển Kinh Kim Cang mà vị tăng này tụng cả trăm biến mỗi ngày thì quả rất là miên mật. Nghe vậy, Ngài sai thi giả gọi vị Tăng đến, hỏi:

- Nghe ông mỗi ngày tụng Kinh Kim Cang đến cả trăm biến có phải không?

Tăng thưa:

- Dạ phải.

Sư hỏi:

- Có lúc nào ông tham cứu nghĩa lý của kinh không?

Tăng thưa:

- Chưa từng nghiên cứu.

Sư bảo:

- Ông mỗi ngày chỉ tụng một biến mà tham cứu thâm ý của Phật, nếu ngay một câu ngộ được, cũng giống như uống nước giữa biển, chỉ uống một giọt liền biết hết mùi vị của trăm dòng.

Vị tăng đúng như lời chỉ dạy. Một hôm tụng đến chỗ “Nên biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sanh pháp tướng” thì chợt có tinh, bèn đến trình lên Thiền sư Đại Ngu Chi. Thiền sư liền chỉ con chó ở trước sàng thiền, nói:

- Con chó này!

Tăng không đáp được. Sư liền đánh và đuổi ra.

Tại sao đang rõ ràng như thế mà vừa chỉ con chó này thì lại ngập ngừng? Đang “như thế”, khi thoát chỉ con chó thì lại quên “như thế” mà thấy biết chạy theo con chó nên pháp tướng đã sanh và cái “như thế” không còn hiện tiền nữa. Đang sáng rõ rõ ràng, bất động, nếu có sức sống mạnh thì ai nói gì mà chẳng rõ ràng? Không phải chỉ con chó mà tất cả đều rõ ràng, kể cả động tác thiền sư chỉ con chó cũng thấy rõ ràng, không ra ngoài một thể giác biết chính mình mà tâm mình không hề chútỢt gọn biến đổi. Tại vị tăng này khi nghe nói con chó thì bất giác bị kẹt trên đó nên tánh giác biết “như thị” không còn hiện tiền.

Nếu ngay đó biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế thì đã chẳng sanh pháp tướng. Còn mắt “như thế”, có niệm thứ hai thì pháp tướng liền sanh.

Qua đó mới thấy tình thức của mình rất là vi tế chứ không phải thường. Vì thế cần phải có công phu khá ổn định và miên mật thì mới có sức mạnh, còn nếu chỉ nói, hiểu thì có thể thấy là đúng, nhưng khi chưa có sức giác cao thì cũng không phải là dễ dàng vượt qua. Nói vậy có phải là khó quá không? Tự mình thấy được, cảm nhận được và làm được thì đâu phải là khó. Quý thầy nhắc liên tục để quý vị biết trân quý giá trị của nó mà thực hành thôi chứ không phải là quá khó. Việc này quý vị phải chịu thực hành chứ không phải chịu khó. Có khó đâu mà chịu khó, chỉ cần mình biết chấp nhận, chịu làm là được. Dĩ nhiên khi làm thì đừng mong được liền mà cát bước thì sẽ đến. Khi tỏ được chỗ đó rồi thì mới cảm thông được lời của Vua Trần Nhân Tông nói trong bài phú “Cử Trần Lạc Đạo” lúc Ngài còn làm Thái Thượng Hoàng tại triều:

Chơi nước biếc, ăn non xanh

Nhân gian có nhiều người đắc ý.

Biết đào hồng, hay liễu lục

Thiên hạ năng mây chủ tri âm.

Chơi nước biếc, dạo sông hồ, ăn non xanh, dạo chơi nơi núi rừng thì có nhiều người thích, ai cũng muốn đi. Nhưng mà biết đào là hồng, biết liễu là lục, mà biết chỉ là biết sáng rõ, rõ ràng như vậy, thì trong thiên hạ mây ai là người biết và cảm thông được trong đó? Chỉ có người biết được mới là tri âm của Ngài. Hằng ngày cũng sống trên tất cả cảnh sinh hoạt bình thường, nhưng điểm chính yếu là biết đào hồng, hay liễu lục mà không sanh pháp tướng thì người đó mới là tri âm của Ngài. Khi xứng là tri âm rồi thì:

Nguyệt bạc vừng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng, Liễu mềm hoa tốt, ngắt quần sanh tuệ nhật âm lâm.

Tức là nếu chúng ta biết chỉ là biết một cách rõ ràng, không một niệm thứ hai xen vào thì mới xứng là kẻ tri âm chân thật của nhau. Mà đã là tri âm rồi thì nào là nguyệt bạc, nào là vừng xanh, hễ nhìn bất cứ chỗ nào cũng đều là một biển thiền lai láng không ngăn mé; nào là liễu mềm, là hoa tốt, nơi nơi đều là vàng trí tuệ rạng ngời, bất cứ nơi nào Phật tâm cũng luôn hiện tiền sáng rõ. Cuộc sống mới thích thú lạ làm sao!

Vua Lý Thái Tông một hôm vào trong núi thăm Thiền lão Thiền sư,
Vua hỏi:

- Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Thiền sư trả lời:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Vua hỏi việc hằng ngày của thiền sư là gì? Nếu là người đang quên mình theo vật, theo cái sanh diệt bên ngoài thì có thể trả lời là cuốc đất, làm rẫy, nhổ cỏ... Nhưng đối với thiền sư, hỏi việc hằng ngày tức là hỏi chỗ sống chính mình, Ngài nói: “Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, trăng trong mây bạc hiện toàn chân”. Toàn một tánh chân rò rõ không một vết mè thì trước bao nhiêu cảnh, trên tất cả sinh hoạt hằng ngày cũng chỉ thuần là một tánh chơn, Như Lai đang hiển hiện bàng bạc trên đó. Tâm tịnh, tâm chơn thì cảnh tịnh, cảnh chơn. Ngay tướng mà tánh hiện rõ thì cảnh cảnh không ngoài một tâm chơn đang sáng rõ nơi Ngài. Cho nên ngoài tâm không một pháp. Sống được như vậy thì còn thấy có cái gì để lìa, để tách, để xa nữa

không? Sống được như vậy, tất cả mọi thứ đều không ngăn ngại thì có gì vui bằng! Người sống được như vậy thì lúc nào, làm gì, Phật cũng đang hiện tiền, ngay đó đã giải thoát sanh tử.

Khi có người thưa hỏi gia phong, Sơ Tố Trúc Lâm nói:

Áo rách che mây, sáng ăn cháo

Bình xưa tưới nguyệt, tối uống trà.

Việc nhà mình là gì? Là tạm mượn áo rách như mây để tạm che thân, buổi sáng ăn cháo, là chiếc bình xưa tưới nguyệt, tối đến thì uống trà. Tâm như thi cảnh cảnh đều như. Việc nhà chỉ là việc sinh hoạt bình thường, nhưng việc việc đều rõ rõ, giác sáng, không động, Phật đang hiển hiện rõ ràng trên đó. Tâm đã thuần chơn thì làm việc gì Phật cũng hiện tiền, đó là gia phong của Sơ Tố.

Cũng hỏi đến gia phong, ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói:

Nhàn ném trái rừng kêu vuợn tiếp,

Lười câu cá suối khiến hạc tranh.

Cũng là những việc đó, nhưng khác với chúng sanh như thế nào? Đó là Nhàn và Lười. Chúng sanh ném trái rừng thì thường rộn, câu cá suối thì thường sốt sắng, nôn nao. Lòng đã rộn ràng thì dù cho ngồi một chỗ vẫn bận rộn. Với Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ thì sao? Khi trong lòng không một vật, tuy làm tất cả việc mà vẫn nhàn. Tâm không theo trần thì chính là lười biếng với trần cảnh. Nếu chúng ta nhàn và lười được như Ngài thì có lúc nào Như Lai vắng bóng?

---o0o---

6/ KIẾN ĐƯỢC PHẬT TÂM THÌ LIỄU SANH TỬ' NHƯ THẾ NÀO?

Như vậy, khi nhận và sống được trọn vẹn bằng Phật tâm thì trong tất cả mọi lúc, mọi nơi, mình đều thanh thoát, nhẹ nhàng, an lạc, còn gì trói buộc. Ngay khi còn sống trong cõi đời mà con người cho là đau khổ, là phức tạp mà mình vẫn an lạc, thanh thoát, nhẹ nhàng. Rõ được cuộc đời thì không bị cuộc đời trói buộc, như vậy là liễu được sanh. Nếu hằng ngày thánh thời thì

khi chết có bị níu kéo, có buồn đau hay vướng víu gì không? Nếu khi sống lo cho cái nhà sao cho đẹp thì khi chết tâm bị vướng kẹt dứt không đành. Còn hằng ngày tâm không vướng bận một điều gì thì khi nhắm mắt, vật nào mà có? Tâm không một vật thì an nhiên ra đi một cách nhẹ nhàng, thanh thoát.

Hằng ngày trong cuộc sống không bị hoàn cảnh chi phối, đó là liễu sanh. Khi chết không có gì vướng víu mà an nhiên giải thoát, đó là liễu thoát, là thoát tử. Như vậy, nguyên nhân được liễu sanh, thoát tử là do chúng ta nhận ra và sống trọn vẹn bằng Phật tâm chính mình. Đây cũng chính là chổ chư Phật, chư Tô dạy: “Kiến Phật liễu sanh tử”.

Chư Phật, chư Tô giải thoát sanh tử không ngoài việc nhận và sống bằng tâm Phật. Cho nên, nếu mình thấy được Phật tâm, nhận được Phật tâm và sống trọn vẹn bằng Phật tâm một cách liên tục thì sẽ có sức mạnh. Đó chính là năng lực làm cho cuộc đời này không chi phối được mình. Không chi phối chính là mình làm chủ được sanh tử, giải thoát được sanh tử.

Nay giờ quý vị nghe và đã hiểu hết rồi, việc kế tiếp là phải thực hành để được kiến Phật, qua khôi sanh tử. Nghe rồi, hiểu rồi, cũng biết việc kế tiếp là phải thực hành nữa rồi. Nhưng thực hành là việc của ai? Có ai làm thay cho mình được không? Không ai thay thế cho ai được cả. Đó là quyền lợi và việc riêng của chính mỗi người. Cuối cùng, quý thầy chúc toàn thể quý vị kiến Phật một cách trọn vẹn để mình không còn bị khổ trong sanh tử nữa.

---o0o---

DỤNG TÂM TU THIỀN

1.VỌNG TƯỞNG VÔN KHÔNG

Chư Phật, Bồ-tát, chư vị Thánh nhân do nguyện lực mà đi vào cuộc đời này. Các Ngài có đầy đủ năng lực, uy đức và trí tuệ sáng suốt trọn vẹn nên cần sanh thì tác ý liền sanh (ý sanh thân). Lý do các Ngài sanh ra nơi đời là vì phát nguyện vào cõi Ta-bà để cứu độ cho tất cả chúng sanh, trong đó có chúng ta. Do phát nguyện như vậy nên gọi là từ nguyện lực mà vào đời.

Còn chúng ta vào cuộc đời này là do nghiệp lực thúc đẩy, hoàn toàn không có sự tự chủ nào hết. Nếu từ nguyện thì có năng lực, chủ động vào rồi chủ động ra, không bị chi phối bởi cuộc đời, do đó khổ không đến được.

Còn nếu từ nghiệp đầy mà vào đời thì thụ động. Vì thụ động, không đủ lực làm chủ nên khổ đau có ra. Ngài Quy Sơn nói: Xét ra, vì nghiệp mà sanh ra nơi đời, nên không tránh khỏi các khổ lụy từ thân này.

Nhưng nghiệp từ đâu mà có? Do hành động, do sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen và tạo thành nghiệp. Ban đầu chúng ta chủ động tạo tác, khi thành thói quen, thành nghiệp rồi thì nó quay trở lại trói buộc mình. Sức mạnh của nó có khả năng điều khiển, thôi thúc, trói buộc mình nên gọi là nghiệp lực. Nghiệp ban đầu do mình tạo, nhưng khi tạo thành rồi thì nó quay trở lại lèo lái sai khiến mình phải theo. Khi không tự dừng được một hành động nào đó, tức là chúng ta đã bị nghiệp nó đẩy, là không làm chủ được rồi đó.

Như vậy, chính nghiệp thúc đẩy chúng ta đi vào trong sanh tử luân hồi. Mà nghiệp là từ thân miệng và ý tạo tác. Nhưng ý là gốc. Khi vừa khởi ý, chúng ta dừng lại, không theo, không tạo tác thì không tạo nghiệp. Cho nên tu là tu ngay nơi ba nghiệp, mà cái chính yếu là ý. Ngay nơi ý nghiệp mà tu.

Khi ý khởi là vọng tưởng. Mà vọng là hư ảo, huyền hóa, là giả, không thật. Giống như chúng ta dụi mắt thì thấy có hoa đóm trong hư không. Thấy có, nhưng không phải thực có. Cũng như khi mặt trăng soi bóng xuống dòng sông, quý vị thấy có bóng trăng trong nước, nhưng có vót được trăng không? Không. Như vậy, thấy như là có nhưng thực ra là đồ giả. Vọng tưởng cũng vậy. Khi vọng tưởng đầy khởi thì thấy như là có, nhưng quay trở lại tìm thì không có. Như vậy, vọng tưởng là giả có, không thật. Nếu chúng ta chấn chỉnh tinh thần, giác tỉnh mạnh mẽ trở lại thì chúng mất tăm dạng. Mới biết vọng tưởng vốn không thật có. Còn nếu vừa mê, thả trôi thì chúng đua nhau đầy khởi rất nhiều. Vậy phải làm chủ vọng tưởng bằng cách nào? Giác trở lại thì vọng tự mất. Trong nhà đang tối đèn, quý vị không cần phải cầm chổi, cầm gậy để đuổi bóng tối, chỉ cần bật đèn sáng thì bóng tối tự hết. Vậy bóng tối đi đâu? Nó đâu có thật đâu mà đi. Khi không có đèn thì có bóng tối, khi mở đèn sáng thì bóng tối tự mất. Nếu bóng tối có chỗ để chạy đi thì mới thật, đằng này không có chỗ chạy thì không thể là thật được. Cũng như bóng trăng dưới dòng nước, thấy thì có nhưng vót không được, nên cũng không thật. Lại như hoa đóm trong hư không, dụi mắt thì thấy có, nhưng lấy tay nắm bắt thì không có gì cả. Vọng tưởng cũng như thế, vốn nó là không thật có mà làm tưởng cho là có thật nên theo vọng và tạo thành nghiệp rồi luồng chịu khổ đau.

Ngài Tông Mật nói: “Vọng tưởng thể của nó vốn không, nhưng theo nó thì thành sự.” Đừng nghe nói giả rồi quý vị tự do muốn làm gì thì làm là không đúng. Nó vốn là không, nhưng theo nó thì thành sự, thành nghiệp và sẽ có cái khổ thật đó. Biết rõ thể nó vốn không, chúng ta chỉ cần giác sáng trở lại thì sự tan, mọi việc đều được yên ổn. Cho nên phải biết rõ: Có, nhưng giả có. Giả thì có đáng sợ không? Mình chỉ sợ khi mình mê, thấy nó là thật, mình bất giác nên bị nó kéo lôi làm khổ. Còn nếu giác trở lại thì không có gì đáng sợ.

---o0o---

2. VỌNG KHÔNG THÌ CHƠN HIỆN

Khi quý vị vọng tưởng nhiều quá sẽ làm cho mình mất thăng bằng, không còn yên ổn nữa thì tâm bị bất an. Cũng như xưa kia ngài Huệ Khả khi còn tham học hiệu là Thần Quang đã từng thưa với Tổ Bồ-đề Đạt-ma:

- Tâm con chưa an, xin thầy dạy cho con pháp an tâm.

Tổ Bồ-đề Đạt-ma bảo:

- Đem tâm ra đây, ta an cho!

Quý vị muốn đem tâm ra thì phải nhìn lại tìm xem nó có hay không rồi mới đem ra được chứ! Ngài Thần Quang vừa xoay lại tìm thì không thấy. Ngài thưa:

- Con tìm tâm không được.

Tổ Bồ-đề-Đạt-Ma bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Ngài Thần Quang nhơn đây được khế ngộ. Tổ Bồ-đề-Đạt-ma liền đổi pháp hiệu Thần Quang thành Huệ Khả.

Tìm lại thì không thấy. Ngay khi không có chỗ để thấy đó, khéo thể nhận và sống thì liền là an. Còn nếu lờ đờ thả trôi thì nó đua nhau dây khởi cho chúng ta phải choáng ngợp, không còn đủ sức chịu đựng nữa và tự nó làm mình rối loạn, không an.

Trải thời gian sau, một hôm ngài Huệ Khả thưa với Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma:

- Hiện giờ con dứt hết các duyên.

Tổ Bồ-đề Đạt-ma gạn lại:

- Có rơi vào đoạn diệt chăng?

Tổ Huệ Khả thưa:

- Chẳng rơi vào đoạn diệt.

Tổ Bồ-đề Đạt-ma bảo:

- Làm sao biết không rơi vào đoạn diệt?

Ngài Huệ Khả nói:

- Rõ ràng thường biết, nói không thể đến.

Tổ Bồ-đề Đạt-ma bảo:

- Đây chính là tâm thể của chư Phật đã truyền, ông trọn chớ có hò nghi!

Từ đó, ngài Huệ Khả được Tổ Bồ-đề Đạt-ma truyền trao tâm ấn, kế thế Tổ vị, trở thành vị Tổ thứ hai ở Trung Hoa.

Tâm không niệm tưởng, nhưng vẫn thường biết rõ ràng thì không thể là không. Nếu là không thì phải không còn biết gì nữa giống như người đã chết. Đằng này lúc đó mình vẫn sáng biết một cách rõ ràng không một chút mê mờ, mới biết không phải rơi vào đoạn diệt. Bây giờ quý vị thử lắng lại, không nghĩ gì hết, quý vị có biết không? Biết. Tánh biết đó không mất, sáng rõ tuyệt đối, thanh tịnh tuyệt đối, chưa từng động. Sóng được chỗ đó thì chúng ta sẽ có năng lực rất lớn. Sóng về chỗ đó là trở về sóng bằng tánh Phật nơi mình. Từ đó mới tin được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Gạn bỏ hết tất cả, đến mức không còn gì để gạn nữa thì ngay đó chính là thể chân thật hiện tiền.

Có vị Tăng đến hỏi Thiền sư Tùng Thẩm ở Triệu Châu:

- Khi một vật chẳng đem đến thì thế nào?

Sự đáp:

- Buông xuống đi.

Một vật đã chẳng đem đến, tức là không còn có gì cả, nhưng vì sao ông Thầy này lại còn thấy có vấn đề để hỏi? Nếu còn có một vấn đề gì đó để hỏi là còn có một vật rồi, buông nó xuống luôn đi! Khi buông sạch rồi, không còn gì để buông nữa, thì nhìn lại coi, ai đang biết hỏi đáp một cách rõ ràng đó? Ngay đó khéo thể nhận lấy thì toàn thể hiện bày. Cho nên Sơ tổ Trúc Lâm nói: “Buông xuống! Buông xuống! Cái buông chẳng được, chính là kẻ ấy.”

Từ một bản thể ban đầu thanh tịnh, vừa bất giác, vừa quên một chút thì niệm tưởng khởi lên, quý vị theo tiếp thì nó dệt thành một dây. Khi thành dây, thành khói rồi thì tạo thành nghiệp đi trong sanh tử chịu khổ triền miên. Cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói: “Thanh tịnh bản nhiên, bất chợt lại sanh núi sông quả đất.” Ngay tâm đang thanh tịnh đây, chưa nghĩ tưởng thì không tạo tác gì. Vừa quên thì liền có vọng tưởng, theo đó mà làm cái này, tạo cái kia, thế là có người, có vật, có chợ, có phố, có núi, có sông... Nếu nhớ lại, giác trở lại thì toàn thể là không. Từ tâm mà hiện ra tất cả. Khi tâm sanh khởi thì có nhà, có núi, có sông, có tất cả vạn vật. Khi không tâm thì tất cả đều không có dính mắc, nên có mà thành không. Cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật dạy: “Khi một người trở về nguồn chơn thì tam thiên đại thiên thế giới đều biến thành tro bụi”, là vậy.

---o0o---

3. KHI NÀO THÌ HẾT VỌNG

Khi vọng tưởng khởi, chúng ta liền giác biết, đó là tu. Có nhiều vị đã thắc mắc hỏi quý Thầy: Vậy thì khi nào mới hết vọng? Thắc mắc như vậy là chúng ta đã thấy có vọng tưởng là thật, là đã lòi cái mê của mình ra rồi.

Quý vị thấy có vọng tưởng thật nên cứ nghĩ và đặt ra vấn đề là phải hết vọng tưởng nên thấy tu hành là khó. Nhưng thực ra vọng là cái gì mà phải hết? Nếu quý vị theo nó thì bị nó phá, làm khổ mình. Còn không theo nó thì tự nó không còn giá trị. Bởi vì vọng tưởng thì không có chỗ sanh ra nó nên nó không thật. Nếu có chỗ sanh ra nó thì nó sẽ được sanh ra mãi không bao giờ hết và nó đã trở thành cái chân thật. Nếu vậy thì khi vọng khởi lên, lẽ ra

chúng ta phải tìm lại và đem vọn̄g ra cho người khác thấy được. Nhưng khi nó khởi, chúng ta tìm lại thì không có. Vả lại, nếu vọn̄g là có chỗ sản sinh ra, là có mãi không dứt, là chân thật thì chư Phật không thể thành đạo, vì bị vọn̄g tưởng quấy nhiễu hoài; chư vị Tổ sư cũng không thể dứt vọn̄g chứng chơn. Nhưng trên thực tế, chư Phật đã thành đạo, chư vị Tổ sư đã chứng đạo, đã dứt vọn̄g chứng chơn. Qua đó cho chúng ta thấy, vọn̄g không có chỗ sanh ra nó nên nó không thật có. Nhưng nó nương nơi thức thần mà được duy trì cho nên khi nào thức thần còn thì nó tạm còn giốn̄ mặt với chúng ta vậy thôi. Khi thức thần dứt bặt, vọn̄g không còn chỗ nương thì nó cũng chia tay chúng ta. Cũng như cây đèn dầu, lửa của đèn không phải từ đâu mà sanh ra. Nếu nói hộp quẹt sanh ra lửa thì tại sao hộp quẹt không tự sanh ra lửa mà phải đợi bàn tay con người bật hộp quẹt thì lửa mới có? Cho nên, lửa không có chỗ sanh mà do nhân duyên sanh. Nhưng ngọn lửa tồn tại là nhờ vào dầu của cây đèn. Khi rút hết dầu thì lửa đèn tự tắt. Vọn̄g tưởng cũng thế, nó không có chỗ sanh, chỉ khi chúng ta bắt giác thì tạm có vậy thôi, nhưng nó nương thức thần mà tồn tại. Khi thức thần dứt bặt, chân trời trí tuệ hiển hiện rõ ràng thì vọn̄g tưởng cũng không còn chỗ nương. Nhưng thức thần làm sao dừng dứt? Giống như một khối ung thư ác tính, vừa đụng dao kéo tác động lên nó thì nó liền di căn và phát tán mạnh hơn. Thức thần cũng vậy. Vừa muốn làm gì đó để dứt trừ nó thì ngay đó chính là thức thần rồi. Cho nên càng muốn làm gì để thức thần hết thì nó lại càng được nuôi lớn mạnh hơn. Vậy làm thế nào để thức thần dứt bặt đây? Không làm gì cả. Muốn trị thức thần thì phải không làm gì trên nó cả, mà phải tìm xem ai là đối thủ mà nó không thích? Đó là anh chàng giác sáng. Anh này càng xuất hiện thì anh thức kia càng trốn đi. Giống như ánh dương xuất hiện thì sương sớm sẽ bị xua tan. Sức giác càng lớn mạnh thì cái thức kia càng bị suy yếu. Trải thời gian công phu thuần thực, khi lực giác sáng bất chợt đủ lớn, ngay đó thức thần liền dứt bặt, chân trời giác ngộ bất chợt hiển hiện rờ rỡ, rõ ràng, vọn̄g tưởng không còn chỗ nương, thấy biết tất cả nhưng không động, không ra ngoài chân trời giác biết sáng rõ nên nói là trí biết, chơn tâm biết. Lúc này tất cả hành động, việc làm đều là diệu dụng của tâm.

Biết vậy rồi, chúng ta không cần đặt ra vấn đề là hết vọn̄g tưởng hay không hết vọn̄g tưởng, mà là chúng ta có giác kíp hay không giác kíp thôi. Khi quý vị giác kíp thì chúng ta sẽ có khả năng làm chủ được mình. Trong mọi lúc chúng ta chỉ có giác về. Đang lúc giác sáng là chúng ta đang tu. Đừng có một niệm tìm cầu gì khác thì công phu sẽ tốt. Cho nên Lục Tổ nói: “Không sợ vọn̄g khởi, chỉ sợ giác chậm”. Cũng như khi nhìn tập sách này, nếu nhìn theo nó, nhìn về nó, biết về tập sách đó, thì đó là chúng ta quên mình, là cái biết của mê làm, là vọn̄g biết. Ngược lại, nếu chúng ta đang tự

mình sáng biết, tự biết, không phải đợi có tập sách mới biết, không biết theo tập sách. Có tập sách hay khi không có tập sách, tánh sáng biết này vẫn không đổi, không động. Đó là chúng ta đang giác biết, tự mình sáng biết, là đang tu. Biết vọng cũng như vậy. Vọng có khởi muôn ngàn thứ, nhưng đừng biết theo nó mà chúng ta chỉ là tự sáng biết, không can thiệp trên vọng, không một niệm vọng có hay không có, không khởi niệm vọng còn hay vọng hết, cũng không khởi niệm để mặc kệ, không một ý niệm gì trên vọng cả, mà chỉ là đang giác sáng, đang tự biết sáng một cách rõ ràng thì công phu sẽ đắc lực.

Ngày trước, có mấy vị mới vào tu lên thưa với Hòa thượng Tôn sư: “Bạch Hòa thượng, tại sao ngày trước chưa tu con chưa hề biết về vọng tưởng, con chưa hề nói nó giả thì con không thấy gì. Bây giờ con ngồi thiền để bót vọng tưởng thì lại thấy vọng tưởng nhiều hơn”.

Hòa thượng nói: “Không phải do ngồi thiền mà vọng tưởng nhiều hơn. Vì ngày trước chưa biết tu, chưa ngồi thiền thì mình giống như người bị mù, không thấy, không biết được nó. Bây giờ biết tu rồi thì giống như người mắt sáng, thấy nó một cách rõ ràng, không làm để bị nó gạt mình nữa. Như người bị mù từ bé không thấy được chỉ bàn tay nên cho là bàn tay không có chỉ. Khi được chữa trị, mắt được mở sáng mới thấy được chỉ của bàn tay. Cũng vậy, ngày trước cũng có vọng tưởng, nhưng tại chúng ta mê mờ không biết nên ngỡ là không có vọng tưởng, mà thực ra là chúng ta đang sống với nó, sống bằng nó, lấy nó làm sự sống nên bị nó chi phối, làm khổ lụy. Bây giờ ngồi lại thấy nhiều, nhưng thực ra là mình đang sáng mắt, đang có trí tuệ và bằng trí mới thấy được, biết được nó là vọng, là hư dối. Vậy thì đó là cơ hội tốt để phát hiện nó và tu tập chuyển hóa chứ không có gì là buồn”.

Người đời không biết đó là vọng tưởng, khởi niệm liền theo, bỏ mắt chính mình nên tạo nghiệp, chịu khổ. Chúng ta bằng trí, bằng sự tinh sáng, giác biết đó là vọng, đó là chúng ta đã sáng suốt, đã qua được một lớp mê lầm. Quý vị không cần quan tâm trên nó mà chỉ cần không làm theo là được. Còn vọng khởi mà mình không biết thì sẽ bị nó kéo lôi. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy Ngài A-nan: “Nếu rời tiền tràn mà có tánh phân biệt, tức là tâm ông. Nếu tánh phân biệt rời tiền tràn mà không có thực thể thì đó là bóng dáng phân biệt sáu tràn”.

Cụ thể, chúng ta biết vọng bằng cách nào? Ngồi lại, sau khi đếm hơi thở, mình buông toàn bộ thân tâm, sáng biết rõ ràng. Vọng tưởng khởi lên, giác. Một vọng tưởng khởi lên cũng là một thể giác đó, mà trăm ngàn vọng

khởi lên cũng chỉ một thê giác đó, thì vọng không làm lay động chúng ta được. Còn quý vị khởi một vọng niệm thì có một cái biết, một ngàn vọng niệm khởi là có một ngàn cái biết, dụng công như thế là chỉ đuối theo đuôi của vọng tưởng, đợi khởi mới biết và biết đó là biết về vọng tưởng, biết theo vọng tưởng, là vọng biết, trên vọng thêm vọng, công phu không được gì mà chỉ làm cho chúng ta càng thêm nhọc nhằn. Nếu đầu tiên chưa quen thì nhớ vọng là giả, đừng theo nó mà tạo nghiệp nữa. Thời gian sau tương đối thuận thực rồi thì, trả lại toàn bộ một tánh đang tự sáng biết. Khi mọi thứ đến đều ở trong sự an tĩnh toàn thể đó. Có cũng vậy mà không có cũng vậy. Cái “cũng vậy” là cái tâm NHU THỊ, là tâm không sanh diệt. Vọng còn hay không còn đều không bận tâm vì nó không đủ sức chi phối được mình. Khi công phu đủ mạnh, sự giác sáng đủ lớn thì thức thần bắt chợt ngưng bặt, vọng tự khắc tan biến, chân trời giác ngộ mở ra, và tất cả đều trở thành diệu dụng của tâm. Lúc này không phải có hay không có, mà tất cả chính là một sự hiện hữu trong tự tánh chánh định của mình. Khi trở về nguồn chơn thì tất cả đều là diệu dụng của trí. Bỏ nguồn chơn thì chúng trở thành sanh diệt, vọng tưởng, khổ đau. Hằng ngày, trong tất cả thời, ở bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì, thấy biết tất cả mà vốn tự không động, thì đó là diệu dụng của trí. Nếu động thì dù ngồi đó mà nghĩ về sự giác ngộ thì sự giác ngộ kia cũng chỉ là vọng động của chúng sanh.

Thực ra sự tu hành rất đơn giản, cái khó là do chúng ta quen đi theo vọng trần mà chưa chịu trở về. Mình đã đi theo vọng trần nhiều kiếp rồi cho nên bây giờ quay trở lại đương nhiên là khó thôi. Quý vị có thể quên mình, đi theo sáu trần trong rất nhiều kiếp, nhưng khi vừa giác trở lại thì những thứ đó tan hết. Cái hay của đạo Phật là vậy. Dù cho mình có đi lang thang trong sanh tử bao lâu rồi không cần biết, mà khi giác trở lại là chúng ta đã ở ngay trong ngôi nhà chân thật của mình rồi, mới thấy sanh tử chỉ là một giấc mộng, không thật. Đây chính là điều an ủi cho mình.

Nếu quý vị có sự kiên trì, tu tập một cách miên mật thì lâu ngày quý vị sẽ có lực, sẽ ném được pháp vị, có niềm vui, từ đó sự tu tập được hăng hái hơn. Trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nào chúng ta cũng có thể tu tập được. Nhưng đi, đứng, nằm thì sức làm chủ yếu hơn. Ngồi vẫn là một phương pháp thù thắng, giúp chúng ta giác tỉnh mạnh mẽ và sáng tỏ hơn. Cho nên muôn thực tập được, quý vị phải gắng ngồi thiền. Mới đầu ngồi có thể thấy đau chân, có thể có nhiều cái chưa ổn định. Nhưng quý vị đừng ngại gì hết, đau chân thì cố gắng khắc phục, chừng nào thấy nặng nề quá thì theo hơi thở, một thời gian sau sẽ có niềm vui riêng, có những năng lực riêng, lúc đó mới thấy ngồi thiền có giá trị của nó.

Như vậy, sau khi nghe quý Thầy giảng, quý vị có còn ngại vọng tưởng nữa không? Vọng tưởng khởi, quý vị không cần quan tâm, nên cũng không cần chờ vọng hết. Chỉ cần giác trở lại thì vọng không còn có đủ giá trị tác dụng với mình nữa. Không cần quan trọng khi nào thì vọng tưởng hết, quan trọng là giác trở lại. Quý vị ngồi yên, quên một chút thì vọng khởi, vọng khởi thì phải nhớ tỉnh giác. Tu chỉ ngay chỗ nhớ và quên thôi.

Thế thì chúng ta trôi lăn trong sanh tử là do bị nghiệp kéo lôi, thúc đẩy mà thọ sanh. Mà nghiệp là từ thân, miệng và ý tạo. Thân, miệng là do ý làm chủ, ý khởi lên rồi sai khiến thì miệng mới nói, thân mới làm. Ý là do chúng ta bất giác, chợt quên thì vọng niệm khởi và mình chạy theo. Giờ ngay niệm khởi thì mình giác sáng, vọng niệm dừng lại thì có còn tạo nghiệp nữa không? Không. Như vậy ngay đó chấm dứt nghiệp, mà nghiệp dứt rồi thì giải thoát. Con đường tu tập rất rõ ràng.

Quý vị nhìn lên bầu trời, nếu nhìn theo áng mây, biết về áng mây thì chỉ thấy có áng mây mà quên cái toàn thể thênh thang của bầu trời. Giờ quý vị nhìn thấy mây nhưng dừng dừng trụ trên một áng mây nào cả, mà phải nhìn xuyên qua những áng mây đang trôi, thì mới thấy cả bầu trời kia thênh thang bất tận. Mây thì động, nên nhìn theo mây thì sẽ thấy có động. Bầu trời kia thì thênh thang bất động, nên nếu chúng ta nhìn xuyên suốt qua các tầng mây kia để nhận thấy bầu trời thì mới thấy thể của nó vốn tự không động, thì dù mây có bay bao nhiêu cũng không động gì cả. Bầu trời tâm mình cũng thế, từ xưa đến nay chưa từng động bao giờ. Nhưng vì chúng ta nhìn mây vọng tưởng mà quên bầu trời chân tâm, cho nên mây vọng tưởng sanh diệt thì chúng ta bị động, cũng bị sanh diệt theo. Nếu quý vị không theo mây vọng tưởng nữa, không nhìn trên mây vọng tưởng, mà nhìn thấu suốt qua cái thể của bầu trời tâm mình thênh thang vốn chưa từng động kia, thì dù vọng tưởng có đến, có đi, nhưng tâm mình vẫn như như không động. Quý vị can thiệp trên vọng tưởng thì nó có chỗ vin, còn không can thiệp thì nó phải từ giã. Cho nên Mã Tô nói: “Một mũi tên bắn chết cả bầy” là vậy. Nếu nhìn từng vọng tưởng để diệt thì giống như một mũi tên bắn được một con, bắn hoài không hết mà mệt lắm. Chỉ cần giác trở lại, trở về cái toàn thể sáng biết thì trăm ngàn muôn thứ tự tiêu dung.

---o0o---

4. DỤNG TÂM TU THIỀN

Thực ra tu không phải khó, mà phải nhận chân cho rõ đường lối tu tập, hiểu cho thấu và quyết tâm làm thì được. Hòa thượng Tôn sư có dạy: TU phải tha thiết như đói được ăn, khát được uống. Kế đó là phải quả cảm. Tức là dám làm. Người ta làm được thì mình cũng làm được, phải mạnh mẽ, không được yếu đuối, hèn nhát. Và điều thứ ba là phải lập chí kiên cố, trường viễn. Tức là phải lập chí vững chắc, lâu dài, chứ không phải một bữa nồng, mười bữa lạnh, không phải mới tu là mong đạt được kết quả liền. Hội đủ ba điều kiện trên thì quý vị dụng công tu tập sẽ tiến bộ. Để có được ba điều kiện đó thì phải nhớ thế này: Con người chúng ta không phải mới bị khổ đây mà hễ chúng ta sinh ra là đã khổ và đã khổ như thế nhiều kiếp lăm rồi. Hôm nay được sinh ra làm người, gặp được Phật pháp là nhân duyên phước phần của mình rất lớn. Nay đây, biết con đường dừng khổ rồi mà còn chưa chịu thực hành, chưa chịu dừng nữa thì còn đợi đến khi nào mới dừng? Thích khổ lầm hay sao mà còn muốn tiếp tục! Trong Thích Môn Tự Cảnh Lục có ghi lại câu chuyện của vị Thánh Đạt-ma Mật-đa làm tăng đốt lò, chum bếp.

Sau khi Phật diệt độ, trong ngọn núi của xứ Kế Tân có bậc Thánh Tỳ-kheo tên Đạt-ma Mật-đa tài huệ hơn người, tọa thiền bậc nhất. Chỗ Ngài Đạt-ma Mật-đa ở có ba lớp hang. Bấy giờ có hai vị tăng từ xa nghe tiếng tăm nên đi đến lễ bái, thấy tôn giả mặc y cũ kỹ xấu xí ở trước lò của tầng hang dưới cùng, vì muốn điều phục thân tâm mình mà làm vị tăng chum lửa, đốt lò. Khi ấy hai vị tăng hỏi:

- Trưởng lão Đạt-ma Mật-đa đang ở đâu?

Ngài đáp:

- Ở trong phòng của tầng hang trên cùng kia.

Họ liền đi sang tìm. Tôn giả dùng sức thần túc bỗng chốc trở về phòng mình. Hai vị tăng vừa gặp liền sanh nghi ngờ lấy làm lạ thưa:

Đại đức là bậc Thánh nhân, uy danh đầy khắp cõi Diêm-phù-đè, tại sao tự cúi thấp mình làm tăng chum lò?

Thánh Đạt-ma Mật-đa đáp:

- Nay ông nên biết, ta gẫm nhớ trong vòng sanh tử chịu khổ lâu dài. Giả sử đầu và tay có thể nhen đốt được, ta sẽ vì tăng mà đốt hết, huống nữa là những phần khác của thân đem để chum lửa thì đâu đáng cho là khó? Ta nhớ

lại vào thuở xa xưa trong 500 đời thường làm thân chó đói khát khổ sở. Tuy trải qua nhiều thân chó, nhưng chỉ có hai lần được no đủ. Một lần nhân có người uống rượu quá say ói mửa bên cạnh đường, ta đi ngang gặp được một lần no. Lại một lần khác làm chó trong nhà nghèo, hai vợ chồng nấu cháo đựng đầy trong niêu và có việc tạm đi vắng. Ta vì đói nên chui đầu vào trong niêu mà ăn, khi ăn được no rồi thì rút đầu ra không được. Người nhà về gặp như thế liền nỗi giận dữ lấy dao bén chém đứt đầu ta. Ta nghĩ đã thọ thân chó 500 lần, tuy có hai lần được no nhưng bị mất thân mạng. Thế nên gãm lại trong sanh tử lâu dài quanh quẩn trong năm đường, tùy sanh ra nơi nào thấy đều chịu khổ. Cho nên ngày nay ta chẳng từ mọi nhọc nhằn, sao lại chối từ, không vì chúng tăng mà nhóm lửa?

Trong nhiều kiếp luân hồi sanh tử, trải qua quá nhiều thống khổ rồi, cho nên hôm nay bỏ ra một chút sức lực cũng không thấm tháp gì. Mình khổ nhiều rồi, giờ gặp được Phật pháp là con đường thoát khổ, tìm ra được một tia sáng để tu, đó là phước phần của chúng ta rất lớn, phải cố gắng vận dụng, đừng để qua mất lãng phí. Khi nghĩ như vậy, trong lòng mình có sự cảm động, cảm kích, tha thiết thì tu sẽ có hiệu quả. Ở ngoài đời, một số người có phước, giàu có nhưng họ quan niệm có tiền là có tất cả, tu làm chi. Khi nghĩ như vậy thì điều gì họ cũng dám làm, từ đó tạo tất cả ác nghiệp, bào mòn dần phước phần của mình đang có, rồi rơi lại vào ba đường khổ. Đó là có phước mà không biết tu bồi. Người có phước, có tiền của, có địa vị mà không có chánh kiến, suy nghĩ sai lầm, hành động không đúng thì tất cả những thứ họ đang có được kia chỉ là hội đủ điều kiện tốt cho họ tạo tội tạo khổ càng nhiều mà thôi. Nghĩ thương cho họ mà cũng giật mình cho mình. May mà chúng ta gặp được minh sư, gặp được chánh pháp. Nếu không thì chúng ta cũng giống như bao nhiêu người khác, cũng làm tạo như vậy rồi chịu khổ trong sanh tử chừng nào mới được thoát ra!

Sự tu tập và được giác ngộ vẫn là niềm vui tuyệt đối cuối cùng. Bởi vì nó không bị vô thường biến hoại, nó cứu được cái khổ lớn trong sanh tử cho mình. Niềm vui đó dù có bạc tỷ cũng không mua được. Của cải thế gian là phù du, mình phải lo tu tập. Nếu không có chánh kiến, không biết tu tập, không giác sáng thì khi tu tạo có được một chút phước phần rồi lo thụ hưởng và quên tu. Khi quên tu thì tạo nghiệp, tạo nghiệp rồi thì bị đọa lạc chịu khổ. Bị đọa khổ quá thì ăn năn quay lại lo tu tạo phước đức, khi lo tu lại thì có được một chút phước phần, khi có được một chút phước phần thì lại tiếp tục lo hưởng thụ, rồi quên tu, tạo nghiệp, chịu khổ, rồi hối hận rồi tu.... Cứ như vậy mà trôi lăn trong luân hồi sanh tử hoài không có ngày dừng. Đó là mê

làm của chúng sanh, không biết sống về với tánh giác sáng, chỉ lo tu tạo phước đức bên ngoài.

Hành thiện mà tâm tán loạn thì đó là loạn thiện, chỉ đưa mình vào con đường hướng thụ phước đức của Trời người. Nó sẽ vô thường còn mất nên chưa đủ sức cứu khổ vĩnh viễn cho chúng ta. Chỉ có trí giác ngộ sáng suốt mới đủ lớn để cứu cái khổ lớn trong sanh tử. Nếu đời nay chúng ta tu hành chưa được giác ngộ trọn vẹn thì đời sau sanh ra, nhờ vào sức giác tinh mạnh mẽ của đời này mà nó nhắc thức chúng ta sớm giác ngộ cuộc đời là vô thường, giác ngộ Phật pháp là cao quý và chính nó tạo thành năng lực thúc đẩy chúng ta tiếp tục tu tập một cách mạnh mẽ hơn. Hành thiện trong trí giác không động thì đó mới là hành thiện trong chánh định. Công đức ấy không rời thể tánh vô sanh nên nó đang hướng lên quả vị vô sanh. Nhân vô sanh mới đạt đến quả vô sanh. Thực hành như thế thì mới có ngày viên thành đạo quả vô sanh, có thể thì nó mới đủ lớn để hồi hướng đến pháp giới chúng sanh trọn thành Phật đạo. Có phước thì đường tu chúng ta được suôn sẻ, thuận lợi, ít bị chướng duyên cản trở. Có huệ thì không mê lầm, trong khổ chúng ta cũng có sự giác ngộ để vươn lên, không khổ. Cho nên phước và huệ phải cùng tu. Đức Phật là bậc phuoc trí tròn đầy.

“Hơn thua so với chính mình

Ngày nay mình phải hơn mình hôm qua”.

Nếu chỉ có làm thiện, làm phuoc mà không tu huệ thì cũng có phuoc, nhưng vì thiêu tu nên phuoc đó loạn động, là sanh diệt. Giàu mà chỉ biết hướng thụ thì sẽ tạo nghiệp, có phuoc mà thiêu huệ thì đi vào con đường đọa lạc. Nếu tu cả phuoc và huệ thì vừa giàu có, vừa có được tư duy đúng đắn tu tiếp, vừa có được sự giác ngộ, từ đó mới bảo đảm an toàn cho chúng ta ngày một đi lên. Có trí, có đủ định lực bên trong thì mới có đủ sức mạnh mà tự chủ, sáng suốt và chúng ta mới có quyền quyết định mọi việc theo mình được. Còn không có năng lực thì bị nghiệp lực câu thúc, bị người khác thúc đẩy, làm sao mình có thể tự chủ được. Cho nên chỉ có trí và phuoc cùng đủ thì mới bảo đảm an toàn cho chúng ta mãi mãi đi lên, không bị đọa lạc, chấm dứt mọi khổ đau.

Nghe, hiểu vậy nhưng do cái tật của chúng sanh là hay quên nên thỉnh thoảng quý vị lại phải nghe pháp, học Kinh, đọc Luận, thực hành công phu tu tập, đi chùa lễ Phật tu hành... Mỗi ngày hâm nóng cho mình một chút thì sự tu tập mới tiến bộ được. Chứ còn suốt cả ngày không hề để tâm tới thì

quý vị sẽ quên. Ngài Văn Môn là vị Tổ của một tông Thiền trong năm tông phái thiền Trung Hoa. Vậy mà khi sắp tịch, Ngài còn nói là hằng ngày sớm chiều Ngài luôn lấy lời dạy của Phật, lời dạy của chư Tổ để tự hun đúc mình. Huống nũa là chúng ta, đâu thể chủ quan được! Cho nên ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói: “Mắt ý khí thời thêm ý khí, được nơi an tiễn hãy an tiễn”. Ngài dạy khi nào tâm tu hành, tâm giác ngộ nguội lạnh, đọc kinh thấy ngắn, nghe pháp buồn ngủ, ngồi thiền đã dượi, không phần chân... đó là mắt ý khí rồi đó. Phải làm một điều gì đó mình thích, như là đọc một đoạn Luận đặc ý, gấp quý Thầy sách tấn... để phán chí lên, đó là thêm ý khí. Khi tâm mình đang an định, trong sáng thì thẳng đó sống ngay, đừng chần chờ luồng qua oan uổng lầm. Đó là Ngài dạy, được nơi an tiễn hãy an tiễn.

Một ngày, quý vị nên dành ít nhất cho mình khoảng 15 phút hoặc một giờ đồng hồ để đọc sách, nghe kinh hoặc tĩnh tọa lại một chút. Như vậy, chúng ta mới có cơ hội tiến được. Còn ở đây nghe hay, khi về thả đó, một tháng lên chùa một lần rồi mới tu thì tác dụng quá ít, rất phí. Sự tu tập không phải đợi ngồi thiền, lên chùa mà về nhà cũng phải dành thời gian tĩnh tâm nhìn lại mình. Trong công việc cũng luôn nhớ phải tĩnh, phải giác. Lên xe, tĩnh lại rồi mới đi. Ngồi vào bàn, tĩnh lại rồi làm việc. Ra chợ, tĩnh lại rồi mua đồ. Nghe ai chửi, tĩnh lại rồi hãy phản ứng. Được vậy thì tâm chúng ta mới sáng suốt, có trí tuệ, thân chúng ta mới nhẹ nhàng. Khi chúng ta tĩnh lại rồi thì có khi không cần nói hoặc nói ít và nói một cách nhẹ nhàng cũng giải quyết được mọi việc một cách hiệu quả. Quý vị nên nhớ rằng, không cần giải quyết gì cả, cũng là một cách giải quyết. Khi nào đó thích hợp, quý vị thử ứng dụng rồi sẽ thấy thú vị.

Khi không lại có chuyện đâu đâu giống như từ trên trời rơi xuống, nếu đừng phản ứng nhanh quá, chỉ tĩnh trở lại thì mọi thứ sẽ nhẹ nhàng. Còn quên tĩnh lại mà phản ứng liền thì chuyện gì cũng thành quan trọng, chuyện nhỏ trở thành to và hậu quả là giải quyết mọi việc dễ đưa đến thất bại. Chúng ta phải khôn khéo, phải tĩnh trở lại rồi giải quyết thì mọi việc sẽ đưa đến hiệu quả tốt đẹp hơn. Tập tĩnh như vậy lâu ngày quý vị sẽ tự cảm nhận được nơi mình có trí tuệ, có năng lực, có niềm vui, lòng chúng ta rộng lớn, nhẹ nhàng, dễ tha thứ, dễ dàng bao dung, thấy ai, thấy cái gì cũng có thể giải thoát được hết.

CHÚNG TA TỌA THIỀN NHƯ THẾ NÀO

1. THIỀN LÀ GÌ?

Tử tầm nhìn đúng, hành động đúng, sẽ đưa đến kết quả đúng như ý muốn. Khi làm một công việc gì, thông thường chúng ta phải biết trước rồi làm sau, như vậy sẽ có kết quả tốt. Như quý vị muốn đi từ đây ra đằng kia thì đầu tiên phải mở mắt trước, thấy đường rồi mới đi, còn nếu cứ nhắm mắt mà đi thì chắc chắn sẽ bị té. Vì quý vị muốn ngồi thiền cho nên quý Thầy sẽ nói sơ qua lý do tại sao chúng ta ngồi thiền, ngồi như thế nào, có những sự chuẩn bị gì, rồi trong khi ngồi chúng ta phải dụng công như thế nào.... Khi quý vị nắm vững, hiểu rõ rồi thì khi ngồi sẽ có sự phản chấn, có lòng thiết tha, từ đó sự tu hành sẽ dễ tiến bộ hơn. Cụ thể là trước tiên mình phải hiểu thiền là gì, sau đó ứng dụng tọa thiền mới có kết quả tốt.

Giả sử hôm nọ khí trời oi bức căng thẳng, người không được khỏe, trong nhà có việc xích mích không vui, ra đường gặp toàn những việc vớ vẩn không đâu, lên công sở, ra chợ bị đồng nghiệp bạn bè hiểu nhầm hoặc quấy phá... khi ấy, nếu mình phải xem một tập tài liệu gì đó, hoặc phải đọc một cuốn sách hay phải xem một tờ báo, quý vị thấy có dễ hiểu hay không? Đọc thì đọc chữ thôi chứ ý này đá ý kia rất khó tiếp thu một cách trọn vẹn. Qua đó cho chúng ta thấy, nếu để những thứ lăng xăng lộn xộn trong đời chi phối trong đầu mình thì nó sẽ làm cho trí tuệ chúng ta bị mờ tối và con người chúng ta không được ổn định.

Một hôm khác thức dậy với một sức sống tràn trề, mọi chuyện trong nhà ổn định, vui vẻ, khí trời mát mẻ dễ chịu, ra đường yên ả, mọi việc tại công sở đều được trôi tròn, đồng nghiệp thân thiện đáng quý, nhân khí rảnh rỗi, quý vị cầm một tờ báo hay một quyển sách mình thích lên đọc thì có dễ hiểu hay không? Không những dễ hiểu mà chúng ta còn hiểu sâu, phát minh ra những điều mới lạ, thâu gọn hết ý bài văn muốn nói gì nữa là khác. Vậy thì khi tâm mình ổn định, lóng lặng, chính là lúc trí tuệ mình được phát huy cao. Và ngay khi tâm lóng lặng, tinh thần tươi sáng, người mình ổn định, trí tuệ phát huy, ngay đó, quý Thầy tạm đặt cho nó cái tên gọi là Thiền.

Hoặc là trong cuộc sống bận rộn hằng ngày, nhiều lúc chúng ta bỏ quên một thứ gì đó, cố nghĩ xem để nó ở đâu, nhưng những công việc trong ngày bao nhiêu thứ lại tới tấp đến mà chúng ta phải giải quyết, khi đó, càng cố nghĩ để tìm thì càng căng dầu, càng mệt. Cho đến cuối ngày, lúc xong xuôi hết mọi việc, thảnh thoảng thì tự nhiên lại nhớ ra đồ mình để quên. Từ đó suy

ra, những công việc hằng ngày làm cho tâm mình bị xáo trộn, khuấy động nên mình không sáng. Khi chúng ta lắng lại tất cả những tư tưởng lăng xăng trong đầu để tâm được an định, sáng suốt thì ngay trạng thái đó là thiền.

Ví dụ như có một cốc nước đang bị đục, chúng ta có đổ thêm nước trong vào thì nó vẫn đục. Muốn nước trong, không có cách gì hơn là để yên cái cốc đó cho những cặn đục lắng xuống dưới thì nó sẽ tự trong. Như vậy, trong cái đục vốn đã có cái trong, tại vì chúng ta lắc động nên nó đục vậy thôi. Tâm của chúng ta cũng vậy, tự tâm của mỗi người vốn sáng, nhưng vì theo trần cảnh, không biết cách lắng lại nên đục đi, từ đó làm cho mình bức bối, mệt mỏi, tối tăm, rối ren, lăng xăng, lộn xộn, gấp việc gì cũng khổ đau, đó là chúng ta sống với tâm phàm phu tầm thường của chúng sanh. Nếu chúng ta lắng lại tất cả thì trạng thái tâm thế LĂNG MÀ SÁNG hiện tiền, ngay đó là THIỀN.

Khi vua Trần Thái Tông trốn vào núi Yên Tử tu hành gặp Quốc sư Phù Vân (hiệu Tĩnh Lự), Quốc sư hỏi: “Lão tăng đã lâu ở chốn sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng, cắn hạt dẻ, uống nước suối, đạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay bệ hạ bỏ ngôi vị nhân chủ, nghĩ đến cảnh núi rừng hoang dã này, át hẳn muốn tìm cầu việc gì phải không?” Vua nghe nói cảm động nêu thưa: “Trẫm còn thơ ấu đã sớm mất mẹ cha, chờ vơ đứng trên sỹ dân, không có nơi nào để nương tựa. Lại nghĩ rằng, sự nghiệp để vương đời trước hung phế bất thường cho nên mới vào đây chỉ muốn cầu thành Phật, không muốn tìm cầu gì khác.” Quốc sư nói: “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Tâm lặng mà biết, đó chính là Phật thật. Nếu bệ hạ ngộ được tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài.”

Ngài Tĩnh Lự nói: “Tâm lặng mà biết, đó chính là Phật thật.” Vậy thì, cái lắng lại mà hăng sáng biết đó là ở ngay nơi chúng ta hay do Phật cho? Phật chỉ đưa cho ta chìa khóa để mở ra thôi chứ không thể làm thay cho ta được. Thiền cần một sự thể nghiệm nơi mỗi người, chứ không phải chỉ học hiểu suông. Học hiểu là để làm, để thực hành. Vì vậy, chúng ta cần phải HIẾU và THỰC TẬP TỌA THIỀN.

---o0o---

2. ĐỐI DIỆN ĐỂ CHUYỂN HÓA

Tất cả chúng ta đi trong sanh tử chịu khổ là vì cái gì thúc đẩy? Vì nghiệp trói buộc nên chúng ta thọ thân. Ví dụ khi chúng ta chưa biết hút

thuốc thì thấy đắng, rất khó chịu, nhưng khi hút một thời gian quen rồi thì thấy ngọt. Hút lâu ngày quen quá rồi, hôm nào không có điều thuốc là thơ thẩn, tìm mọi cách để có được một điều thuốc hút. Sức mạnh khiến mình phải đi tìm đó là sức mạnh của nghiệp, nên gọi là nghiệp lực. Nghiệp là tập lâu thành thói quen. Hàng ngày quý vị huân tập bao nhiêu thói quen rồi, chỉ cần nhắm mắt lại là thói quen về nhiều lắm, làm cho mình lộn xộn và chạy theo. Ví dụ như khi quý vị chưa đến đây, chưa gặp quý Thầy, nếu có ai hỏi về Thiền viện, quý vị có hình ảnh gì trong đầu không, có thấy quý Thầy không? Chưa đến là chưa biết nên khi nhắc đến thì chúng ta không có hình ảnh gì trong đầu cả. Hôm nay đến đây rồi, ngồi nghe giảng, nói chuyện, khi về lại nhà mình có ai hỏi về chuyến đi thì những hình ảnh này có hiện lên trong đầu quý vị không? Có, quý vị có muốn xóa đi cũng không được. Gặp, tạo tác là có huân trong đầu rồi, dù mình không sờ mó được mà nó vẫn có. Đây là một ví dụ điển hình cho tất cả các hành động của chúng ta hàng ngày. Một chuyến đi về khi được khơi gợi lại thì thấy rõ ràng không mất. Vậy thì tất cả các việc làm hàng ngày quý vị huân tập, liệu có bỏ qua được không? Tất cả việc làm hàng ngày, hành xử đối đãi, đúng sai, thiện ác đều huân tập trong đầu không bao giờ mất, đến khi chúng ta chuẩn bị chết là nó về ồ ạt, làm cho mình bị rối. Quý vị muốn biết lúc sắp chết nó có về hay không thì bây giờ mình cũng có thể làm một thí nghiệm để thử. Hôm nào đó mình dẹp hết việc làm, đóng cửa phòng ở một mình, không có điện thoại, tivi, sách báo gì cả, chỉ ở không thôi, không được làm gì cả. Đến bữa thì có người mang cơm để bên ngoài, chờ cho người ấy đi khuất rồi mình mới ra lấy cơm vào ăn. Sống như thế khoảng ba đến bảy ngày thì sẽ thấy những gì từ tấm bé đến giờ nó sẽ đua nhau kéo về ào ạt, rõ ràng mồn một không thiếu sót tí nào, thậm chí khi nó về nhiều quá sẽ làm cho chúng ta cảm thấy hoảng sợ, mất tự chủ. Quý Thầy đã nhập thất và đã từng trải qua trạng thái này rồi. Khi đóng cửa nhà mà các huân tập đã đua nhau kéo về rồi huống nữa lúc sắp lâm chung là lúc đóng lại cánh cửa cuộc đời, cuộc đời chúng ta kết thúc và cánh cửa được khép một cách tuyệt đối thì nó sẽ ồ ạt dồn nhau ập về đến đường nào. Nếu mình làm ác nhiều thì khi đó sợ, hốt hoảng, không tự chủ và đi vào đường xấu. Nếu làm lành nhiều thì thấy nhẹ nhàng, vui vẻ và sanh đường lành. Như chúng ta đang sống trên một vùng biển, tình cờ có chuyện đi xa, ở nhà bị sóng thần cuốn sạch không còn gì cả. Lúc ấy nếu người không có công trạng gì với cuộc đời, bị chấn động mạnh dẫn đến tinh thần không ổn định thì bị lang thang trôi dạt làm thuê làm mướn, đi vào nơi khổ sở mà mình không có quyền quyết định gì được cho mình. Nếu người có công với xã hội, mọi người sẽ đưa ra nhiều cản hộ khác nhau cho chúng ta có quyền chọn lấy một cản, chúng ta sẽ chọn lấy cản nào mình thích, đúng không? Việc theo nghiệp thọ sanh cũng tương tự như vậy. Người làm ác thì lúc sắp

lâm chung hốt hoảng bị cuốn đi đường dữ không cưỡng lại được. Người làm lành thì sẽ có được nơi vui cho mình đến đúng với nghiệp mình đã tạo thành thói quen. Nếu quý vị không tu thì sẽ theo luồng đó, nhưng có tu là đứng đằng sau những cái đó một chút, quý vị tĩnh trở lại để nhìn nó thì tự nhiên nó là một khối bên ngoài, mình là giác nên tự chủ được, buồn vui tách ra ngoài, đi đâu là quyền của mình, không bị những thứ buồn và vui, thích hay không thích chi phối. Đó là người đã có căn bản bước đầu chập chững biết sống bằng thiền và làm chủ phần nào trong sự sống chết. Khi quý vị thực tập thiền, quý vị sẽ có khả năng sống đó, làm chủ ngay khi sống và đến khi chết cũng vậy.

Khi có thời gian rảnh khoảng 1-2 ngày, quý vị đóng cửa ngồi thiền, không tiếp xúc với ai, quý vị sẽ thấy những ký ức trào về trong mình ghê gớm lắm. Khi đó mình nghĩ rằng, tại sao đi ra ngoài mình thấy an lạc, thấy vui, mà đóng cửa lại ghê gớm vậy? Tu mà dễ sợ hơn là sao? Hằng ngày chúng ta tiếp xúc bị những rối ren che mắt mình. Chúng ta đóng cửa để tu, thấy nhiều không có nghĩa là tu bị lạc, mà vì hôm nay mở mắt nên thấy những cái gì đang có trong tâm mình. Để rồi một lần đối diện chúng ta chuyển hóa, thay đổi, lặng trở lại cho những thứ đó tiêu đi. Đến khi chết, những thứ đó đã được thanh lọc rồi, nếu có về thì mình cũng đã thấy rồi, đã gặp rồi, đã quá quen rồi và đã giải quyết rồi và mình yên ổn. Lúc ấy nếu sức giác mạnh thì mọi thứ chỉ như mây qua đỉnh núi, gió qua ngọn tùng, không có gì chi phối được. Nếu yêu, quý vị thấy điều gì chưa tốt thì ghi nhận và sẽ sửa đổi sau, điều gì tốt thì sẽ phát huy nữa, thấy liền xem nhẹ và cho qua, không để cho những thứ đó chi phối mình thì chúng ta sẽ tự chủ phần nào.

Như đồng hồ so ở văn phòng, hàng tuần chúng ta đều giải quyết gọn gàng rồi lưu hồ sơ theo tháng, theo năm một cách ngắn nắp thì 10 năm sau, khi thanh tra đến kiểm tra, lấy ra dễ không? Rất dễ. Đó là tự chủ. Còn chúng ta cứ để ùn một đồng đó, khoảng 10 năm sau thanh tra lại thì rất khó tìm được vì đã thành một mớ rối bòng bong. Thanh tra có nói lỗi gì mình cũng phải chịu, vì không tìm được căn cứ để giải thích và mất tự chủ. Cũng như vậy, nếu trong ngày quý vị có ít nhất 15, 30 phút, 1 tiếng hay nhiều hơn để đối diện với nội tâm mình, giống như hồ sơ đã được kiểm tra rồi. Quý vị không cần suy nghĩ, cứ lặng lại thì nó sẽ hiện ra, cứ gạn lại thì những gì dơ sẽ nổi lên, mình nhìn thấy cái nào không phải thì sám hối, sửa đổi, điều nào được thì phát huy, cái nào không phải không trái thì bỏ qua. Làm được như vậy giống như quý vị kiểm tra sổ sách hàng ngày, kiểm tra hết rồi thì tới khi nhảm mắt, chắc chắn chúng ta sẽ tự chủ được. Dù các niệm khởi có còn hay hết, có về hay đi thì chúng ta cũng đã kiểm tra rồi, không còn bàng hoàng,

không bỡ ngỡ, không bối rối và không sợ hãi nữa, vì hằng ngày đã đối diện và chuyển hóa rồi. Còn nếu không như vậy, khi nó ụp về một lúc nhiều quá quý vị sẽ rối rắm, hốt hoảng và sợ hãi lắm.

Có nhiều vị nói, từ hồi nhỏ đến giờ sống hết lòng với gia đình, bạn bè, không nghĩ gì cho mình cả, tự nhiên có một ngày mọi người quay lưng lại với mình, không hiểu mình, khi đó thấy trống trải, cô đơn, không biết nương tựa nơi đâu. Nhưng thực ra, nếu mà cảm nhận được như vậy thì đó là người có phuort. Vì sao vậy? Chúng ta dù muốn dù không, ai rồi ít nhất trong đời cũng phải đối diện với trạng thái cô đơn một lần, chính là lần cuối cùng chia tay cuộc đời để ra đi. Khi quý vị già, yếu, bệnh, chết, thân nhân có giúp mình được không? Của cải đầy nhà có giúp mình được không? Tất cả chia tay hết, một mình mình ra đi. Nếu như chúng ta có một lần buồn khi còn trẻ, còn khỏe mạnh, chúng ta mới ý thức, nếu bây giờ không đối diện thì nay mai cũng phải đối diện mà thôi, có ai trốn được đâu? Bị người hắt hủi là chuyện phũ phàng, nhưng với mình thì phải cảm ơn đã cho mình một cơ hội để kịp nhận ra nỗi cô đơn ấy khi còn thời gian, tinh thần và sức khỏe để giác ngộ, chuyển hóa. Đó là cơ hội tốt để chúng ta trưởng thành và không làm trong cuộc sống. Cho nên bây giờ còn trẻ, còn sức khỏe, còn trí tuệ, còn thời gian thì mình phải nhận biết và chuẩn bị những gì cần làm cho mình. Cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè, của cải, mình cảm thấy quan trọng nhưng rồi cũng có ngày phải bỏ lại. Tất cả những gì bên ngoài đều là duyên Trần, mình không bỏ nó thì có ngày nó cũng bỏ mình. Đừng dại dột mà dính mắc thái quá, giao cả sứ mạng cho một cái không bền để rồi chúng ta phải khổ. Phải ý thức rằng, trong cuộc sống tương đối này cũng cần có sự tương giao ở một mức độ nào đó, nhưng đừng để nó chi phối mình lớn quá, đừng lệ thuộc lớn quá để một ngày nó chia tay mình thì mình khổ. Cái chính là phải trở về với tâm rõ ràng sáng biết của mình. Khi trở về rồi, chúng ta định tĩnh, sáng mạnh, khi đó cái gì đến chúng ta cũng sẵn sàng đối diện với tất cả những thứ phải đối diện, không có gì làm ngăn ngại. Xem nhẹ bớt mọi thứ trong đời, tất cả chỉ là bình thường, không tâm thì tự nhiên được sáng trong, yên ổn và an lạc. Cuộc đời sống như vậy là đã sang một trang mới rồi. Người này khi nhắm mắt chắc chắn sẽ nở nụ cười an vui.

Tạo thiền chính là lúc đối diện với chính mình để thanh lọc, chuyển hóa và làm chủ được tâm mình. Được như vậy thì ngay khi ở thế gian mình bình ổn, lúc chết được tự tại, an vui. Ví dụ như quý vị đi trên một sa mạc nắng nóng, có ai cho một ly nước lạnh, uống có ngon không? Rất ngon. Khi về lại thành phố, ăn uống đầy đủ, những gì ngon nhất đã ăn uống rồi, ai cho một ly nước lạnh quý vị uống thấy ngon không? Cũng bình thường. Như vậy, ly

nước lạnh vẫn là ly nước lạnh, nhưng quá ngọt khi chúng ta đói và khát, và sẽ trở nên bình thường khi chúng ta no. Cuộc đời này cũng thế, hơn thua, được mất, phải trái, tất cả mọi thứ chỉ là một ly nước lạnh. Nhưng mình lại cho nó quan trọng bởi vì chúng ta đang đói với thương vị an định, trí giác, chưa cảm nhận và sống qua, không có gì khác hơn những thứ hơn thua được mất đó nên chúng ta cho nó là quan trọng. Thứ gẫm lại thời còn bé, đã có lúc chúng ta có những cuộc cãi lộn chiến thắng người khác vinh quang lừng lẫy. Bây giờ có tuổi rồi ngồi gẫm lại xem có đem ra cái chiến thắng ấy ra sử dụng vào đâu được không? Không xài được. Mới thấy nó không có gì đáng quan trọng, nhưng khi ấy vì còn non dại nên chúng ta quan trọng nó một cách thái quá và khổ vui theo nó một cách vô ích. Gẫm xa hơn nữa là khi chúng ta nhắm mắt lia đời, những thứ ấy đều để lại, không đem theo được thì thử hỏi nó có giá trị gì không? Nếu không có lần ngồi gẫm xem lại cho kỹ để nhận ra thì chúng ta sẽ tiếp tục làm người non dại muôn đời trong ngôi nhà trí giác chân thật của chính mình. Vì chúng ta không có cái gì hơn những thứ tầm thường trong đời nên bị nó cuốn hút và làm cho mình khổ. Nếu chúng ta có cái gì hơn nó thì nó sẽ trở thành tầm thường. Khi chúng ta sống trở về với tánh giác mạnh mẽ rồi thì sẽ có niềm an vui vô thượng, những thứ bên ngoài này quý vị không cần bỏ mà tự nhiên nó mất giá trị, không còn đủ giá trị tác động lên thân và tâm mình nữa. Không cần bỏ mà nó tự mất giá trị, có và không giống nhau, ngay đây quý vị đã được giải thoát. Thực tập tọa thiền đúng pháp chính là giúp quý vị trở về với sức giác đó. Khi sức giác đủ lớn, đủ mạnh, tự nhiên quý vị sẽ có được niềm vui, trí tuệ sáng, định tĩnh cao, niềm an lạc lớn. Chính lực đó sẽ giúp cho chúng ta giải thoát ngay trong cuộc sống hiện tại, nơi chợ búa, công sở, gia đình. Khi những thứ bên ngoài không còn đủ giá trị làm mình lung lay nữa thì chính là lúc chúng ta đã được giải thoát rồi. Nếu chúng ta đã no cái thương vị thiền rồi thì những cái còn lại tự nhiên sẽ chia tay mình, dù có đối diện hay không đối diện cũng không dính dáng. Công năng tọa thiền rất lớn là vậy.

Quay trở lại, chúng ta sanh tử là do nghiệp, mà nghiệp là do thân, miệng, ý tạo. Ý khởi nghĩ, miệng nói, thân làm theo, tạo nghiệp, có sanh tử, có khổ đau. Nếu ý không nghĩ thì thân, miệng có làm được gì không? Cho nên trị ngay nơi ý. Khi ý vừa khởi lên mà đi theo thì tạo nghiệp trong sanh tử. Bây giờ ý khởi lên, chúng ta lắng lại, không theo, không tạo nghiệp thì dứt sanh tử. Tọa thiền, lắng những niệm tưởng lại là một biện pháp dứt nghiệp. Đức Phật nói Niết Bàn là cùi hết, lửa tắt. Tọa thiền có giá trị lớn như vậy, nhưng đơn giản và thực tế vô cùng.

3. NHẬN BIẾT ĐỂ CHUYỂN HÓA

Thiền là một danh từ rất nhiều người mượn để làm hình thức che giấu những cái khác ở bên trong. Vì vậy, khi tu thiền, quý vị cũng phải nắm vững những điều cơ bản, nếu không dễ bị chữ thiền này làm lòa mắt, khiến chúng ta thực hành sai. Đó là lý do nhiều người nói tu thiền điên. Muốn kiểm tra có đúng hay không, phải từ tâm mà nghiệm biết. Cơ bản là các phương thức làm lảng lại các vọng niệm, tâm minh tự sáng ra, đó là đúng. Còn nếu tìm cầu một điều gì đó ở bên ngoài thì không đúng. Con mắt của chúng ta chỉ thấy các vật bên ngoài mà không thể tự thấy được con mắt. Như vậy, thấy là thấy cái gì bên ngoài rồi chứ không phải thấy con mắt. Con mắt không thể thấy con mắt mà chỉ có thể thấy cái ly, bông hoa, đồng hồ... Chỉ là khi thấy hoa, đồng hồ thì biết con mắt mình đang sáng chứ không thể thấy được con mắt của mình. Cũng vậy, khi thấy một cái gì đó, dù đó là hào quang hay ánh sáng lạ thì nó đều là cái bên ngoài, không thật, không phải là tâm mình. Nếu chính thực là tâm mình thì chỉ có thâm nhận chứ làm sao mình lại thấy trở ngược lại cái tâm của mình được! Trên thế gian này, vật chất quý nhất là vàng ngọc, nhưng nếu nghiền nát bỏ vào mắt thì có thấy xốn không? Con mắt vốn tự thể là trong suốt, nó không nhận thêm bất cứ một thứ gì dù đó là vật quý nhất trên thế gian này. Cũng vậy, bản tâm chúng ta vốn tự lặng trong, thanh tịnh, vốn không một vật. Ánh sáng, hào quang hay bất cứ cái gì bên ngoài cũng chỉ giống như mạt vàng làm xốn thêm con mắt mình mà thôi. Tâm nó không nhận tất cả những thứ đó. Cho nên các Ngài nói, khi ngồi thiền, gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma. Phật hay ma trong khi mình ngồi mà thấy chẳng qua chỉ là ảo tưởng thôi, ma cũng có thể hóa thành Phật để dụ dỗ mình. Cho nên Phật là tự tâm, không phải tìm cầu bên ngoài. Nếu tu tập đúng, mình trở về tâm Phật noi chính mình. Còn nếu mong cầu Phật tới thì ma sẽ hóa hiện đến lôi kéo mình làm quyền thuộc của ma. Khi tọa thiền, những gì diễn ra đều là giả. Thấy cái gì đó bên ngoài dù là hay cũng không phải tâm mình, thêm vào chỉ làm tâm bị ô nhiễm thêm mà thôi. Tô Huệ Năng nói: “Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nho”. Đức Phật dạy, ngoài tâm mà cầu Phật thì đó là ngoại đạo. Ngồi thiền mà thấy ánh sáng này, hào quang nọ, đó là hiện tượng bên ngoài, không dính dáng đến bản tâm, chỉ cần không để ý đến thì nó qua. Còn nếu thấy vậy rồi nghĩ mình đã chứng thánh là sai, dễ dẫn đến bệnh hoạn. Cho nên không biết tu thiền mới là điên, còn nếu biết thì rất tốt.

---000---

4. BUÔNG XUỐNG

Bây giờ đi thẳng vào việc thực tập. Tu thiền nói khó, thực ra không phải khó. Quý vị nghĩ tâm mình ở đâu, nơi mình hay nơi người khác? Nơi mình thì mình có quyền lấy lại dễ dàng. Chung quanh mình có vàng bạc, châu báu, nhà cửa..., quý vị thử bỏ đi có được không? Vẫn có thể bỏ được. Rồi bà con thân thích, quý vị đóng cửa một ngày dưỡng bệnh, không gặp ai hết, cũng bỏ được. Gần nhất là thân mình đây, quý vị đừng nghĩ đến nó nữa, thử bỏ một chút có được không? Được. Vì có cái để bỏ mà. Rồi tâm của mình, nghĩ đúng, nghĩ sai, nghĩ trái, một lúc nào đó không nghĩ nữa, bỏ cũng được. Của cải vật chất, bà con thân quyến, bạn bè, thân tâm suy nghĩ, quý vị thử bỏ hết, ngồi lắng lại, đừng suy nghĩ gì hết, quý vị có nghe thấy quý Thầy nói không? Có nghe. Minh lắng trở lại vẫn nghe được, quý vị có dẹp đuỗi cái nghe này đi được không? Không, mà cụ thể là chúng ta đang nghe thấy rõ ràng, đúng không? Ngay cái thấy, cái nghe chưa động đây, là quý vị đang sống bằng cái thấy biết của thiền. Những cái gì bỏ được, chúng ta đã bỏ rồi, còn một cái không thể bỏ được, muốn bỏ cũng không được, thì cái đó mới trung thành với chúng ta. Cái gì bỏ được thì không trung thành, có ngày nó sẽ ra đi. Còn cái không bỏ được thì chính nó luôn là mình, chính thực là mình.

Có vị Tăng đến hỏi Thiền sư Tùng Thảm ở Triệu Châu:

- Khi một vật chẳng đem đến thì thế nào?

Sư đáp:

- Buông xuống đi.

Một vật đã chẳng đem đến, tức là không còn có gì cả, nhưng vì sao ông Thầy này lại còn thấy có vấn đề để hỏi? Nếu còn có một vấn đề gì đó để hỏi là còn có một vật rồi, buông nó xuống luôn đi! Khi buông sạch rồi, không còn gì để buông nữa, thì nhìn lại coi, ai đang biết hỏi đáp một cách rõ ràng đó? Ngay đó khéo thể nhận lấy thì toàn thể hiện bày.

Khi gạn tất cả mọi thứ, còn một tánh sáng lặng chưa từng động, ngay đó mà sống thì đó là thiền. Cho nên Sơ Tổ Trúc Lâm nói: “Buông xuống! Buông xuống! Cái buông chẳng được, chính là kẻ ấy.” Cái buông cũng không được, bỏ cũng không được, nó chưa hề bị sanh diệt chính là cái chân thật của mình. Sống ngay đó là phải. Như vậy chúng ta mới thấy sự tu tập thiền là sống bằng tâm đó. Tu thiền là gạn những cái huyền hóa để nhận lại cái thật, sống với cái đó thì quý vị không muốn giải thoát cũng tự giải thoát. Khi quý vị an định, tâm sáng, trí sáng, tất cả mọi thứ tràn đầy niềm vui thì

những cái thế gian tự nhiên mất giá trị với mình, không còn đủ sức tác dụng chi phối mình, ngay đó tự mình giải thoát, không tìm cầu một cái gì đó bên ngoài. Sự giải thoát có ngay trong cuộc sống cho đến lúc chết cũng vậy thôi. Khi nhắm mắt xuôi tay, tất cả mọi thứ bỏ lại, đối diện mọi thứ trong trạng thái tĩnh, lực đó làm chủ nghiệp và chúng ta muốn đi đâu là quyền của chúng ta. Đây là năng lực cơ bản ban đầu của người tu thiền.

Từ từ thực tập rồi quý vị sẽ thấy. Khi ngồi thiền mà chúng ta chưa biết dụng công thì tự nhiên nhiều thứ nó chi phối mình. Nhưng khi biết rồi, chỉ cần giác trở lại thì những thứ đó tự nó tiêu tan, không còn. Việc này không khó, có khó chẳng là tại chúng ta chưa tập quen nên thấy khó trở về, còn tập quen lâu ngày thuận thực rồi thì rất dễ, vì ngay nơi chính mình chứ không phải ở đâu hết.

---o0o---

5. DỤNG CÔNG CHÁNH THỐNG THIỀN

Kế nữa đi vào thực tế, trong bốn oai nghi, đi cung thiền, đứng cung thiền, ngồi cung thiền, nằm chúng ta cũng có thể thực tập được, nhưng ngồi vẫn là một tư thế thù thắng giúp cho chúng ta có sức tĩnh cao, mạnh mẽ và có hiệu quả nhất. Cho nên cần phải thực tập tọa thiền là vậy. Khi ra chợ chúng ta vẫn ứng dụng được, chỉ cần tĩnh trở lại, không theo cảnh thì chúng ta đã sống với thiền rồi. Cho nên vua Trần Nhân Tông nói: “Đối cảnh vô tâm chờ hỏi thiền”. Khi đi, khi nói chuyện, trên tất cả mọi thứ chúng ta luôn tĩnh trở lại, luôn lặng sáng để làm tất cả việc thì lúc đó là thiền rồi. Nhưng nếu muốn có công phu mạnh mẽ, hiệu quả cao hơn, thời gian tu tập nhanh thuận thực hơn thì chúng ta phải tọa thiền. Ngồi là thế tốt nhất, ưu việt nhất nên muốn tu tiến, chúng ta cần phải ngồi thiền. Nếu quý vị nghe nhiều, hiểu nhiều mà không thực tập thì nói chỉ uống công mà thôi. Quý Thầy nói nhiều mà quý vị không thể nghiệm thì cũng chịu, giống như đến ngân hàng, đếm bao nhiêu tiền mà về nhà không có gạo ăn. Mình đang bị bệnh, đến bác sĩ kê thuốc để uống cho hết bệnh, quý vị mua thuốc về nhưng không uống thì có lành bệnh không? Cũng vậy, nghe nói nhiều, hiểu nhiều mà quý vị không thực tập thì một thời gian sau, chắc chắn quý vị cũng sẽ cảm thấy nhảm chán với những lý thuyết này thôi. Chúng ta chỉ cảm thấy hân hoan, nhận ra giá trị chân thật khi tự thân chúng ta dụng công, thể nghiệm. Cho nên, thực tập tọa thiền là điều cần thiết. Chỉ khi thực tập tọa thiền, thể nghiệm, nhận chân được giá trị đích thực thì chúng ta mới thích thú, phần chân trong công

phu tu tập, mới có duyên sâu với chánh pháp, đòi đòi sanh ra sức giác này sẽ nhắc thức mình sớm giác ngộ, tiếp tục tu hành, không bị lầm đường lạc lối.

Muốn tọa thiền tốt, chúng ta phải chuẩn bị trước khi tọa thiền. Nếu ăn no thì phải nghỉ ít nhất đến hai tiếng đồng hồ sau rồi ngồi thì mới tốt. Còn nếu đang no mà ngồi liền thì thần kinh phải tập trung làm việc với bao tử khiến cho chúng ta cảm thấy buồn ngủ hoặc là nặng nề ì à ì ạch, rất khó tập trung, hơi thở bị thô phù làm cho mình tán loạn nhiều hơn, ngồi sẽ bị mệt. Vì vậy, ăn uống xong hai giờ sau quý vị mới nên thực tập ngồi thiền.

Thứ hai, trong khi ngồi, nếu chúng ta ăn đồ ngọt, đồ béo nhiều quá thì dễ bị nặng nề, dễ bị đau chân.

Kế nữa, khi chuẩn bị ngồi thiền, quý vị nên nhớ giờ này là giờ của mình, mình cần phải tập trung làm việc của mình. Trong một ngày 24 tiếng đồng hồ mình đã sống cho người khác rồi thì tối hoặc khuya, còn một ít thời gian, mình phải làm cho được việc của mình. Khoảng nửa giờ trước khi chuẩn bị ngồi, quý vị nhớ đi đứng cho nhẹ nhàng, ăn nói hạn chế, những chuyện đúng sai trong gia đình, xã hội, công việc làm ăn mình buông bỏ, đứng để trong đầu nữa, tốt nhất là chúng ta nằm buông thư, thư giãn, tâm mình buông, không nghĩ gì hết. Thân mình cũng vậy, buông lỏng các cơ, cho đến hơi thở cũng buông thở nhẹ nhàng, tự nhiên quý vị sẽ nhận thấy khinh an. Sau đó quý vị đứng dậy đi ngồi thiền thì sẽ dễ an định. Còn nếu trước khi ngồi thiền mà quý vị tranh thủ quá, đi cho nhanh, tính toán công việc, tất cả mọi thứ cứ đang còn lảng xăng lộn xộn mà bắt chân lên ngồi thiền thì hơi thở sẽ hỗn hển, không yên được. Rồi các chuyện cứ tấn công mình hoài, ngồi mấy tiếng đồng hồ giống như một đợt bị tra tấn mạnh làm cho mình rối lên, nhức nhích, mệt mỏi... không an vui. Khi bắt đầu ngồi xuống cũng vậy, tất cả mọi động thái đều nhẹ nhàng, còn nếu làm mạnh và thô tháo quá sẽ không hỗ trợ được tốt cho mình khi ngồi thiền. Cho nên muốn ngồi thiền hiệu quả chúng ta phải có các bước chuẩn bị tốt trước khi ngồi.

Kế nữa là thế ngồi, nếu quý vị ngồi khom thì hơi thở không thông, lâu ngày sẽ có trạng thái giống như bị đau bao tử. Khi bị như vậy, cứ ngồi thẳng, thở cho sạch hơi, mọi thứ thông thì sẽ hết các triệu chứng, không có gì trở ngại. Còn nếu ngồi mà căng thẳng quá, vì muốn ngồi cho thẳng mà ngực bị ẽnh về phía trước quá thì sẽ có tác dụng phụ là dễ bị sán, nghe tiếng động là bức mình, nghe hơi bị tức ngực..., Khi có các triệu chứng đó thì biết mình ngồi bị sai thế, phải chỉnh lại thế ngồi cho ngay thẳng, buông thông, thoái

mái, bình thường, hơi thở suốt thông thì các triệu chứng phụ sẽ hết, đừng cố gắng cho thăng rồi ưỡn ngực về phía trước quá sẽ không tốt.

Về cách dụng công, cái chính vẫn là trở lại nội tâm của mình, nhưng mà ban đầu do chưa thuần nên hay bị loạn động nhiều quá, thì đầu tiên dùng cách đếm hơi thở. Hít vô, thở ra đếm một, hít vô, thở ra đếm hai, đếm đến mươi thì bỏ, đếm lại từ đầu. Nếu đếm nửa chừng mà bị lộn hoặc bị quên thì cũng đếm lại từ đầu. Khi đếm hơi thở thuần rồi, quý vị cảm thấy thân tâm tương đối nhẹ nhàng, hơi thở thông, số đếm không bị lộn, vọng niệm thưa dần thì chúng ta chuyển qua tùy túc, hít vào hoặc thở ra, hơi thở đến đâu chúng ta biết đến đó, biết theo hơi thở một cách rõ ràng. Khi tùy túc thuần thực rồi thì qua bước thứ ba là biết vọng, biết những niệm khởi đó là giả, không có tâm dẹp đuổi, không đè nén mà chỉ là không theo. Đến khi dụng công thuần thực, quý vị xem lại coi, ngay khi biết những niệm đó là giả, không theo, thì “biết” đó là chúng ta “biết theo” vọng niệm hay là chúng ta “tự biết”? Ví dụ như khi thấy bông hoa thì phần đông chúng ta biết về bông hoa, biết theo bông hoa và khi không có bông hoa thì mình không biết. Còn nếu chúng ta tự biết thì đang sáng rõ, mình đang thấy thì khi có hay không có bông hoa mình vẫn đang thấy biết rõ ràng đây. Khi quý vị thấy mà thấy biết theo bông hoa, thấy niệm mà biết theo niệm, biết về một niệm nào đó thì niệm có rồi mình mới biết theo, thế là chạy theo đuôi niệm và như thế sẽ bị vọng niệm dẫn mình hoài, không thăng được là vậy. Cho nên ban đầu thì tạm dùng cái biết này để vong niệm nó không lừa gạt và dẫn mình đi. Đến khi dụng công khá rồi thì trăm ngàn muôn thứ có đến, quý vị chỉ cần an tĩnh lại, lóng lặng lại và tâm mình đang tự sáng biết rõ ràng đây thì mọi thứ tự tiêu tan, cháy hết, ngay đó quý vị đang sống bằng bản tâm chân thật chính mình. Sống bằng tâm thái đó thì ngay khi biết là chân tâm mình đang hiện tiền, ngay đó chúng ta đã bắt đầu sống được với thiền rồi.

Quý vị cứ yên lòng thực tập từ từ, rồi quý Thầy sẽ chỉ, đừng gấp quá, giống như mình đang tập đi chập chững thì cứ đi từ từ, khi tiến nhanh hơn một chút, quý Thầy sẽ dùi thêm, chứ đi chập chững mà ham chạy thì sẽ bị té.

Xưa kia, Mã Tỗ Đạo Nhất hằng ngày chuyên tọa thiền, ngài Nam Nhạc Hoài Nhuệ thấy vậy biết đó là bậc pháp khí (người hữu ích trong Phật pháp) nên đi đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì?

Đạo Nhất thưa:

- Để làm Phật.

Sau đó, Sư lấy một cục gạch đén trên hòn đá ở trước am Đạo Nhất ngồi thiền mà mài. Đạo Nhất thấy lạ hỏi:

- Thầy mài gạch để làm gì?

Sư đáp:

- Mài để làm gương.
- Mài gạch đâu có thể thành gương được?
- Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được?
- Vậy làm thế nào mới phải?
- Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?

Ngồi kiết già đó mà không biết dụng tâm thì cũng không thể gọi là thiền. Cái thân có nhúc nhích là do cái tâm ở bên trong. Nay giờ ngồi để làm Phật mà không nắm vững cách dụng tâm thì làm sao thành Phật được. Thân này là chiếc xe, mà tâm là con trâu. Chiếc xe thì vô tri vô giác mà con trâu mới có tri giác và mình điều khiển được. Ngồi là một phương pháp hỗ trợ để chúng ta định tâm tốt nhất, ngồi đó là một tư thế để điều trị tâm thì mới chính là ngồi thiền chứ không phải ngồi là thiền. Không phải thấy ai bắt chân lên ngồi kiết già là thiền, mà phải hỏi ngồi để làm gì, ngồi như thế nào và dụng công như thế nào, gạn kỹ thì mới biết là đúng hay không. Cho nên cái dụng công chính vẫn là từ tâm. Cụ thể là ban đầu khi mới tập ngồi, vọng tưởng nhiều quá cho nên chúng ta đếm hơi thở. Phương pháp này rất quan trọng, quý vị đừng bỏ qua. Nó sơ cơ, nhưng là nền tảng. Ban đầu ngồi chưa quen, hơi thở còn thô phù, hỗn hển cho nên định lực chưa có và vọng tưởng sẽ nhiều. Khi quý vị đếm hơi thở là tạm thời mượn hơi thở để quên cái vọng tưởng kia. Dụng công như vậy một thời gian thì hơi thở của mình sẽ tự nhẹ lại, vi tế hơn, thân mình sẽ trở nên khinh an, dễ chịu. Chính cái nhẹ lại, khinh an, thưa dần vọng niệm sẽ giúp mình có sức làm chủ vọng niệm. Khi chúng ta đếm không lộn, thuần rồi thì qua tùy túc theo hơi thở. Theo hơi thở thuần rồi thì qua biết vọng, thấy vọng tưởng biết là giả nên không theo. Khi quen rồi mới xem lại biết là biết theo vọng niệm hay tâm tánh mình đang tự

sáng biết. Khi thê nhận tâm mình đang tự sáng biết rồi thì ngay khi biết là chân tâm, là tánh Phật hiện tiền. Sống ngay đó là tu thiền chánh thống.

---00---

6. ĐIỀU HÒA THÂN TÂM KHI TỌA THIỀN

Thường quý vị mới tập thì ngồi khoảng chừng 15 – 30 phút, trải qua khoảng 1-2 tuần thấy thuần thực muốn tiến thêm thì tăng lên 5 phút. Ít nhất phải một tuần sau mới tăng thêm 5 phút nữa. Nếu cảm thấy đau quá thì hai tuần sau rồi hãy tăng thêm. Khi tăng rồi, đừng có lùi lại, thì chúng ta sẽ tiến. Còn nếu ham quá, tăng một lần nửa tiếng, gồng quá vài bữa sau nghe đến giờ ngồi thiền thì liền có cảm giác chán ngán, hơi ớn ớn và sợ, như vậy là hư việc. Cho nên tu phải có khoa học thì mới bền, và điều kiện để tiến nhanh nhất chính là phải có điều độ, liên tục. Giờ sáng, giờ tối, giờ nào quý vị cảm thấy có thời gian tự do cho riêng mình thì chọn giờ đó để ngồi, và tới giờ đó quý vị luôn tập trung để ngồi thì quý vị sẽ tiến. Còn bữa nay ngồi, mai không ngồi nữa thì sẽ tiến chậm hơn. Nếu quý vị giữ điều độ thì sẽ mau tiến, còn không điều độ thì vẫn tiến, nhưng chậm hơn. Trồng cây cũng vậy, ươm mầm rồi tưới điều độ thì cây sẽ lên, còn lâu lâu mới tưới một lần thì cũng lên nhưng yếu ớt.

Thứ hai, phải nhớ ngồi thiền là tự nguyện để an tâm mình chứ không phải là ai bắt buộc, cho nên giờ ngồi phải chủ động, mạnh mẽ, thì ngồi sẽ có kết quả. Còn ngồi giống như là ai bắt buộc, ngồi cho có thì ngồi là ngồi đó thôi chứ trâu hoang vẫn cứ chạy rong, không có hiệu quả.

Thứ ba, quý vị nên nhớ, con người chúng ta thường muốn có kết quả sớm quá, hễ làm gì là muốn phải có kết quả liền, khi không có kết quả thì chán, muốn bỏ. Nhưng nếu cái gì dễ quá thì không quý, khó mà làm được thì mới quý. Cái gì hay thì hay, nhưng phải có thời gian thực hành thì mới đạt đến được, nếu nôn quá thì dễ bỏ cuộc. Cho nên khi tu thiền, muốn tiến bộ, chúng ta phải có sự thiết tha, tức là mình mong muốn, thích thực tập cho được, giống như đói muốn ăn, khát muốn uống. Ngày xưa có nhiều vị khi đi tu, có người nói tu khó lắm thì chỉ trả lời một câu: Thích là làm được. Khó gì thì khó mà thích thì làm được. Ngoài đời cũng có nhiều việc khó vô cùng, nhưng khi thích thì làm được. Tu tập cũng vậy, thích là chúng ta làm được. Từ cái thích đó, chúng ta phải có sự thiết tha, sau đó rồi phải có quả cảm, phải có sự gan dạ, dám làm. Thứ ba là phải trường viễn, không phải là một ngày một bữa mà tu là thực hành mãi, bất cứ khi nào chúng ta thực hành

công phu là chúng ta đang ăn vị thiền, sống trong nhà thiền và chính cái tâm thiền đó sẽ giúp cho chúng ta lớn mạnh và giải quyết sanh tử. Lập được ba chí đó là chúng ta thành công. Còn nếu không thiết tha, làm cho có thì yếu, không tiến bộ nhiều. Chúng ta làm mà muốn được liền, nếu chưa được thì dễ nản, như vậy cũng không được. Còn nếu nhát gan quá, không tin tâm mình là Phật, không tin mình có khả năng thành Phật, ngồi mỗi chân một chút là muốn thả ra, buồn ngủ thì thả ra đi ngủ, đau chân một chút là sợ, không quả cảm, không dám làm thì sẽ không thành công.

Khi đau chân, nếu quý vị gồng thì sẽ càng đau, lúc đó không nên gồng mà ngồi thẳng, hít sâu thở nhẹ cho thân tâm lưu thông, đừng để ý đến cái đau thì tự nhiên cái đau sẽ tan biến. Ví dụ như khi có dao lam cắt vào tay mình, đầu tiên là đau. Bây giờ sẽ có hai cái nhìn về cái đau này, thứ nhất là kêu đau quá, lo lắng, biết theo cái đau mà quên tánh mình đang sáng biết thì cái đau sẽ nhân gấp đôi làm cho mình hoảng loạn. Còn khi đau, nếu mình đang tỉnh sáng để nhìn nó thì tự nó tách ra khỏi mình, mình đang sáng biết một cách rõ ràng thì cái đau sẽ giảm dần đến khi trong lặng bình thường, nó không còn dính dáng gì đến mình nữa. Khi đang lặng sáng để nhìn, tức là đang ở trong thiền để nhìn. Như thế cái đau này sẽ mất tác dụng với mình.

---o0o---

7. THẤU TỘT TRÍ VÔ SỰ

Khi đã thực tập ngồi thiền tương đối ổn rồi thì trong sinh hoạt hàng ngày quý vị cũng có thể ứng dụng công phu được. Nếu chờ ngồi mới thực tập, tới giờ tu mới dụng công thì ít quá. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nếu khéo một chút, chúng ta cũng thực tập thiền được. Ngày xưa, khi lên xe, chúng ta nghĩ bao nhiêu việc phải làm, rồi sự nhớ lại từ nãy giờ lái xe mà không biết mình lái. Đó là mất mình, là quên thực tập thiền. Bây giờ chỉnh lại, tỉnh sáng rồi mới chạy xe, thì mọi thứ trong lặng, rõ ràng, chạy xe rất an toàn, thoi thóri. Đến công sở ngồi vào bàn làm việc cũng vậy, tỉnh trở lại hãy làm, có mặt mình hãy làm thì công việc thông suốt. Ra chợ, tỉnh lại rồi mua đồ. Vào bếp, tỉnh lại rồi nấu nướng... Tất cả mọi việc đều như vậy, tỉnh lại, nhớ lại rồi làm. Vận hành công việc khi đang tỉnh như vậy thì công việc vẫn đang vận hành mà không động. Đây là quý vị đang sống trong thiền mà làm và làm như thế thì tâm mình được an định, trí sáng, cuộc sống trở nên an vui, tươi mát hơn. Còn quên mình mà làm thì đang động, tâm mờ tối, trí rối loạn, dễ bị công việc chi phối và đưa đến khổ đau.

Thường chúng ta hay quan niệm mình có trí thông minh, có được sự hiểu biết là nhờ thầy cô giáo dạy dỗ cho mình. Nhưng nếu chỉ có thế thôi, chỉ nhờ dạy mới hiểu, chờ dạy dỗ mới có trí thông minh và thầy cô giáo có thể cho chúng ta sự thông minh một cách trọn vẹn, thì thầy cô giáo có thể giảng cho cái cột nhà hiểu được không? Không. Vì cái cột nhà nó không có khả năng hiểu. Nhưng nếu giảng cho quý vị nghe thì quý vị có hiểu không? Có, phải không? Bởi vì chúng ta có khả năng hiểu. Như vậy, trước khi hiểu những lời giảng này thì quý vị đã sẵn có cái khả năng tự hiểu nơi mỗi người rồi, thì mới hiểu lời dạy này. Cũng vậy, thầy cô giáo muốn dạy cho học sinh nên người thì trước tiên, con người ta đã có một khả năng tự hiểu trước, họ mới hiểu được lời dạy của thầy cô giáo. Vậy thì, mỗi người đều có khả năng tự hiểu, khả năng sáng, khả năng đó đang có ở nơi tất cả chúng ta. Nhưng thông thường con người chúng ta chỉ lo học theo một phần bên ngoài mà bỏ quên đi khả năng nơi chính mình. Đây là cái sơ sót của con người và quý Thầy đi tu là để tìm lại cái phần bị bỏ rơi sót đó để được đầy đủ trọn vẹn hơn chứ không bỏ cái gì cả. Bỏ quên trí gốc này thì sống, làm việc, sinh hoạt..., tất cả mọi thứ đều động, không giải quyết được sự đau khổ trong đời. Chúng ta chỉ sống trong mộng mị, làm mọi việc mà như người trong mộng đang ngủ mê nói梦, sống mà như chết. Nhận lại trí gốc này thì mọi thứ vẫn vận hành như vậy, nhưng với mình thì lặng trong, không động bao giờ. Ngay đó mới cảm nhận cuộc sống một cách trọn vẹn.

Khi quý vị đang nghe đây mà nghĩ đi chỗ khác là đã quên mất mình rồi. Cũng khi nghe nói đây, quý vị chú tâm nghe quý Thầy nói chuyện thì tưởng như là đang nhất tâm, an định. Nhưng lát nữa rời chỗ này đi ra ngoài thì quý vị có bị động trở lại không? Bị động liền, phải không? Cho nên, khi quý vị chú tâm như vậy ngõ là nhất tâm, nhưng khi ra ngoài bị biến đổi thì mới biết đó chỉ là tướng tịnh do cột tâm mà có thôi. Tướng tịnh này đối đai với cái động kia nên có còn, có mất, có sanh, có diệt. Mà tướng thanh tịnh này có còn, có mất thì nó chưa phải là cái tịnh tuyệt đối. Vì sao? Vì khi quý vị chú ý lắng nghe là vin theo lời này mà chú ý, đó là đã bỏ quên mất chính mình. Đây là bỏ nhà đi ra, mà đi ra là bị rơi vào sanh diệt, nên biết tướng tịnh đó chưa phải là chân thật. Nay giờ quý vị đừng chú ý nữa, cũng trạng thái lặng mà sáng biết này, an trở lại nơi chính mình thì tự tánh đó nó sẽ tự động nghe một cách linh thông, không ngăn ngại. Bằng tâm đó, dù ngồi đây hay đi chỗ khác thì tánh thầy biết đó vẫn luôn hiển hiện, không động, không thiêu vǎng bao giờ. Bản tánh này vốn nó tự tịnh, tự định. Chỉ sống trở lại thì tự tính chất nó là an định, muôn động cũng không được, chứ không phải làm cho trở nên an định. Nếu có làm cho được định thì cái định đó sẽ bị sanh diệt đổi thay và không thật. Ngay cái thấy chưa từng động đó là quý vị đã sống trọn vẹn

với con người chân thật nơi chính mình rồi, là sống với khả năng căn bản thông minh của mình rồi. Bằng cái sáng biết đó để nghe lời giảng thì được cả hai, vừa sống về trí giác không động, bằng trí giác đó mà nghe thấy suốt thông một cách rõ ràng, thông minh hơn rất nhiều lần so với cái hiểu biết phân biệt có giới hạn kia. Còn bỏ quên cái đó mà nghe lời này thì chỉ được một nửa hiểu biết vọng động theo lời bên ngoài mà thôi, không phải là bằng trí gốc căn bản nơi chính mình để sáng biết không động.

Khi sống trở lại trọn vẹn với chính mình thì mọi việc sẽ tự luân lưu một cách thông suốt, hiệu quả nhưng không động. Ra chợ, ngồi làm việc, vào bếp nấu ăn... quý vị nên tĩnh lại rồi hãy làm. Trong trạng thái tĩnh đó, quý vị đang sống bằng tâm thiền, thì những hành động đó tuy động mà tâm ta không động. Ngay trên công việc, trên cảnh mà không động thì đã có tác dụng của thiền rồi. Còn nếu như làm mà quên mình thì sẽ động, mà động là sanh tử, là khổ đau. Còn tĩnh lại là vô sanh, là được an lạc giải thoát. Ngay khi làm đó, quý vị đã chứng nghiệm được thiền rồi, cái trí đó tự mình sẵn có chứ không ai cho mình được. Đây gọi là trí vô sự, là trí gốc sẵn có không do thầy dạy. Còn trí do học hỏi được từ thầy mới có là trí hữu sự, đây là cái dụng bên ngoài thôi. Trên chánh điện có câu “Vô sự trí vi tôn”, tức là cái trí thể vốn chưa từng sanh diệt, sẵn đủ nơi mỗi người không phải do thầy dạy mới có, trí đó là tôn quý hơn hết. Quý vị thực tập tọa thiền là sống bằng trí đó, hàng ngày quý vị tĩnh lại mà sống thì đang sống bằng trí đó, không bị thế gian làm mình động. Trí đó, linh thông, sáng suốt, vĩ đại hơn tất cả trí thế gian. Trí đó giúp cho ta làm chủ cuộc sống. Chính sức tự chủ đó, sức sáng đó, sức định đó là niềm an vui vô tận. Nó đủ lớn để các việc thế gian không đủ giá trị tác động lên mình. Ngay khi quý vị sống được như vậy là lòng mình tự mở ra, thương cho những người khác vì sao lại mê mờ mà không cảm nhận được như mình. Bằng cái trí sáng, thương về cái mê, đó là từ bi. Như vậy, ngay khi có trí thì có từ bi, còn quên trí mà nói từ bi thì không phải. Rời trí đó thì dù cho tình thương có bao la rộng lớn đến đâu, nó cũng chỉ là bác ái thôi, không phải từ bi. Như vậy, chỉ cần trở lại tâm thiền, sống với thiền thì tự nhiên những giá trị khác tự tròn đủ. Cho nên ngài Huyền Giác nói: “Lục độ vạn hạnh thế trung viên” tức là sáu độ muôn hạnh, tự tròn đủ trong thể tánh mỗi người chúng ta là vậy.

TRĂNG THU

Hôm nay là ngày mười bốn tháng tám, gần tới ngày rằm Trung thu, mà Trung thu thì mọi người thường nói về trăng. Trong nhà Phật cũng thường dùng vàng trăng để nói lên đạo lý theo hai chiều, chiều thuận và chiều nghịch. Nói về vàng trăng theo chiều thuận nghĩa là sao? Là dùng vàng trăng để chỉ cho ánh trăng chân thật nơi mỗi người, còn chiều nghịch là quên đi vàng trăng nơi chính mình mà theo ánh trăng bên ngoài. Hôm nay nhân ngày Trung thu, chúng ta cùng nhau xem lại từ chư Phật đến các vị tổ sư và các bậc cổ đức đã dùng vàng trăng để nói lên đạo lý như thế nào, và chúng ta nên vui với vàng trăng nào thì tốt. Cho nên đề tài nói chuyện với quý Phật tử hôm nay là “Trăng thu”.

---00---

1/ HÀNH VI THIỆN ÁC CỦA MỖI NGƯỜI VỚI VÀNG TRĂNG.

Trong Kinh A Hàm, Đức Phật dạy: “Người làm thiện cũng giống như mặt trăng, người làm ác cũng giống như mặt trăng”. Tại sao vậy? Bởi vì người làm thiện giống như mặt trăng từ mùng một đến rằm, ngày càng sáng tỏ thêm lên, còn người làm ác cũng giống như mặt trăng, nhưng từ ngày rằm đến đêm ba mươi, ngày càng khuất lụi dần vào bóng tối.

Tất cả chúng ta, hễ ai được sanh ra đời, mang thân người tức là đều có phước phần nhất định, giống như một mặt trăng đang sáng với phước đức tương ứng mà mình có được. Nhưng nếu chúng ta không biết nương phước đức đó để vun bồi thêm, làm cho cǎn lành ngày càng tăng trưởng mà ngược lại, tạo thêm bao nhiêu nghiệp không tốt, cô phụ phước đức mà mình hiện có để rồi phải chịu trầm luân đi xuống thì hạng người này cũng giống như mặt trăng từ ngày rằm đến đêm ba mươi, lụi dần vào bóng tối. Như vậy thật đáng buồn. Còn những người khi mang thân người, biết nương mặt trăng đang sáng của mình để tiếp tục tu tập trong đời sống hằng ngày, làm cho phước lành của mình ngày càng tăng trưởng, giống như mặt trăng từ mùng một đến ngày rằm, ngày càng sáng tỏ hơn.

Tương tự, trong Kinh A Hàm, Đức Phật cũng chỉ rõ bốn hạng người ở thế gian:

Hạng thứ nhất là từ tối vào tối.

Hạng thứ hai là từ tối đến sáng.

Hạng thứ ba là từ sáng vào tối.

Hạng thứ tư là từ sáng đến sáng.

Hạng thứ nhất là người thiếu phước, sanh ra đời trong một gia đình thiếu thốn, không có đủ tiện nghi, tức là sanh ở chỗ tối. Người đó lại không biết đến Phật pháp, không biết làm lành, tu tạo phước đức mà lại tạo thêm các nghiệp ác cho nên ngày càng đi xuống và lẩn vào bóng tối, cho nên từ chỗ sanh ra đã tối tăm lại tiếp tục đi vào chỗ tối tăm.

Hạng thứ hai, cũng là người sanh ra trong một gia đình không đầy đủ các điều kiện tốt, nhưng biết rằng mình sanh ra phải chịu cảnh thiếu thốn thế này là do chính mình ngày xưa thiếu công đức tu hành, không biết tạo phước. Vì biết như vậy nên an phận với những gì mình đang có được, đồng thời tiến lên bằng cách học hiểu Phật pháp, tu tạo phước lành, giúp ích cho mọi người, làm cho phước đức của mình ngày càng tăng trưởng, để ngay hiện đời có được một cuộc sống tươi sáng, đời sau mình sẽ được tốt đẹp hơn. Như vậy thì tuy rằng đời nay coi như sanh ra trong chỗ tối nhưng sẽ tiến dần đến chỗ sáng.

Hạng thứ ba, là người sanh ra trong chỗ đầy đủ tiện nghi, nhưng do không đủ duyên để biết Phật pháp, không biết làm lành mà ngược lại còn tạo ác, cho nên tuy rằng ngày hôm nay có phước phần, nhưng ngày sau sẽ rơi vào chỗ xấu xa do nghiệp ác đời này tạo. Hạng người này được xem như từ chỗ sáng vào chỗ tối, giống như mặt trăng từ rằm dần tới đêm ba mươi.

Hạng thứ tư, là người sanh ra trong chỗ đầy đủ tiện nghi, có văn hóa, lại được gặp Phật pháp, biết tu tạo và tăng trưởng phước lành để đời sau càng thăng tiến hơn nữa. Đó chính là ở chỗ sáng mà tiếp tục đi vào chỗ sáng hơn.

Ngày nay, chúng ta hội đủ duyên lành được làm người, tức là mình đang ở chỗ sáng. Đang ở chỗ sáng rồi, mình phải đặt câu hỏi là ngày mai mình sẽ đi đến chỗ tối hơn hay sáng hơn đời này? Chắc không ai dại gì đi vào chỗ tối, phải không? Vậy phải làm cách nào để đi đến chỗ sáng hơn? Nếu muốn đời sau sáng hơn đời này thì không gì hơn là chúng ta phải học hiểu Phật pháp, khéo tu tập pháp lành theo lời Phật dạy, thì khi thân hoại mạng chung, nhất định mình sẽ đi trên con đường lành theo phước đức mình đã tạo, như vậy mới xứng đáng là mặt trăng từ mùng một đến ngày rằm.

2/ DUỐI ÁNH TRĂNG THU.

Giờ quý Thầy sẽ kể cho quý vị nghe câu chuyện về hai người bạn là huynh đệ cùng tu hành đã khuyên nhau dưới ánh trăng thu.

Xưa kia An Lộc Sơn vây hãm Đông thành, ông Lý Đăng bị cầm giữ cho đến chết. Lý Đăng có người con là Lý Nguyên, nhân thấy cha bị bắt và cầm giữ cho đến chết nên phẫn chí, tự thề không làm quan, không lấy vợ, không ăn thịt cá và bỏ nhà vào chùa Huệ Lâm. Ở trong chùa có một vị tăng là Viên Trạch. Vị Tăng này kết bạn với Ngài Lý Nguyên rất thân và cùng rủ nhau đi dạo Nga Mi Sơn. Ngài Lý Nguyên muốn đi đường Kinh Châu qua sông Tô lên đường núi, còn Ngài Viên Trạch thì muốn đi theo đường Tà Cốc, Trường An (tức Kinh Sư, kinh đô của đời nhà Đường). Ngài Lý Nguyên vì thề không làm quan nên không muốn đi theo đường Kinh sư nên nói: “Tôi đã dứt việc đời, há trở lại đường Kinh sư hay sao?”. Bấy giờ Ngài Viên Trạch làm thỉnh giây lâu, rồi mới nói: “Đi đúng cố nhiên chẳng do ý người”, do đó chiều theo ý ngài Lý Nguyên, đi theo đường Kinh Châu. Khi thuyền đến Nam Phố, thấy có một người đàn bà mặc quần gấm đang múc nước, khi ấy Ngài Viên Trạch giục mình, khóc và chỉ người đàn bà nói: “Tôi sở dĩ không muốn đi đường này là vì bà ta”. Ngài Lý Nguyên nghe vậy cũng giục mình không hiểu chuyện gì, hỏi nguyên do. Ngài Viên Trạch nói: “Bà này họ Vương, tôi sẽ làm con của bà, bà mang thai đã ba năm, vì tôi không đến nên không sanh được. Nay đã thấy rồi thì không còn trốn thoát được nữa. Ông nên dùng phù chú nguyện giúp tôi sanh ra mau, ba ngày sau, khi tắm đứa bé, mong ông đến với tôi, tôi sẽ cười để làm tin cho ông biết. Sau mười ba năm, dưới ánh trăng thu, phía ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu sẽ cùng ông tương kiến. Tôi đã ba đời làm Tỳ kheo tu thiền ở sông Tương, phía Tây chùa Nhạc Lộc, có một hòn đá to, tôi thường tọa thiền trên đó”. Nghe Ngài Viên Trạch nhắc lại kiếp trước của mình như vậy và giờ phải thác sanh như vậy, Ngài Lý Nguyên rất hối hận, vì người bạn đã theo ý mình đi con đường mình quyết định mà bị thác sanh vào người đàn bà này, nay nhân duyên tôi đành phải xa cách bạn, song không khỏi xót xa, ngậm ngùi. Đến chiều, Ngài Viên Trạch chết. Người đàn bà sanh được ba ngày, Ngài Lý Nguyên đến thì quả nhiên, đứa bé nhìn Ngài Lý Nguyên và cười. Sau mười ba năm, đến kỳ hẹn, vào đêm trung thu, Ngài Lý Nguyên tìm đến chỗ hẹn và chỉ nghe bên bờ sông Cát Hằng có một chú bé mục đồng gõ sừng trâu mà ca rằng:

Tam sanh thạch thượng cựu tinh hồn,

Thưởng nguyệt, ngâm phong bất yếu luận.

**Tàm quý tình nhân viễn tưởng phỏng,
Thủ thân tuy dị tánh thường tồn.**

Nghĩa là:

**Ba đời trên đá linh hồn cũ,
Hướng trăng với gió chalendar bàn.
Hỗn loạn tình người xa đến viếng,
Thân này tuy khác tánh còn nguyên.**

Có nghĩa là đã ba đời Ngài tu thiền trên đá ở phía Tây chùa Nhạc Lộc, bao nhiêu thú vui trăng gió của ngày xưa, hôm nay không còn là việc để nhắc đến. Nhưng gặp nhau trong khoảnh khắc này thì:

**Hỗn loạn tình người xa đến viếng
Thân này tuy khác tánh còn nguyên.**

Trong vòng luân hồi đã từng gặp nhau, đã từng tu hành với nhau, nay bạn đến đây thăm tôi, nhưng thân đã đổi khác rồi. Tuy thân đã đổi khác, nhưng tâm vẫn nhớ, bản tính kia chưa từng đổi bởi tử sanh, nên tánh vẫn còn nguyên.

Ngài Lý Nguyên nghe vậy, bèn gọi: “**Trạch công, ông có mạnh không?**”.

Ngài Viên Trạch nói: “Chân tín sĩ Lý Công! Ông duyên tục chưa hết, cảm thận chớ gần nhau, chỉ chuyên cần tu thì chẳng đọa, rồi sẽ gặp nhau nữa”.

Ngài Viên Trạch mới ca tiếp:

**Thân tiền thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.
Ngô Việt sơn xuyên tầm dã biển,**

Khước hồi yên trạo thường Cù Đường.

Nghĩa là:

Thân trước thân sau sự mịt mùng,

Muốn nói nhân duyên sơ điêng lòng.

Ngô Việt núi sông tìm đã khắp,

Khua chèo trở lại đến Cù Đường.

“Thân trước thân sau sự mịt mùng”, khi mình bỏ thân này sang đời sau, mình đâu có nhớ được thân trước mình như thế nào. Nhân duyên ngày xưa mình đã sống với mọi người, đã thân với ai, đã cùng nhau tu hành như thế nào, mình đâu có biết được?

“Muốn nói nhân duyên sơ biện lòng”, Ngài Viên Trạch muốn nhắc lại những nhân duyên xưa kia đã từng sống với nhau, cùng nhau tu hành thanh thoát như vậy, nhưng hôm nay không còn được diện kiến nữa. Nhưng sơ ngài Lý Nguyên nghe được thì hai bên sẽ rất đau lòng.

“Ngô Việt núi sông tìm đã khắp, Khua chèo trở lại đến Cù Đường”. Quanh quẩn trong vòng sanh tử luân hồi đã nhiều kiếp, tìm nhau cũng đã khắp chốn cùng đường, hôm nay vừa được gặp lại nhau thì lại vội ly biệt, nhưng vẫn còn một chốn yên bình, đến trong ấy sẽ được gặp nhau mãi mãi: “chuyên tu thì chẳng đọa, rồi sẽ gặp nhau nữa”.

Sau khi đọc bài kệ xong, Ngài Viên Trạch ản mắt và không còn thấy nữa. Ngài Lý Nguyên trở lại chùa sống hơn ba mươi năm và chết lúc tám mươi tuổi.

Ngày nay chúng ta được sanh ra làm người, đã có duyên lành gặp Phật pháp rồi thì mình phải cố gắng khắc tâm tu hành, tu hành sao cho đúng như lời Ngài Viên Trạch đã khuyên Ngài Lý Nguyên, để làm sao mỗi một đời, duyên tục của mình được gột bớt dần, chứ không có quyền dày thêm. Nếu như tất cả quý vị ngồi trong pháp hội này, ngày hôm nay mỗi người đều cố gắng tự gột bớt duyên tục thì ngày sau chúng ta sẽ tiếp tục gặp nhau giống như trong pháp hội này nữa, nhưng sẽ thanh thoát hơn, nhẹ nhàng hơn, vui tươi hơn, an ổn hơn. Duyên tục được gột bớt thì vàng trắng minh càng sáng

tở, như ánh trăng từ mùng một đến ngày mười lăm, không bị các mây tràn làm lu mờ.

---00---

3/ KHỒ ĐAU SANH TỬ LÂU DÀI

Tất cả chúng ta đã lăn lộn trong vòng luân hồi sinh tử này rất nhiều kiếp rồi, nhưng có ai biết được không? Mỗi một đời như vậy mà mình không khéo giác thì càng luân hồi. Càng lăn lộn trong bụi tràn đó bao lâu thì càng tốn bồi thêm duyên tục, vầng trăng trí tuệ nơi mình càng bị lu mờ bấy nhiêu. Đó là gốc, là nguyên nhân kéo theo bao nỗi khổ khác trong cuộc đời. Cho nên muốn hết khổ, muốn tiến lên thì không gì hơn là chúng ta phải bắt chước, học theo hạng người thứ hai và thứ tư, giống như mặt trăng từ mùng một đến ngày rằm.

Quý Thầy sẽ kể một câu chuyện để thấy mình đã trải qua vòng luân hồi dài và nhiều như thế nào. Trong Thích môn tự cảnh lục, có ghi lại câu chuyện của một vị Thánh Đạt Ma Mật Đa làm tăng đốt lò và chụm bếp.

Sau khi Đức Phật diệt độ, trong ngọn núi của xứ Kế Tân có bậc Thánh Tỳ kheo tên Đạt-Ma-Mật-Đa tài huệ hơn người, tọa thiền bậc nhất. Chỗ Ngài Đạt-Ma-Mật-Đa ở có ba lớp hang. Bấy giờ có hai vị tăng từ xa nghe tiếng tăm nên đi đến lễ bái, thấy tôn giả mặc y cũ kỹ xấu xí ở trước lò của tầng hang thấp nhất, vì muốn điều phục thân tâm mình mà làm vị tăng chụm lửa, đốt lò.

Khi ấy hai vị tăng hỏi: Trưởng lão Đạt-Ma-Mật-Đa đang ở đâu?

Ngài đáp: Ở trong phòng của tầng hang trên kia.

Hai vị tăng liền đi lên tìm. Tôn giả dùng sức thần túc phút chốc trở về phòng mình.

Hai vị tăng vừa gặp lấy làm lạ liền sanh nghi ngờ, hỏi: Đại đức là bậc Thánh nhân, uy danh đầy khắp cõi Diêm-Phù-Đề, tại sao lại tự cúi thấp mình làm tăng chụm lò như vậy?

Thánh Đạt-Ma-Mật-Đa đáp: Nay ông nên biết, ta gãm nhớ trong vòng sanh tử chịu khổ lâu dài. Vì thấy rõ cái khổ đó nên giả sử đầu và tay có thể nhen đốt được, ta sẽ vì chúng tăng mà đốt hết, huống nữa là những phần

khác của thân đem để chum lửa thì đâu đáng gì mà cho là khó? Ta nhớ lại vào thuở xa xưa trong 500 đời thường làm thân chó đói khát khổ sở. Tuy trải qua nhiều thân chó, nhưng chỉ có hai lần được no đủ. Một lần nhân có người uống rượu quá say ói mửa bên cạnh đường, ta đi ngang gặp được một lần no. Lại một lần khác làm chó trong nhà nghèo, hai vợ chồng nấu cháo đựng đầy trong niêu và có việc tạm đi vắng. Ta vì đói nên chui đầu vào trong niêu mà ăn, khi ăn được no rồi thì rút đầu ra không được. Người nhà về gặp như thế liền nỗi giận dữ lấy dao bén chém đứt đầu ta. Ta nghĩ đã thọ thân chó 500 lần, tuy có hai lần được no nhưng bị mất thân mạng. Thế nên gẫm lại trong sanh tử lâu dài quanh quẩn trong năm đường, tuỳ sanh ra nơi nào thấy đều chịu khổ. Cho nên ngày nay ta chẳng từ mọi nhọc nhằn, sao lại chối từ, không vì chúng tăng mà nhóm lửa?

Giờ xét lại mình, hôm nay mình tu hành là nhọc hay không nhọc? Nếu nói thuận tiện mà không nhọc nhằn thì không phải. Có khi vì sinh nhai mà tất bật từ sáng đến chiều, tối mới tranh thủ một chút thời gian ngồi thiền, nghe pháp, phải phán đấu lăm moi làm được. Xét lại hoàn cảnh của mình phải phán đấu để tu học Phật pháp thì rất là nhọc, nhưng nếu quý vị thấy được cái nhọc, cái khổ trong nhiều đời mê lầm mình đã trải qua là gian nan và đau khổ đến rợn người, thì cái nhọc nhằn phán đấu tu hành để thoát khổ ngày hôm nay có đáng phần nào không? Không đáng gì để mình phải ngại cả. Khi hiểu được lợi ích của sự tu hành là để thoát khổ, mình sẽ sẵn sàng tu hành tinh tấn hơn, khẩn thiết hơn, tha thiết hơn mà không hề biết mệt mỏi.

Quý vị thấy hiện tại mình sinh ra đời, sự khổ đau cũng nhiều chứ đâu phải là ít. Được làm người có phước như vậy mà còn khổ, huống nữa là sanh ra trong các loài kia thì còn khổ biết chừng nào. Mình đã lăn lộn trong sáu néo luân hồi biết bao lần, không ai có thể tính đếm hết được. Nếu cộng lại tất cả những loài mình đã trôi nổi từ vô thủy kiếp đến nay thì sự khổ đau lớn hay nhỏ? Khổ rất là lớn, vì vậy xét ra, khổ này là một lẽ thật. Các vị Thánh vì đã tỏ sáng đạo nhân nên các Ngài mới thấy được cái khổ trong luân hồi một cách rõ ràng. Bằng vào cái thấy của quý Ngài và bằng sự chiêm nghiệm của mình hiện tại, chúng ta mới thấy được nỗi khổ lớn trong sanh tử là một lẽ thực. Cho nên ngày nay muốn thoát ra khỏi cái khổ lớn đó thì không gì hơn là phải chuyên tâm lo tu tập. Một khi vầng trăng trí tuệ được tỏ rạng thì bóng đêm đau khổ sẽ tự trừ. Quý vị phải biết cách dẹp khổ, đừng nên chăm chăm nhìn vào cái khổ đó rồi nóng vội muốn cho nó qua thật nhanh, đừng nên để ý nó và cũng không có tâm niệm để mặc nó. Chỉ là ngay đó, tâm mình khéo lặng trong thì các khổ tự trừ. Thực tế thì hiện tại mình có khổ thực chứ không phải là không, nhưng thực ra cái khổ đó không có khả năng

làm cho mình khổ mà mình vẫn thấy khổ thực, là vì mình đang mê. Còn khi trí tuệ bặt sáng ra thì những cái khổ đó nhìn lại giống như một trò cười, không đáng, nhưng không hiểu sao mình lại khóc cười trên đó được. Quý vị thử nhớ lại những nỗi khổ thời ấu thơ, hiện nay đâu có giá trị gì? Rõ ràng nỗi khổ đó không thật mà hồi trẻ con mình lại thấy nó có vẻ khủng khiếp. Thì tương tự, những nỗi khổ hôm nay mình cho là ghê gớm, nhưng rồi ngày sau nó cũng chẳng còn có giá trị gì. Mới biết khổ đau là không thật. Và nên biết sớm, biết kịp thời để chúng ta khỏi phải mất một thời trả giá thương đau. Muốn được như vậy thì một mặt không theo các thứ bên ngoài, mặt khác phải thường giác tỉnh, khéo lặng lại trên các cảnh khổ đau. Khi lực giác tỉnh đủ lớn thì các khổ đau tự tiêu trừ, không cần nhọc công đuổi dẹp. Tu là để giác. Trở về tánh giác thì các vọng, nghiệp, khổ tự trừ, chứ không phải nhọc công đi dẹp những thứ huyền hóa không đâu đó. Có khi chúng ta nghe nói dẹp bản ngã, tiêu trừ nghiệp, giải thoát khỏi sự trói buộc khổ đau..., chúng ta liền tưởng tượng lập nên một bản ngã thật trong đầu để dẹp, có một cái nghiệp thật để tiêu trừ và có một sự trói buộc thật để cởi bỏ giải thoát. Đó là lầm. Đang khi chưa có gì thì thảng đó mà lặng trong, đừng lập thêm một pháp. Khi nó đến thì phải thấy rõ, nó là đồ giả, không thật, không theo nó, tìm lại sự lặng trong trên nó thì tất cả mọi thứ tự tiêu trừ. Dụng công như thế sẽ có hiệu quả và không phải nhọc nhiều công sức. Các bậc cô đúc đã thoát ra rồi, thấy rõ và đã nói lại cho chúng ta biết “nằm ở trong vòng luân hồi mà chịu cái khổ suông”, chỉ do chúng ta còn mê nên mới thấy có cái khổ thực. Nay giờ muốn hết khổ thì không gì hơn là phải siêng năng tu tập để vàng trăng trí tuệ được tỏ rạng thì bóng tối đau khổ sẽ tự trừ. Cho nên vấn đề cốt lõi muôn giải quyết được cái khổ lớn sanh tử thì chỉ cần tỏ sáng vàng trăng trí tuệ nơi chính mỗi người là xong.

---o0o---

4/ VỀ VỚI VÀNG TRĂNG CHÂN THẬT CHÍNH MÌNH.

Nay giờ quý vị đã thấy được giá trị của vàng trăng trí tuệ nơi mình là như thế nào. Hôm nay là ngày rằm, quý vị dù muôn hay không thì cũng đều đang tắm mình trong ánh trăng sáng vàng vặc áy. Nhưng phải coi lại, có khi đang tắm mình trong vàng trăng đó thì có biết làm cho vàng trăng áy sáng tỏ thêm lên hay là chỉ biết vui theo vàng trăng bên ngoài để vàng trăng kia lui dần vào bóng tối.

---o0o---

4.a/ Vui theo loạn động là đau khổ.

Muốn được tắm mãi trong vàng trăng ấy thì phải biết thường thức vàng trăng ấy như thế nào. Trước tiên đặt lại vấn đề, mình vui theo trăng gió bên ngoài là có lỗi hay không lỗi? Vui theo trăng gió bên ngoài là thanh thoát hay khổ đau? Thông thường, chúng ta nghĩ rằng mình ngắm trăng, thường trăng là cái vui thoát trần, không đến mức lỗi như đắm vào những thú vui trần tục khác. Không ai bắt lỗi mình trong đó cả, nhưng nếu nhìn kỹ hơn mới thấy, vui theo trăng gió bên ngoài là cả một sự thiệt thòi lớn cho chính mình. Nhìn được mặt đó mới thấy được cái lỗi nơi chính mình để từ đó, buộc mình ra khỏi chứ không ai bắt lỗi mình trong vấn đề này. Tại sao như vậy? Vì khi vui theo trăng gió bên ngoài là quên mất chính mình, và khi ấy không những trăng gió bên ngoài, mà bất cứ thứ gì bên ngoài cũng đều làm cho chúng ta quên mất chính mình cả. Mà quên mất chính mình, bất giác lao ra thì vòng luân hồi có ra từ đó. Bất giác lao ra để đi trong vòng sanh tử luân hồi thì sướng hay khổ? Dứt khoát là phải chịu khổ chứ không thể nào tránh khỏi. Vui với trăng thì thanh thoát, nhưng lỗi ở chỗ vui theo trăng bên ngoài, phải đánh lỗi ngay chỗ phóng ra đó. Một chút phóng ra này mình coi nhẹ, coi là bình thường, nhưng đó là cái gốc đi trong luân hồi, vào luân hồi thì phải khổ, cho nên vui theo trăng gió bên ngoài chưa hẳn thực sự thanh thoát.

Trong Kinh A Hàm có kể lại, có một vũ kịch sư đến hỏi Đức Phật rằng: “Con nghe ngoại đạo nói, ai mà vũ kịch hay, làm cho nhiều người vui thích thì sau khi chết sẽ sanh lên cõi trời hý tiêu, có phải vậy không Thưa đức Thế Tôn?”.

Bấy giờ Đức Phật lặng thinh không đáp, đợi cho vũ kịch sư hỏi ba lần, Đức Phật mới nói. Tại sao Đức Phật không nói liền mà phải đợi vũ kịch sư lặp lại câu hỏi ba lần mới nói? Vì lúc đầu ông không quan để hỏi tìm chân lý mà muốn Đức Phật trả lời một câu thích ứng với sở thích của mình, tức là sinh về cõi trời hý tiêu, vì ông đang là một vũ kịch sư rất giỏi. Vì thế, đức Phật phải đợi khi ông hỏi đến ba lần thì tâm thiết tha câu học đã có, lúc ấy Đức Phật mới nói: “Người vũ kịch vui làm cho tâm người buông lung, ba độc dây khởi. Do tạo cái nhân ấy cho nên sẽ mắc quả báo sanh vào địa ngục hý tiêu”.

Thường ngày mình nghe nói người nào làm cho người khác vui thì có phước, nhưng Đức Phật lại nói vào địa ngục là sao? Tại vì khi làm người vui thì tâm của người đó bị buông lung, mà khi buông lung, bất giác phóng ra thì ba độc có ra từ ấy. Có lúc nào quý vị đang sáng tỏ rõ ràng mà có tham sân si

không? Không. Khi nào mình mê tối thì mới có tham sân si. Đang sáng thì không tối, mà quên sáng để đi ra thì mờ tối, con người khi đã ra thì tâm bị chao đảo, mà chao đảo thì không làm chủ được chính mình, không được định tĩnh, buông lung, ba độc dây ra từ đó. Tạo cái nhân làm cho một người mất đi sự tự chủ của chính họ, buông lung, chịu ba độc để khổ thì có thể sanh về cõi trời được không?

Qua đó mới thấy không phải nhất thiết mình làm cái gì cho người khác vui cũng đều được phước lành. Muốn được phước lành, còn tùy thuộc niềm vui ấy có chánh đáng hay không chánh đáng. Nếu niềm vui đó là vui trong tịch tĩnh, vui trong sự trong sáng, dứt các vọng niệm, hợp với đạo lý thì đó là niềm vui trong sạch, vui giải thoát thì đó là tốt. Còn trái lại nếu vui theo ngũ dục, vui theo trăng gió bên ngoài, khiến cho tâm thần dao động, phiền não phát sanh, đó là niềm vui trần tục, kết tập nhân đi vào sanh tử, mà sanh tử thì khổ đau. Cho nên phải tạo niềm vui chính đáng cho người thì mới được phước. Còn làm cho người vui trong mê làm, chịu khổ, tạo nhân cho người khổ thì mình phải đọa vào địa ngục hý tiêu.

---o0o---

4.b/ Bất giác, dao động là nguyên nhân đưa đến khổ đau.

Tại sao vui với trăng gió bên ngoài mình phải chịu khổ? Nếu như trên cái vừa lòng thích ý nó có thể làm cho mình vui thích được thì cái nghịch ý trái lòng nó cũng có thể làm cho mình khổ đau được. Vì sao lại như vậy? Thường mình nghe và chỉ nhớ vui và khổ mà quên rằng tại sao mình khổ, làm sao được vui. Một cảnh vui làm cho mình vui được là vì mình quên mình lao ra theo cái vui và cảm nhận nó. Trên cảnh vui mà mình quên mình lao ra được thì trên cảnh khổ mình cũng sẽ quên mình mà lao ra được. Bởi vì khi bắt đầu lao ra là động. Do sự bất giác, dao động, dây tâm rồi mới lao ra và cảm nhận vui buồn. Trên cái vui mà bất giác, dao động được thì trên cái khổ tâm mình cũng theo đó mà không giác, não động và khổ đau. Bất giác và dao động trên cái vui quen rồi thì nó sẽ lớn mạnh và chi phối mình khổ đau nhiều trên cảnh đau khổ. Chính cái bất giác, dao động, dây tâm, lao ra này là cái làm cho khổ và vui chi phối được mình. Cái khổ và vui là cái bên ngoài, tự nó không có khả năng chi phối mình. Nhưng tại mình bất giác, dao động, lao ra thì ngay cái dao động lao ra đó là lỗi. Trên khổ mà không tĩnh lặng, cứ dao động lao ra thì phải chịu khổ thôi, không trốn được. Chừng nào trên khổ mà mình giác lại được thì khổ đó không chi phối được mình, thì trên khổ mà mình không khổ. Mà muốn giác mạnh thì trên vui, mình không

có quyền mất mình để vui trên đó. Tuy rằng trăng gió bên ngoài là đẹp, là mát, là thơ, nhưng quên mất mình đi ra thì những cái vui đó làm cho mình đi ra hoài, huân thành lối mòn, tập cho mình quen thói bất giác, cho nên khi khổ tới, mình mất tự chủ và bất giác liền, khi đó các khổ xâm nhập và mình phải chịu khổ đau. Nếu mình không thấy điều quan trọng đó thì không bao giờ thắng được. Cho nên ở đây phải thấy cho rõ, thấy cho tường tận chỗ bất giác phóng ra thì mình mới thấy được sự tai hại của việc vui theo trăng gió bên ngoài, chuốc lấy sự đau khổ là như vậy. Không phải trăng gió làm cho mình khổ mà chính cái bất giác huân thành thói quen này làm cho chúng ta khổ.

Nói rộng ra cho quý vị thấy, trên một cảnh vừa lòng mà mình vui theo thì khi ấy mình bất giác, quên mất chính mình mà phóng ra. Vừa bất giác phóng ra mà không giác trở lại kịp thì mình đang theo cái sanh diệt và bị cái sanh diệt đó cuốn trôi, cũng giống như người chưa biết bơi mà ra chỗ nước sâu, vừa lao ra thì liền bị trượt chân chết đuối. Cho nên lao ra bị sanh từ cuốn lôi là khổ chứ không phải vui theo trăng gió bên ngoài là khổ. Chính trên cảnh vui nhỏ mà bất giác lao ra thì chính cái bất giác lao ra đây huân lâu ngày sẽ trở thành thói quen, thành lối mòn nên khi cảnh khổ tới, mình cũng bị cái thói quen lao ra đó khiến cho mình mất tự chủ, từ đó bị cảnh khổ chi phối và phải chịu khổ.

Từ đây rút ra kinh nghiệm, những cái vui và khổ của thế gian có ra đều từ bất giác. Hai cái đó là vô thường đắp đổi chứ không có thực. Mà cái vô thường đắp đổi không thực thì không có quyền làm cho mình vui buồn trên đó. Tại vì chúng ta bất giác lao ra nên phải chịu vui khổ trên cái vô thường tạm bợ không đáng đó thôi.

Người bình thường không xét kỹ thì coi niêm vui trăng gió bên ngoài là thanh thoát, nếu nói vui theo trăng gió bên ngoài là khổ thì không ai chấp nhận. Nhưng nếu nhìn kỹ hơn, thấy được cái bất giác lao ra theo niêm vui bên ngoài đó chính là nguyên nhân làm cho mình khổ, thì mới thấy cái vui thanh thoát đó rất nhỏ, không đủ để bù lại cho cái khổ từ sự bất giác của mình. Ngày xưa, quý Ngài đối với việc này rất kỹ chứ không phải xem thường như mình. Sở dĩ mình coi thường là bởi mình chưa thấy được cái tai hại và nỗi khổ từ sự bất giác đó. Cũng không phải riêng chúng ta ngày nay mà xưa kia có nhiều vị tu hành đắc lực nhưng cũng do dễ dàng tha thứ, dễ dàng xem thường một chút vui nhỏ của trăng gió này mà phải đi lại vào trong vòng luân hồi, chịu lao đao lận đận.

---o0o---

4.c/ Thoạt vừa khinh suất, đi vào luân hồi.

Chắc ai cũng biết cuộc đời của ông Tô Đông Pha, là một vị quan hiếu đạo lý, sống một đời tiêu dao với trăng gió thơ ca, không hề màng tới chuyện trần tục, nhưng cũng phải chịu bao gian nan, khổ sở, truân chuyên, bị lưu đày từ vùng này sang vùng khác, có khi vừa đưa lên làm quan cựu phẩm lại bị hạ xuống tầng thấp nhất, vừa bị đưa đày đến vùng biên ải chưa đến nơi, lại bị tội khác đày đến một vùng khác. Tiên thân của ông Tô Đông Pha là Thiền sư Giới ở núi Ngũ Tỷ, khi sắp tịch Ngài chống cây gậy rồi tịch. Như vậy công phu tu hành của Ngài không phải thường. Nhưng vì trong lòng còn chút vui theo cợt gió, thường nguyệt, vịnh trăng, nên đời sau mang phước đức tu hành cộng với cái vui trăng gió đó để đi làm một ông quan, tiêu dao với phong nguyệt thơ ca rất hay, gặp Ngài Phật Ân bàn bạc đạo lý rất giỏi, nhưng song song đó phải chịu cảnh lận đận, lao đao như vậy. Cái vui này không phải mới có từ thời làm thiền sư, mà đã có từ thời cùng Ngài Phật Ân làm huynh đệ. Ông Tô Đông Pha có một kiếp cùng Ngài Phật Ân làm huynh đệ tu hành, nhưng Ngài Phật Ân chuyên tâm tu tập nên đời nào Ngài được sanh ra cũng tiếp tục tu hành. Còn ông Tô Đông Pha là sư đệ, tu thì tu, mà thấy trăng thì cứ ngắm, trào phúng thì cứ làm thơ. Ngài Phật Ân thấy vậy thương nên phát nguyện đời nào sư đệ sanh ra mà bị lầm lỗi thì đời đó Ngài sẽ sanh cùng để khơi dậy chung tử tu hành, không để sư đệ theo thói đó mà bị sa đọa.

Bây giờ mình mới thấy rõ, một chút xíu vui theo trăng gió bên ngoài, mình coi là tầm thường, coi là thanh thoát, thoát tục, nhưng chính cái nhỏ đó làm cho mình phải đi vào trong vòng luân hồi sanh tử để rồi chịu bao cảnh lận đận lao đao. Đem ra cân lại, vì một chút xíu vui theo trăng gió đó để đổi lại cái bị lận đận lao đao, gian truân quá khổ thì niềm vui nhất thời đó có xứng đáng cho chúng ta vui không? Không xứng đáng thì mình có nên lao ra để vui theo trăng gió bên ngoài không? Nhiều lúc chúng ta không xét, bị nó lừa nên coi nhẹ nó, mình sống chung với nó một cách hòa bình, an nhiên, thấy không có gì cả, cho tới khi khổ rồi mới khóc thì lúc đó làm gì kịp. Cho nên bây giờ phải lo tinh trước cho chắc ăn.

Một chuyện tương tự, thời vua Thành Thái, có một vị trụ trì ở chùa Từ Hiếu đạo cao đức trọng (hình như là Ngài Cương Tử), tu thiền định rất là miên mật. Ngài ngồi thiền nhiều đến nỗi mi mắt sụp xuống, mỗi lần muôn nhìn phải vén mi mắt lên mới thấy. Khi vua Thành Thái đến chùa, bảo thị vệ

đứng bên ngoài, một mình vua xuống ngựa đi bộ bước thẳng vào phuong truong, thoi vào bụng vị Hòa thượng một cái. Hòa thượng nắm tay vua, hai người cùng đi dạo ra ngoài vườn nhổ củ mì (sắn) rồi cùng nhau nướng ăn. Vị Hòa thượng cũng không thấy mình là một vị hòa thượng đạo cao đức trọng, vua cũng không thấy mình là một vị vua, hai người trở lại trong một phong thái rất bình dị, thân gần. Tại sao lại như vậy? Cũng bởi đã từng cùng nhau tu hành từ nhiều kiếp trước đó. Hai người thường cùng nấu, cùng ăn và cùng kể chuyện kiếp trước đã cùng nhau tu hành như thế nào. Nhưng vua Thành Thái tu thi tu mà vẫn ham vui theo bên ngoài nên mang cái phước tu hành đó kết hợp với cái vui này mà đời nay phải sanh ra làm vị vua. Một vị vua quý vị thấy sướng hay khổ? Chưa chắc có đầy đủ tài sản, quyền uy, danh vọng là sướng mà khi nào ngồi trên địa vị danh vọng, của cải, quyền uy thì quý vị mới ném được cái khổ của những thứ đó là dường nào. Là một người tu hành mà ham thích một chút vui bên ngoài để rồi mang phước đức tu hành làm một ông vua để phải chịu khổ như vậy, khi vua nhớ lại, đến thăm vị trụ trì ngày xưa đã từng tu hành với mình, thì trong lòng biết bao ngậm ngùi, quý vị có biết không? Giả sử bây giờ quý Thầy nhắc lại tiền kiếp quý vị đã từng tu hành với quý Thầy như thế nào, rồi quý vị so lại đời sống tu hành thanh thoát của mình ngày xưa với cảnh sống bây giờ trong một gia đình nhỏ nhoi, nhộn nhịp, lăng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng thì chắc rằng không ai mà không bùi ngùi, tủi thân, buồn tiếc, phải không? Cho nên ham vui một chút để rồi chịu khổ thì thật là tội nghiệp và đáng tiếc thay.

Ngài Văn Môn cũng vậy, ngày xưa Ngài cùng sư huynh tu trong cùng một pháp hội, nhưng vì còn tâm ưa thích bên ngoài nên có nhiều đời phải làm vua, bị gián cách việc tu hành. Sau khi hết làm vua, chủng tử tu hành nó gợi nhắc lại nên quay trở lại tu và sau này trở thành một thiền sư đạt đạo. Sư huynh của Ngài tu hành miên mật nên những đời Ngài làm vua thì sư huynh vẫn tiếp tục tu, cho đến ngày Ngài ngộ đạo thì sư huynh cũng ngộ đạo. Hai người ngộ đạo như nhau, nhưng so về cái dụng thì Ngài Văn Môn không bằng sư huynh, do vì một số đời làm vua, việc tu hành bị gián đoạn.

Chúng ta đã biết Ngài Quy Sơn Linh Hựu là một thiền sư nổi tiếng ở Trung Quốc. Lúc Ngài xuất gia tu hành, đang trên đường đi thọ giới, thì Ngài Hàn Sơn, Thập Đắc (hiện thân của Ngài Văn Thủ, Phổ Hiền) rình trong bụi rậm đón đường, đợi Ngài Quy Sơn đi qua liền nhảy ra, hét lên một tiếng thật lớn. Ngài Quy Sơn giật mình. Hai vị nói: “Có nhớ ta chăng? Ta cùng ông ở trong hội của Phật Thích Ca, trải qua mấy trăm đời làm quốc vương mà quên nhau rồi hay sao?”. Tức là Ngài Hàn Sơn, Thập Đắc trải qua nhiều đời tu hành miên mật nên diệu dụng rất phi thường. Còn Ngài Quy Sơn vì có

mấy trăm đời làm quốc vương nênh ôm nay quên, không nhớ ngày xưa đã cùng tu hành với hai Ngài Hán Sơn và Thập Đắc. Một bên tu hành liên tục nên đời nay nhớ lại bao nhiêu kiếp và diệu dụng thấy đạo rõ ràng. Còn một bên cũng tu hành, nhưng trải qua nhiều đời làm vua, bao đời làm vua là bao đời trí tuệ bị ngăn cách nên nay còn gánh gói đi thọ giới, không nhớ đời trước của mình là ai. Đó là chuyện xưa, bây giờ quý vị xét lại nơi mình. Có nhiều người ở thế gian nhiều lúc thấy những cảnh ngoài đời cũng không có gì đáng thích thú, trong thâm tâm nhiều lúc cũng muôn xuất gia, hoặc có vị khi thấy hình ảnh người tu cũng ngậm ngùi, man mác như là nhớ lại cái gì xa xăm khó tả, có khi chịu không nổi, muốn đi tu, nhưng lúc chuẩn bị dứt áo ra đi, nhìn lại thấy mình còn bị nhiều cái cột chân quá, đi không nổi. Đó cũng là một dấu hiệu cho biết rằng, đời trước mình cũng có nhân duyên xuất gia tu hành, cho nên đời nay thấy cảnh tu mới có những cái man mác trong lòng như vậy. Nhưng mà đã có lần lỡ vui với đêm trăng nào đó. Thấy đêm Trung Thu gió mát, trăng thanh, cảnh vật hữu tình, dọn bánh dọn trà ra để vịnh trăng thưởng nguyệt. Vì mang phước đức tu hành của quá khứ cộng với cái duyên vui đó, nên đời nay phải có một ngôi nhà tạm gọi là đầm ấm, nhưng ngôi nhà đó có gì bền chắc và trong đó là vui nhiều hay khổ nhiều? Một khi cái duyên vui theo trăng gió bên ngoài đã huân vào rồi thì sẽ làm cho duyên tu của mình kém mỏng, vì vậy mà đời này muốn tu nhưng chưa đủ duyên để tu. Biết vậy thì phải dàn xếp làm sao cho duyên mình đủ mới được, chứ còn ngày nay nếu không biết được căn nguyên cội nguồn của nó, mà vẫn còn lao theo những duyên vui bên ngoài thì sẽ còn tiếp tục bị lôi kéo nữa, không biết đến bao giờ duyên tràn nó mới tha thứ cho mình thoát ra được.

Như vậy quý vị thấy, dù đã có công phu, nhưng nếu mình xem thường và dễ dàng tha thứ một niệm lao ra vui theo trăng gió bên ngoài thì chính niệm đó lại có tác dụng dẫn mình đi trong sanh tử và phải chịu quả khổ. Cho nên phải biết rõ rằng, ngày nào mình còn lao ra vui đùa theo ánh trăng bên ngoài thì ngày đó còn mê, mà mê thì phải chuốc khổ thôi, chứ không có cái vui nào thực trong mê cả.

Vì vậy, là người hiểu đạo lý chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm của một niệm lao ra khiến tâm mình phải chao động, phải tiêu hao khí lực và khổ đau. Thấy rõ như thế thì không bao giờ mình dám lao theo cái vui thường trăng, ngoạn gió bên ngoài tạm thời đó để rồi phải chịu cái khổ lâu dài, mà mình phải biết quay về với vầng trăng chân thật nơi chính mình, như thế mới hưởng được niềm vui chân thật và lâu dài được.

Thông thường chúng ta đợi khi khổ rồi mới nhận thấy. Nhưng nếu ai khéo, một niệm dễ vui phóng ra, liền nhận thấy rõ chỗ lao ra đó là nguy hiểm, nếu mình nghiêm khắc không dễ dàng tha thứ thì mới nhận ra được cái lắt lay, chao động của tâm mình, mà khi thấy được cái lắt lay chao động làm cho mình khổ thì sẽ rất là sợ. Nếu mà sợ được thì mới không dám lao ra, nếu lúc nào quên, lao ra thì cái sợ này nhắc mình thức liền. Khi được nhắc Hằng ngày như vậy thì sức tinh giác rất cao, sức tinh giác cao thì không đi ra, lâu dần sức giác càng lớn, có nghĩa là vắng trăng trí tuệ càng sáng. Vắng trăng trí tuệ sáng thì khổ vui cuộc đời bót chi phôi mình, còn nếu quý vị nào ráng tu mạnh mẽ hơn thì khổ vui trong đời không còn đủ giá trị chi phôi mình nữa.

---o0o---

5/ TRĂNG MÃI CÒN ĐÂY

Như vậy, ngay một niệm lao ra là đang theo vắng trăng bên ngoài mà quên đi vắng trăng đang sáng nơi chính mình. Cũng ngay niệm lao ra đó mà kịp giác trở lại thì ngay đó, vắng trăng tâm đang vắng vắc sáng từ thuở nào đến giờ chứ không phải mới sáng đây. Tại mình lao ra nên bị mây tạm che, giác trở lại thì mây tan trăng hiện. Khi mà mình rõ được vắng trăng nơi chính mình rồi thì không còn cố ý đi ngắm trăng, nếu có gặp vắng trăng ngoài thì trăng ngoài trăng trong lồng lộng không gián cách chứ không phải buộc quý vị bịt mắt, không được ngắm vắng trăng bên ngoài. Lỗi là ở chỗ mình lao ra, chỉ biết trăng bên ngoài mà không biết trăng nơi chính mình. Khi hai bên không còn gián cách thì không còn luận là trăng trong, trăng ngoài mới có thể nói đến vắng trăng thu được. Còn thấy có trong, có ngoài, thấy mình và trăng còn khác thì nói trăng là mê theo trăng.

Vào ngày rằm trung thu, Thiền sư Hê Nam có cảm hứng làm một bài thơ về trăng thu rằng:

Trung thu đêm ấy ngày rằm

Trăng trong khe biếc in thầm bóng trôi.

Sông Ngân đâu chỉ thế thôi

Bốn trăm châu cả sáng ngồi thiêu chí.

Đêm ấy, ngày rằm trung thu, bên một bờ khe trong vắt, trăng in bóng lạnh âm thầm trôi trên đó, ngắm một vầng trăng trong núi như thế rất tuyệt. Không chỉ khe đó mà sông Ngân hà trên trời cũng đang tắm mình trong vầng trăng đó. Và cũng không chỉ sông Ngân mà cả bốn trăng châu cũng sáng ngời vầng trăng đó không thiếu. Vầng trăng đó trùm hết tất cả mọi chỗ, soi thấu đến tận cả nơi, không chỗ nào bị ngăn che, thiếu vắng. Ngài Hộ Nam đang ngắm vầng trăng nào mà sáng quá vậy? Bàng bạc ánh trăng nơi tâm Ngài đang lồng lộng cùng ánh trăng bên khe suối không chỗ xen hở, mình và vật đều quên, không còn phân biệt đây mình, kia vầng trăng thanh nữa, lúc ấy, vầng trăng tâm bàng bạc soi khắp cả bốn trăng châu, không chỗ nào mà vầng trăng ấy không soi tới. Ngài Hộ Nam ngắm được vầng trăng đó (ngắm cũng là một cách nói vì ngắm là có bên ngoài), thì quý vị có quyền ngắm được vầng trăng đó không? Nơi Ngài có thì ai cũng sẵn đủ, chỉ là quên mình theo vật thì bị ánh trăng bên ngoài làm cho chúng ta tán loạn và chịu khổ đau, nhưng vừa nhớ lại thì vầng trăng vắng vặc sáng khắp tất cả nơi, không chỗ nào mà không soi thấu.

Có người biện luận rằng mình cứ ngắm trăng, miễn là trăng trong, trăng ngoài không có sự ngăn cách là được. Nhưng mình phải thật thà coi lại là có thực sự ngăn cách hay là không ngăn cách. Chỗ này chúng ta cần phải chín chắn dụng công, chứ không phải thích đi ngắm trăng rồi dùng lý đạo để lái theo cho hợp với sở thích phàm tình của mình, rồi mình vui theo bên ngoài cho thỏa thích.

Có một vị tăng thưa với Thiền sư Viên Chiếu rằng:

Nhiều năm cất giấu báu trong đai,

Ngày nay trước mắt thấy rõ ràng.

Ngài Viên Chiếu nói:

Chỉ đợi trăng thu sáng,

Đâu ngờ mây mưa che.

Từ lâu lắm rồi, ai ai cũng sẵn một viên ngọc quý báu ngay nơi đai da hôi thối này. Và vị Tăng này nói, hôm nay ông thấy rõ ràng ngay trước mắt. Đã là của báu ngay chính mình mà nói thấy là thấy cái gì bên ngoài rồi. Tuy vị tăng có thấy được Phật tánh rõ ràng trước mắt, nhưng thấy mà còn có một cái để nói tức là còn đối tượng, thì chưa khỏi bị kẽ hở cho phàm tình có chỗ

chen vào. Và nếu đã thực thấy, thực nhận ra thì cứ mặc tình dùng đi, đến đây làm gì? Còn đến đây để nói như vậy thì đã loài ra áng mây mê mờ che lấp vàng trăng mình rồi. Cho nên Thiền sư Viên Chiếu nói, ông cứ ngỡ đợi đến Trung thu là trăng sáng, nhưng không ngờ đã vụng về, làm mây mưa che khuất vàng Trăng thu nơi ông rồi.

Đêm nay là ngày Rằm Trung Thu, tất nhiên trăng sẽ sáng. Nếu quý vị không có chủ ý rằng, đêm nay mình sẽ bày trà bánh để ngắm trăng, thì lúc nào trăng thu cũng hồn nhiên sáng vàng vặc. Còn nếu vừa tác ý bày trà bánh ngắm trăng thì “chỉ đợi trăng thu sáng, đâu ngờ mây mưa che”.

Chính vì vậy, trong bài phú Cư trần lạc đạo, vua Trần Nhân Tông nói:

**Chơi nước biếc, ăn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý
Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ năng mấy chủ tri âm.**

Đi dạo chơi noi non xanh, nước biếc thì có nhiều người ưa thích. Nhưng trong đó, người biết rõ đào là hồng, liễu là lục, các pháp thế nào thì thấy thế ấy, thấy biết một cách rõ ràng mà không có chỗ cho tình thức xen vào, thì có được mấy người đồng cảm thông, là tri âm của Ngài. Cho nên chuyện ngắm trăng bên ngoài là chuyện thường ở thế gian, nhưng biết rõ trăng là trăng thì có mấy người thấy biết được như thế. Trên cảnh mà giác biết, sáng tỏ rõ ràng, không đánh mất chính mình thì vàng trăng tâm đang soi sáng bàng bạc, có nơi nào thiêng vắng! Sống được như vậy thì Sơ Tổ nói người này đồng thông cảm với Ngài, là tri âm của Ngài.

Muốn trên cảnh rõ ràng mà không mất mình thì phải làm sao? Điểm chính yếu là nơi tâm mình phải rỗng suốt, thanh tịnh, không một chút bợn nhơ. Nay đó, trước thì rỗng, sau thì khoáng nênh không có ngăn mé, không có giới hạn, thênh thang. Vì thế Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói:

Tâm thanh tịnh không nhơ, không bợn.

Thân kiên cố không trước, không sau.

Sắc xuân hoa đáo đáo tươi hồng,

Trăng thu bóng tròn tròn viên diệu.

Đến trong đây, ánh trăng thu rực sáng mà màu nhiệm lạ thường!

Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu Suất một hôm thượng đường nói: "Tai mắt một bè trong, ở yên trong hang vắng, gió thu vào cổ tung, trăng thu sanh sông biếc. Thiền tăng khi ấy lại cầu chân, hai con khỉ đột bốn đuôi duỗi." Nói xong, Sư hét lên một tiếng.

Ngài nói gì vậy? Nói về trăng thu mà ngài nói gì không ai biết gì cả? Tức là Ngài dạy chúng ta tai mắt phải một bè trong, không để cho trán khuấy đục thì quý vị sẽ thấy rõ. Mà khi ấy thì phải ở yên trong hang vắng, không có quyền phỏng ra để đem khách trán vào. Ngay đó, gió thu mát rượi sẽ thổi vào cội tung cổ, ngay khi ấy niềm vui tràn ngập trong ánh trăng thu. Chỉ cần không tâm tạo tác, không tâm tìm kiếm, ngay đó khéo nhận thì liền xong. Còn nếu vừa có tâm kiếm tìm thì ánh trăng thu bị khuất mất. Thẳng đó liền là chơn, vừa có niệm tìm chơn liền mất, thiền tăng ngay đó còn tìm một cái chơn nào khác thì liền có chỗ hở cho tình thức vọng niệm sanh khởi. Cho nên ngài nói ngược lại cho bắt cái suy nghĩ của mình, để khi bắt mây nghĩ suy thì trăng sáng trở lại. Nghe nói "Hai con khỉ đột bốn chân đuỗi", mình vừa suy nghĩ sao hai con khỉ mà có bốn chân đuỗi ra? Ngài hét một tiếng, mình có kịp suy nghĩ không? Ngay đó, tâm tìm kiếm dứt thì vắng vặc trăng thu lồng lộng, ánh trăng soi bàng bạc khắp nơi.

Như vậy, bắt niệm đối đãi hai bên, tâm thanh tịnh rỗng rang không một chút nhơ bợn, không một chút chao gợn ở trong lòng thì ngay đó là ánh trăng thu sáng ngời viên diệu. Làm được như vậy thì vắng trăng thu của mình sẽ tròn vẹn, sáng ngời, màu nhiệm, thanh khiết, viên diệu một cách lạ thường, sáng mãi cho tới khi nào bằng với vàng trăng canh ba mà Đức Phật đã giác ngộ thì viên mãn.

Cuối cùng, chúc toàn thể quý vị có duyên nghe được bài này, vắng trăng thu nơi chính mỗi người ngày càng tỏ rạng hơn, hằng sáng mãi, không để mây mưa che mờ khiến mình lầm đường lạc lối.

Nam mô Phật bốn sứ Thích Ca Mâu Ni!

---o0o---

MÂY VÀ TRĂNG

Hôm nay là ngày mười bốn tháng tám, là ngày Tết Trung Thu. Nhắc đến Trung Thu thì người ta thường nhớ đến trăng. Quý vị còn nhớ năm ngoái (2003), cũng vào dịp Trung Thu này, chúng ta đã bàn về Trăng Thu rồi. Cho đến nay là tròn một năm, quý vị đã ngắm được vàng Trăng Thu đó

trọn vẹn chưa? Tuy chưa ngắm được trọn vẹn, nhưng thỉnh thoảng mình cũng có ngắm được phần nào chút chút, rồi sau đó mây bay qua che khuất lại, phải không? Nhưng khi đang bị mây che thì trăng có bị mất đi đâu không? Trăng thì luôn luôn sẵn đó, lúc nào cũng đang sáng tỏ, nhưng do vì mây che cho nên chúng ta không thấy được thôi. Cũng vậy, bản tâm chân thật của mỗi chúng ta khi nào cũng sẵn đó, nhưng do mây mờ của ngoại duyên, vọng tưởng che khuất nên chưa thể nhận lại được vầng trăng chân thật của mình một cách trọn vẹn.

Vậy thì, nếu muốn ngắm, muốn thể nhận vầng Trăng Thu sáng tròn, mầu nhiệm đó thì chúng ta phải vạch mây, xua mây để thấy vầng trăng ấy, hay là không cần vạch mây để thể nhận vầng Trăng Thu đặc biệt đó?

Hôm nay, nhân ngày Trung Thu có dịp nói về Trăng, chúng ta cùng bàn về MÂY VÀ TRĂNG để biết cách thưởng thức vầng trăng Thu một cách trọn vẹn. Chỉ một lần thưởng thức đó, sẽ là hành trang cho suốt lộ trình vượt thoát sanh tử của người tu chúng ta.

---o0o---

I/ VẦNG TRĂNG NÀO NOI CHÚNG TA?

Trước tiên, quý Thầy xin nhắc lại một giai thoại trong nhà thiền. Ngài Trưởng Sa Cảnh Sầm là sư thúc của ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Một hôm, ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch cùng với ngài Trưởng Sa Cảnh Sầm đi ngắm trăng. Ngài Ngưỡng Sơn chỉ lên mặt trăng và nói:

- Mỗi người trọn có cái này, chỉ vì dùng chẳng được. Cái này là cái gì? Là mặt trăng trên trời phải không? Không. Nó chính là cái mình vừa thấy thì liền biết, chưa qua phân biệt, chưa từng động. Chỗ này, thiền sư Hương Hải có nói kệ rất hay:

Vượn lẻ hú rơi, trăng lưng núi,

Khách quê ngâm lun ngọn đèn khuya.

Cảnh đấy, người đây ai biết được,

Thiền tăng ngồi lặng sâu núi kia.

Dưới cảnh gió mát trăng thanh, chỉ có thể thôi hay còn gì khác nữa? Nếu chúng ta là chú vượn lẻ, không bám víu bè bạn bên ngoài, thì khi hú lên một tiếng sẽ làm cho trăng sau núi rụng rơi từng mảnh. Nếu mình là một gã khách quê thằng đó không mưu lược thì mới ngâm lụn được ngọn đèn giữa đêm khuya thanh vắng. Nếu được như thế thì giữa cảnh trăng thanh và người đang ngâm, nào có chỗ xen hở cho tình thúc phân biệt xen vào! Mới hay ra, có một vị thiền tăng đang ngồi lặng lẽ bất động trong núi sâu thăm kia kia. Vị đó là ai? Là người đang biết ngâm trăng đây!

Khi chúng ta ngắm trăng, cái gì vừa thấy vầng trăng thì biết mà không động đó? Ngài Nguõng Sơn nói, ai cũng có cái đó hết mà đáng tiếc là chưa biết dùng, chưa dùng được. Vừa lúc ấy, Ngài Trường Sa nói:

- Ta sẽ dùng thay cho ông.

Lại có thể dùng thay cho người khác được sao? Nếu là người đã tò thì sẽ thấy cơ ngài Trường Sa đang sống. Nếu chưa tò thì đây là cái bẫy làm chết người. Ngài Nguõng Sơn không dễ dàng như người khác, liền tung thêm bẫy:

- Thỉnh Sư thúc dùng xem!

Ngài Trường Sa đạp một đạp khiến ngài Nguõng Sơn té nhào.

Chỉ là dùng cho người khác thấy thôi sao? Với Ngài Nguõng Sơn đã tò rõ thì hai bên không ngăn cách, nhưng mỗi bên đều có tác dụng kỳ đặc rõ ràng. Quý phật tử thấy cái dụng chưa? Nói là ai cũng có cái đó, nhưng mà không dùng được. Nếu mà không dùng được thì ai đang biết nói đó, đang mở miệng biết nói rõ ràng thì sao lại nói là không dùng được? Dù cho có nói là “không dùng được”, “chưa dùng được” thì cũng là đang dùng nó. Đạp một đạp té nhào là biết dùng được hay không liền. Ai đang đạp và ai liền đó biết té? Ngài Nguõng Sơn lồm cồm ngồi dậy nói:

- Sư thúc thật giống như một con cọp.

Đây là một lời tâm đắc đáo để, như một con cọp mạnh, đụng đến liền vồ. Nếu không phải là người thường sống trong áy thì không thể vồ nhanh như thế được. Và phải là Ngài Nguõng Sơn thì mới có thể nhận ra con cọp hùng này. Ngài Trường Sa có hiệu là Cảnh Sầm nên sau này người ta gọi Ngài là con cọp Sầm.

Quý vị đã rõ vàng trăng nơi chính mình chưa?

---o0o---

II/ THỂ NHẬN LẠI TRỌN VẸN VÀNG TRĂNG TÂM CHÍNH MÌNH NHƯ THẾ NÀO?

Cụ thể, nơi mỗi chúng ta ai ai cũng săn một vàng trăng tâm sáng ngời, nhưng còn bị mây vọng tình che lấp, vì thế chúng ta không sống trọn vẹn bằng vàng trăng đó, mà phải sống trong sự tối tăm mê lầm và chịu khổ. Vàng trăng được ví cho chơn tâm, bản tánh sẵn có nơi mỗi chúng ta. Muốn thể nhận lại vàng trăng tâm nơi chính mình một cách trọn vẹn sáng suốt thì phải làm sao?

---o0o---

1/ MÂY TAN TRĂNG HIỆN

Đừng làm chấp cảnh giới giả tạm bên ngoài, biết rõ các tướng bên ngoài là giả tạm, hễ cái gì có tướng thì đều là giả tạm cả. Ngay trên tướng mà rõ biết là giả thì không sanh tâm chạy theo, ngay đó trả lại vàng trăng muôn thuở cho mỗi người.

Quý phật tử nhìn lại có cảnh nào thật không? Người ta thường nói “Một đời ta, ba đời nó”. Một đời mình mà nó đã sanh đi diệt lại đến ba lần. Mình có thể làm ra của, chứ của không thể làm nên mình. Gặp lúc nguy nan thì bỏ của chạy lấy người. Đem thân này để so với của cải thì đã đủ để thấy của cải vật chất là giả tạm rồi, nếu phân tích kỹ hơn thì mình còn thấy giả tạm đến mức nào nữa. Còn sống thì mình còn phải làm ăn, nhưng đừng thấy nó là quan trọng, thấy nó là đồ tạm thì mình thành thoi. Từ đó quý vị không còn bị mây ngoại cảnh che mờ nữa.

Thân này có thật không? Nó không thể sống hoài mà không chết. Còn đây thì tạm sống, mai mốt cũng trả về, mình có muốn níu kéo nó lại cũng không được, mình không bỏ nó thì có ngày nó cũng bỏ mình mà đi, không có gì là thật hết. Nhưng khi mình rõ nó là giả thì không còn quan trọng nó một cách thái quá, khi không quan trọng thì không lệ thuộc nó. Khi không lệ thuộc thì lỡ gặp ai đó xúc phạm mình mà mình không còn lệ thuộc, không còn quan trọng mình nữa thì thử hỏi những thứ ấy xúc phạm ai, xúc phạm vào đâu? Ngay đó, tất cả những thứ bên ngoài không còn cơ sở chi phối

mình, chúng ta được nhẹ nhàng, không bị những áng mây của chấp thân và cảnh bên ngoài che tối.

Tâm sanh diệt này cũng vậy. Khi buồn, khi vui, khi bỗng lòng, lúc không chấp nhận... nó thay đổi liên tục. Đôi khi có những suy nghĩ biết là không phải, không đúng, mình muốn bỏ mà mình chưa gan dạ để bỏ. Đó là do chúng ta chưa thấy tột tâm đó là huyền hóa, còn thấy nó là thật, là quan trọng. Xét ra, nó chập chờn lầm thứ vớ vẩn, nó thường đổi thay, không ổn định, chỉ là cái bóng trong đầu loạn động liên tục, không dùng được vào đâu cả thì làm sao nói nó là thật được. Khi mình đã biết những cái sinh khởi đó không có một giá trị tuyệt đối thật, thì quý vị sẽ không cho một quan niệm nào là cố định, là đúng tuyệt đối. Từ đó tâm mình sẽ tự mở ra, không cố chấp, nghe được rất nhiều ý kiến khác, cái nhìn của quý vị sẽ được thoáng và sáng suốt hơn. Nếu mình chấp một cái riêng mình là đúng, thì khi nghe ai đó nói ra điều gì là "cái mình" này nó liền nhảy ra chặn đường và đẩy lùi những ý kiến hay khác sang một bên. Như thế, mình đã tự đóng khung mình trong tự ngã, từ đó sẽ nhận định sai, bị thiên lệch, không thấy chân lý. Nếu quý vị không cho tâm sanh diệt là thật mình, không quan trọng nó thì quý vị không bị niêm đó làm mê mờ để rồi đánh mất chân lý, lúc đó chúng ta nhìn nhận mọi vật một cách khách quan. Khi không quan trọng tâm sanh diệt này thì mây tâm sanh diệt không che mờ vầng trăng tâm chúng ta được.

Đó là mới phân tích sơ qua bên ngoài, nếu nói kỹ hơn chút nữa để chúng ta cùng chiêm nghiệm thì sẽ thấy rất rõ, thân tâm sanh diệt và cảnh giới này thật là giả tạm vô cùng. Khi biết là giả tạm thì sẽ bớt đi những sự chi phối đối với mình, từ đó chúng ta sẽ sáng suốt hơn và không bị mây mù làm cho mình tối tăm, mù mịt nữa.

Tại sao chúng ta phải nói thân là giả, cảnh này là giả, tâm sanh diệt là giả? Vì sự thật thân, tâm và tất cả cảnh giới bên ngoài là giả cho nên chúng ta phải nói đúng như thật, nó là đồ giả. Sự thật nó là như vậy, nhưng vì con người chúng ta không biết nó là giả, làm chấp nó là thật cho nên bao nhiêu mây mù từ đó có ra. Trước một hoàn cảnh xảy đến, hoặc chúng ta sanh lòng tham, hoặc làm cho mình rối rắm, là từ đâu? Nếu quý vị thấy cảnh xảy ra là giả tạm, là không quan trọng, mình đây cũng không quan trọng thì có việc gì xảy ra không? Nếu mình thấy cái đó là quan trọng, là xúc phạm tới tôi thì ngay đó nỗi giận lên và khổ liền. Nếu không quan trọng cảnh đó, cái mình đây cũng giả luôn, cả hai đều giả tạm thì cái khổ làm gì có! Sự thật nó là đồ giả, không có gì đáng mà chúng ta làm tưởng là thật, nên bao nhiêu cái khổ khác từ đó mà có ra. Có khi chúng ta cũng biết nó là giả, nhưng vì thiếu cái

nhìn cho mạnh, cho nên mình thầm thầm cho nó là thật, nên khổ hoài. Quý vị phải nhìn cho kỹ, nhìn cho mạnh, các cảnh vừa tới mình liền biết cái đó không quan trọng, cái mình này cũng không quan trọng thì không còn bị mây mù nào làm cho chúng ta tối tăm nữa. Ngay đó vầng trăng tâm mình sẽ dần hiện. Đây là bước thứ nhất.

---o0o---

2/ TRĂNG MÃI CÒN ĐÓ

Đến đây quý vị đã hiểu rõ, lâu nay sở dĩ mình lao ra bên ngoài và dính mắc là vì nhầm tưởng các thứ bên ngoài là có thật, là đẹp thật, là thích thật, và vì có cái mình ưa thật cho nên dính mắc, từ đó chịu khổ. Nay giờ nghe quý Thầy giảng, biết nó là giả rồi thì chúng ta có còn theo đồ giả nữa không? Minh không cần loại bỏ gì cả, ngay khi biết nó là giả, là đồ bỏ thì trong tâm mình vốn tự lia. Nay đó, nếu chúng ta khéo nhận và sống thì mới hay ra, vầng trăng kia đã sẵn sàng và còn đó tự thuở nào tới giờ.

Quý vị còn nhớ Hòa thượng Ân sư chúng ta vẫn thường hay ví dụ cho quý vị thấy. Ngài nói, cái nắm tay này là giả tạm. Hòa thượng phân tích qua hai giai đoạn:

Thứ nhất là trước khi chưa co lại thì không có nắm tay, đợi co nắm ngón lại thì tạm có nắm tay, nắm lại rồi mà xòe năm ngón ra thì nắm tay cũng không còn. Vậy trước không, nay tạm có, có rồi lại trở về không, thì nắm tay này là giả. Nắm tay này là ví dụ cho tất cả cảnh. Trần cảnh bên ngoài cũng vậy. Trước khi chưa sanh, nó là không, đủ duyên hợp lại thì tạm có, có rồi cũng tan hoại trở về không. Do đó ngoại cảnh là giả, không thật.

Cấp độ thứ hai, Hòa thượng nói, khi đang có nắm tay, quý vị tìm một cái gì là nắm tay cũng không có. Một ngón này không thể làm nên nắm tay. Năm ngón co lại mà phải có thịt, gân, xương... mới tạo thành nắm tay. Tự nó không có một cái riêng lẻ là nắm tay mà phải đợi tất cả các yếu tố hợp lại mới tạm có nắm tay. Khi đang có, chính nó không có một tự thể thật, cho nên nó là đồ giả. Nay khi đang có, mình rõ được tính chất huyền hóa của nó thì nắm tay này là không tịch (rỗng lặng). Nếu quý vị khéo nhận, khéo thấy rồi thì khi bỏ nắm tay này xuống, khi đi về nhà, ngay trên mọi sinh hoạt hàng ngày mà vẫn là không tịch, là rỗng lặng. Đây là điểm quan trọng, là cái then chốt của người học đạo. Quý vị cần lưu tâm.

Thông thường khi đưa nắm tay lên, người ta cho cảnh này là thật, nắm tay là thật thì có đẹp, có xấu, có dính mắc, mê lầm. Đẹp thì ưa thích muốn đem về, xấu thì không ưa muôn đẩy ra. Đem về không được thì bất an, xấu mà đẩy ra không được thì bức bối. Từ cái mê mờ ban đầu mà sanh ra bao nhiêu thứ rắc rối và bị khổ đau. Ngay khi thấy nắm tay, ngay khi đối duyên xúc cảnh mà quý vị tưởng là thật thì sự dính mắc có ra. Sự dính mắc có ra thì ngay đó mây mờ che lấp vàng trăng tâm của mình và phải sống trong cảnh tối tăm khổ sở. Khi mình rõ nó là giả, thấy rõ nó là đồ giả thì tâm lao ra theo cảnh liền dừng. Ngay đó, cái thấy biết rõng lặng, không động đang hiện sờ sờ ra đó, khéo nhận lại liền xong.

Khi không dính mắc, trả lại cái thấy biết một cách sáng suốt, rõng lặng, không động thì nắm tay này không có trong tâm mình nên nó không phải có, không phải ở trong tâm. Nhưng mà lúc đó, chúng ta cũng đang thấy biết nó một cách rõ ràng cho nên nó cũng không phải là không, không phải là ngoài mình. Ngay đó, vốn nó là không động, không trong, không ngoài, không phải có, không phải không, mà nó vốn là một sự hiện hữu trong chánh định tự tánh của mình. Ngay đây, tâm không thì cảnh tịch, nắm tay là không tịch. Quý vị không cần phân biệt kia là nắm tay, đây là mình, mà chúng ta vẫn thấy biết một cách sáng tỏ rõ ràng, trong lặng không động, vượt nǎng sở, có không. Lúc này, nắm tay là nắm tay, cây gậy là cây gậy, hoa hồng là hoa hồng.

Đối với vọng niệm sanh khởi cũng vậy. Khi một niệm khởi lên mình biết nó là đồ giả, không thật, đừng theo nó, thì ngay đó tự lìa và chúng ta vẫn thấy biết rõ ràng, không động. Thể áy vốn không vọng, vốn tự biết khắp, không phải đợi có vọng mới biết, không phải đợi có cảnh mới biết. Tánh biết đó nó vốn không động, ngay khi vọng niệm vừa lặng, trả lại tự thể nguyên vẹn đang rõ biết một cách rõ ràng, sáng suốt.

Quý vị thử một lần buông hết đi, buông thân, buông tâm, buông cảnh bên ngoài, khi buông sạch rồi sẽ hay ra, còn đây một cái đang biết khắp, rõ suốt, không động, buông bỏ cũng không được, mới biết nó là đồ thật. Ngay đó khéo nhận thảng thì mới vỡ lẽ ra, ngay khi đối cảnh, ngay khi có niệm, tánh sáng biết không động này vẫn sẵn đó không thiếu vắng bao giờ. Bởi khi đang có niệm, chúng ta bận biết về niệm, đang lo biết trên niệm mà quên cái tính chất sáng biết bất động đó nên chưa nhận ra. Nếu người nào lanh lợi, một nghe liền nhận ra, thì ngay đó dùng hoài không hết. Nếu chưa như thế, quý vị nên thử một phen gạn lọc cho sạch thì sẽ nhận ra. Từ đó về sau không còn bị lầm lẫn nữa.

Như trong một ngôi nhà có quá đông người, không biết đâu là khách, ai là chủ. Có người nào đó chỉ mặt ông chủ, chúng ta lanh lợi thì nhận ra ngay. Sau đó, dù cho ông chủ có xen lẫn giữa muôn người ngàn người, nhưng mình cũng không lẫn lộn giữa khách và chủ, không còn lầm lẫn nữa. Nếu những người khác chưa nhận ra được thì phải mời khách ra khỏi nhà hết, còn lại ông chủ có quyền ở trong nhà, không ai có quyền mời đuổi ông ra được thì chúng ta cũng nhận biết được ông chủ. Một phen gạn ra để nhận biết rồi, sau đó người chủ đó có trà trộn trong đám đông bao nhiêu người đi nữa, chúng ta cũng không lẫn lộn với ai khác được. Lúc này mới biết, giữa đám đông người, ông chủ cũng sẵn có trong áy, chỉ là mình chưa khéo nhận ra thôi.

Sự tu tập cũng tương tự. Nếu người có căn cơ lanh lợi, một nghe liền ngộ, nhận ra ngay đương vọng tức chơn, vốn không rời nhau. Nếu là người chưa được như thế thì cần có một phen gạn lọc hết, buông sạch mới nhận ra bộ mặt chân thật muôn đời. Mới hay ra, lâu nay vẫn sẵn đó, chỉ vì chúng ta lo biết theo vọng mà quên cái khả năng tự biết nơi chính mình cho nên nó tạm vắng mặt vậy thôi. Bởi vậy, sau khi ngộ đạo rồi, ngài Thiện Chiêu nói:

Muôn xưa đầm biếc nguyệt trong không

Ba phen gạn lọc mới được biết.

Tức là, vốn tự ngàn xưa trăng săn sáng, trăng vẫn mãi còn đó. Tuy là như vậy, nhưng phải ba phen gạn lọc thì mới nhận biết một cách rõ ràng được. Khi quý vị gạn lại, nhận ra mặt mũi chân thật rồi thì phéo sống, ngay trên trán cảnh luôn khéo nhận ra mặt thật đó, ở mọi lúc mọi nơi, không để bẩn tánh chân thật đó thiêu vắng thì ngoại cảnh không còn đủ giá trị hấp dẫn chi phối mình. Khéo sống như vậy là quý vị đang sống trên nó, mới có phần an ổn, sáng suốt, không mê lầm.

Lâu nay khi vọng khởi thì quý vị chỉ biết về vọng, vọng khởi lên rồi mình mới biết là vọng, như vậy mình biết theo đuôi nó mà quên mình. Chúng ta chỉ biết về vọng, biết theo vọng nên chúng ta bị trôi dạt theo vọng. Bây giờ nhận ra rồi thì ngay khi niệm khởi, không cần biết theo vọng mà chỉ là tự sáng biết rõ ràng, vừa sáng biết thì nhảy vô liền, khéo nhận ngay đó thì quý vị sẽ tỏ suốt cái khả năng tự biết không động, sáng suốt, trùm khắp sẵn đó nơi chính mỗi người. Ngay đó, vầng trăng thu đang hiển hiện, vầng vặc sáng ngời. Nếu hay khéo dụng công như vậy thì mới tỏ được câu Ngài Đức Sơn nói: “May mắn buộc niệm là nghiệp nhân của tam đồ, chợt vậy tình

sanh thì muôn đời bị khóa chặt”. Muốn kèm niệm không cho niệm khởi là đã có niệm muốn không cho niệm khởi, thì ngay đó chính là nghiệp nhân đi trong ba đường ác. Trong đó mà vừa khởi là vọng, là chơn thì muôn đời mình bị khóa chặt trong cái vòng luân hồi của vọng tình phân biệt.

Trong cuốn “Chỉ Tâm Yếu Cho Người Tu Thiền”, ngài Thanh Viễn Phật Nhãnh có nói: “Nếu người biết là vọng niệm, tác ý dừng nó là vì còn thấy có vọng niệm. Người biết có vọng niệm tác ý liền quán sát khiến thấy chánh lý cũng còn thấy có vọng niệm. Biết vọng nguyên là đạo mới không vọng”.

Ngài nói: “Nếu người biết là vọng niệm, tác ý dừng nó là vì còn thấy có vọng niệm. Người biết có vọng niệm tác ý liền quán sát khiến thấy chánh lý cũng còn thấy có vọng niệm”. Bởi vì như thế là chưa rời vọng mà biết, và biết đó là biết theo vọng mà quên mất khả năng tự biết nơi chính mình cho nên chưa thoát ra khỏi vọng niệm.

Ngài nói tiếp: “Biết vọng nguyên là đạo mới không vọng”. Cụ thể là khi vọng vừa khởi lên, chúng ta không thèm biết theo vọng niệm mà chỉ sống về với thể tự sáng biết, nhận lại cái khả năng tự biết kia thì liền đó vọng niệm rỗng lặng. Không phải nhận vọng niệm làm đạo. Điểm then chốt ở đây là chúng ta phải nhận lại cái khả năng tự sáng biết, vừa biết nhận liền, khéo nhận thẳng ngay đó thì tất cả toàn là một sự hiện hữu trong ngàn tuyệt đối không động, không còn nói là vọng hay chơn nữa. Khéo biết như thế thì mới không còn chìm kẹt trong vọng.

Do đó Ngài nói tiếp: “Cho nên người đạt đạo không sở đắc. Người phát ý cầu đạo thì đạo có đắc. Chỉ không cầu gì khác, biết không mê vọng gọi đó là thấy đạo”. Tức là mình không mong cầu cũng không thêm cái gì khác, chỉ là biết suốt mà không một mảy may mê mờ, không vọng thì ngay đó là thấy đạo. Cụ thể là không mong cầu một cái gì bên ngoài, không thêm một điều gì khác, ngay khả năng vốn tự sáng biết không động nơi chính mình, biết suốt không ngăn trệ, sống ngay đó là thấy đạo.

---o0o---

3/ VƯỢT CẢ HAI BÊN, TRĂNG TÂM SÁNG VẮNG VẶC

Như vậy đợi hết vọng mới thể nhận hay không cần hết vọng mà thể nhận? Hay là đợi hết mây mới thấy trăng hay không cần đợi hết mây mà vẫn thấy trăng? Còn nói không phải vẹt mây hay phải vẹt mây mới thấy trăng thì

còn dấu vết của hai bên. Còn nói đợi hết vọng và không cần hết vọng mới nhận ra bản tâm thì cũng là đang chìm trong biển đối đãi hai bên, là chưa rời khỏi vết mê, chưa rời vọng mà nói. Mà cái thấy chưa lìa hai bên, chưa qua được dấu vết của mê, chưa lìa vọng mà nói thì rõ ràng vẫn còn nằm y nguyên trong vọng. Trăng tâm đang hiện hữu đó, đâu phải nói vẹt mây hay không vẹt mây. Chỉ khéo hay tỏ suốt, nhận lại tính chất tự sáng biết mà không động kia thì天堂 trăng tâm đang hiển hiện ra đó, đâu cần đi tìm đâu xa mà phải nói là đợi vẹt mây hay không vẹt mây? Cho nên Ngài Trưởng Khánh nói: “Ở trong vạn tượng riêng bày thân” là vậy.

Lúc ngài Thiệu Tu cùng Ngài Pháp Nhãnh trên đường từ Viện Địa Tạng của ngài Quế Sâm đi Kiến Dương. Giữa đường bàn chuyện, ngài Pháp Nhãnh chợt hỏi:

- Người xưa nói “Ở trong vạn tượng riêng bày thân” là vạch vạn tượng hay chẳng vạch?

Thiệu Tu đáp:

- Chẳng vạch.

Pháp Nhãnh bảo:

- Nói cái gì là vạch, chẳng vạch?

Thiệu Tu mò mịt chẳng hiểu, trở lại Viện Địa Tạng hỏi ngài Quế Sâm:

- Cố nhân nói: “Ở trong vạn tượng riêng bày thân” ý chỉ thế nào?

Quế Sâm bảo:

- Người nói người xưa vạch vạn tượng hay chẳng vạch vạn tượng?

Sư thưa:

- Chẳng vạch.

Quế Sâm bảo:

- Hai cái!

Ngay đó Thiệu Tu kinh hãi lặng thinh. Sau đó, ngài Thiệu Tu hỏi tiếp:

- Chưa biết cỗ nhân vạch vạn tượng hay chǎng vạch vạn tượng?

Qué Sâm bảo:

- Người nói cái gì là vạn tượng?

Ngay đó Sư liền đại ngộ.

Vạch hay chǎng vạch là hai bên, là không rời vạn tượng mà nói, là vết mè đã lộ ra rõ ràng. Tâm thái dồn về một mối, cơ duyên chín muồi, Ngài Qué Sâm chỉ cần điểm nhẹ: “Người nói cái gì là vạn tượng?” ngay đó, ngài Thiệu Tu quên đi cái niệm vạn tượng trong đầu, liền đại ngộ.

Nếu hay rõ suốt vạn tượng là huyền hóa thì ngay huyền là lìa huyền, liền tò suốt bản tánh sáng biết rạng ngời không động. Khi ấy, vạn tượng sum la đều đang hiển hiện trong tự tánh chánh định của mình. Ngay đó, pháp thân đang hiện bày khắp tất cả chỗ, nói gì là vạch vạn tượng hay không vạch vạn tượng? Nếu khéo nhận thăng như thế thì trăng đang hiển hiện ra đó, đâu nhọc phải nói vẹt mây hay không vẹt mây? Lúc này không còn nói vọng hay chơn, trăng thể chân thật noi ta đang hiện bày, không còn chạy đi tìm vàng trăng ở đâu đâu nữa. Quý vị khéo sống thăng như vậy thì hằng ngày mới có thể dùng được đạo vị, còn nếu chưa có khả năng như vậy thì mình chỉ dùng tạm những thứ gì đó cho đỡ bữa thôi, chưa phải là món thượng vị. Chỗ này, Thiền sư Hương Hải có nói:

Mảnh trăng ngâm đàm lạnh,

Mây mỏng ánh trời xanh.

Với người đã đạt đạo,

Đây là tin tức thật.

Trong cái đàm lạnh ngắt có một mảnh trăng lẻ đang soi bóng trong đó. Trăng không có ý, đàm cũng không tâm, hai bên rỗng lặng, không ở trong nhau, cũng không ở ngoài nhau, mà trong cái này ánh hiện cái kia, ngay đó đã lìa hai bên, vượt nǎng sở, trăng đàm ánh hiện trong nhau sáng trong, vắng vặc.

Nếu chúng ta chỉ nhìn thấy mây mà quên mắt bầu trời thì đúng là mây đang che trời. Nhưng nếu suốt qua mây, thâu tó bầu trời xanh rồi thì mây

không còn che bầu trời được nữa mà chỉ là trang điểm cho bầu trời lấp lánh thêm thôi. Ví dụ đằng kia có rặng núi rất lớn, nhưng nếu để ngón tay lên che trước mắt mình thì chúng ta có thấy được rặng núi to lớn kia không? Không. Vì bạn nhìn theo cái ngón tay này nên nó che lấp đi cả một rặng núi lớn. Đang nhìn ngón tay như thế, thình lình có người nói đằng kia có rặng núi kia, liền đó chúng ta không nhìn theo ngón tay này nữa, mà thấu suốt qua ngón tay, mình sẽ thấy rõ, đằng kia một rặng núi đang vội vội tự lâu rồi. Như vậy ngón tay vẫn còn đó, nhưng đâu có che được rặng núi kia? Mây mờ cũng vậy thôi, nhìn theo mây thì thấy mây che trời, tỏ suốt bầu trời thì áng mây này trở lại điểm tô cho bầu trời chứ không còn làm ngăn ngại bầu trời nữa. Vọng niệm cũng vậy, khi khởi lên mình bận biết theo niệm thì quên cái tính chất vốn tự sáng biết nơi mình. Vừa khởi niệm liền biết, nhận ngay cái tính chất tự biết thì không bị vong ngăn ngại. Cái làm ở đây không phải do vong niệm che mình, mà tại cái thức mình bận biết về vong, gá trên vọng nên bị nó che thật. Cho nên Thiền sư Hương Hải nói: “Nếu với người đạt đạo, đây là tin tức thật”. Ngay trên cảnh, quý vị không cần phải biết theo cảnh nữa, mà chỉ là đang sáng biết rõ ràng, không loại suy vật mà cũng không biết trên vật, ngay đó nó tự sáng biết khắp, không động, trên đó đang bàng bạc pháp thân. Cho nên nói “Ở trong vạn tượng riêng bày thân” là vậy. Khéo sống như vậy thì lúc nào trăng cũng đang hiện diện, không còn phải đợi đến trung thu nữa.

Có vị Tăng hỏi Sơ Tổ Trúc Lâm:

- Khi muôn dặm không mây thì thế nào?

Sơ Tổ Trúc Lâm đáp:

- Mưa tầm tã.

Đã là muôn dặm không mây thì thảng đó nhận đi, còn ôm áp một vật đến đây mà hỏi thì không phải là mưa đang tầm tã sao! Vị Tăng lại hỏi tiếp:

- Khi muôn dặm mây phủ kín thì thế nào?

Sơ Tổ đáp:

- Trăng sáng ngời.

Nếu thực sự mây đang phủ kín thì ai đang biết hỏi đó, sao không thể nhận mà còn đi hỏi! Mới thấy, cái mê làm của mình đã lâu lắm rồi. Đang

đứng đây, đang nói đây, chưa từng động đó mà không chịu nhận lại, còn ôm cái đó mà đi hỏi thì có phải là đã đánh mất đi cái hiện hưu đang biết đó không? Vị Tăng lại hỏi tiếp:

- Rốt ráo là thế nào?

Sư Tổ nói:

- Chớ đụng đến! Đụng đến là ăn 30 gậy.

Trong đó mà còn hỏi nữa tức là còn muốn hiểu, mà hiểu là thúc hiểu, dùng thúc để hiểu thì làm sao hiểu đến chỗ rốt ráo đó được. Ngay đó khéo nhận là phải, không thêm là tốt, muốn hiểu thêm liền sai, vì thế Ngài mới nói đừng đụng đến, đụng đến là bị ăn gậy rồi.

Có giai thoại của hai vị Tăng, một vị tên Dạ Đài (biểu hiện cho cái tối), còn vị thứ hai là Thu Nguyệt (vầng trăng thu, biểu hiện cho cái sáng).

Tăng Dạ Đài người đất Tây Thục. Thuở bé, Sư học thuật nhặt ăn. Sau gặp sư Đại Trí ở núi Nga Mi xin xuất gia, thọ giới. Rồi từ biệt thầy đến với Ngài Phục Ngưu ở núi Chung Nam. Về sau Sư đến núi Ngũ Đài, ngày ngày thường chỉ uống nước, ngồi tĩnh tọa, ban đêm thì đi quanh Đài Sơn. Người ta nhân đó gọi Sư là Dạ Đài. Chu vi Ngũ Đài khoảng 500 dặm, nổi tiếng gió mạnh, đá lớn, lừa ngựa bị thổi bay như quét lá. Sư đi, áo mũ tung rọi, tay cầm gậy sắt, cứ gặp gió thì ngừng, hết gió lại đi. Có lúc trời tối mịt, Sư bị rơi xuống hố, gậy sắt cong vòng mà Sư chẳng sao hết. Gặp cọp, Sư đến trước nó nạp mình, nói:

- Người ăn thịt ta, tức là cùng ta kết mối duyên nhỏ.

Gặp bọn cướp núi, Sư động gậy xuống đất, tiếng gậy vang dội. Bọn cướp kinh hãi bỏ chạy, la lớn:

- Bị sư Dạ Đài nghiệp phục!

Chúng chẳng dám động đến Sư. Có hôm tuyết lớn rơi đầy núi, mọi người vác xêng đi kiếm; thấy Sư bị tuyết chôn đến thắt lưng, rét cứng. Họ khiêng Sư về hơ lửa, tắm nước nóng, chập lâu Sư mới hồi tỉnh. Vậy mà vẫn tiếp tục đi đêm như cũ. Sư thường gặp ánh đèn, lửa rừng, mãnh thú, quỷ quái trong đêm. Cũng có khi gặp được Văn Thủ, hoặc hiện hình Tỳ-kheo già,

hoặc hiện làm phụ nữ đẹp ôm đứa con mới sinh còn trần truồng, chốc lát biến mất. Sư đi như thế đến hơn hai mươi năm.

Năm Quý Mão, Sư đến kinh đô. Thái hậu Từ Thánh ban cho Sư bình bát, tích trượng và một bộ Tử lang Ca-sa, Sư bèn đến chùa Tháp Viện, lập hội Thiên Bàn (ngàn mâm) rồi đến chùa Long Tuyền lập hội Long Hoa bốn mươi chín ngày. Sau đến núi Ngũ Đài, Nga Mi đúc một chuông u minh nặng một vạn ba ngàn cân, lại đến núi Phổ Đà, Nga Mi thỉnh hai bộ Tạng kinh; đến núi Cửu Hoa lập đạo tràng Thủy Lục. Bao nhiêu tiền gạo còn dư, Sư đem phân phát cho các tịnh thất và những vị tăng nghèo, không hề bỏ túi riêng một mảy may. Cho nên tăng tục hết lòng tin cậy. Sau Sư trở lại bốn danh sơn lớn, tinh thần mỏi mệt. Từ đất Thục đến Quảng Lăng, Sư nhuốm bệnh. Có một đạo nhân chặt ngón tay nấu cháo cho Sư dùng, ý mong cầu Sư lành bệnh. Sư mắng rằng:

- Người xuất thế, sao lại học theo thói đàn bà. Hạn ta đã gần đến rồi.

Khỏi bệnh, Sư mua một chiếc thuyền lớn, bày tượng Thủy Lục miệng phun lửa không ngót.

Tháng mười, năm Canh Tuất, từ Thông Châu dong thuyền ra biển. Đi ngang Phước Sơn, Sư vui vẻ muốn dừng lại. Sư giải tán đệ tử, chỉ giữ lại một đạo nhân già theo, rồi lên thuyền. Có hai người khách buôn ở Tân An xin đi nhò.

Sư nói:

- Người này có duyên.

Bèn băng lòng cho đi. Thuyền giương buồm đi thật nhanh. Chợt Sư hỏi:

- Trưa chưa?

- Trưa rồi!

Sư sai làm cơm cho hai người khách cùng ăn. Họ lấy tiền cúng dường Sư, nhân đó lễ mười phương chư Phật, Sư nói:

- Ta muôn vào biển!

Mọi người kinh hãi thưa:

- Nay đã ở trong biển rồi, còn muốn vào đâu nữa?

Sư nói:

- Ta nghe bậc Bồ-tát giải thoát, khi tịch dặn các đệ tử chia thân làm ba phần:

Một cho loài cầm thú, một cho tôm cá và một cho kiến trùng. Nay ta cũng thế.

Mọi người khóc lóc níu lại. Sư lấy một tờ giấy đưa cho khách, đó là lời của Bồ-tát giải thoát. Chúng vẫn buồn bã níu giữ không buông. Sư nói:

- Các ông hãy vì ta mà lễ Phật.

Mọi người liền cúi lạy, Sư nhảy xuống biển. Họ định lấy buồm vớt Sư. Ngồi ngay trên sóng nước, Sư vẫy tay nói:

- Cát buồm đi! Các ông thua ta rồi!

Phút chốc, có một đám sương trắng vàng bao phủ quanh Sư, rồi cuốn đi. Đó là ngày 25 tháng 10 năm Canh Tuất (1610) niên hiệu Vạn Lịch 38. Vị đạo nhân già trở về thuật lại. Hoa Đinh Trần Mi Công bèn ghi chép lại chuyện này.

Vị Tăng thứ hai là Thu Nguyệt. Ngài là một vị sư già ở núi Huyền Cơ, Tô Châu. Sư tinh thông giới luật, lễ tụng chuyên cần, lấy uống trà làm Phật sự. Ai đi qua Huyền Cơ cũng đều ghé thăm Sư. Nhưng nếu không phải người cao nhã thì Sư chẳng tiếp, gặp mặt cũng chẳng mời trà nước.

Lúc ấy, đang có giảng tịch của ngài Thiên Kỳ, người bốn phương rầm rộ kéo đến. Sư vẫn điềm nhiên như không hề hay biết. Có người khuyên Sư nên tùy hỷ ra một lần, Sư chỉ cười chẳng đáp.

Niên hiệu Thiên Khải cải nguyên (1621), Sư từ biệt bạn đạo trong núi, sáng sớm đi thuyền đến bể Liên Hoa ở Nam Hải, hốt nhiên đến đầu thuyền lễ bái, lớn tiếng niệm Phật rồi nhảy úm xuống nước. Mọi người vội níu lại nhưng chẳng kịp. Sóng gió nổi lên rất mạnh, Sư nhấp nhô trên sóng, vẫn chắp tay niệm Phật. Tiếng Sư xa dần rồi mất hẳn.

Qua hai hình ảnh của hai vị Tăng, ngài Dạ Đài biểu hiện cho cái tối, Ngài chuyên đi trong đêm và làm rất nhiều Phật sự, còn Ngài Thu Nguyệt biểu hiện cho cái sáng, Ngài không hề đi và không hề làm, là hai hình ảnh ngược nhau, Ngài Tinh Vân có lời bình:

Dạ Đài chạy khắp bốn núi lớn, vết chân in khắp nước. Thu Nguyệt tĩnh lặng đóng cửa thất, chẳng màng đến việc bên ngoài. Dạ Đài rộng tu phuộc nghiệp, Thu Nguyệt một việc cũng không làm. Hai Ngài bình sinh trái nhau như thế, đến lúc cuối lại giống hệt nhau. Dạ Đài giàu cái tinh trong động. Thu Nguyệt gởi cái động trong tĩnh. Dấu vết động tĩnh của hai vị thoát khỏi mé sanh tử không may chướng ngại. Tâm hai vị thật không thể so sánh ai hơn ai kém vậy.

Hai Ngài lúc sống thì ngược nhau, nhưng đến cuối cùng khi tịch thì cùng nhảy vào biển giống hệt nhau. Trên tướng bên ngoài thì thấy có sai khác, nhưng chỗ rốt ráo cuối cùng thì tâm thể không hai. “Dạ Đài giàu cái tinh trong cái động. Thu Nguyệt thì gởi cái động trong cái tĩnh. Dấu vết động tĩnh của hai Ngài thoát khỏi sanh tử, tâm hai vị không thể so sánh ai hơn ai kém vậy”. Tâm hai vị này không khác, làm và không làm, động và tĩnh không ngoài nhau, không ra ngoài pháp thân sáng biết trùm khắp bất động.

Trở lại nơi tất cả chúng ta, nếu nhận và sống được với vàng trăng chân thật rồi thì làm tất cả mà chẳng khác gì một việc cũng không làm. Tâm mình đã không khác thì đã vượt lên trên hai bên đối đai. Động và tĩnh, có và không đều ở trong nhau, không phân biện. Cái tự biết này nó vốn không động, nó vốn đã tự tịnh, chưa từng động nhưng lại rất sống động. Từ tính chất vốn tĩnh, không động mà làm tất cả việc thì nó sẽ trở nên sinh động chứ không phải loạn động. Đây là chỗ sâu kín, không hai, chính là chỗ ngài Dạ Đài giàu cái tinh trong cái động, là trên động mà tĩnh, mà bất động, không động bao giờ. Đồng thời, tính chất sáng biết đó nó bất động nhưng linh hoạt, hoạt dụng, sống động, rõ suốt tất cả. Đây chính là chỗ ngài Thu Nguyệt gởi cái động trong cái tĩnh, trong tĩnh mà sống động, linh hoạt chứ không phải chìm dưới đáy của an tịnh. Đến trong đây rồi, động và tĩnh không hai, không khác, đan xen mà rành rẽ rõ ràng, tình thức không thể nghĩ lường đến được. Trong khi đối duyên xúc cảnh hằng ngày, nếu chúng ta khéo nhận lại tánh này thì sẽ thấy rõ lúc nào mình cũng sẵn cái biết khắp mà vốn không động. Quý vị vừa thấy thì thảng đó liền sáng biết, không rơi vào hạn lượng của tình thức thì tỏ sáng cái vốn tự biết mà không động nơi chính mình. Nếu

khéo dùng được như vậy thì không cần phải đợi lên bồ đoàn mới dùng, mà lúc nào mình cũng đang dùng được.

Trong đoạn kết của bài “Nói rộng một con đường hướng thượng”, vua Trần Thái Tông đã nói: “Có một con đường hướng thượng xưa nay làm sao nói?”. Vì vừa mở miệng nói cho hiểu thì rơi vào hai bên sanh diệt mất rồi. Chỉ là vạch ra cho khéo nhận lại thôi, chứ không thể nào nói hết được. Ngài nói tiếp: “Dốt! Lửa này chưa từng đốt miệng. Lắng nghe! Lắng nghe! Nếu nghe được lời này thì tai điếc ba ngày”. Ngay tiếng quát lên: “Dốt!”. Nếu quý vị khéo nghe, khéo nhận thì tràn ngập không bao giờ mất, không bao giờ quên. Cho nên có một vị nói: “Một lần thôi, ăm ắp suốt nghìn năm”. Khi nghe ngài Trần Thái Tông nói: “Lắng nghe! Lắng nghe!”, chúng ta đừng tìm hiểu Ngài nói cái gì, đừng trông đợi Ngài sẽ nói ra một điều gì đó, mà hãy khéo lắng nghe lại “cái mình đang biết nghe” đây này! thì liền được điếc tai ba ngày, tức là không bao giờ mất, không bao giờ quên. “Nếu nghe chẳng được chạy qua nhanh”. Chân chòe khởi hiểu, chân chòe suy nghĩ thì rơi vào hạn lượng của tình thức, ngay đó đã qua mất rồi. Chạy qua luôn đi, đừng suy nghĩ nữa, không phải đâu! Và lại được Ngài từ bi nói tiếp: “Lại trao cho chăng?” Có nghĩa là có trao cho nhau được không? Ngài bắt đầu nói kệ trao cho mình, quý vị chuẩn bị nhận:

Chốn chốn dương xanh nén cột ngựa,

Nhà nhà có lối thăng Trường An.

Trở về dưới nguyệt người ít đến,

Một ánh trăng soi khắp mọi miền.

Ngay khi quý vị vừa khéo nhảy vào thì phải nén cột ngựa ngay đó liền, đừng để cho tình thức có chỗ chen vào. Nhà ai cũng có một lối thăng đi đến Trường An (kinh đô), nghĩa là nơi mỗi chúng ta ai ai cũng sẵn tánh Phật đó, mỗi người đều sẵn vàng trăng sáng vàng vặc đó. Nhưng mà: “Trở về dưới nguyệt người ít đến”. Về tăm dưới ánh trăng vàng vặc đó thì lại ít có ai đến được. Nếu đến được rồi thì: “Một ánh trăng soi khắp mọi miền”. Ánh trăng đó soi khắp tất cả chỗ, sáng ngời, bàng bạc, không thiêu sót nơi nào, không mây mưa nào làm ngăn ngại được. Nhận lại vàng trăng đó có khó không? Nói dễ cũng không phải mà nói khó cũng không phải. Dễ cũng thật là dễ, mà khó cũng vô vàn khó. Giống như con mắt của mình, con mắt không thể tự thấy nó mà chỉ thấy vật bên ngoài, khi thấy vật bên ngoài thì cảm nhận là con mắt đang sáng. Cũng vậy, bản tánh chính là mình cho nên chỉ khéo nhận

lại thôi chứ không cho thấy, không cho hiểu, vì vậy rất khó. Nhưng nó lại nằm ngay nơi chính mình chứ không phải ở đâu xa, cho nên nhận lại cũng thật dễ. Không thể nói khó, không thể nói dễ. Nếu nó là cái gì đó bên ngoài cho mình thấy, mình đem vào thì quá dễ. Ngược lại, cái này lại ngay nơi chính mình nên vô vàn khó. Nhưng nếu khéo nhận thì nó lại là chính mình, không phải đi tìm ở đâu xa cho nên cũng vô cùng dễ. Khéo nhận lại ngay đó liền đầy đủ.

Cuối cùng, quý Thầy mong toàn thể quý Phật tử, gấp chốn dương xanh thì phải nhảy vào cột ngựa liền, đừng chần chờ để cho nó rơi vào tình thức mà phải trả giá khổ đau. Phải dám mạnh mẽ tin rằng, mọi người làm được thì mình cũng làm được. Được như vậy, chúng ta sẽ trở về được dưới ánh trăng, một vàng trăng bàng bạc, sáng ngời, soi thấu khắp mọi nơi, không bị mây mưa làm ngăn ngại.

---o0o---

TỰ NGẮM LẠI VÀNG TRĂNG MÌNH

Trong Thiền sử Nhật Bản có một vị thiền sư ni hiệu là Ryonen, có nghĩa là “sự thể hiện trong sáng”. Trước khi qua đời, vị này có để lại bài kệ:

Sáu mươi sáu lần đôi mắt này nhìn thu thay đổi

Tôi nói đến vàng trăng đã đủ rồi.

Xin đừng hỏi nữa,

**Hãy lắng nghe âm diệu của thông ngàn và bách hương khi
không gió lồng.**

Hôm nay là ngày rằm Trung thu, lẽ ra phải nói về trăng, nhưng trăng thì quý Thầy đã nói qua hai kỳ rồi, coi như tạm gọi là đủ. Xin đừng hỏi nữa!

Hôm nay quý Thầy sẽ không nói về trăng nữa, mà muốn cho mỗi vị thực sự tự ngắm lại vàng trăng của chính mình, để thấy rằng mỗi vị đều đang tuyên thuyết diệu pháp. Vàng trăng và tất cả cảnh vật cũng đang tuyên thuyết diệu pháp cho chúng ta nghe. Cả hai vốn tự cảm ứng, giao xen, bàng bạc đạo lý khắp tất cả chỗ. Trong bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu, chúng ta và tất cả cảnh vật cũng đều đang thuyết pháp, cho nên gọi là “Pháp luân thường chuyển”.

Nhưng nói trăng nói cuội gì cũng không ngoài mục đích là nói đến đạo lý để được giải khổ, giải thoát, an vui. Bởi vì khi đến với đạo, hầu hết chúng ta đều có chung một tâm nguyện là muôn hết khổ và an vui. Muốn vậy, chúng ta cần phải có phương pháp để giải khổ, mà Phật pháp chính là được liệu tối ưu giúp cho quý vị có thể dẹp phá phiền não và đạt đến an lạc giải thoát. Vì muôn chánh pháp còn mãi ở nơi đời để giải khổ cho tất cả chúng sanh cho nên hằng đêm quý Thầy vẫn thường phục nguyện câu “Pháp luân thường chuyển”, tức là nguyện cho bánh xe chánh pháp xoay chuyển liên tục mọi lúc, mọi nơi không dừng nghỉ, không gián đoạn. Muốn cho bánh xe chánh pháp chuyển một cách liên tục thì chúng ta cần có một cái nhìn về “pháp luân thường chuyển” như thế nào.

Quý vị thấy hiện nay có rất nhiều pháp hội đang giảng pháp và chúng ta cũng đi nghe pháp rất nhiều. Nhưng khi đang ở trong pháp hội, đang nghe pháp thì có Phật pháp, còn khi ra đường, về nhà thì có Phật pháp không? Khi có khi quên, phải không? Trong đây có vị nào không bao giờ quên? Vậy thì kẽ hở đó ở chỗ nào? Là tại vì chúng ta chưa được chuyên tâm, chưa được tinh giác một cách liên tục.

---o0o---

I/ CHUYÊN TÂM, PHẢN TỈNH, LUÔN TỈNH GIÁC

Quý thầy xin kể quý vị nghe một câu chuyện có thật: Có hai vợ chồng nhà nọ học hỏi và thám nhuần Phật pháp. Một hôm bà vợ bất giác mắng chửi ông chồng xối xả nhưng ông vẫn ngồi điềm nhiên, bình tĩnh, không nói gì. Đến khi bà vợ cạn lời, im lặng, ông chồng hỏi: “Vậy nãy giờ bà nói đã hết chưa?”. Bà vợ trả lời: “Hết rồi”. Ông chồng nói tiếp: “Cảm ơn bà, nãy giờ nhờ bà mà công phu tu tập của tôi được thành tựu”. Bà vợ nghe xong vừa cảm thấy sợ vừa tức tối vô cùng. Bởi vì ông chồng không chịu nói cho bà biết là ông đang tu, để bà đã xúc phạm đến người đang công phu như vậy. Từ đó về sau, bà không bao giờ dám bất giác để nói nặng với chồng mình nữa. Quý vị thấy, người vợ chửi mắng, nhưng người chồng lại thấy như là người vợ đang thuyết pháp cho mình nghe và tu tập được. Cũng nhờ vào hạnh tu của người chồng mà bà vợ thức tỉnh về sau không dám bất giác xúc phạm đến người khác. Đó là ông chồng cũng đang thuyết pháp cho bà vợ nghe.

Như vậy, hàng ngày đâu phải thiếu những người thuyết pháp cho mình nghe, chỉ là chúng ta chưa chịu nghe pháp. Có thể ở đây mình nghe rất nhiều mà về nhà quên, không chịu nghe pháp, thành ra không được liên tục.

Vào thời Đức Phật, có vị Sa di Hiền Trí mới bảy tuổi đã chứng A la hán. Nhân duyên chứng A la hán của Ngài rất đặc biệt. Lúc Ngài lên 7 tuổi thì cha mẹ cho xuất gia với Tôn giả Xá Lợi Phật. Khi xuất gia, gia đình phát tâm cúng dường liên tiếp trong 7 ngày đầu. Trong 7 ngày đó vì không phải đi khát thực nên Ngài Xá Lợi Phật dạy cho Sa di Hiền Trí các đề mục thiền quán về các thể trực trong thân này. Qua đến ngày thứ tám, gia đình hết cúng dường nên Sa di Hiền Trí phải theo Thầy mình đi khát thực. Trên đường đi, Ngài thấy người ta đang vét muỗng để dẫn nước vào ruộng. Ngài hỏi Tôn giả Xá Lợi Phật: “Thưa Thầy, người ta đang làm gì vậy?”. Ngài Xá Lợi Phật trả lời: “Người ta đang vét muỗng để dẫn nước vào làm ruộng”. Sa di Hiền Trí liền nghĩ: “Nước là vật vô tri vô giác mà người ta còn có thể hướng dẫn sử dụng theo ý của mình để làm việc lợi ích. Vậy tại sao mình có tâm, có tri giác, có hiểu biết mà không thể hướng dẫn tâm mình đi theo con đường đến A la hán được?”. Đi tiếp một đoạn, Sa di Hiền Trí lại nhìn thấy một người đang chuốt những mũi tên, bèn hỏi Ngài Xá Lợi Phật: “Họ đang làm gì vậy?”. Ngài Xá Lợi Phật đáp: “Họ đang chuốt những mũi tên cho ngay thẳng để bắn”. Ngài cũng nghĩ: “Tên cũng là vật vô tri mà người ta còn có thể uốn nắn khiến cho nó có thể ngay thẳng theo ý mình. Còn mình là người có lý trí, có hiểu biết, tại sao mình không thể uốn nắn tâm mình cho ngay thẳng, đúng đắn để đi đến con đường Niết Bàn?”. Đó là lần thứ hai. Đi một đoạn nữa, Ngài lại thấy một người đang đeo bánh xe (ngày xưa, người ta làm bánh xe bằng gỗ cho nên đeo tròn để đẩy), Ngài lại hỏi: “Bạch Thầy, người ta đang làm gì vậy?”. Tôn giả Xá Lợi Phật đáp: “Đó là người ta đang đeo những thanh gỗ làm bánh xe để dùng vào việc chuyên chở”. Ngài cũng nghĩ: “Gỗ là vật vô tri, vô giác mà người ta vẫn có thể đeo nó thành bánh xe để sử dụng theo ý mình. Còn mình có tri, có giác, có hiểu biết, tại sao mình không đeo gọt những điều xấu xa, những điều hư dối trong tâm mình để tâm ý trở thành lợi ích chân thực trên con đường giải thoát?”. Ba lần đánh động sâu như vậy nên Ngài trao bát lại cho Tôn giả Xá Lợi Phật và thưa: “Xin Thầy cho phép con được về trước, con có vấn đề cần giải quyết”. Tức là ngay trong ngày hôm đó, Ngài muốn dứt khoát phải giải quyết xong quả vị A la hán của mình. Về đến nơi, Sa di Hiền Trí vào phòng mình ngồi thiền quán và quyết tâm quán xét cho tột cùng. Việc này cảm đến trời Đế Thích, Ngài sai bốn vị thiên vương xuống trần giữ bốn góc vườn, không để chim chóc và người lai vãng làm động đến công phu của Sa di Hiền Trí. Chính trời Đế Thích đứng trán giữa, đồng thời dùng thần lực làm mặt trời

sáng hoài giống như vẫn đang còn trưa, cho nên Tôn giả Xá Lợi Phat thong thả đi về. Trong khi đó, Đức Phật quán xét thấy được tâm trạng và công phu của Sa di Hiền Trí, nếu Tôn giả Xá Lợi Phat khát thực trở về, mở cửa phòng mà Sa di Hiền Trí vẫn chưa chứng quả A la hán thì sẽ làm trở ngại công phu. Do đó khi Tôn giả Xá Lợi Phat về thì Đức Phật ra đón ở cửa trước, chặn lại và hỏi rất nhiều câu để cho Sa di Hiền Trí trong kia có thời gian thành tựu đạo quả. Quả nhiên, ngay sau đó, Sa di Hiền Trí đắc quả A la hán. Khi đó, Đức Phật để cho Ngài Xá Lợi Phat đem phần cơm khát thực vào cho Sa di Hiền Trí. Sau khi dùng cơm xong, thu xếp gọn gàng, trời Đế Thích thu thần lực lại thì mặt trời liền lặn và tối. Đại chúng thấy sự việc lạ rất ngạc nhiên và bàn tán. Đức Phật biết nên Ngài đến giải thích nguyên nhân của sự việc hôm nay là do Sa di Hiền Trí.

Qua đó, quý vị thấy, Sa di Hiền Trí mới bảy tuổi, nhưng khi ra đường thấy những sự việc người ta làm thì những việc đó đánh động sâu vào tâm Ngài, từ đó Ngài quyết tâm hạ thủ công phu để thành tựu. Như vậy, những công việc xem ra rất tầm thường, nhưng đối với Ngài, nó lại có thể biến thành pháp thoại khiến cho Ngài giác ngộ và chứng quả. Còn đối với chính những người đang làm việc đó hoặc những người nhìn thấy rất nhiều, nhưng xem thường cho qua thì những việc đó cũng trở thành tầm thường. Tại sao như vậy? Giả sử trên đường đi, nếu Sa di Hiền Trí thả tâm buông lung và nghĩ ngơi lung tung, không chú tâm vào đề mục thiền quán Thầy mình chỉ dạy thì liệu Ngài có thành tựu được sự giác ngộ không? Như vậy, cùng một hoàn cảnh đó, nếu chúng ta buông lung tâm niệm, sống theo phàm tình thì ngay đó Phật pháp đang vắng bóng. Còn nếu chúng ta chánh niệm, chuyên chú, tinh giác thì nó lại trở thành một cảnh giới giác ngộ, trở thành Phật pháp đối với mình. Ngay đó, bánh xe chánh pháp đang xoay chuyển đều, không thiếu vắng. Vẫn đề còn lại ở đây là chúng ta có chịu chánh niệm, chuyên tâm và tinh giác để nghe thấy vạn vật tuyên thuyết diệu pháp hay chưa mà thôi.

Một hôm Ngài Dịch Thượng ngồi thiền mãn giờ thì có một hồi chuông xá thiền ngân vang đến.

Khi xuất định, Sư gọi thị giả đến hỏi:

- Sáng nay ai thỉnh chuông vậy?

Thị giả thưa:

- Đó là một Sa di vừa mới đến tham học.

Sư bảo thí giả gọi vị Sa di ấy đến.

Khi Sa di đến, Sư hỏi:

- Sáng sớm hôm nay, con dụng tâm như thế nào để thỉnh chuông?

Sa di ngạc nhiên, trả lời:

- Bạch Thầy, con không có dụng tâm gì, chỉ là thỉnh chuông là thỉnh chuông vậy thôi.

Thiền sư Dịch Thượng bảo:

- Con chẳng thấy sao? Khi con thỉnh chuông, nhất định trong tâm con có niệm đến một chút gì, vì hôm nay ta nghe tiếng chuông của con âm thanh rất trong sáng. Chỉ người có chánh tâm thành ý mới phát ra tiếng chuông này. Sa di nghe vậy, suy nghĩ một lúc rồi thưa:

- Bạch Thầy, thực ra con cũng không có ý niệm gì đặc biệt. Chỉ là trước kia khi chưa đi tham học, Thầy con thường răn nhắc, khi thỉnh chuông phải tưởng đến chuông tức là Phật, phải thật chí thành trai giới, kính chuông cũng như kính Phật, dùng tâm thiền như lúc nhập định và dùng tâm lễ bái để thỉnh chuông.

Quý vị thấy, khi mình thỉnh chuông phải coi chuông như Phật, nếu mình thấy Phật trước mặt mình thì có dám động niệm không? Quý vị thấy đi gần Hòa thượng Ân sư là chúng ta đã thanh tịnh rồi, huống nữa là mình gần Phật thì rất là chánh niệm. Sở dĩ mình buông lung nhiều là do tâm khinh suất của mình chứ nếu thận trọng hơn một chút thì tu dễ tiến.

Ngài nói “dùng tâm thiền như lúc nhập định và dùng tâm lễ bái để thỉnh chuông” nghĩa là tâm rất chí thành không một niệm khác. Nếu không phải là người chí tâm thành ý thì không thể phát ra được tiếng chuông này. Và nếu không phải là người có tâm đang thiền như Thiền sư Dịch Thượng thì cũng không thể nhận được tiếng chuông thiền vị ấy. Mới thấy, Phật pháp luôn sẵn quanh ta, nhưng chúng ta có biết vận dụng đúng mức hay chưa?

Nghe xong, Thiền sư Dịch Thượng rất hài lòng và ân cần nhắc thêm:

- Sau này, khi xử lý các việc, con cũng đừng nên quên một điều là đều giữ gìn cái tâm thiền đã thỉnh chuông sáng nay.

Từ đó về sau, Sa di luôn giữ thói quen như vậy, luôn luôn cung kính, kính cẩn, chẳng những khi thỉnh chuông mà khi làm bất cứ một việc gì, hễ vừa động một chút niệm, Ngài liền nhớ lời khai thị của Thiền sư Dịch Thượng và vị Thầy thế độ của mình nên luôn giữ cái tâm thiền thỉnh chuông đó. Sau này chú Sa di đó trở thành một vị thiền sư là Ngài Sâm Điền Ngộ Do.

Nhìn lại, chúng ta thường khinh suất, ít chú tâm, chứ còn nếu kính cẩn, thận trọng và chú tâm giống như trường hợp trên thì trên đường tu rất dễ thành tựu. Ví dụ, quý vị nghe Hòa thượng dạy “biết là chân tâm”. Nếu lúc nào quý vị cũng biết chỉ là biết, cứ liên tục như vậy một thời gian sẽ có một sức mạnh tinh giác cao, đó chính là vốn liếng cần thiết để khi mình gặp những nghịch cảnh thì có thể vượt qua một cách dễ dàng. Pháp không phải thiếu mà cái thiếu ở đây là sự chuyên cần, chuyên chú, chuyên tâm. Cũng giống như trong Kinh, Đức Phật dạy: “Chết tâm nhất xứ, vô sự bất biến”, có nghĩa là chú tâm vào một chỗ thì không có việc gì là không thành tựu cả. Nếu chúng ta chú trọng việc tu hành và thực hành công phu một cách miên mật như Ngài Sâm Điền Ngộ Do thì ngày thành tựu của chúng ta không phải là lâu lăm. Thực hành được như vậy thì trong mọi lúc, mọi nơi Phật pháp không bao giờ thiếu vắng. Đó chính là bánh xe chánh pháp đang xoay chuyển một cách liên tục, không gián đoạn nơi mỗi người. Đó là mức độ bình thường, quý vị nghe nhiều rồi, giờ chỉ là nhắc lại để nhớ kỹ hơn.

---o0o---

II/ TÂM THỂ HIỆN BÀY TẮT CẢ CHỖ.

Bây giờ sang cấp độ thứ hai rót ráo hơn một chút. Ở tại Long Môn, nơi Thiền sư Phật Nhã đang giáo hóa có làm một cái cối xay bằng đá, dùng sức nước để xay bột. Quý vị biết cái cối xay ngày xưa các Ngài làm thế này: Đào đất xuống, bên trên gác một tấm ván ngang qua, giống như là dòng suối gác ván ngang qua để làm cầu vậy. Trên tấm ván đó các Ngài để một cối xay bằng đá, có một cái trục từ trên cối xay này xuyên qua ván đó xuống dưới lỗ hổng. Phía dưới đeo một bánh xe tròn bằng gỗ gắn ngang ở dưới. Sau đó, cho dòng nước chảy mạnh xuống thì nước sẽ đẩy làm cho bánh xe này quay. Ngài Hoàng Long Trung Đạo giả lúc mới đến chùa Long Môn, Sur rảo bước ngang sang cái cối xay bằng đá dùng sức nước đó, thấy có tấm bảng nhỏ ghi bốn chữ: “Pháp luân thường chuyển”, có nghĩa là bánh xe chánh pháp vẫn đang xoay chuyển liên tục, thì hoát nhiên tinh ngộ, vỗ tay nói hai câu kệ:

“Chuyển đại pháp luân

Trước mắt trùm khắp”.

Có người hỏi: “Thế nào là nước đầy cối quay?”. Sư bèn lấy tay vẽ một hình tròn.

Theo quý vị, Ngài Trung Đạo giả đã thấy cái gì mà tinh ngộ và nói “chuyển đại pháp luân, trước mắt trùm khắp”. Có phải là ngài thấy tấm bảng ghi bốn chữ “pháp luân thường chuyển” không?

Đây là một điểm rất đặc biệt, nếu quý vị thấy được chỗ này thì sẽ thấy lúc nào các vật chung quanh cũng đang thuyết pháp cho mình nghe và lúc nào mình cũng đang thuyết pháp hết. Chỗ này quý vị không cần hiểu mà phải khéo nhận thì đúng hơn, cho nên đừng nghĩ là đã học hay chưa học, nghe gì trả lời nấy.

---o0o---

1/ CHỈ RA TÁNH THẤY BIẾT

Thông thường, khi đưa cái tay lên, hỏi “Thấy không?” thì quý vị có thấy không? “Có thấy”. Nếu chưa biết thì khi bỏ tay xuống, hỏi “Thấy không?” thì quý vị nói là “Không thấy”, phải không? Như vậy, đưa tay lên, hỏi thấy không thì nói là có thấy, để tay xuống hỏi có thấy không thì nói là không thấy. Vậy tại sao thấy, tại sao không thấy? Đáp là khi có cái tay thì thấy mà không còn cái tay nữa thì không thấy, đúng không? Tiếp tục, đưa tay lên hỏi “Có cái tay không?” thì quý vị nói “Có cái tay”, để tay xuống hỏi có cái tay không thì nói “Không có cái tay”.

Cùng một động tác là đưa tay lên, mà hỏi thấy không thì quý vị đáp là thấy, hỏi về tay thì đáp là có tay. Vậy là cái tay với cái thấy đang bị lẫn lộn, quý vị đã đồng hóa cái tay này với cái thấy nơi chính mình, đó là mình đã quên mình mà theo cảnh bên ngoài rồi. Đây là cái thấy của phàm phu. Bởi vì khi đưa tay lên, quý vị đáp là có thấy, nhưng khi hạ xuống, nếu thực sự không thấy thì ai đang thấy biết không có cái tay mà nói “không thấy” đó? Nếu thực sự không thấy thì chắc chắn quý vị không trả lời được là “không thấy”. Khi đặt tay xuống mà nói là không thấy thì rõ ràng là mình đã bỏ quên ngay cái đang thấy nơi chính mình mà thấy theo cái tay, thấy theo cảnh bên ngoài rồi.

1a/ Không có cái tay, không cảnh để lụa ra và nhận lại tánh thấy biết.

Bây giờ, bằng cái thấy biết quý vị đang thấy đây, không cần theo cái tay này nữa, ngay khi đưa cái tay lên, quý vị có thấy không?

- Thấy.

- Thấy là chỉ thấy thôi, bình thường, lặng tâm mà thấy, khi để cái tay này xuống quý vị có còn thấy không?

- Cũng đang thấy biết rõ ràng mà không động. Như vậy, ngay đây, không nhìn theo nó thì đang lặng mà rỗng suốt, thấy biết rõ ràng, không động. Đây chính là tánh thấy biết vẫn hằng hữu nơi chính mình, chưa bao giờ thiếu vắng.

1b/ Khi có cái tay, có cảnh để lụa ra và nhận lại tánh thấy biết.

Cũng vậy, vẫn chỉ bằng một cái quý vị đang thấy biết trong lặng đó, quý thấy đưa cái tay này lên lại, quý vị có thấy không?

- Thấy.

- Thấy mà có động hay không?

- Vốn tự rỗng suốt – rõ ràng mà không động, đúng không?

1c/ Tánh thấy biết vốn tự không tịch, vượt ngoài có – không.

Như vậy, khi có cái tay quý vị cũng biết, khi không tay quý vị cũng biết. Cảnh này có còn, có mất, có có, có không, nhưng cái thấy của mình vượt ngoài có không, còn mất. Ngay đây, cái thấy vốn tự rỗng suốt, rõ ràng, không động. Tâm không thì cảnh tịch, cái tay này là không tịch (rỗng lặng).

1d/ Không trong - không ngoài, hiện bày khắp tất cả chỗ.

Bằng cái thấy này, quý vị nhìn lại cái tay này, nó ở trong hay ở ngoài quý vị? Khi thấy mà chưa có một niệm phân biệt thì có bóng dáng của cái tay này trong tâm quý vị không? Không, như vậy thì không phải ở trong. Nhưng quý vị có đang thấy không? Đang thấy thì không phải ở ngoài. Nếu nói trong ngoài là nói theo cái tay này rồi. Ngay khi thấy mà đang lặng đó

thì cái tay này không in dấu trong tâm cho nên nó không phải ở trong, nhưng mà mình vẫn đang thấy cho nên nó không phải ở ngoài. Không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải có, không phải không mà cái tay là một sự hiện hữu trong tự tánh chánh định mỗi người. Ngay đây, chúng ta đang thấy biết vượt cả trong ngoài, có không, năng sở đối đãi hai bên. Cái tay là cái tay. Tâm cảnh nhất như, cho nên nhìn cái gì cũng là Phật pháp hết. Phật pháp bàng bạc khắp tất cả nơi.

Trở lại câu chuyện Ngài Trung Đạo giả, khi nhìn thấy tấm bảng đó, Ngài đã thấy cái gì mà ngộ đạo? Như quý vị nhìn cái tay này, không phải có, không phải không, không phải trong, không phải ngoài thì mình vốn là trong lặng mà đang thấy đây. Ngài vừa thoát nhìn tấm bảng thì tỏ suốt tánh thấy biết chính mình vốn tự rỗng sáng, không động và đang hiện tiền khắp tất cả nơi. Ngay đó, Phật pháp bàng bạc trùm khắp không thiêu vắng. Đó chính là bánh xe chánh pháp đang xoay chuyển đều không xen hở. Cho nên Ngài mới nói kệ là: “Chuyển đại pháp luân, trước mắt trùm khắp”. Tức là Phật pháp ngay tất cả mọi nơi, khéo thè nhận thì cái gì cũng đang nói pháp cho chúng ta nghe hết. Không chỉ riêng Ngài nhìn thấy tấm bảng kia mà bây giờ quý vị đang thấy mọi thứ chung quanh đây, nếu khéo thè nhận thì cái gì cũng là chánh pháp đang bùa khắp, đại pháp luân đang chuyển trước mắt mình rõ ràng.

Nhìn lại, ngày xưa, Ngài Trung Đạo giả nhìn tấm bảng mà có tinh, bây giờ quý vị thấy quý thầy đưa cái tay này lên là giống hay khác? Nếu nói khác thì cái thấy của mình đã theo cái tay này rồi. Tấm bảng và cái tay có khác, còn cái thấy biết hiện tiền đây thì không khác. Cho nên ngày xưa là tấm bảng, bây giờ đưa cái tay này, cái thấy biết rõ suốt kia vốn tự không đổi khác. Bây giờ không đưa tay nữa mà đưa cái ly này lên, quý vị có thấy khác không? Cũng không khác. Hay không đưa ly mà vẽ vòng tròn, quý vị có thấy khác không? Cũng vậy. Cho nên có người hỏi: “Thế nào là nước đầy cối quay?” thì Ngài vẽ cái vòng tròn như vậy. Dù là thấy tấm bảng, thấy đưa cái tay, đưa cái ly, hay là vẽ vòng tròn, nhưng nó vẫn không ra ngoài cái thấy biết rõ ràng không động đang hiện tiền đây. Bằng cái thấy biết đó để sống, để thấy tất cả thì lúc nào tâm thể cũng đang hiện bày khắp tất cả chỗ, và đó là Phật pháp đang hiển lộ. Nếu chúng ta khéo nhận và sống được như vậy thì trong mọi sinh hoạt hàng ngày, cảnh nào cũng đang tuyên thuyết diệu pháp cho chúng ta nghe hết.

2/ HOÀN CẢNH NÀO CÙNG ĐƯA CHÚNG TA VÀO ĐẠO

Có một vị Thiền sư nói trong một bộ luận như thế này: “Cho đến tường, vách, ngói, gạch, không có gì chẳng biết thuyết pháp. Nên Linh Vân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo, Huyền Sa bảo yến hót là bàn sâu thực tướng, thế thì cả quả đất đều là cửa ngộ, cái gì chẳng phải là đạo lý này”.

Chính vì vậy mà trong bộ Sơn Am Tạp Lục của Thiền sư Vô Uẩn Thứ Trung đời nhà Minh có chép một câu chuyện của thi giả Miễn. Thi giả Miễn là cháu trong dòng họ của Thiền sư Vô Uẩn Thứ Trung, khi Ngài Vô Uẩn gạn hỏi nguyên do ngộ nhập thì thi giả Miễn kể lại như sau: “Miễn này có một lần ở nơi Ngọc Ký, ngồi ở trên bàn kinh chỗ rừng chiên đàn, tình cờ thấy Tạng chủ Khuê đang cùng với một vị tăng bàn luận Phật pháp. Vị Tăng đó hỏi: “Thế nào là việc hướng thượng?” Tạng chủ Khuê nắm hai tay lại để lên đầu rồi sau đó chấp tay lại, nói “Tố rô, tố rô”. Tạng chủ Khuê đang nói với vị Tăng ở đằng kia, nhưng thi giả Miễn ngồi trên bàn ở đằng này mà được chỗ hoan hỷ (có nghĩa là được chỗ tinh sáng) liền vội vàng đi đến Mông Đường (là nhà nghỉ của những vị chức sự sau khi nghỉ việc) để thuật lại với Thủ tọa Đạt nghe. Thủ tọa Đạt cười và bảo “Ông lại đến chăng?”. Từ đó trong lòng tôi tự giác biết rõ ràng”.

Sau khi Ngài Vô Uẩn Thứ Trung được nghe thi giả Miễn kể lại như vậy, Ngài đến gặp Tạng chủ Khuê để thuật lại và hỏi nhân duyên đó như thế nào thì Tạng chủ Khuê đỏ mặt không dám đáp lại. Lúc đó Thiền sư Vô Uẩn thông thả hỏi lại lần nữa thì Tạng chủ Khuê mới nói: “Lúc đó tôi làm dáng vẻ ấy là để đùa với vị Tăng đó thôi, chứ thực tình không biết thế nào”.

Ngài Vô Uẩn đã thuật lại câu chuyện trên và có lời bình: “Mới tin việc này chẳng ở trên lời nói, đến như gió động, bụi đầy, chim lượn, mây bay, thảy đều là chỗ đầy người vào, nhưng tự là ngay mặt lầm qua. Hãy xem Tạng chủ Khuê đùa với vị tăng mà thi giả Miễn được chỗ hoan hỷ. Chính như trong hội Đức Phật có ông Sa di nhỏ lấy trái banh da đùa giỡn chơi trên đầu vị Tỳ kheo già mà vị Tỳ kheo già nhân đó chứng được tứ quả A la hán thì việc cũng có thể y cứ”.

Quý vị nhìn lại, Tạng chủ Khuê chỉ có ý đùa với vị Tăng đó thôi chứ không phải là thuyết pháp gì hết nhưng thi giả Miễn lại tỏ ngộ. Rồi ông sa di nhỏ nghịch, lấy trái banh da chơi lên đầu vị Tỳ kheo già nhưng Thầy Tỳ kheo già lại chứng tứ quả. Đó là do tâm quý Ngài chuyên nhất, lúc nào cũng chỉ một việc tham thiền thôi cho nên khi thuần thực, nhân duyên chín muồi,

gặp duyên liền hay ra, sáng tỏ đạo lý. Mới thấy, chính hành động đùa giỡn của Tặng chủ Khuê cũng đã thuyết pháp cho thị giả Miễn, rồi chính trái banh da cũng thuyết pháp cho thầy Tỳ kheo già. Cho nên nếu tâm ta chuyên nhất và dụng công một cách miên mật thì cảnh nào cũng là cảnh đưa chúng ta vào đạo hết. Vì vậy mà Ngài Vô Uẩn nói: “Đến như gió động, bụi đầy, chim lượn, mây bay thấy đều là chỗ đầy người vào nhưng mà ngay mặt làm qua”, có nghĩa là trong tất cả các cảnh hàng ngày, bụi đầy, chim lượn, mây bay..., tất cả đều đầy mình vào cửa đạo, nhưng tại chúng ta không khéo nhận nên bị làm qua đi. Tức là hằng ngày ngay trên các cảnh duyên, đạo vốn sẵn đủ, nhưng mình không tự biết, không khéo nhận lại nên chúng ta theo duyên bên ngoài mà bỏ quên mắt chính mình, thì đó gọi là bỏ sót, làm qua. Cụ thể khi quý vị đang nghe đây, nhưng quý vị duyên theo tiếng mà nghe hoặc phóng tâm mà nghe thì mình đã bỏ sót tánh hiện hữu của mình đang rõ đây. Cho nên Ngài Tăng Triệu nói: “Đau xót thay cái mê hoặc của tình người đã lâu lăm rồi, mắt đổi diện với cái chân thật mà không ai hay biết”. Ngài nói rất là đau đớn, vì chuyện này là sẵn trước mắt, nhưng vì cái mê làm của con người đã lâu lăm rồi cho nên mắt đổi diện với cái chân thật mà không ai hay biết. Điều này do sự mê làm nhiều đời của mình lấp đi chứ thực ra cũng không ai muốn mê, nhưng vì bị vùi lấp sâu quá nên vừa giác một chập thì lại quên đi. Cho nên mình thấy rõ hàng ngày các cảnh đã bày đủ rồi, nhưng mà chúng ta không khéo nhận để làm qua rồi luống chịu cái khổ rỗng trong sanh tử.

---o0o---

III/ VÔ TÌNH THUYẾT PHÁP

Thiền sư Động Sơn Lương Giới là vị tổ khai sáng tông Tào Động. Quý vị biết nguyên nhân ngộ nhập của Ngài rất đặc biệt.

Khi Ngài Động Sơn đến Ngài Quy Sơn Linh Hựu để tham vấn, Ngài hỏi:

- Được nghe Quốc sư Huệ Trung nói “Vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu thấu chỗ vi diệu ấy.

Ngài Quy Sơn nói:

- Ta trong ấy cũng có, chỉ là ít gặp được người kia.

Sư thưa:

- Con chưa hiểu, xin Thầy chỉ bày.

Ngài Quy Sơn dựng cây phát tử lên, hỏi:

- Hội chǎng?

Sư thưa:

- Chǎng hội, thỉnh Hòa thượng nói.

Ngài Quy Sơn nói:

- Miệng do cha mẹ sanh, trọn không thể vì người nói.

(Từ nãy đến giờ đã nói qua chỗ này rồi, nhưng nói cũng chỉ để quý vị khéo tự nhận lại thôi chứ không thể nào nói tốt đến chỗ đó được).

Sư thưa:

- Lại có người cùng Thầy đồng thời mộ đạo chǎng?

Ngài Quy Sơn bảo:

- Ở Lê Lăng, tại huyện Du, trong các thát đá nón nhau có một đạo nhân Vân Nham, nếu hay vạch cỏ xem gió át vị ấy là người người kính trọng . Tức là người có duyên với vị đó, nên đến rồi vị đó sẽ khéo chỉ cho người.

Ngài Động Sơn từ giã Ngài Quy Sơn và thẳng đến chỗ Ngài Vân Nham. Khi đến Vân Nham, Sư hỏi:

- Vô tình thuyết pháp, người nào được nghe?

Ngài Vân Nham bảo:

- Vô tình thuyết pháp, vô tình được nghe.

Sư hỏi:

- Hòa thượng lại nghe chǎng?

Ngài Vân Nham nói:

- Nếu ta nghe thì ngươi đâu thể được nghe ta thuyết pháp.

Sư thưa:

- Con vì sao chẳng nghe?

Ngài Văn Nham dựng cây phất tử lên, hỏi:

- Lại nghe chẳng?

Sư thưa:

- Chẳng nghe.

Ngài Văn Nham bảo:

- Ta thuyết pháp mà ngươi còn chẳng nghe, huống nữa là vô tình thuyết pháp.

Sư hỏi tiếp:

- Vô tình thuyết pháp gồm những kinh điển gì?

Ngài Văn Nham nói:

- Đâu không thấy trong Kinh Di Đà nói: “Nước, chim, cây rừng, thảy đều niêm Phật, niêm Pháp”.

Ngay câu nói đó, Sư liền tinh ngộ và nói bài kệ:

Cũng rất kỳ, cũng rất kỳ

Vô tình thuyết pháp chẳng nghĩ nghĩ

Nếu lấy tai nghe trọn khó hội

Phải đem mắt thấy mới liễu tri.

Khi chúng ta nghe nói “vô tình thuyết pháp”, quý vị dùng tai để lắng nghe cây cối nói pháp gì đó, pho tượng nói pháp gì đó thì có phải là quý vị nghe theo tiếng không? Lắng tai để nghe nói một điều gì đó có nghĩa là đợi có tiếng mới nghe mà quên mất cái đang biết nghe đây. Đó là lầm. Còn nếu

chúng ta không rời bản vị của chính mình, có nghĩa là đang ở trong cái đang thấy nghe đây mà không cần duyên theo tiếng, ngay đó mình nghe suốt một cách lặng lẽ, rõ ràng. Ngay đó, hoa lá, cỏ cây, chim chóc cũng đang tuyên thuyết một bài pháp vi diệu cho chúng ta nghe. Pháp này dùng tai hay dùng mắt gì cũng nghe được hết. Nghe được “vô tình thuyết pháp”, không phải đợi có tiếng mới nghe, không phải là cái nghe theo tiếng như cái nghe sanh diệt bình thường của bao nhiêu người khác. Mà ở đây, tự tánh vốn lặng lẽ, hằng nghe một cách rõ ràng, không bao giờ thiếu vắng. Quý vị nếu thấu suốt chỗ này thì dùng mắt hay dùng tai gì cũng nghe được hết. Đó là chỗ “vô tình thuyết pháp” mà Ngài Động Sơn Lương Giới đã sáng được. Quý vị rõ cái đó thì cỏ cây, hoa lá gì cũng đang thuyết pháp cho mình nghe, nói chi là đến con người. Minh nghe được như vậy thì dù cho là ở đây hay ra đường, về nhà chúng ta đều luôn nghe pháp.

Quý vị còn nhớ giai thoại cây bách của Ngài Triệu Châu. Có một vị Tăng đến Ngài Triệu Châu, hỏi: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?”. Ngài Triệu Châu nói: “Cây bách trước sân”. Sau này, có vị Tăng đem giai thoại đó đến hỏi Ngài Diệp Huyện Quy Tỉnh. Ngài bảo:

- Ta chẳng tiếc nói với người, mà người có tin không?

Tăng thưa:

- Lời nói của Hòa thượng là quý trọng, con đâu dám chẳng tin.

Sư bảo:

- Người lại nghe giọt mưa rơi trước thềm chẳng?

Vị Tăng ngay đó hoát nhiên thốt ra tiếng: “Chao!”.

Sư hỏi:

- Người thấy đạo lý gì?.

Vị Tăng ấy đáp bằng một bài tụng:

Giọt mưa trước thềm,

Rành rẽ, rõ ràng.

Đập nát càn khôn,

Liền đó tâm dứt.

Sư vui vẻ.

Quý vị thấy, chỉ một cây bách trước sân của Ngài Triệu Châu, nhưng từ xưa đến giờ vẫn còn thuyết pháp. Cho đến giọt mưa kia cũng thuyết pháp cho vị Tăng ngộ đạo. Nếu chúng ta khéo nhận thì cảnh nào cũng là cảnh đưa chúng ta vào đạo, cảnh nào cũng đang diễn bày Phật pháp chân thật hết.

Có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Duy Chánh:

- Thầy nhân danh là Thiền sư, vì sao không nói thiền?

Sư nói:

- Ngày đêm nhờ vạn tượng diễn bày hết rồi, ngôn ngữ có gián đoạn mà pháp này thì vô tận, nên gọi là tạo hóa vô tận tạng.

Ngay trong sinh hoạt hàng ngày, mọi cảnh vật đã diễn bày Phật pháp một cách đầy đủ và rõ ràng hết rồi, pháp ấy vốn thênh thang trùm khắp mà ngôn ngữ thì có giới hạn không thể nói đến được. Chỉ là chúng ta có khéo nhận lại hay không mà thôi.

Đọc giai thoại trên, có vị đã cảm hứng thành bài thơ thế này:

“Tiếng mưa đọng lại ai ơi,

Và dòng sông hát thay lời chúng ta.

Nghênh vai chạm ánh trăng già,

Vỡ tan đại mộng nêta không lời”.

Một lúc nào đó thanh thoι, quý vị ngồi lắng lại không cần khởi một niệm gì hết, nhìn mưa rơi thì sẽ thấy rõ. Quý vị chỉ cần không một niệm, lắng lại mà nhìn, nhớ là đừng nhìn theo giọt mưa, thì tự nhiên giọt mưa sẽ lắng đọng lại, từng giọt, từng giọt rất rõ ràng, rành rẽ. Lúc ấy không gian như lắng đọng lại, tâm minh bỗng dung rỗng suốt, lặng trong, thênh thang, không động. Ngay đó, giọt mưa đang tuyên thuyết diệu pháp cho chúng ta nghe. Và tất cả cảnh vật chung quanh cũng lắng xuống, ngay đó đừng thêm

nữa thì tánh đang là đó. Điểm chính yếu là chạm ánh trăng già thì đại mộng sinh tử liền tan vỡ. Trong ấy, ánh trăng thanh bàng bạc vốn tự tròn tria, đầy đủ. Vạn tượng đã diễn bày đầy đủ, không cần nói thêm gì nữa. Nếu cần nói thì nói có được không? Được. Nếu nói không được thì đã kẹt trên chuyện có nói và không nói rồi. Cần nói thì nói, cần nín thì nín, trong ấy tự nó vốn không có gì ngăn ngại. Toàn một thể kia, có tay hay không tay vẫn là một thể. Chỗ này cũng vậy, thể ấy vốn lìa cả nói nín, tùy thời nói nín nào có vướn kẹt gì! Đến trong đó rồi thì nói cũng được, nín cũng được, đâu cần gắng gượng dựng lập một cái gì cố định!

---o0o---

IV/ ÁNH TRĂNG TÂM BÀNG BẠC KHẮP NOI

Khi vua Lý Nhân Tông vào núi hỏi Thiền Lão thiền sư:

- Hàng ngày, Hòa thượng làm gì?

Sư đáp:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Nào là trúc biếc, hoa vàng, trăng trong, mây bạc..., tất cả những thứ đó đều hiện rõ tánh chân của mình, tánh chân đang bàng bạc trên tất cả cảnh đó. Bây giờ, quý vị kinh nghiệm lại nơi mình, sống như thế nào, làm sao thì rõ được tánh chân đang hiển hiện? Chỗ này không phải chỉ lúc ngồi thiền mà là chỗ hàng ngày mình làm gì thôi. Giờ quý thầy chỉ sơ qua, khi đi kinh hành, thay vì mình chú tâm, bây giờ không cần chú tâm, mà cũng không phải buông lung. Tại vì tâm đó không phải giữ mà được, không phải buông lung mà có. Khi đi, trên tất cả cảnh, quý vị đừng thèm trụ vào cảnh nào hết. Nhìn hết nhưng đừng để tâm vào bất cứ cảnh gì, nhìn suốt qua cảnh, đi bình thường. Rồi bên trong quên luôn cả chỗ ngộ, sở chứng của mình. Hoặc là một điều Phật pháp gì đó mình cũng đừng thèm nhớ đến. Lúc đó quý vị vẫn bình thường, vẫn trong lặng nhìn suốt qua tất cả mà không trụ vào một cái gì hết. Ngay đó, tâm mình liền hiển hiện sáng suốt rõ ràng và thênh thang lầm. Khi đó, tuy đang đi mà nhẹ tênh, không động. Lúc bấy giờ không cần sanh tâm trụ hay giữ gì nữa. Miễn là không bất giác, không một vết mê mờ và không niệm là tốt. Cảnh và tâm không cần biện biệt phân hai mà tự nó rỗng suốt rõ ràng không ngăn ngại, ngay đó tự là như nhau, sáng rõ. Tâm cảnh

nhất như thi tâm thể hiện bày trên tất cả chỗ. Lúc này, trúc biếc, hoa vàng, trăng trong, mây bạc..., cảnh nào cũng là cảnh đang tuyên thuyết diệu pháp âm. Cho nên bà Bàng Long Uẩn mới nói: “Dễ, dễ, trên đầu trǎm cỏ ý Tổ sư”. Chỉ cần ngoài nhìn suốt qua tất cả mà không dừng trụ, trong không giữ một điều gì, ngay đó, “trên đầu trǎm cỏ ý Tổ sư” chứ không phải là đi tìm một cái gì đó ở đâu đâu nữa. Đây là chỗ các bậc cổ đức nói:

Thanh thanh thủy trúc tống thị pháp thân.

Uất uất hoàng hoa vô vi Bát Nhã.

Nghĩa là:

Xanh xanh trúc biếc thấy đều pháp thân,

Rợp rợp hoa vàng toàn bày Bát Nhã.

Có một vị Tăng đem câu này đến hỏi Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ: Kính bạch Thượng sỹ, “xanh xanh trúc biếc thấy là pháp thân” phải chăng?

Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói: Hôm qua Sa di ăn măng bờ suối, nào khác ngày nay pháp thân của ông?

Nếu nhận trên cảnh cho trúc biếc là pháp thân thì hôm qua ông Sa di ăn măng bên bờ suối, như vậy là đã ăn pháp thân của ông rồi. Vậy thì làm sao hiểu?

Nay giờ quý vị đã nghe qua và cũng phần nào nhận được. Nhưng ngang đây thì mình cũng cần chính chắn lại một chút, nếu không thì sẽ lầm nhận cảnh bên ngoài cho là mình.

Giờ quý thầy sẽ trích dẫn một giai thoại để quý vị nhận rõ ràng hơn, không lầm cho cảnh là mình.

Thiền sư Tam Bình Nghĩa Trung ban đầu đến tham vấn Ngài Thạch Củng Huệ Tạng. Trước kia Ngài Thạch Củng là một vị thợ săn, sau gặp Mã Tổ được khai thị và ngộ đạo. Từ đó về sau, Ngài thường dùng cung tên ngày xưa săn bắn để khai thị cho người học. Khi Ngài Tam Bình đến, Ngài Thạch Củng giương cung bảo:

- Xem một mũi tên của ta đây.

Ngài Tam Bình vạch ngực ra nói:

- Đây là mũi tên giết người, còn mũi tên cứu người thì làm sao?

Ngài Thạch Cửng gảy dây cung ba cái, Ngài Tam Bình Nghĩa Trung liền làm lễ. Ngài Thạch Cửng bảo:

- Ba mươi năm một phen giương cung, một hai mũi tên chỉ bắn được nửa người.

Sau đó Ngài Tam Bình đến tham vấn Ngài Đại Đên thuật lại việc trên. Ngài Đại Đên nói:

- Đã là mũi tên cứu người (mũi tên sống) thì làm sao lại nhầm trên dây cung mà biến?

Ngay đó Sư mò mịt không đáp được.

Quý vị thấy bắn được nửa người chưa? Quả tang Ngài Tam Bình mới nhận được nửa người thôi, còn nửa người còn lại chưa biết. Đến đây Ngài Đại Đên dẹp bỏ dây cung thì Ngài Tam Bình liền mò mịt, chứng tỏ Ngài Tam Bình đã nhầm trên dây cung mà nhận. Vì vậy mà Ngài Thạch Cửng bảo “chỉ bắn được nửa người thôi”. Nếu quý vị thấu rõ nửa người còn lại, nghĩa là ngay đây quý vị thấy rõ ai là người vừa được cứu sống lại thì chúng ta sẽ thấy rõ cung tên của Ngài Thạch Cửng đang thuyết pháp. Ngày xưa dùng để bắn giết thú mà ngày nay dùng để thuyết pháp cứu sống người cho muôn đời không bao giờ chết nữa. Còn nếu nhầm trên dây cung mà biến thì chưa khỏi nhận cảnh làm mình nên bị cung tên của Ngài Thạch Cửng bắn mù mắt.

Quý vị biết Pháp sư Chứng Ngộ, hiệu là Viên Trí khi đến Thiền sư Thủ Am Nguyên, Ngài Chứng Ngộ dẫn hai câu tâm đắc nhất trong bài kệ “Ngủ lại nơi Đông Lâm” của ông Tô Đông Pha để trình với Thiền sư Thủ Am Nguyên:

Sắc núi vốn là thân thanh tịnh

Tướng khe đâu chẳng lưỡi rộng dài.

Thân thanh tịnh là chỉ cho Phật, mà tướng lưỡi rộng dài cũng chỉ cho Phật. Có nghĩa là cảnh sắc núi rừng, tiếng suối khe chảy chảy đều là đức Phật đang tuyên diệu pháp âm, cảnh núi hay tiếng khe gì cũng đều đang nói pháp

cho chúng ta nghe hết. Ngài Thủ Am Nguyên gạn lại thì Ngài Chứng Ngộ liền nghi, biết rằng Ngài chưa tốt nên khuyến khích dụng công thêm. Suốt đêm Sư không ngủ, cho đến khi chuông sáng vừa điểm thì trừ sạch hết những điều tích chứa thầm kín trong lòng, bèn nhân bài kệ trước nói thêm một bài kệ nữa:

**Cư sĩ Đông Pha quá lăm lời,
Trong công thanh sắc khéo thấu thân.
Khe nếu là thinh, non là sắc,
Không non, không nước khiến người sầu.**

Tức là ông Đông Pha nói khe cũng là Phật mà sắc núi cũng là Phật, cái gì cũng thuyết pháp, như thế là bày biện quá nhiều lời khiến cho người khác dễ nhận lầm trên những tướng ấy mà cho là Phật. Nếu thực sự khe, suối, núi rừng là Phật thì khi không có khe, không có suối, không có núi rừng thì Phật ở đâu? Đây là Ngài Chứng Ngộ đã tỏ Phật thật và thốt lên một chút xíu lầm của mình khiến ông suốt đêm không ngủ được. Khi hay ra thì nó quá gần gũi và đơn giản vô cùng, chỉ là theo lời theo cảnh bị lầm và không khéo thể nhận thôi.

Qua đó chúng ta thấy, nếu như nhận trên tiếng suối chảy, trên cảnh sắc của núi rừng mà cho đó là Phật pháp chân thật, cho đó thấy đều là pháp thân thì khi không có khe suối, không thấy cảnh núi rừng thì Phật pháp không còn nữa hay sao? Cái theo cảnh mà có, cảnh hết thì không, nó sanh diệt theo cảnh trần nên không phải là Phật pháp chân thật. Nếu không khéo, chúng ta chỉ nhận lầm trên cảnh mà chưa tốt chổ tâm cảnh nhất như rồi cho là đã rõ ráo, không cầu tiến nữa thì sẽ giết mất đời mình.

Chuyện cung tên, chuyện khe suối hãy để qua một bên, không bàn nữa, trả lại hết cho người xưa đi. Nay đây, quý vị khéo nhận lại một lần nữa cho sâu hơn để mình rõ được nửa người còn lại.

Bây giờ xin hỏi quý vị, hiện ngay đây, bánh xe chánh pháp có đang chuyển không?

- Dĩ nhiên là có.
- Ai đang nói? Ai đang nghe?

Nếu chỉ thấy quý thầy đang nói và quý vị đang nghe, có nghĩa là quý vị chỉ nhận trên tướng này, đó là nhận trên cái sanh diệt đổi thay này rồi, phải không? Cũng là quý thầy đang nói đây, quý vị nghe thì cứ bình thường mà nghe, ở nguyên bản vị của mình mà nghe, không cần khởi tâm để ý quý thầy đang nói gì, đừng nghe theo tiếng. Quý vị cứ lắng lại, bình thường ngay bản vị của mình mà nghe. Lúc này thấy thế nào? Quý vị có nghe không? Mình vẫn đang nghe, nhưng rỗng lặng, không cần khởi niệm thì bản tánh vốn tự nó biết suốt một cách rõ ràng mà không động, chứ không phải là mình cần để ý mới nghe. Lâu nay mình quen để ý cho nên nghe trong phạm vi nhỏ, nghe trong cái phân tích của vọng động. Bây giờ quý vị không cần để ý, trả lại nguyên trạng thái ban đầu, nghe một cách bình thường thì vốn là tự biết suốt mà không hề động, chứ không phải là không biết gì đâu mà sợ. Nay đây, quý thầy đang nói, quý vị đang nghe, cả hai đều rỗng lặng, rõ ràng, từ suốt thi đạo vốn tự cảm ứng, giao xen không thể nghĩ bàn.

Quý vị vẫn đang lắng lại mà nghe, quý Thầy vẫn cứ nói. Nhưng xin hỏi quý vị, khi quý Thầy đang nói thì quý Thầy có nghe không? Nếu được hỏi đến: "Đang nói có nghe hay không?" mà mình sanh tâm để ý "có nghe thấy cái gì không?" thì đã rơi vào sanh diệt, chia cái nói và nghe thành hai, liền bị ngăn ngại. Trong đây đâu phải có hai con người, có một con người đang nói và có một con người đang nghe đâu? Chúng ta cứ lắng lại bình thường thì nói vốn tự suốt nghe, rỗng suốt không hề ngăn ngại, lúc nào cũng sẵn vậy, đâu có cái gì làm ngăn trệ cái gì đâu mà phải phân chia? Mới biết rằng, tánh mình tự thông, nhưng con người lại bỏ quên, lao ra ngoài cho nên mới bị hạn cuộc trong cái phân biệt ngăn trệ nhỏ nhoi đó. Bây giờ quý vị không cần duyên theo mà lắng lại thì vốn tự là suốt. Nếu khéo nghe như vậy thì không những nghe đây mà các cảnh xung quanh cũng đang hiện bày một cách rõ ràng, đang hiện hữu trong tự tánh chánh định của mỗi người. Đạo ngay đây bàng bạc, suốt khắp tất cả chỗ.

Trong pháp hội này thì tất cả đều đang chuyển pháp luân, nhưng khi ra đường, về nhà sinh hoạt thì có ai chuyển pháp luân cho mình nghe không? Ở bất cứ lúc nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng đều có người chuyển pháp luân cho mình nghe hết. Nhưng có khi nào mình nghe pháp mà lại nổi sân không? Khi nào nghe mà nổi sân thì biết là không phải nghe pháp rồi, phải không? Cho nên cần phải chuyển cái nhìn lại thì mới thấy lúc nào cũng có người nói pháp cho mình nghe hết. Không có người thì có cảnh nói cho mình nghe. Chỉ cần chuyển một cái nhìn thì lúc nào Phật pháp chân thật cũng đang hiển hiện trước mắt chúng ta. Chuyển như thế nào?

Ngày xưa chưa biết, nhìn cái gì thì nhìn theo cảnh sắc bên ngoài, nhìn theo vật và dính trên vật, bỏ quên mình, đó là mê chưa biết. Giờ biết rồi thì sao? Có phải là khi nhìn một cái gì, mình không cần theo cái đó mà ngược cái đó để trở lại mình không? Nếu ngược cái thấy trở lại, nghĩa là quay trở lại mình thì lại thura ra một cái phân biệt ở giữa nữa rồi. Tại vì quý vị thấy kia là cảnh, đây là mình, bây giờ trái với nó, quay lại mình thì thura cái phân biệt sanh diệt ở giữa, hóa ra lại thành thêm một cái nữa, thay vì ngày xưa mình dính chỉ có một cái. Chỗ này rất tế nhị, trên vật đã hiện bày tự tâm, nhưng nếu mình gá vào vật, nhìn theo vật, dính trên vật thì đó là bỏ sót tự tâm, tức là chỉ biết vật mà quên mình. Khi quý vị tiếp duyên xúc cảnh, nghe thì bình thường mà nghe, đừng duyên theo tiếng, mình bình thường thì đâu có phân biệt kia là tiếng, đây là mình? Và thấy thì cứ bình thường mà thấy, đừng thấy theo cảnh vật bên ngoài. Có nghĩa là lặng lại, lặng xuống, ở nguyên bản vị của mình giống như là cọp tựa núi vậy. Ngay đó, tánh tự thấy nghe, không cần khởi mà hằng thấy biết. Tánh tự thấy nghe thì vốn là tự biết suốt, rõ ràng, không động. Sóng được như vậy lâu ngày thuần thực sẽ có lực. Lực giác sáng này sẽ giúp cho mình có một năng lực lớn vượt qua được những cảnh khác. Đây chính là trí làm chủ sanh tử, trí phá sanh tử. Lúc này sẽ thấy rõ, đối trước muôn vật tự nhiên mình riêng thoát, giống như là nước đổ xuống đá, giống như sắt vụt hư không vậy. Nước đổ xuống đá thì nước với đá là một hay là hai, không phải một nhưng cũng không rời nhau, sắt với hư không cũng không phải là một mà cũng không phải rời nhau. Ngay đó tự nhiên riêng thoát trên tất cả cảnh. Khéo nhận và sống miên mật như vậy thì bản tính mình đang hiện bày thênh thang, khắp tất cả chỗ, trùm khắp chưa thiếu vắng bao giờ. Trong bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu ánh sáng giác ngộ cũng sáng ngời, cũng bàng bạc khắp tất cả chỗ và cảnh vật nào, hoàn cảnh nào cũng đang tuyên thuyết diệu pháp cho chúng ta nghe. Đó chính là nghĩa rốt ráo của “pháp luân thường chuyển”. Ngay đây, quý vị đã nhận rõ hết chưa?

---o0o---

V/ MỖI NGƯỜI HÃY TỰ NGẮM VÀNG TRẮNG MÌNH

Từ khi bắt đầu cho đến giờ quý Thầy đã nói cho quý vị hiểu hết rồi, nhận biết hết rồi. Bây giờ đến đây quý thầy không giải thích nữa mà quý vị phải khéo nhận lại. Nếu quý vị nào khéo nhận thì liền hết nghi ngờ, tự biết rõ ràng, an ổn và tự thọ dụng.

Quý Thầy xin dẫn một câu chuyện để quý vị khéo nhận lại và kết thúc. Đây là một trong những mẫu chuyện với lời bình rất thú vị, được một nhà sư nào đó kể lại.

Vào thời kỳ quân chủ xa xưa, có một vị quân sư tài đức vẹn toàn, không những giỏi về binh thư mà còn kiêm luôn cả tướng số, không những sắc sảo cả nội chính mà còn mưu lược cả lân bang. Ông có công giúp vua đánh đuổi ngoại xâm, giữ yên bờ cõi, mở trường quốc giáo dạy học cho người từ trong triều chính cho đến thứ dân, làm cho trên thuận dưới hòa, nhân dân sống trong cảnh ấm no, hạnh phúc. Dưới vị quân sư này có một danh tướng tài ba, bách chiến bách thắng, mà cũng là một đệ tử có tài, thường hay giúp ông trong những lúc cần thiết, thay thế ông trong những lúc vắng mặt. Một hôm ông quân sư bảo vị danh tướng tài ba: “Quân vương nói ta đã già rồi, cần phải chọn người thay thế. Ngoài ngươi ra, thực ta chẳng thấy có ai xứng đáng, vì vậy ta sẽ trao lại cho ngươi. Nhưng trước khi làm việc này, ngươi phải tìm đến lão ăn xin lượm rác ở ngoài thành để học hỏi. Nếu như ngươi không học được ở ông ăn xin lượm rác dù chỉ là một điều nhỏ thì thà đất nước này không có quân sư còn hơn. Bởi lẽ ta thấy ngoài ông ra không còn ai nữa, và ta thấy rằng ông không phải là một người tầm thường”.

Quý vị biết, là một danh tướng trẻ, có tài, lại thích trau chuốt cùng với lòng tự hào cao cả, bây giờ lại được Thầy mình là một vị quân sư xem xét dạy bảo để chuẩn bị kế ngôi thì vừa mừng, vừa ngại, lại vừa lo vì đang ở trên ngôi vị cao mà bây giờ phải hạ mình đi học nơi người ăn xin thì khó quá. Là một việc bình thường mà thấy còn khó hơn cầm quân ra chiến trận đối diện với sống chết. Còn nếu không đi học nơi người ăn xin thì ngôi vị quân sư không thành tựu, tại vị Thầy chưa bao giờ nói hai lời. Trong một đêm khắc khoải nằm suy nghĩ, trong vinh là nhục hay trong nhục là vinh? Cuối cùng, anh quyết định khăn gói lên đường giả dạng một thường dân, gặp ông già bần cùng, hỏi:

- Xin ông cho phép con được hỏi thăm.

Ông già nói:

- Cứ tự nhiên.

Anh hỏi:

- Con có thể gọi ông là gì cho phải?

Ông già nói:

- Gọi ta là gì cũng phải.

Ngay đó, anh đỏ mặt. Không lẽ gọi ông này là vua sao? Nhưng rồi lảng lại, vì có gọi là cục phân chắc ông cũng không nói gì. Cho nên anh nói:

- Thế con xin gọi ông là ông lão vậy. Chẳng hay nhà ông lão ở đâu?

Ông lão trả lời:

- Đầu câu hỏi áy.

Anh hỏi tiếp:

- Còn thân thuộc của ông thì sao?

Ông già nói:

- Ai ở trong đó?

Anh chàng cười ha hả, cảm thấy lời lẽ hết sức ngộ nghĩnh và khôi hài, hỏi tiếp:

- Ông có sự nghiệp gì để dùn dắt kẻ hậu lai hay không?

Ông già im lặng, chỉ thắc đống rác trước mặt. Ngay đó, anh ta trầm ngâm một hồi rồi tự nhủ: “Thì ra chỉ là một người hốt rác không công, đói bụng đụng ai xin nấy, thế mà chẳng đòi ngày nào. Đúng với lời đồn đại không khác. Không hiểu Thầy mình nghĩ sao lại bắt buộc ta phải học một điều mà trẻ con cũng làm được, không cần ai dạy cũng biết, hè huống là một danh tướng tài năng. Thật lãng phí thời gian và sự nghiệp vĩ đại của một vị quân sư. Còn không học được thì không xong, đành phải xin vạy”. Nghĩ vậy, anh ta nói:

- Ông có thể cho con theo cùng không?

Ông già nói:

- Tốt.

Nói rồi, học trò cầm xéng, ông lão xách giỏ đi. Cứ như thường lệ, thấy rác thì lượm. Bất ngờ, hai người gặp phải xác thối của một con chồn chết. Anh chàng xúc một cái thật mạnh thì cán xéng gãy rời ra khỏi lưỡi. Ông cả người, trong khi anh ta chống gậy chưa biết phải làm sao thì ông già điềm nhiên lấy tay hốt một cái gọn gàng rồi đem đi. Anh này ném xéng xuống, bỏ về, không cần thưa hỏi gì hết, trong lòng rất tâm đắc vì có vấn đề để nói với Thầy mình: “Ta có đủ lý do để chứng minh lão này không những là kẻ bẩn cùng, dốt nát mà lại hết sức bẩn thỉu. Ở nơi ông không có gì đáng học cả”.

Khi về gặp vị quân sư già đôn hậu, bình dị mà đĩnh đạc, uy nghi. Cậu học trò kính phục và cẩn trọng kể lại câu chuyện từ đầu đến cuối. Vừa kể xong, anh định nói lời bình thì ông Thầy bảo: “Một danh tướng bách chiến bách thắng mà hôm nay chỉ cần xác thối của một con chồn cũng đủ chặng đứng bàn chân”. Quý vị nghe rất là chua xót, phải không? Cậu học trò vừa đau đớn, vừa uất ức, tức tối, định đổ thừa cho ông lão nhưng trong lòng lảng lại thì nghe tiếng gọi quân sư từ đâu đó, cho nên bắt đầu cuộc hành trình lần thứ hai đến gặp ông lão để học hỏi tiếp.

Một buổi sáng mai trên đường phố có đủ hết những thứ bẩn thỉu. Cậu học trò nhìn lại phía sau vẫn là ông lão ăn xin ấy dùng tay lượm hết và mang đi. Vừa đối diện thì gợi trong lòng anh một điều gì đó, anh liền hỏi:

- Thưa ông, động cơ nào giúp ông làm được một việc mà chẳng màng đến sạch nhơ?

Ông lão trùng mắt nhìn, chỉ thẳng vào đồng rác trước mặt và bảo:

- Hãy hỏi thử đồng rác xem!

Chẳng hiểu sao, cậu học trò lắc đầu lia lịa, với tính chất rất là khinh bỉ, rồi bỏ đi với một niềm tin chắc chắn hơn, phen này có đủ lời lẽ để khẳng định rằng: “Lão ăn xin không những bẩn cùng, dốt nát, bẩn thỉu mà còn quá ngu si”. Trở về diện kiến với Thầy mình, với lời lẽ lanh lợi, cậu học trò dồn dập kể lại những gì mắt thấy tai nghe cũng như cả lời hỏi đáp. Khi kể xong, vừa lấy hơi cuối cùng định trút lời bình thì vị quân sư già thâm trầm, điềm tĩnh bảo: “Hôm qua, xác thối của một con chồn hoang cũng có thể chặng đứng bàn chân của một danh tướng tài ba, lỗi lạc. Hôm nay, một đồng rác cũng có thể làm Thầy cả vị ấy”.

Kể ngang đó, nhà sư dừng bút để lại đằng sau câu chuyện một điều gì đó. Quý vị thử tìm hiểu qua một số lời bình thú vị dưới đây:

Có một ký giả viết: “**Cốt tủy của câu chuyện mà nhà sư muốn nói là ‘Chớ xem thường việc nhỏ, vì việc nhỏ nó phản ánh bản chất thật của một con người.’** Mặt khác, câu chuyện không có niêm đại lịch sử, nhân vật con người địa thế chẳng có tuổi tên, chứng tỏ câu chuyện trên do nhà sư đặt ra để phản ánh một mặt nào đó của cuộc sống, mà thực tế cuộc sống có lẽ cũng không oan uổng lắm.”

Dưới đây là lời bình của nhà văn Nguyễn Thúc, nhà phê bình văn học:

“Việc lớn thường có danh to. Muốn được danh to cần lập nghĩa rộng. Thế nên, cậu học trò chẳng màng gian nguy xông pha trận mạc, tích cực nghiên cứu giúp thầy làm lợi ích quần sanh. Khi danh càng to nghĩa càng lớn. Danh nghĩa to lớn sâu dày nên nó bao phủ ‘cái tôi’ thật ấm cúng. Đến lúc gặp phải việc nhỏ, mà việc nhỏ thường vô danh, vì vô danh nên dường như vô nghĩa, do vô danh vô nghĩa nên cái tôi có mặt thật lạnh lẽo cô đơn, nào khác chi con cá kình ở ngoài biển cả: dù hắn có tung tăng vẫy vùng đến mấy có lúc nào được ráo khô.”

Cuối cùng là lời của một đạo nhân vô danh như sau:

“Thầy trò quân sư khéo học hỏi nơi đồng rác; các nhà thức giả thì giỏi phân tích lớn nhỏ, danh nghĩa, ngã nhân, duy chỉ “tội nghiệp” cho phong thái cử chỉ của lão già ăn xin, có ai nhìn đến!”

Quý vị thấy, ngày nay hình ảnh của lão ăn xin có lẽ không còn lạ lẫm đối với Tông môn chúng ta. Song mà toàn bộ câu chuyện như âm vang của một tiếng chuông nho nhỏ, thúc tinh hành giả chúng ta một điều gì đó phía sau dấu chấm hỏi. Điều đó là gì? Nếu quý vị nào rõ được điều này thì mọi vật chung quanh đều đang chuyển pháp luân, đều đang nói pháp cho quý vị nghe và lúc nào quý vị cũng là người đang tuyên thuyết bài pháp vi diệu. Nếu chưa nhận ra thì Phật pháp vẫn còn đó. Chỉ cần chuyên tâm hơn nữa để công phu tu hành thì có ngày chúng ta sẽ nhận ra và tỏ suốt tất cả.

---o0o---

KHÔNG CHỈ LÀ XUÂN CỦA ĐẤT TRỜI

Thiền sư Bổn Ở Vân Cái có nói kệ:

Một năm xuân trọn một năm xuân,

Hoa nội cỏ đồng tươi mẩy lần.

Trời sáng chǎng do chuông trống động,

Trăng lên đâu bởi khách đi đêm.

Trời sáng thì trong chùa thường đánh chuông trống, nhưng có phải là trời sáng để chùa đánh chuông trống không? Không phải. Đúng thời tiết nhân duyên thì trời sáng là sáng vậy thôi. Cũng vậy, không phải trăng có ý sáng để soi rọi cho người đi đêm mà đúng thời tiết nhân duyên thì trăng sáng. Khi mùa xuân về thì hoa nở, đó cũng là đúng thời tiết nhân duyên, chứ không phải đợi hoa nở mới có xuân.

Và sáng nay mùng một Tết, đúng dịp xuân về thì nói chuyện về mùa xuân vậy thôi, chứ không phải mùa xuân về để cho chúng ta nói chuyện.

Khi mùa xuân về, Thiên sư Thiên Tùng có nói hai câu thơ:

Sáng nay người bảo thêm một tuổi

Tôi nói ngày này bớt một năm.

Thêm một mùa xuân về nghĩa là sao? Đối với mọi người là thêm được một tuổi, là thêm một lần vui. Nhưng với Thiên sư Thiên Tùng, thêm một mùa xuân về có nghĩa là tuổi thọ của chúng ta bị giảm bớt đi một năm, tất cả chúng ta đều bị giảm bớt đi một năm sống.

Có một vị làm bài thơ:

Tuổi thanh xuân bao nhiệt huyết tuôn trào

Con lạc lối không tìm đâu lẽ sống

Thương chính con, thương trần gian huyền mong

Thương mẹ cha, thầy bạn đượm ân tình

Thương anh em, thương tất cả hàm linh

Con mơ một thiên đường cho tất cả.

Như mùa xuân tràn đầy nhựa sống, sức sống mạnh mẽ, tuổi thanh xuân là tuổi tràn đầy nhiệt huyết, niềm vui. Nhưng sau những lúc vui nhộn thường ngày, có khi trong lòng chúng ta bỗng cảm thấy có điều gì đó buồn nao nao, một trạng thái buồn man mát xa xăm tận trong sâu thẳm đáy lòng mình khó hiểu, có gì đó khiến mình cảm thấy cuộc sống này không phải chỉ có tầm thường như vậy, cảm thấy như là đang bơ vơ lạc lối giữa dòng đời xuôi ngược, không có niềm vui thực sự...

Thấy mọi người sống và mình cũng sống, nhưng đang sống ở trong mộng, đang say mộng mà sống, nên “thương chính con, thương trần gian huyền mộng”. Là chúng sanh chưa giác ngộ thì chưa ai có thể thoát ra khỏi giác mộng dài dằng dẵng của sanh tử luân hồi. Vì thương cho cái mê trong mộng của tất cả mọi người nên người này muốn mơ một thiên đường để dung chứa tất cả, để mọi người có thể thừa hưởng trọn vẹn một niềm an vui thực sự.

Chẳng hạn như hôm nay mình rất vui, nhưng có một người nào đó đang có tâm trạng buồn thì họ không thể đồng cảm với niềm vui của mình, hay có người nào đó đang vui thì cũng không thể đồng cảm với nỗi buồn của mình. Mới biết, thiên đường vui không thể chứa được cái buồn và thiên đường buồn cũng không thể chứa được cái vui. Vậy thiên đường nào có thể tiêu dung tất cả những vui buồn, thành bại, mừng giận, được mất, ghét thương... phức tạp của cuộc đời?

Mùa xuân về là về bình đẳng với tất cả mọi người, mọi loài. Nhưng đối với người tu học, nếu có cái nhìn đúng về mùa xuân, về sự đến đi biến thiên của cuộc đời thì ngay nơi con người học đạo của chúng ta sẽ có được một thiên đường đủ rộng, đủ lớn, dung chứa được tất cả những nỗi niềm của cuộc đời, có được một mùa xuân thực sự an vui, miên viễn, chứ không phải chỉ có mùa xuân của đất trời đến đi sanh diệt.

---o0o---

1/ BUỒN VUI VỚI CẢNH ĐẤT TRỜI

Người thế gian thì thích tuổi thanh xuân, thích cái nắng ấm và sức sống của mùa xuân, không mấy ai thích cái nóng bức của mùa hè, cái tàn úa của mùa thu và sự lạnh lùng khi đông đến. Chính vì vậy mà vui khi xuân đến, buồn khi xuân đi. Đó chính là chỗ con người đánh mất đi cái giá trị sống của mình. Giả sử như quý vị đang ở tuổi 45, nhớ lại thời mình còn trẻ thật yêu đời, mạnh mẽ, hy vọng tươi sáng và thấy ngâm ngùi tiếc nuối cho một thời

đẹp đã qua. Rồi khi quý vị già, nhớ lại hồi khoảng 45 tuổi như bây giờ, cũng thấy tiếc nuối, tại sao hồi đó còn khoẻ mà mình không chịu tu, giờ tu coi bộ hơi mệt. Tới khi gần chết, nhớ lại thấy hồi tiếc lúc tuổi tuy già nhưng vẫn còn tinh táo mà không chịu lo tu, đến bây giờ không có sức tự chủ, thấy mình lo sợ... Hầu hết con người chúng ta thường rơi vào những trường hợp tương tự, toàn đợi thời gian qua đi rồi mới hối tiếc, vậy tại sao ngay hiện tại, ngay khi đang sống đây lại không chịu sống một cách thực sự có ý nghĩa mà chỉ nhớ về cái đã qua? Cái gì qua thì đã qua rồi, ngay lúc này, ngay chỗ này nên sống cho trọn vẹn để sau này không tiếc nuối. Chính vì để mất đi giá trị sống ngay lúc thực tại mà chúng ta bị những cái xoay vần của cuộc đời làm cho xao động mãi không yên. Thậm chí bị xao động quá nhiều đến mức khi mùa xuân về, mọi người vui hớn hở thì mình lại buồn da diết.

“Tôi có chờ đâu, có đợi đâu,
Đem chi xuân lại gợi thêm sầu
Với tôi tất cả như vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.
Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lá cho tôi những lá vàng
Với cành hoa tươi, muôn cánh rã,
Về đây đem chấn nẻo xuân sang”.

Trong cuộc sống, có đôi khi bị vấp ngã cũng là chuyện thường. Trong đây có ai chưa bị vấp ngã bao giờ? Thất vọng vì lý tưởng, thất bại vì làm ăn..., chúng ta ai cũng có ít nhất một lần bị cuộc đời ban tặng cho mình những thứ chua cay không mấy dễ chịu. Cuộc đời là như vậy, con người là như vậy, không thể khác đi được. Thay vì ngồi đó để ngậm ngùi, thở than và chết lịm trong đau khổ thì chúng ta, những người học đạo là những người tự mình khéo biết vươn lên trong cuộc sống. Cho nên, Đức Phật nói: Đáng thương nhất của đời người là tự ti (tự cho mình là thấp hèn, không thể sống nổi với cuộc đời và chết chìm trong đó). Đáng khâm phục nhất của đời người là biết vươn lên sau khi trượt ngã.

Thế gian cũng có câu:

“Ai thành công mà không một lần thất bại
Ai nêu khôn mà chẳng dại đôi lần”.

Thất bại trước, thành công sau cũng là chuyện thế gian thường có. Đại rồi khôn, cũng là chuyện thường ở thế gian. Quan trọng là sau thất bại có biết vươn lên đứng vững để thành công hay không?

---o0o---

2/ KHÁM PHÁ CHÚA XUÂN

Ở nơi vua Trần Nhân Tông, Sơ tổ Trúc Lâm cũng thể hiện rõ sự vươn lên khỏi cái thời còn mê chưa giác ngộ:

Thuở bé chưa từng rõ sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trái giùng thiền ngắm cánh hồng.

Có cái gì mộng huyền cho bằng một cánh chim vút ngang lưng trời, một áng mây bạc bồng bềnh rồi tan biến, một làn gió chợt thoảng qua! Muôn sự muôn vật ở thế gian vốn mỏng manh vô thường là thế. Cuộc đời không có gì thật mà hầu hết con người thì cứ ngỡ là thật, chưa hề hiểu thấu tất cả là giả nên bị cái đến đi của mùa xuân chi phối, làm cho khi buồn, khi vui, lăm bận nao lòng.

Nếu chúng ta biết rõ cảnh duyên bên ngoài là huyền hoá thì sẽ không bị nó chi phối. Hầu hết tất cả quý vị đang có mặt trong pháp hội này đều đã được nghe pháp, đọc học và ứng dụng tu tập nhiều năm tháng rồi, nhưng quý vị tự hỏi lại mình coi mình đã thực sự bình yên khi cảnh đến chưa, có còn khổ không? Vẫn còn chút chút, phải không? Nói là giả, nhưng khi cảnh đến thì mình lại thấy cái gì cũng thật nên chưa khỏi bị nó chi phối và làm khổ. Vì sao như vậy?

Như quý vị đang ngồi chú tâm nghe quý Thầy nói chuyện. Khi vừa chú tâm, tưởng là yên lầm, nhưng ngay đó là đã bỏ mất mình mà duyên theo lời

này, là quên mất mình đang ngồi đây mà trụ theo cái bên ngoài rồi. Trụ pháp sanh tâm, học đạo đâu phải vậy.

Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: “Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia”. Tức là không dùng trụ, không vì sáu trần bên ngoài dụng công phu. Khi thấu qua các tướng, không dùng trụ trên một pháp trần nào thì ngay đó tâm thể chân thật hiện bày. Nếu có trụ tâm là mất chính mình rồi, nên chưa phải. Khi quý vị chú tâm ra ngoài, bỏ mất mình thì tâm đó là động hay tĩnh? Là động rồi. Mà nếu động là sanh diệt hay không sanh diệt? Là sanh diệt. Mà cái gì thuộc về sanh diệt là huyền hoà hay là chân thật? Là huyền hoà. Mình nghe nói về cái giả, nhưng chúng ta lại dùng cái tâm sanh diệt huyền hoà để hiểu về cái giả thì làm sao thoát được huyền hoà! Đạo dù cao thượng, vô sanh, nhưng nếu dùng tâm sanh diệt để học đạo thì làm sao có thể đạt đến vô sanh để vượt qua cảnh đài sanh diệt được? Nếu dùng tâm huyền hoà sanh diệt để học về cái đạo vô sanh cao thượng thì đạo cao thượng vô sanh đó cũng thuộc về sanh diệt thôi. Bởi vậy, chúng ta học đạo đã lâu mà tác dụng còn khiêm nhường quá. Mình rõ cảnh vốn không, nhưng cảnh đến thì mình vẫn còn động, còn nao lòng thì bây giờ, mình phải biết, phải rõ như thế nào để cảnh đến mình có phần nào yên ổn, chưa nói rằng yên ổn tuyệt đối.

---o0o---

2.a/ Cảnh duyên huyền hóa

Quý vị thường nghe ví dụ về cái nắm tay. Nắm tay này được nói là huyền hoà bởi trước khi chưa được nắm lại thì không có nắm tay. Cơ nắm ngón lại mới thành nắm tay, xoè nắm ngón ra thì không thành nắm tay nữa. Như vậy, nắm tay này là do duyên hợp tạm có, không thật. Đây là bước đầu.

Bây giờ, khi đang nắm tay lại, quý vị tìm một cái gì gọi là nắm tay có hay không? Một ngón không thể thành nắm tay mà tất cả các ngón tay hợp lại mới thành nắm tay. Cụ thể hơn, từng sợi gân, xương, thịt... kết hợp lại mới thành nắm tay. Sâu hơn nữa, các tế bào hợp lại, có sự luân lưu liên tục, đủ máu và hơi ám mới tồn tại nắm tay. Như vậy, quý vị thấy nắm tay là giả hay thật? Là giả. Ngay khi nắm tay đang có đây mà rõ nó vốn là không thì không có một cái gì thật, nắm tay là duyên hợp mà có. Ngay nắm tay đây mà rõ là huyền hoà thì nắm tay này là không tịch (rỗng lặng). Nắm tay rỗng lặng nghĩa là sao? Tin thì dễ, nhưng quý vị đã tỏ rõ chưa?

2.b/ Tâm không cảnh tịch

Ở đây, có thể có người đặt câu hỏi: “Mọi vật đang bình thường, tại sao lại phải phân tích nó là giả?” Bởi có phân tích hay không phân tích thì nó cũng vốn là giả rồi. Nhưng do mình mê, không biết là giả, cứ ngỡ là thật nên lao theo hoài rồi khổ. Khi nghe phân tích, nếu quý vị thấu tột bản chất thật của nó là giả thì cái mê sẽ dừng dứt. Khi quý vị thấu tột nắm tay này là giả thì ngay đây liền dừng, không lao theo cái tay, không biết theo cái tay, không biết về cái tay này nữa mà trả lại cái toàn thể sáng biết nơi chính mình, cái biết này vốn trong lặng tự thuở nào rồi, chưa hề động. Thể nhận và an ngay nơi cái biết đó thì tâm vốn không động. Cái thấy không động thì nắm tay cũng không động. Tâm không thì cảnh tịch, cho nên nắm tay là không tịch (rỗng lặng). Chưa biết thì nói cho biết là giả. Khi biết nó giả rồi thì dừng theo nữa. Và ngay cái không theo là đủ, chứ không phải biết là giả để sanh tâm phân biệt nó là giả hoài.

---o0o---

2.c/ Tâm cảnh nhất như

Ngay đây quý vị thử buông xuống tất cả, lóng lặng trở lại và nhìn lên nắm tay này. Bằng cái thấy biết không tịch (rỗng lặng) đó thì nắm tay này là “có” hay là “không”? – “Đa, là duyên hợp giả có”. Bây giờ mà còn nói là duyên hợp giả có thì mất mình rồi. Chỗ này gạn qua nhiều lần mới thấy. Đã nói giả để không theo cái giả, để trở về cái thấy biết chân thật đang hiện tiền đây, mà bây giờ vẫn nói giả thì không ổn rồi.

Vậy nắm tay này là “có” hay là “không”? Giờ quý vị an lại ngay nơi cái mình đang thấy biết đây, dừng nhìn theo nắm tay này nữa thì lúc này trong tâm không một niệm, nắm tay này không in dấu trong tâm quý vị. Như vậy, không phải là có. Khi không niệm, nắm tay không in dấu trong tâm, nhưng quý vị có thấy biết nắm tay không? Có. Như vậy thì không phải là không. Không phải có, không phải không, ngay đây, nắm tay là không tịch (rỗng lặng). Lúc này, mình không nói nắm tay là có hay là không, mà nó là một sự hiện hữu trong tự tánh chánh định của mỗi người. Nó hiện hữu, tức không rời cái mình đang thấy biết mà rỗng lặng. Trước mặt thấy rõ nhưng vốn là trong lặng nên nó hiện hữu, chứ không nói là có hay là không. Cái tánh sáng biết này chưa từng động nên gọi là định chứ không phải làm cho định. Sống ngay tự tánh đó thì quý vị mới hay ra, mình chưa hề động và cảnh này cũng chưa từng động bao giờ.

Vậy cũng trong tự tánh chánh định đó, quý vị thấy nắm tay này ở “trong” hay ở “ngoài” quý vị? Nếu nói là trong hay ngoài là còn đối đai hai bên rồi. Khi nhìn nắm tay này, đừng nhìn theo nó, an trở lại ngay cái thấy biết nơi chính mình thì có động không? - Không động. Không động, không một niệm thì nắm tay này không in dấu trong tâm quý vị. Như vậy, nắm tay này không phải ở trong quý vị. Nhưng khi quý vị không động, nó không in dấu, quý vị có thấy nó không? - Thấy. Đang lặng biết mà thấy đây thì nó có rời ngoài cái thấy của mình không? - Không. Như vậy, cũng không phải là ngoài. Không trong, không ngoài, lúc này chúng ta đang thấy biết vượt cả trong ngoài, có không, năng sở đối đai. Ngay đây, tâm cảnh nhất như, cây gậy là cây gậy, nắm tay là nắm tay. Bằng cái thấy biết đó thì nhìn cái gì mà không phải là Phật pháp?

Có vị Tăng hỏi Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng: “Như gương soi cảnh, cảnh đèn thì hiện rõ, cảnh đi thì thôi, không dấu vết. Nếu đậm bể gương mà đúc thành tượng thì ánh sáng của gương đi về đâu?”. Thiền sư nói: “Tuy không chiếu soi, nhưng đối y một điểm cũng chẳng được”.

Ban đầu mình trở lại cái trong lặng sáng suốt, khi công phu thuần thực rồi thì buông luôn cả cái lặng đó. Có nghĩa là không còn niệm thấy có một cái lặng lẽ để giữ, ngay đó không luôn cái lặng kia. Không cả cái có, không cả cái không, cái lặng lẽ kia cũng không còn quan tâm nữa thì trong không có cái để giữ, ngoài không có vật để dính mắc, ngay đó toàn thể hiện bày. Mình lặng mà biết tất cả thì giống như gương soi vật. Tuy không động, rõ tất cả nhưng vẫn còn có cái gương soi vật thì chúng ta vẫn giữ cái gương này, vẫn còn có cái niệm thầm thầm giữ cái lặng lẽ đó. Vì vậy mà khi bước vào thiền đường ngồi thiền, mà ra ngoài thì hết thiền, khi nói chuyện đạo thì có thiền mà nói chuyện làm ăn thì mất thiền... Rõ ràng là nhò vào tấm gương mới soi được, khi không có gương thì quên chiếu soi. Nhưng cuối cùng vẫn còn giữ tấm gương nên chưa được tự do, tự tại. Nếu quý vị dụng công mạnh hơn, buông luôn cả cái lặng kia, không còn một khái niệm, ngay đó sống thẳng, giống như đầy một chiếc xuồng ra bờ trôi một cách nhẹ nhàng không vướng víu vậy. Chỗ này, không còn niệm thầm giữ gìn cái lặng lẽ, như gương đậm vỡ ra để đúc thành tượng rồi, nhưng tất cả đều lặng trong, tỏ suốt hết một cách rõ ràng, sáng rõ, linh hoạt mà không động, đó là “đối y một điểm cũng chẳng được”.

Đang cái thấy biết này, nắm tay không phải có, không phải không, ngay đây, nắm tay không tịch (rỗng lặng), đang thấy biết vượt năng sở, trong ngoài, có không, tâm cảnh nhất như. Sống được như vậy có thiền vị không?

Đây là thiền vị. Có xuân không? Sắc hương xuân thăm đượm, ngập tràn. Nắm tay này là đại diện cho tất cả cảnh sắc hằng ngày chúng ta tiếp xúc. Hằng ngày, quý vị tiếp xúc làm ăn mà bằng cái thấy biết này để sống trên tất cả cảnh thì có cái gì không phải là Phật pháp chăng? Đâu đâu cũng là Phật pháp hết. Bằng tâm xuân này để sống thì quý vị thấy quanh năm có chỗ nào thiếu vắng xuân không? Khi nào cũng là mùa xuân lung linh, tươi mát.

---o0o---

3/ CHÚA XUÂN ĐÂY RỒI!

Ngay nắm tay đây mà rõ thì chúa xuân hiện tiền. Ngắm nhìn hoa nở, hoa tàn mà không rời tánh thấy biết này thì chúa xuân đang hiển hiện rõ ràng ra đó. Được vậy thì xuân đến cũng vậy, mà mùa xuân có qua đi cũng chỉ có vậy, cũng vẫn an nhiên, thanh thơi, không có gì bận lòng. Cho nên có vị nói:

“Bao giờ gặp lại hôm qua,
Thì tôi kể chuyện ngày mai có gì.
Ừ! thì nước chảy mây trôi,
Ừ! thì lá rụng trăng soi ánh vàng”.

Chuyện hôm qua đã đi qua rồi thì chuyện ngày mai cũng tạm bợ vô thường không thật, không có gì đáng bận lòng để kể và không kể. Nhưng không phải cuộc đời vô vị đến thế. Trong cái vô thường sanh diệt kia, vẫn còn đây một tánh sáng biết ngập tràn lạc an sáng ngời không động. Bằng sức sống đó, tất cả mọi thứ hiện diện trước mắt mình đều trở nên sinh động, lung linh. Từ đó, không thèm quan tâm đến chuyện hôm qua, chuyện ngày mai, hay tìm lấy một cái gì đó ở hiện tại, mà chỉ là thuận tánh tùy duyên. Cái gì đến với chúng ta, nó đều trở nên một sự hiện hữu diệu huyền khó tả. Lúc này chỉ biết nói “ừ thì” mà thôi. “Ừ! thì nước chảy mây trôi, Ủ! Thì lá rụng trăng soi ánh vàng.” Đến giờ tọa thiền, ừ thì tọa thiền. Đến giờ đi chợ, ừ thì đi chợ. Đến giờ ăn cơm, ừ thì ăn cơm. Đến lúc đại tiễn, ừ thì đại tiễn. Khi ai đó khen ngợi, ừ thì khen ngợi. Khi ai đó vu oan hay nhục mạ, ừ thì vây đó!... Cái “ừ thì” này có thể thay thế cho cái “thế à” hay không?

Có vị Thiền sư khi đọc Kinh Pháp Hoa đến chỗ “Chư pháp từng bản lai, Thường tự tịch diệt tướng”, Ngài khởi nghi: “Tánh vắng lặng thì dễ hiểu, còn tướng thì sanh diệt, sao lại tự vắng lặng?” Một hôm, nhân mùa xuân về,

Ngài đang ngồi ở tảng đá thánh thời, tình cờ nghe chim hoàng oanh hót trên cành liễu, Ngài sực ngộ ra, bèn thêm hai câu: “Xuân đáo bách hoa khai, Hoàng oanh đê liễu thượng”. Và gộp lại thành bài kệ:

Chư pháp tung bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đáo bách hoa khai
Hoàng oanh đê liễu thượng.

Nghĩa là:

Các pháp từ xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng
Xuân về tröm hoa nở
Hoàng oanh hót trên cành.

Quý vị đã thấy tướng thường tự vắng lặng chưa? Năm tay là không tịch, nó có động bao giờ đâu, cho nên tướng thường tự vắng lặng. Nay khi vừa nghe tiếng chim hót, bằng tâm thể thấy nghe biết mà chưa từng động kia, thì tuy tiếng chim là tướng, nhưng nó vẫn trong trẻo, lặng lẽ, rõ ràng từng tiếng mà không động, thì mới thấy các pháp từ xưa đến nay, tướng thường tự vắng lặng. Vì chúng ta tự ôn ào cho nên thấy nó động. Nếu chúng ta khéo nhận lại thì Phật pháp là gì? Tất cả đều không ra ngoài một tánh đang sáng biết chưa từng động đây, thì ngay đó cái gì không phải là Phật pháp!

Thiền sư Văn Ích Pháp Nhã lúc còn đi tham học đến chỗ ngài Địa Tạng Quέ Sâm, dùng hết công sức trình kiến giải, nói đạo lý hơn cả tháng, nhưng vẫn bị Ngài Quέ Sâm bảo: “Phật pháp không phải thế ấy”. Cuối cùng, Ngài Pháp Nhã thưa: “Con đã hết lời cùng lý rồi.” (tắc hết các đường suy nghĩ rồi). Ngài Quέ Sâm khều nhẹ: “Nếu luận về Phật pháp thì tất cả hiện thành”. Ngay đó Ngài liền đại ngộ.

Nếu luận về Phật pháp thì dứt hết tình thức đi, sống trở lại cái đang sáng biết mà chưa từng động đây thì tất cả đang hiện bày Phật pháp. Trước

đó chưa nhận được là bởi tình thức mình quá nhiều, cứ nghĩ phải thế này phải thế kia, vọng động lăng xăng, bằng tâm vọng động mà hiểu thì làm sao thấy được Phật pháp?

Thiền sư Vân Môn một hôm ở trong chúng đưa cây gậy lên nói: “Phàm phu cho là thật, Nhị thừa phân tích thành không, Duyên Giác thì huyền có, Bồ tát thì đương thể tức không, Thiền gia thì cây gậy là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến”.

Khi giảng đến đây, Hoà thượng Tôn sư chúng ta có bình một câu: “Mọi người chỉ biết câu: đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến mà không ai thấy được cây gậy của ngài Vân Môn”.

Đi chỉ chú tâm đi, ngồi chỉ chú tâm ngồi, tức là lúc nào mình cũng chuyên chú tâm niệm đừng cho phóng ra, làm việc gì thì chuyên chú tâm vào việc ấy. Tại sao chú tâm chuyên nhất như vậy mà không thấy cây gậy của ngài Vân Môn? Khi chú tâm là chú tâm theo công việc đang làm, là biết theo việc, biết về việc ấy, là duyên theo cảnh, là lao ra bên ngoài rồi. Mình ngỡ ngay đó là lóng lăng, nhưng thực ra là đã bỏ mất mình nên cái lăng đó cũng là đối tượng bị biết thôi. Là đối tượng thì nó là cái bên ngoài, không thật. Ban đầu thấy động ưa lăng nên mới trở về lăng, nhưng khi chú tâm nơi lăng thì bỏ mất mình rồi, mà mất mình thì cái lăng đó cũng chỉ là tướng của lăng, là một tướng đối lại với tướng động, nó cũng thuộc về tướng đối đãi sanh diệt bên ngoài không thật. Nếu trở lại nơi chính mình thì quý vị có thấy được cây gậy của ngài Vân Môn không? Nếu ngay đó còn thấy có một cái lăng lẽ nơi mình để thầm thầm gìn giữ thì cũng không thấy được cây gậy ngài Vân Môn. Ngay khi thấy biết suốt qua tất cả mà không dừng trụ trên một cảnh tượng nào, trong không một pháp để giữ, không trong không ngoài, vượt cả năng sở đối đãi có không, cây gậy ngài Vân Môn liền hiện sờ sờ ra đó:

“Tuyệt thay! Cây gậy Vân Môn,
Vừa phân “ta” “gậy”, khó mong thấy rồi.
Thoạt đưa cây gậy lên thôi,
Vỡ tung trời đất, chà thôi lầm lời!”

Cho nên Thiền sư Tông Mật nói: “Thiền là không loạn, không định.” Không loạn thì đúng rồi, nhưng vì sao định cũng không phải là thiền? Không

loạn cũng không định, có chỗ nào cho chúng ta hiểu hay không? Không còn chỗ cho thức tình vin vào để hiểu, ngay đó khéo nhận thì ngập tràn thênh thang toàn thể là thiền.

Bởi còn thấy có một cái định để giữ thì vẫn còn chỗ cho thức tình sanh khởi, là chưa được tự do tự tại, là chưa thực sự sống trọn vẹn bằng sức sống thiền. Công phu đến chỗ này rất vi tế. Mình tưởng rằng khi động quá thì phải trở về tịnh, ngoài tịnh rồi thì thích, nhưng không phải dừng ở đó.

---o0o---

4/ CHỖ CÓ NHẬN LÀM!

Thiền sư Pháp Thành ở Hương Sơn nói: “Dù được thuần thanh tuỵết điểm vẫn là chơn thường lưu chú”. Dù rằng được cái thanh tịnh tột cùng, trong lặng tuỵết đối rồi, quên cả thân tâm và cảnh rồi, nhưng trong đó vẫn còn một cái thức thần đang trôi chảy nhỏ nhiệm ở bên trong mà mình tưởng là lặng. Như một dòng thác nước, nhìn từ xa, màn nước bạc tưởng là miếng bạc bất động, nhưng thực ra đến gần mới thấy nó đang sanh diệt, nó đang dệt một cách liên tục, nhưng vì vi tế, nhỏ nhiệm quá nên chúng ta không thể thấy được. Chỗ định cũng vậy, mình thấy trong lặng tất cả nhưng không biết rằng thức thần đang trôi chảy nhỏ nhiệm bên trong, cho đến khi quý vị công phu mạnh mẽ, một cảnh bất thần chạm đến, giật mình À lên mới hay ra rằng, tuy lặng, tuy không niệm, tuy vắng bặt tất cả, tuy không theo cảnh nhưng vẫn thầm thầm có tâm giữ cái không lặng, bỏ quên mình mà theo nó, thì vẫn còn cách một lớp giống như lụa mỏng, mới biết công phu trước đó còn làm. Đến lúc À lên một tiếng thì mới có phần tự do tự tại trong sanh tử. Đập gương bể vụn đúc thành tượng, không còn tướng trạng của gương, nhưng lúc đó đối y một điểm cũng chẳng được, chứ không phải giữ cái gương mà sống. Buông thật mạnh, thật sạch để vươn lên, còn nếu có niệm an thì ngay đó có chỗ cho thức sanh rồi. Thức thần là cội gốc của sanh tử. Còn thức thần là còn sanh khởi niệm, còn trôi trở lại trong sanh tử. Muốn phá sanh tử thì phải thấu rõ cái thức thần này.

Quý vị nhìn lại: Chúng ta đi trong sanh tử là do bị cái gì đẩy đi? Chính là nghiệp. Nghiệp từ đâu tạo? Từ thân, khẩu, ý, nhưng ý là gốc. Ý mà không khởi thì quý vị có tạo nghiệp không? Mình khởi niệm lên thì đó là tạo nghiệp đi trong sanh tử. Nhưng ngay khi khởi niệm, quý vị không theo nó thì nó không tạo nghiệp. Khi quý vị bỏ mất mình mà theo niệm thì cái thức tương tục đan xen. Chính cái thức đó là đầu mối cho ngọn lửa của niệm.

Quý vị để ý rất là vi tế. Ví dụ vọng tưởng vừa khởi lên, không theo nó, chỉ là biết thì nó qua hay còn? Qua đi. Còn nếu quý vị theo nó thì nó dẫn mình đi. Vừa chợt quên mất chính mình, quên cả hiện tiền đang biết đây thì niệm liền sanh khởi và cái thức tương tục đã sanh ngay khi bắt chợt bỏ quên mất mình rồi. Chúng ta không thể can thiệp trên niệm hiện tại vì nó chỉ là tướng nổi bên ngoài, nó vô tội. Nó chỉ có tội khi mình quên thì nó mới kéo mình theo. Vậy là khi mình theo thì nó mới kéo, còn không theo thì thôi. Thế thì lỗi tại chỗ nào? Không phải tại ngọn đèn mà tại người châm dầu. Cho nên, phải rút dầu ra thì đèn sẽ tắt thôi. Ngọn lửa của đèn là ví dụ cho niệm khởi. Dầu là thức thần tương tục. Thoạt quên mất mình, lao ra bên ngoài thì ngay đó thức sanh. Sóng trở lại nơi chính mình thì dòng thức ngưng bặt. Ngay khi quý vị rõ là mình đang trong lặng đó, có một cái gọi là thanh tịnh tột cùng đó, thì có phải quý vị đang bỏ mất mình mà theo cảnh thanh tịnh không? Khi ấy ngỡ như là thanh tịnh, nhưng đã đánh mất sự hiện hữu chính mình mà theo giữ cái tướng của tịnh nên có chỗ cho thức sanh, tuy không hiện tướng nhưng rất nhỏ nhiệm khó thấy.

Nhớ là, khi thoạt bỏ mất mình thì thức đã sanh rồi, là mầm mống mồi cái niệm sanh tử trở lại. Như vậy, đạt đến cảnh thanh tịnh tột cùng mà chưa có một cơ sống dậy mạnh mẽ thì thức vẫn còn trôi chảy nhỏ nhiệm, mầm mống của sanh tử vẫn còn thì làm sao chấm dứt được sanh tử. Nương hơi thở chỉ là bước đầu thực tập thiền. Nhưng nếu quý vị lấy cái phương tiện ban đầu này để lập thành một pháp tu chính thống dài lâu, cứ nương hơi thở mãi không chịu bỏ, nương tất cả mọi cái để được tịnh, nhưng cái tịnh đó có cứu sanh tử cho mình được không? Còn nương tựa, còn thấy có một pháp thật thì còn có chỗ cho thức sanh cho nên chưa thoát khỏi biển lớn sanh tử. Ban đầu, nương cái tịnh là tốt, nhưng khi thuần thực rồi mà dừng ngang đó thì chưa phải là cái trí chiểu phá sanh tử, cần phải phán phát vươn lên, vừa chấp nhận là mình chìm liền. Thức này rất vi tế, giống như mụn độc, đung vào là lan ra. Tức là vừa muốn làm gì để trị nó, thì ngay đó chính là nó rồi. Nếu đánh mất chính mình, tác ý rồi thì làm sao có thể trị nó được. Muốn trị nó thì phải không can thiệp trên nó, phải cô lập nó, để yên nó, đừng tác ý thêm. Nhưng có niệm “để nguyên đó” cũng là tác ý, thức cũng sanh. Ngay đó, quý vị như lờ đi, không tác ý đến, chỉ là sáng biết không động thì liền là vô tác.

Trong tất cả mọi lúc, mọi nơi, quý vị sống trở về với cái đang sáng biết, đừng bỏ mất mình thì dòng thức sẽ yếu. Muốn trị cái thức này thì đừng làm gì thêm mà chỉ giác trở lại. Tất cả mọi chỗ luôn giác trở lại. Trở về giác càng cao thì cái thức càng yếu đi. Cứ sống như vậy cho đến khi cái giác cao tột cùng thì cái thức cũng sẽ yếu cùng tột. Đến khi công phu chín muồi, cái giác

bất chợt đủ lớn thì bỗng dung cái thức dứt bất, chân trời giác ngộ bỗng chợt mở toang, rõ ràng sáng biết tất cả, thênh thang vốn tự không động, mới hay ra cái giác biết lâu nay chỉ là tạm dùng. Lúc này, tánh mình tự nó vốn là giác, tự nó vốn là sáng, tự nó vốn không động chứ không phải làm cho được định, được giác.

Ban đầu chưa biết thì phải làm, phải tu, giống như lập rào chắn để ngăn bớt giặc. Đây chỉ là phương pháp tạm thời lấy ngắn nuôi dài, cái chính yếu vẫn là ở chỗ vốn tự sáng biết, vốn tự không động kia.

Cho nên thức này chính là dầu mồi lửa vọng niệm đi trong sanh tử luân hồi, chỉ có giác mới tri được. Tất cả mọi cảnh vừa quên thì giác trở lại. Ví dụ khi nhìn bông hoa này, vừa thích thì biết sai rồi nên quay trở lại, nhưng khi khởi niệm quay trở lại cũng là một niệm. Chỗ này rất vi tế. Cho nên các Thiền sư nói: “Phản vị hồi cơ cũng là giữa trưa trốn bóng.” Giữa trưa trời nắng, chúng ta ở ngoài nắng mà chạy trốn cái bóng của mình. Càng chạy thì cái bóng càng nhiều, làm sao trốn được. Khi quý vị vừa nhìn bông hoa mà nhiễm rồi thì đừng khởi thêm niệm gì nữa, đừng tác ý quay trở lại, mà cũng đừng khởi niệm theo luôn. Ngay đó lặng thần, ngưng bất, không tác ý thì mọi cái tự nhiên lặng và minh sáng rõ rõ ràng. Quý vị đang khởi một niệm thì rõ đó là niệm, không thêm nữa, tức là không có tác ý gì hết thì ngay đó niệm tự lặng, minh đang sáng. Hằng ngày quý vị đi kinh hành, nhìn hết tất cả mà đừng trụ trên một cảnh nào hết thì ngay khi không trụ, không bám tất cả, bên trong không còn có cái để giữ thì tất cả đang hiện bày rõ ràng chứ không cần trả ra trả vào gì cả. Hằng sống như vậy thì tu rất nhẹ nhàng, toàn thể là giác.

Trong nhà thiền, mình nghe nói thấy biết như thị, cây gậy là cây gậy, hoa hồng là hoa hồng, lúc nào mình cũng giữ cho nó như thị, thàm nhủ đừng có thêm nữa, như vậy là có tác ý rồi. Đó là làm cho như thị chứ không phải vốn tự như thị. Tưởng giữ là như thị, nhưng thực ra giữ như vậy là bị gạt. Khi làm cho như thị là còn kiềm chế, còn có chỗ giữ cho nên thức còn tương tục, bởi vậy mà chưa phải là như thị của nhà thiền. Vậy cái như thị của nhà thiền là gì?

Một hôm ngài Vân Môn đưa cây quạt lên, nói: “Cây quạt hoá rồng, bay lên cõi trời ba mươi ba, rơi xuống đập vào lỗ mũi các ông”. Quý vị biết Ngài nói gì không?

Nghe nói cây quạt hoá rồng thì thắc mắc: Ủa, sao cây quạt lại hoá rồng? Bay lên cõi trời ba mươi ba (Ngài nói lý gì đây, lý vô sanh hay lý gì?). Rồi rơi xuống đập vào lỗ mũi của mình. À, bây giờ mới giật mình, nãy giờ mình bỏ quên mình mà theo cây quạt, cho nên bị gạt.

Đừng nên nghĩ rằng như thị có nghĩa là mình làm cho như thị mà phải trở về sống trọn vẹn với tánh giác (trở về cũng là một cách nói, ngay khi không đi ra thì đó là chỗ trở về). Vừa nhìn thấy hoa, lỡ dính mắc rồi bèn quay trở lại có phải không? Tưởng đâu khi nhìn bông hoa bị dính mắc thì chính là lỗi, không ngờ khi quay trở lại cũng là lỗi luôn. Vì sao vậy? Vì có niệm quay trở lại. Cho nên Thiền sư H Amanda Thị nói: “Nếu nói hồi quang phản chiếu thì vẫn còn thừa ra một pháp” là vậy. Ngay khi biết dính mắc là lỗi, đừng thêm nữa thì toàn thể là mình. Quý vị nhớ: Không thêm là một. Sáng là hai. Không động là ba. Phải đủ cả ba tính chất đó. Sáng nhưng phải đảm bảo là không động, ngay tất cả cảnh chỉ là không thêm là phải, không tạo tác là xong.

Cho nên cái NHU THI ở đây là mình trở về sống trọn vẹn với tánh giác rồi thì tất cả vốn là như thị, không phải là làm cho được như thị. Chú tâm để được như thị, đó là sai rồi. Mình mà không biết được chỗ này thì khi những vị khác đem cái tinh ra để đối chiếu thì mình không thể phân biện nổi. Cho nên mới thấy được giá trị chỗ này, chứ không, mình tưởng như tầm thường, hằng ngày cứ ngủ yên trong êm đềm, cứ bình bình tu sơ sài một cách máy móc. Thầy Tổ nói gì mình nghe theo đó thì dễ rồi, huynh đệ cùng tu thì thông cảm nhau rồi, nhưng mà khi ra gặp người khác phản biện trở lại thì niềm tin bị lung lay. Vì thế mà đã có người, nay ngồi đạo tràng này, mai ngồi đạo tràng kia, là bởi mình chưa sáng tỏ, chưa đủ niềm tin, chứ sáng tỏ, vững lòng tin rồi thì đạo tràng nào cũng không rời khỏi cái chân thật đó, có gì phải lăng xăng chạy đi tìm kiếm lung tung. Đức Phật nói: “Nếu có một pháp thứ hai vượt lên trên Niết Bàn, ta nói đó là huyền hoá”. Mình cứ hay đòi đi tìm một cái gì đó lạ hơn, hay hơn, nhưng mà nếu có một cái gì đó hay hơn tánh tịnh niết bàn này thì không phải thật. Bây giờ quý vị biết rồi, đã an lòng chưa, hay còn muốn tìm thêm cái lạ lẫm gì nữa? Yên lòng rồi thì mình mới mạnh, mới khảng khái và dụng công tu hành mới có kết quả được. Còn chưa vững lòng, đứng núi này trông núi nọ thì sự tu hành không đi đến đâu hết.

---o0o---

5/ LÚC NÀO CHẮNG XUÂN

Xưa kia trên pháp hội Linh Sơn, Đức Phật đưa cành hoa sen, đến thời ngài Văn Môn thì Ngài đưa cây gậy, còn hiện nay quý Thầy đưa cái tay này lên... Vậy quý vị thấy giống nhau hay khác nhau? Nếu nói khác là có cái này khác với cái kia, là thấy hoa sen khác với cây gậy, cây gậy khác với nắm tay, là thấy biết phân biệt theo cảnh bên ngoài mà đánh mất chính mình rồi. Cây gậy, nắm tay, hoa sen, đồng hồ, bàn ghế, nhà cửa..., nhìn tất cả mọi cái quý vị đừng lao ra phân biệt, trả lại cái thấy biết lặng lẽ chưa từng động, toàn thể biết không một gợn tí đó, thì những cái này có ra ngoài tự tánh của quý vị không? Không. Và lúc đó có động không? Tất cả đều đang không tịch, vắng bặt, lặng lẽ, nó là sự hiện hữu trong tự tánh chánh định của mỗi người. Ngay đó, hoa sen là hoa sen, cây gậy là cây gậy, nắm tay là nắm tay,... thì mình mới nhận ra rằng, không phải chỉ có mùa xuân bên ngoài của đất trời mà còn đây một mùa xuân không động nơi tự tánh mỗi chúng ta. Ngay đó, chúa xuân đang hiển hiện, bàng bạc khắp tất cả chỗ. Lâu nay, mình cứ từ chỗ này sang chỗ khác đi tìm những đạo lý siêu huyền, trăn trở bao năm để tìm đạo giác ngộ giải thoát, nhưng không ngờ cuối cùng giác ngộ lại ngay cái đang thấy, đang nghe, đang nói đây. Đi muôn dặm trường để tìm một cái mà khi hay ra, cái ấy lại ở ngay dưới chính gót chân mình. Đây là cái hay và đầy thú vị của đạo Phật. Vì vậy khi nhận ra rồi, có người thì cười, có người bật khóc hoặc có người la thét lên...

Đời Đường, có Thiền sư ni, hiệu là Mai Hoa Ni có làm bài thơ xuân:

Cả buổi tìm xuân chẳng thấy xuân

Giày gai đập nát, đinh mây vần

Trở về cười ngát hương mai rộ

Xuân ở đâu cành rõ mười phần.

“Xuân ở đâu cành rõ mười phần” là ở đâu? Là ở cành mai hay ở cành đào? Coi chừng bị hoa mai làm mù mắt! Suốt ngày đi tìm xuân ở chỗ này, chỗ kia, tìm đèn rách giày, sờn áo mà vẫn không thấy. Khi mệt mỏi, tình thức dừng bặt, dứt hết chỗ tìm rồi thì mới hay ra, ngay trong vườn nhà mình hương mai đang rõ, sắc xuân đang ngập tràn khắp tất cả mọi nơi chưa từng thiếu vắng bao giờ. Sóng băng tâm xuân thì thấy cái gì cũng xuân, xuân ngay tự tánh, không phải do tìm, do tạo tác mà được. Đâu đâu chúa xuân cũng đang hiển hiện, cảnh nào cũng là cảnh xuân.

Thiền sư Đại Ân thương đương, có vị Tăng hỏi: “Ngày xuân chan hoà, gió xuân phoi phói, má đào quyền rũ mưa xuân, mắt liễu hút sâu làn khói bạc. Thế nào là mặt thật của Cồ Đàm (Đức Phật)?”. Tức là trong cảnh sắc xuân của đất trời đó, mặt thật của Đức Phật ở đâu?

Ngài Đại Ân nói: “Khắp nơi chẳng từng giấu”.

Như vậy, mặt thật của Đức Phật ở đâu?

Thấy thì liền biết, chưa từng động niệm thì có giấu giếm bao giờ!

Khắp cả mọi noi, Đức Phật đang hiện hiện bàng bạc ra đó, chưa từng giấu giếm ai hết. Trước tất cả cảnh xuân, thấy thì liền biết, chưa từng động niệm thì Đức Phật hiện rõ ràng ra đó, có giấu được không? Đâu giấu ai được. Mà muốn giấu cũng không giấu được. Vì mình không nhận nên tạm thời bị che khuất nên gọi là giấu vậy thôi. Còn rõ ra rồi thì dù người khác có che giấu mình cũng không thể được.

Có vị Thiền sư làm bài kệ:

Đầu sào trăm trượng thô hỏi bén,

Cô phong tật đinh dưỡng thân nhàn.

Dù rằng nhà hở không che đậy,

Khó lấy việc riêng nói với người.

Cô phong là pháp thân, ngay trong pháp thân đó là chỗ dưỡng thân của Ngài. Dù rằng phơi bày hết ra đó, nhưng nếu muốn thấy thì phải đến để mà thấy chứ không thể đem đi kể cho người ngoài cuộc nghe. Vì nếu là người ngoài cuộc thì có kể cũng không thể nghe được.

Thái tử Hoàng Đìnhs Kiên đến nương ngài Hồi Đường học đạo.

Một hôm Thiền sư Hồi Đường nói: “Như Khổng Tử nói: ‘Này các trò, các trò cho ta là giấu giếm ư? Ta không có gì giấu giếm các trò cả’. Thái tử căn cứ vào đâu để lý luận?”

Khi đó, Hoàng Đìnhs Kiên định suy nghĩ để đáp, Ngài Hồi Đường liền chặn: “Không đúng, không đúng”.

Hoàng Đinh Kiên chưa nói đã bị chặn lại bảo là không đúng, nên mờ mịt không hiểu. Rất tiếc! Ngài Hồi Đường chặn lại là có thủ đoạn, cố tình trong việc bắt chọt chặn phắt ngang để thúc tình Thái sử ngưng bất và thể nhận ra con người chân thật nơi chính ông. Nhưng ông đã bỏ qua cơ hội nên đành mờ mịt không hiểu.

Một hôm, ông đi theo Thiền sư Hói Đường dạo núi, gặp lúc hoa quê nở thơm ngát cả rừng. Lúc đó, Ngài Hói Đường hỏi:

- Ông có ngửi thấy mùi hoa quê thơm chang?
- Con có ngửi thấy.
- Ta không giấu giếm gì ông cả.

Ngay đó, Hoàng Đinh Kiên tỉnh, liền lẽ bái và thưa:

- Hoà thượng thật là tâm lão bà tha thiết.

Ngài Hói Đường cười:

- Chỉ cần ông về đến nhà thôi.

Nếu trước đó, ngài Hói Đường giải thích liền thì có chỗ cho ông Hoàng Đinh Kiên hiểu. Mà hiểu thì chỉ là thức hiểu thôi chứ không phải cái nhận chân thật. Hơn nữa, khi tự cho mình đã hiểu rồi, sáng rồi nên không cần tu, không cầu tiến cho nên bị nhấn chìm trong biển tối ý thức nhỏ hẹp. Khi bị Thiền sư nói chặn như vậy thì trong lòng Thái sử thắc mắc mãi không nguôi? Ôm áp, khắc khoải mãi, tại sao không phải, giờ phải như thế nào thì mới là phải?.. do đó các niệm khác không xen vào được, tâm dồn vào đạo lý cao độ, các niệm khác không có chỗ xen vào, cho nên khi nhân duyên chín muồi liền chọt tinh, mới hưởng trọn mùa xuân miên viễn.

Là người hiểu đạo, chúng ta có chấp nhận dừng lại ở chỗ cảm nhận mùa xuân của đất trời sanh diệt bên ngoài không? Chúng ta ai ai cũng có một mùa xuân bất diệt, vượt không gian và vượt cả thời gian. Chỉ cần khéo nhận lại thì quanh năm khắp chốn, đâu đâu cũng thăm đượm sắc hương xuân.

Ngay khi thấy nắm tay mà quý vị thấy không phải có, không phải không, không phải trong, không phải ngoài, tâm không cảnh tịch thì nắm tay

là rỗng lặng, có không gian nào che được quý vị không? “Có” nắm tay hay “không có” nắm tay, cái thấy biết này cũng không mất. Nắm tay này không che mắt được mình nên cái thấy biết vượt không gian.

Khi đưa nắm tay này lên, quý vị thấy sắc liền sáng tâm, phải không? Vậy thì sáng ở chỗ nào? Khi chưa đưa tay thì chưa thành tướng đưa, đang đưa tay cũng chưa thành tướng đưa, mà đưa tay lên rồi thì đã đưa xong rồi, vậy quý vị nhầm chỗ nào để thấy tâm? Đây là quý Thầy gạn lại một lần nữa. Nếu chúng ta chưa thấu tột thì liền bị cảnh chi phối, bị gạt và không qua được chỗ này. Đã là cái thấy biết chân thật, hằng hữu, không mất mà phải đợi khi đưa tay mới thấy, vậy khi không đưa tay thì không thấy hay sao mà phải tìm cái tướng đưa tay? Khi nghe nói chưa đưa, đang đưa, đã đưa tay, chúng ta say sưa chạy theo cái sanh diệt đó để tìm cái tướng đưa tay, bị nó dẫn dụ rồi chạy theo nó mà quên mất chính mình đang thấy biết một cách rõ ràng không động đây, nên bị nó gạt và không rõ. Quý vị thử trở lại cái lặng sáng rõ ràng thênh thang chưa từng động đó, thì dù cho chưa đưa tay, đang đưa tay hay đã đưa tay rồi, thì có rời ngoài sự kiểm soát của mình, có ra ngoài cái thấy biết hằng hữu không động nơi chính mỗi người hay không? Vốn không động thì ba thời đều không ra ngoài sự kiểm soát của mình. Dù rằng các cảnh đang trôi, tuy động, nhưng không rời một thể tịnh thì nó vẫn lặng lẽ trong cái đang lặng sáng của mình. Không kẹt vào một điểm dừng nào thì có thời gian nào trong đó, nên ngay đây, thấy biết vượt cả thời gian.

Trả lại cái toàn thể sáng biết thì vượt lên không gian, vượt cả thời gian. Sóng băng cái thấy biết này thì chỗ nào không phải là tâm, chỗ nào mà không sáng, lại đi tìm chỗ sáng làm gì? Ngay đó, chúa Xuân hiện hiện bàng bạc khắp mọi nơi chưa hề thiếu vắng bao giờ.

Cho nên, khi khám phá ra chúa xuân rồi thì:

“Mai vàng đưa nở xum xuê

Khách thiền đâu bận xuân về hay chưa!”.

Quanh năm khắp chốn đều là mùa xuân thì quý vị còn chờ mùa xuân nào nữa. Biết được vậy thì thanh thơi, không bận lòng trước cảnh đến đi.

6/ CHÚA XUÂN NHÌN KÌA!

Thiền sư Nhân Dũng ở Bảo Ninh nhân ngày Tết dạy chúng:

Hôm qua năm cũ đi
Ngày nay năm mới đến
Năm cũ đi chăng đi
Năm mới đến chăng đến
Khắp đồng trăng đầy tuyết
Cõi đất bắt mây tràn
Người không tên không chữ
Đưa mắt nhìn bồi hồi.

Mới cách một đêm mà đã có năm cũ, năm mới rồi. Nếu chúng ta không chia ra thì có cũ có mới không? Là do con người đặt ra thôi chứ có cũ mới bao giờ. Tại mình đặt ra rồi vui buồn trên đó, cho nên mình tự lừa mình. Quý vị có thấy đáng thương không?

Tại sao “năm cũ đi chăng đi, năm mới đến chăng đến”, cũng là do cái tưởng của mình đặt ra là đến, là đi thôi, chứ vốn nó không thật, cho nên đi mà chăng phải thật đi, đến cũng chăng có cái gì thật đến. Trong cái vọng đến đó có một cái sáng chưa động bao giờ, vì vậy Ngài nói “Khắp đồng trăng đầy tuyết”, cả một cảnh đồng chỉ một màu tuyết trắng, không có cái gì chen vô. Cũng vậy, trên tất cả cảnh mà tâm sáng, không động thì không có chỗ cho thức chen vào được. Toàn thể là tâm thì thức không chỗ gá, mà thức không chỗ gá thì không còn có niệm, cho nên “cõi đất bắt mây tràn”.

Cái chân thật đang hiện tiền trước mắt chúng ta, vốn sáng biết rạng ngời, không một mảy bụi nào có thể che được, nhưng chúng ta cứ lo đuổi theo hoa nở, hoa tàn, theo cái sanh diệt, vui buồn, thành bại... mà bỏ quên mắt, không ngó ngàng gì đến chúa xuân – chính là người không tên không chữ, cho nên “người không tên không chữ, đưa mắt nhìn bồi hồi”. Nhìn bồi hồi, là vì ngồi sờ sờ ra đó mà không ai chịu ngó ngàng tới, lo ham vui chạy theo tràn cảnh bên ngoài. Như vậy, chúng ta biết rõ rồi thì phải quay trở lại, đừng để chúa xuân nhìn mình bồi hồi mà tội nghiệp cho... mình.

Thiền sư Tư ở Nột Đường có bài kệ Xuân:

Tuyết xuân đầy trời đến,

Trúng đâu hoa nở đó.

Chẳng rõ cây trong vườn,

Gốc nào là mai thật?

Hôm nay là ngày đầu năm, tất cả đang hòa quyện trong hương xuân ám áp, có ai thiếu, có vị nào không có cây mai thật này chăng? Ai cũng sẵn có, tại sao còn chưa chịu nở? Chúc cho tất cả quý vị sang năm mới, cây mai nơi chính mình chạm đến được hương xuân bất diệt để hoa nở rộ, hưởng trọn một mùa xuân bất tận.

---000---

NGHI VÂN SAU CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT

Cách đây hơn 2500 năm, tại đất nước Ấn Độ từ cõi người cho đến cõi trời đều hân hoan vui mừng bởi sự ra đời của đấng giác ngộ, đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Hôm nay cũng là ngày trăng tròn tháng Tư, tất cả chúng ta, những người con Phật thêm một lần nữa đón mừng ngày kỷ niệm ra đời của Ngài để mở con mắt trí tuệ, phá tan mê làm nhiều đời cho tất cả chúng sanh. Cuộc đời Đức Phật từ lúc ra đời cho đến khi xuất gia, thành đạo, giáo hóa độ sanh và nhập Niết Bàn, luôn là những bài học quý báu cho tất cả những ai muốn thoát khổ, muốn tìm về nghiên cứu và học đạo giác ngộ, giải thoát mình ra khỏi lầm mê.

Hôm nay, nhân ngày lễ Đức Phật đản sanh, hoà chung trong niềm vui đó, quý Thầy sẽ nói chuyện với quý Phật tử đề tài “Nghi vấn sau cùng của Đức Phật”.

Quý vị nghe có lạ không? Trong đây có ai biết được nghi vấn sau cùng của Đức Phật là nghi vấn gì không? Có hai cái lạ, một là nghi vấn sau cùng của Đức Phật mình chưa từng nghe, hai là tại sao Đức Phật mà lại còn nghi? Đúng ra phải nói là nghi vấn sau cùng của Thái tử Sĩ Đạt Ta, nhưng tại sao lại nói là nghi vấn sau cùng của Đức Phật? Bởi vì cái nghi vấn này nó có một ý nghĩa rất lớn. Đây là yếu tố cuối cùng và là một yếu tố trọng yếu mà khi phát minh ra thì thái tử Sĩ-đạt-ta trở thành một vị Phật. Khi thành đạo rồi, Đức Phật đi giáo hóa cũng không ngoài một mục đích chính là dẫn dắt chúng sanh trở về được chỗ mà Ngài đã phát minh ra từ nghi vấn này. Cho

đến lúc cuối cuộc đời, trước khi sắp vào Niết Bàn, Đức Phật cũng đem chõ này để truyền lại cho người sau. Và chính Ngài Ca Diếp cũng nhận ngay chõ này cho nên được Đức Phật truyền tâm ấn. Vì muốn nhấn mạnh để nói lên được tầm vóc quan trọng của vấn đề nên quý Thầy muốn đặt cho đúng mức của nó, bởi vậy mà nói đó là “Nghi vấn sau cùng của Đức Phật” chứ không nói là nghi vấn của Thái tử Sĩ-đạt-ta. Vậy nghi vấn đó là gì?

Lễ kỷ niệm mừng Đức Phật đản sanh thì chúng ta thường hay ôn lại cuộc đời của Đức Phật, hoặc nói lên những đặc điểm của Ngài để mình học theo. Nhưng quý vị là những người đã từng nghe nhiều rồi, chắc hẳn ai cũng thuộc lòng nên giờ chỉ điểm sơ qua thôi.

Xét lại, trong khi còn là Thái tử Sĩ-đạt-ta, Thái tử có rất nhiều nghi vấn. Bởi vì Ngài có một điểm đặc biệt hơn người thường đó là thấy bất cứ một cảnh gì xảy ra, Ngài cũng đều có thắc mắc trong lòng: vấn đề đó là gì? Tại sao có vấn đề đó? Và có cách nào để giải quyết vấn đề đó hay không? Trong khi chúng ta nhìn cái gì cũng cho qua. Cụ thể khi Thái tử Sĩ-đạt-ta đi xem lẽ hạ điền thấy cảnh cày ruộng, khi cày đất thì cày luôn cả những con côn trùng dưới đất lén, con chim từ trên sà xuống ăn những con côn trùng. Như mình thì nhìn cảnh đó có khi cũng là thường thôi, nhưng với Ngài thì đó là một sự đánh động sâu tận trong tâm khảm của Ngài. Ngài thấy rằng sự sống quả là một sự đau khổ. Sự sống của con này có nghĩa là sự đau khổ của con khác. Và kiểm lại, không những con bị hại đã khổ, mà chính cái con được sống đó cũng chẳng sung sướng gì. Con người ta sanh ra trong sự mịt mù của ân oán trả vay xoay vần liên tục, kiến ăn cá rồi cá lại ăn kiến, con này sát phạt con kia. Cho đến khi đi ra bốn cửa thành chứng kiến cảnh người già, bệnh, chết, Ngài nghĩ: “Chính ta rồi cũng sẽ phải chịu cảnh già, bệnh, chết, phiền não và ô nhiễm. Tại sao vẫn mãi mê chạy theo những điều mà bản chất của nó cũng còn như vậy?”. Đó là một thắc mắc lớn đối với Ngài. Khi những tư duy đó lên đến cao độ, tuy sống trong cảnh nhung lụa mà lòng Ngài không cảm thấy an lòng sống mãi trong những thứ mà bản chất của nó chưa thoát ra khỏi sự vô thường. Và Ngài quyết định xuất gia. Như vậy, những nghi vấn đó là những điều mà quý vị đã từng nghe qua, nhưng nghi vấn sau cùng của Ngài là gì?

Đó là trên con đường tam đạo, Ngài đã đến gặp và học hỏi với các vị tiên nhân, hẽ đến với bất kỳ vị nào, trong một thời gian không lâu, Ngài đều chứng đạt được những gì mà những vị đó chứng đạt được. Qua hết vị này đến vị khác mà Ngài vẫn chưa thỏa mãn. Đến vị tiên nhân cuối cùng là Uất-dầu-lam-phát. Vị này đã đạt được định phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là

định tối cao của các tiên nhân ở Ân Độ thời bấy giờ. Và không bao lâu, Thái tử Sĩ-đạt-ta cũng chứng đạt được định như vị tiên nhân này vậy. Khi ấy, vị tiên nhân này mời Ngài ở lại và nhường quyền lãnh đạo đồ chúng cho Ngài. Nhưng lúc đó, Ngài cũng không chịu ở lại. Vì chưa đáp ứng thỏa mãn được chỗ khắc khoải tột cùng thoát khổ cho mình và người, mà Ngài còn có sự thắc mắc. Cuối cùng Ngài quyết định từ giả vị tiên nhơn này để lên đường tìm đạo, giải quyết những khắc khoải, thắc mắc còn lại trong lòng. Ngài quyết định thiền tọa 49 ngày đêm. Khi vỡ tung sự thắc mắc này thì Ngài đạt đến giác ngộ viên mãn. Và phạm vi buổi nói chuyện hôm nay là xoay quanh cái thắc mắc sau cùng đó, để thấy rõ Ngài đã khám phá cái thắc mắc này như thế nào.

Đó là chỗ Thái tử Sĩ-đạt-ta đã từng nghị luận với tiên nhơn Uất-đầu-lam-phật: “Cõi trời phi tưởng phi phi tưởng là hữu ngã hay vô ngã? Nếu là vô ngã thì không thể nói là phi tưởng phi phi tưởng. Nếu nói là hữu ngã thì ngã đó là hữu tri hay vô tri? Nếu nói vô tri là đồng với cây cỏ? Còn nếu nói ngã là hữu tri (có biệt) thì có phan duyên. Có phan duyên là có nhiễm trước, mà còn nhiễm trước thì chưa được giải thoát sanh tử?”. Ông Uất-đầu-lam-phật không giải đáp được. Đạt được định này mà tâm còn lẩn quẩn dính mắc trong sanh tử, chưa giải thoát được. Đó là lý do Thái tử quyết định ra đi tìm một pháp tối thắng hơn.

Giờ chúng ta biện rõ nghi vấn này để nhận ra cái gút chỗ nào mà mình chưa thoát được. Quý vị nghe thì thấy hơi rối, nhưng cứ bình tâm. Đây là chỗ chỉ cho thấy chứ không phải nói cho hiểu biết, cho nên quý vị cần tập trung một chút.

Bây giờ ở cấp độ thứ nhất, cõi trời phi tưởng phi phi tưởng xú là có ngã hay không có ngã? Có hai khả năng xảy ra.

Khả năng thứ nhất, nếu nói là vô ngã thì không thể gọi là phi tưởng phi phi tưởng xú. Tại sao như vậy? Trong Kinh điển diễn tả cảnh giới phi tưởng phi phi tưởng xú không còn tri giác mà cũng không có không tri giác. Đó là bậc thiền cao nhất trong tam giới. Khi đạt đến thiền này thì tâm trở nên vô cùng vi tế, đến nỗi không thể nói là có tâm hay vô tâm. Nhưng mà nó vẫn có hay không có? Vẫn có phải không? Không thể nói là có hay không có, tức là vẫn còn có, nhưng nhỏ nhiệm vi tế cho nên vẫn còn một dấu vết của tâm sanh diệt. Đạt đến định này thì vẫn chưa hết tưởng mà vẫn còn một cái ngã tưởng vi tế, tức là vẫn còn một cái ngã chấp thầm thầm trôi chảy nhỏ nhiệm. Dù nói cảnh giới phi tưởng phi phi tưởng xú không còn tri giác mà cũng

không có khôn̄g tri giác, như là sạch hết cả có và không. Nhưng ngay khi hỏi đến, vị tiên nhơn này vẫn thấy mình đang hiện có biết đây chứ khôn̄g phải khôn̄g còn gì cả, cho nên ông khôn̄g thể nói là vô ngã được. Trong đó là chỗ khéo sạch mà chưa phải là cơ sống động của trí tánh thanh tịnh cho nên vị tiên nhơn này mò mịt khôn̄g thể giải đáp thỏa mãn sự thắc mắc của Thái tử. Qua đó quý vị thấy, cõi trời phi tưởng phi tưởng khôn̄g phải là vô ngã rồi.

Nhưng nếu có ngã thì ngã là hữu tri hay vô tri (có biết hay khôn̄g biết)? Bây giờ giả sử là khôn̄g biết thì con người chúng ta khôn̄g thể là khôn̄g biết được. Con người là có biết chứ khôn̄g phải cây đá.

Còn nếu cái ngã này có biết thì có phan duyên, mà có phan duyên là có nhiễm trước, còn nhiễm trước thì chưa giải thoát được sanh tử.

Bây giờ chỉ cần giải quyết chỗ phan duyên này một chút thì quý vị sẽ dễ dàng thấy rõ mọi vấn đề. Khi quý vị nói có biết, có nghĩa là có bình hoa này mình mới có biết, và biết đó có nghĩa là biết về bình hoa này, biết theo bình hoa này, nương theo bình hoa này mà có biết, tức là mình đã phan duyên chưa? _ Là vin theo duyên, theo bình hoa này rồi. Ngay khi phan duyên, nếu bình hoa đẹp thì muốn lấy về mình, mà xấu thì muốn bỏ đi. Khi muốn lấy về mình mà khôn̄g được thì sao? _ Thì buồn phiền. Khi thấy xấu, khôn̄g ưa, muốn bỏ đi mà nó cứ ở trước mặt mình hoài thì sao? _ Thì bức bối, phiền não. Từ đó, bao nhiêu tạo tác nghiệp chướng lớp lớp đua nhau sanh ra, và sanh tử khổ đau cũng có ra từ đó. Cho nên nếu nói có biết là có phan duyên, mà có phan duyên là có nhiễm trước, có nhiễm trước thì chưa giải thoát sanh tử là vậy. Tới đây quý vị mới thấy, từ một cấp bậc phan duyên này, chúng ta sang một cấp bậc thứ hai là phân biệt đẹp hay xấu, từ đó sang cấp bậc thứ ba là đẹp thì ưa lấy về mình, xấu thì ưa vứt bỏ đi. Và tiếp tục tiến lên cấp bậc thứ tư, lấy về mình khôn̄g được thì buồn phiền, bỏ khôn̄g được thì bức bối, cứ như thế mà vọng tưởng nối đuôi nhau thêu dệt. Đó là trôi lăn trong sanh tử. Dù cho quý vị đạt được định phi tưởng phi tưởng xứ mà chưa sáng tỏ được chỗ này thì vẫn còn lẩn quẩn, chưa thoát khỏi sanh tử. Sanh tử khôn̄g phải là ai đem cho mình, khôn̄g phải có một ai đó buộc mình đi trong sanh tử, mà do tâm mình chưa gỡ được cái gút mắc này, mình đang bị cuốn ở trong đó nên bị cuốn trôi trong sanh tử. Gỡ được chỗ này, quý vị mới thấy cái mê của mình chỉ một chút thôi, mà vì khôn̄g rõ biết nên chúng ta phải luồng chịu nổi khổ quá nhiều. Và sự thoát ra cũng khôn̄g phải là xa, nhưng nhận ra rồi thì chúng ta lại bước sang một chân trời

thênh thang sáng lạn. Ngay cái biết này mà biến cho ra, ứng dụng và sống cho được thì chúng ta cũng có khả năng giải thoát ngay hiện đời.

Khi quý vị đợi có duyên mới biết, không duyên thì không biết, thì đó là biết theo duyên, là cái biết của cái ngã sanh diệt này. Nếu nhận lại tánh sáng biết nơi chính mình, trên duyên mình vẫn đang sáng biết, không duyên mình vẫn hăng biết, như vậy cái biết đó có đợi duyên có thì nó mới có không? Không. Đó chính là cái biết của ngã thể chân thật mà đức Phật nói trong bốn đức niết bàn. Quý vị nào nhận được chỗ này thì sẽ rõ được cái ngã chân thật là thế nào, sẽ biết được câu “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” mà Đức Phật một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói lên khi Ngài mới ra đời. Cái ngã nào hơn hết và hơn là hơn như thế nào.

Đây là một ví dụ để lặp lại nghi vấn của Thái tử Sĩ-đạt-ta đã nói ở trên. Khi đưa tay lên, hỏi quý vị có thấy không? _ Là có thấy. Để tay xuống, hỏi quý vị có thấy không, nếu quý vị là người bình thường chưa từng nghe Hòa thượng giảng, quý vị sẽ đáp là không thấy, phải không? Bây giờ một câu hỏi đặt ra kế tiếp là vì sao có thấy, vì sao không thấy? Quý vị sẽ đáp là vì có cái tay nên thấy, để tay xuống, không có cái tay nên không thấy. Như vậy, cũng đồng một hành động đưa tay này lên, hỏi có cái tay hay không, thì quý vị đáp có tay, hỏi có thấy hay không thì quý vị cũng đáp là có thấy. Hỏi về cái tay thì đáp cái tay, hỏi về cái thấy thì nó theo cái thấy. Như vậy là quý vị đã nhầm lẫn giữa cái thấy và cái tay, quý vị đã bị đồng hóa mình với hoàn cảnh bên ngoài, là quên mình theo vật cho nên bị mê làm. Vì vậy mà khi để cái tay xuống hỏi có thấy cái tay hay không thì đáp là không thấy. Nếu nói không thấy thì ai đang thấy không có cái tay để đáp là không thấy? Như vậy là mình đang thấy chứ. Không thấy có nghĩa là không thấy cái tay chứ không có nghĩa là mình không thấy, mà lâu nay chúng ta cứ nhầm lẫn cho là không thấy. Do đó mình biến cái mình đang thấy thành cảnh bên ngoài, đó là bị phan duyên. Sanh tử từ đây mà có. Nếu khi đưa tay lên, quý vị cứ sáng biết, đừng bám theo cái tay này. Khi để tay xuống, quý vị cũng đừng biết theo cái tay, an trú ngay nơi cái chưa dậy khỏi mà hăng thấy biết nơi chính mình thì sẽ trả lại cái thấy ban đầu ngay nơi tất cả mỗi người. Cái đó có đợi có cái tay mới thấy không? Không đợi có cái tay mới thấy. Khi có cái tay cũng thấy, khi không có cái tay cũng vẫn đang thấy biết. Có hay không có cảnh duyên nó cũng đang sáng biết. Cái thấy biết đó không kẹt trên cảnh duyên nên nó không phan duyên, không nhiễm trước, tự nó thấy biết suốt qua, vượt lên trên tất cả cảnh duyên có không, tự nó là giải thoát.

Cái tay này là đại diện cho tất cả cảnh duyên bên ngoài như nhà cửa, núi sông, con người, cảnh vật, buồn, thương, giận, ghét... nó có quyền sanh ra và mất đi, nhưng chúng ta vẫn đang lặng mà thấy biết. Như vậy quý vị có động không? Lâu nay mình động là do quên mình mà dính trên nó thôi. Cái có đến có đi là duyên bên ngoài, là cái sanh diệt. Còn cái khi khách đến cũng biết, khi khách đi cũng biết, khách thì có đến có đi, nhưng chủ vẫn ngồi trong nhà. Cái đó là cái chân thật nơi mỗi người.

Nói tóm lại, khi đưa tay lên, nói là thấy, để tay xuống nói là không thấy thì đó là mình đang thấy theo vật bên ngoài, đó là mất mình theo vật. Bay giờ nếu đưa tay lên quý vị cũng thấy, hạ tay xuống là không tay, nhưng quý vị có thấy không? Cũng không quên mình mà đang thấy. Nay đây, nếu quý vị nào khéo thì liền hay ra tánh thấy biết vẫn hằng hưu, thì chính là quý vị đang thấy bằng cái thấy biết hiện hữu sẵn nơi mỗi người. Cái thấy biết này có đợi duyên mới biết không? Không đợi, phải không? Có duyên nó cũng biết, không duyên nó cũng biết, đó là cái chơn thật mà hằng biết, là cái chủ nơi chính mình. Không phải đợi duyên mới biết thì nó có phan duyên không? Không phan duyên thì giải thoát. Chính cái biết này là cái giải thoát, còn cái thấy biết phan duyên, đợi có duyên mới có thì cái đó còn trong sanh tử.

Từ đây, quý vị đã rõ được cái nghi vấn sau cùng mà Đức Phật gan chưa? Các vị tiên nhân trải qua rất nhiều tầng định, cho đến tầng định phi tưởng phi phi tưởng xứ, là tầng định cuối cùng trong tam giới, vượt qua tầng định này là giải thoát khỏi tam giới. Trong tam giới không có tầng định nào cao hơn tầng định này. Các vị tiên nhân phải trải qua rất nhiều thời gian mới được cái định tối cao thời bấy giờ là phi tưởng phi phi tưởng xứ mà cũng chưa vượt qua được cái gút này. Còn quý vị ngày hôm nay ngồi đây, không cần trải qua một tầng định nào cả, mà quý vị cũng có thể gỡ được, thì có thấy sung sướng không? Thấy hạnh phúc, sung sướng vì nhận được luôn cái kết quả mà người khác đã phải mất rất nhiều thời gian và công sức mà chưa chắc đã nhận ra được.

Nhưng thử hỏi, hằng ngày quý vị có biết để ứng dụng hay là phan duyên. Biết là của báu mà quên đi, có vô lý không? Khi nào ngồi, thấy trong lòng trống trống thì sao? Tìm gì đó để làm hoặc buồn buồn thì đạp xe ra phố xem phim, trống một chút là tìm gì đó lấp vào liền, chịu không nổi. Vậy mới thấy, mình quen bỏ nhà ra đi lâu lắm rồi, chưa quen dừng lại. Nghe thì thấy quý lắm, nhưng tại sao không ai chịu dùng của quý đó mà toàn là lao ra bên ngoài? Như vậy, tu hành khó là tại sao? Cũng là do thói quen thói chư có

khó gì đâu. Bỏ thói quen phóng ra ngoài là khó hay dễ? Vấn đề là mình có chịu bỏ hay không thôi? Cứ để nó lò mò trôi trôi thì mình yếu đuối lắm, thấy tu có vẻ khó khăn. Hôm nào quý vị chán chỉnh mình mạnh mẽ lên, hôm nay mình quyết định không làm một việc gì đó theo thói quen (như đi uống cà phê chẳng hạn), quyết định dứt khoát khoảng 3 lần như vậy mình sẽ bớt được thói quen (uống cà phê). Quý vị thử tập coi, điều này quý Thầy cũng đã tập thử qua rồi. Cứ chiều chiều muôn đi dạo quanh hồ Tịnh Tâm cho thư thả. Cứ như thế chiều nào cũng đi quen rồi, hôm nào bạn việc gì đó không đi thì thấy có cái gì đó thiếu thiếu khó chịu. Đó là do huân tập mà thành thói quen, thiếu thì cảm thấy trống trải, đến chiều mà không đi thì không chịu được. Nay quyết định không đi. Lần đầu có thấy trống trải, trong tâm nó có bào chữa rủ rê cách mấy cũng dứt khoát không đi. Chỉ cần ba buổi chiều dứt khoát không đi như thế thì tự nhiên tâm mình không còn khởi niệm đòi đi dạo hồ nữa. Mới biết, khó hay dễ cũng là do mình có khảng khái quyết định một cách dứt khoát mạnh mẽ hay không mà thôi. Nếu nhận chân được giá trị tôn quý của tâm chân thật này thì quý vị sẽ làm được, sẽ không theo cảnh bên ngoài, quay trở về sống cho bằng được với bản tâm chân thật ấy. Còn không thấy quý thì không mạnh mẽ, không có thái độ dứt khoát, cứ như vậy mà thả trôi bồng bềnh, tâm mình nó yếu, mà yếu thì bị vọng tập nó kéo mình trôi lăn từ chỗ khô này sang chỗ khác, hết kiếp này rồi tiếp tục đến kiếp khác, mãi mãi ở trong luân hồi sanh tử chịu khổ mà thôi.

Hôm nay mình còn ngồi đây, có được một cuộc sống ổn định, một mái ấm tương đối bình ổn là tại sao? Là do mình còn có được một chút phúc duyên nên tạm thời an ổn trên đó, mà quý vị có biết rằng cái phước đó nó vô thường, khi phước hết rồi thì phải chịu khổ? Quý vị nhìn ngoài đường đâu thiếu những cảnh tai nạn thương tâm, trong bệnh viện đâu thiếu những dịch bệnh đau khổ, giữa chợ đời đâu thiếu những cảnh bi đát tan thương..., đó là khi phước hết thì cái họa nó đến. Minh cứ ngỡ rằng cuộc sống của mình là yên ổn lâu dài, cho nên mình cứ yên ả say sưa thả trôi mình trên một chút phước duyên đó, không lo tu bồi thêm, đến khi hết phước rồi cái họa nó đến thì đi cầu ai cứu cho kịp. Biết rõ như vậy rồi thì bây giờ quý vị nên tận dụng quảng đời còn lại, tận dụng chút phước duyên này để khảng định lại cuộc đời của mình, nên làm những gì cho nền tảng của mình sâu dày và lâu dài hơn. Nhìn thấy được như vậy thì quý vị sẽ nhận ra được giá trị cao quý của cái giúp cho mình thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Nhận ra được giá trị của cái chân thật đó, biết tôn trọng trân quý nó rồi, và chỉ cần thêm vào đó một tâm khái quyết định một cách dứt khoát nữa là chúng ta làm được.

Đó là cái dính mắc bên ngoài, do dính mắc trên cảnh trần bên ngoài mà bỏ quên tâm chân thật nơi chính mình. Nay giờ còn cái dính mắc vi tế khi công phu nữa. Cái này quý Thầy cũng thường gặp. Nhiều huynh đệ công phu miên mật, đến một lúc đang nằm trên ghế tự nhiên thấy thân tâm như không còn nữa, lúc đó hoảng lên la: “Tôi đâu rồi?”, xách y áo lên thưa thỉnh Hòa thượng Ân Sư, Hòa thượng hỏi: “Nếu chú hỏi chú đang ở đâu, vậy thì ai đang biết hỏi đó?”. Mới thấy cái mê của mình sâu hơn một mức nữa. Nếu thực sự là trống bặt, mất hút rồi thì sao không nhận ngay chỗ ai đang sáng biết rõ ràng mà không còn gì để khởi tâm động niệm đó? Chỉ cần khéo nhận lại thôi thì tâm thể hiện bày sờ sờ ra đó rồi. Tại sao con người chúng ta lúc ấy lại hụt hẫng như vậy? Tại sao khi trống vắng thì mình chịu không nổi? Tại vì lâu nay mình quen nhận những cái bên ngoài làm mình rồi, trống một chút là phải kiểm cái gì đó lấp vào. Quen nhận thân này là mình, quen nhận cái suy nghĩ là mình nên khi bắt chọt nó mất đi thì sao? Thì đòi kiểm chỗ để vin, mà vin là phan duyên, là còn sanh tử khổ đau. Mới thấy, cái biết của con người thường là phan duyên. Giờ quý vị biết rồi thì đừng phan duyên nữa, có nghĩa là đừng theo những cái bên ngoài nữa, trả lại cái lặng mà đang sáng biết đây. Nhận được cái này thì ngay đây là giải thoát. Qua đó mới thấy được cái mê lầm của tất cả chúng ta đã lâu lắm rồi. Nay giờ muốn hết mê thì phải giác lại, mà muốn giác thì phải nhận lại cái tánh sáng biết sẵn có nơi mỗi người. Giác lại, không theo cái bên ngoài thì không còn bị trần duyên bên ngoài gạt mình nữa.

Gan lại một lần nữa cho quý vị thấy rõ và khắc sâu hơn. Tất cả quý vị nhìn lên cái bình hoa này, quý vị có biết hay là không biết? Là biết, phải không? Nếu nói không biết thì mình đồng với cây đá sao? Mà con người thì không thể là cây đá được. Nhưng nếu có biết thì có phân biệt, có phan duyên, như vậy là còn trong vòng sanh diệt. Như vậy, quý vị biết như thế nào cho phải? Mình cứ lặng mà biết, cái bên ngoài có thể có, có thể mất đi, nhưng cái sáng biết chưa động nơi mình thì vẫn còn đây, như vậy đâu phải cố định đợi có duyên phân biệt mới biết, đâu phải cố định lúc nào biết cũng là phan duyên!

Vin theo, phan duyên là cái mê của con người, bây giờ mình biết rồi thì không phan duyên nữa. Nếu đợi có bình hoa mới biết, không có bình hoa thì không biết, thì đó là cái biết theo bình hoa, là cái biết từ bình hoa mà có ra, chứ không phải là cái của mình. Thấy biết như vậy là có phan duyên, mà có vin theo, có duyên theo thì có dính mắc. Có dính là có nhiễm trước, có nhiễm trước thì phiền não có ra, như vậy chưa được giải thoát mà còn trong sanh tử khổ đau. Khi có bình hoa quý vị biết, không có bình hoa quý vị cũng

đang sáng biết, vẫn hăng biết mà không động thì cái biết đó không duyên theo bình hoa. Cái biết đó chân thật, trên bình hoa cũng biết, không bình hoa cũng biết, trần này có quyền sanh diệt, có đến có đi, nhưng chúng ta chưa hề đến đi sanh diệt bao giờ. Cái chưa từng sanh diệt thì không bao giờ bị hủy hoại thì mới đúng nghĩa là chân thật. Cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy Ngài A Nan: “Nếu rời tiền tràn mà có tánh phân biệt, đó là tâm ông. Nếu tánh phân biệt đó rời tiền tràn mà không có thực thể, đó là bóng dáng phân biệt tiền tràn”. Nói chữ nghĩa thì có lẽ quý vị chưa quen nên sẽ khó hiểu. Nay giờ không cần hiểu, ngay đây mà thấy thảng thơi. Nay giờ nhìn bình hoa này quý vị có biết không? Biết phải không. Có hai khả năng biết. Mình nghe giảng hiểu rồi thì cũng biết, nhưng bao nhiêu người khác chưa hiểu thì cũng biết. Vậy biết thế nào là cái biết chân thật, biết thế nào là cái biết của sanh diệt? Tánh phân biệt tức là thấy biết một cách rõ ràng. Đức Phật nói, rời cái bình hoa này mà mình vẫn còn một cái sáng biết rõ ràng không động thì chính cái đó là cái tâm chân thật của ông. Nay giờ cất cái bình hoa đi mà quý vị nói là không biết thì cái biết này là biết theo cái bình hoa, khi bình hoa không còn thì chúng ta nói mình không còn biết nữa. Đó là chỗ đức Phật nói: “rời tiền tràn không còn tánh phân biệt nữa”, tức là rời bình hoa này mình không còn biết gì hết, đó là bóng dáng phân biệt tiền tràn, là cái biết của một tâm động, cái biết sanh diệt huyền hóa không thật.

Nếu ngay đây, quý vị đang biết mà không theo cảnh, thì mới hay ra, tất cả chúng ta đều sẵn có một cái biết chân thật hăng h橐 chưa hề thiêu vắng bao giờ. Chính cái biết không đợi duyên có mới biết, mà lúc nào cũng hăng sáng biết, cái này sáng mà không động, không bị sanh tử chi phối. Mắt thấy liền biết, tai nghe liền biết, xúc chạm liền biết..., ngay nơi sáu căn của chúng ta, nếu quý vị nào khéo nhận lại thì hăng ngày luôn luôn rõ biết, sống với cái chân thật của chính mình. Sống được với cái đó thì giải thoát ngay hiện tại.

Hằng ngày khi trời sáng quý vị thấy rõ mọi thứ chung quanh. Đến đêm tối không đèn không trăng, quý vị còn thấy nữa không? Tất điện hết mà nói không thấy thì rõ ràng là thấy biết theo vật nữa rồi! Gạn nhiều lần như vậy mới phát hiện ra chỗ mê của mình. Mở điện sáng lên, quý vị thấy bàn, ghế,, đột nhiên cúp điện, tối om thì quý vị có còn thấy gì không? Không thấy có bàn, ghế... chứ không phải là mình không thấy. Nếu thực sự là không thấy thì vì sao mình lại thấy tối om, không thấy vật gì cả? Nếu quý vị đợi có ánh sáng mới thấy, không có ánh sáng thì không thấy, đó là quý vị thấy theo các vật dụng trần cảnh bên ngoài hay là thấy theo cái thấy biết chân thật nơi chính mình? Là thấy theo cái bên ngoài, nên đức Phật nói đó là chúng ta bị trần sai khiến thức, khiến cho mình phân biệt đây là cái ghế, kia là cái bàn...

đó là tình thức phân biệt tiền trán. Bị trán sai khiến thức mìn phân biệt, từ đó mà sanh tử có ra.

Bây giờ quý vị biết rồi thì sao? Bật điện sáng lên cũng biết bằng cái thấy lặng mà sáng biết chưa từng động đây. Cúp điện tối om, mình vẫn lặng mà đang sáng biết đây. Như vậy là có biết theo cảnh sắc bên ngoài hay không? Là không. Và biết như vậy là chúng ta có bị lệ thuộc cảnh duyên bên ngoài hay không? Là không. Khi không bị lệ thuộc cảnh duyên bên ngoài, không bị cảnh vật bên ngoài xoay chuyển mình nữa, thì quý vị đã chuyển được vật chưa? Vật bên ngoài không sai khiến được mình nữa, trả lại sự tự chủ cho chính mình, có nghĩa là mình đã chuyển được vật. Các vị Thiền sư nói: “Nếu hay chuyển vật, tức đồng Như Lai. Tức là ngay đây, nếu hay chuyển được tất cả các vật thì liền đồng với Phật. Mình nghe nói ngõ là xa vời quá không làm nổi, nhưng từ nay đến giờ quý vị đã hiểu chuyển vật là sao chưa? Khi mình lệ thuộc vào vật có nghĩa là bị vật chuyển, làm cho thức phân biệt có ra. Bây giờ quý vị đừng biết theo vật nữa mà lặng lẽ sáng biết đây thì có vật mình cũng biết, mà không vật mình cũng hẳng biết, như vậy quý vị có còn lệ thuộc trên vật không? Không lệ thuộc trên vật có nghĩa là mình đã chuyển được vật, mà chuyển được vật thì quý vị đồng với Như Lai rồi. Đức Phật hay chư Tăng đều ở ngay nơi con người mỗi chúng ta. Quý vị nghe và khéo nhận lại thì tất cả mọi chuyện đã rõ ràng rồi, chỉ còn một việc là thực hành thôi, không phải khó đâu. Khi nhận lại như vậy mới biết nơi mình có một cái chân thật lặng biết, hẳng sáng, chưa từng động, không lệ thuộc trên trán.

Nghe nói như thế quý vị ngõ là trong một con người chúng ta có hai cái biết, một cái biết sanh diệt và một cái biết giải thoát. Nhưng mà không thể có hai thực thể tồn tại trên một con người được. Cũng ngay thấy biết này, nếu mình đánh mất mình, quên mình mà thấy theo cảnh bên ngoài thì đó là cái biết của sanh diệt, của phiền não. Cũng ngay thấy biết này, quý vị đừng theo cảnh nữa, lặng sáng mà biết thì đó là cái biết chân thật, giải thoát sanh tử. Như vậy quý vị không cần bỏ cái này lấy cái kia, chỉ cần chuyển một chút thôi. Giống như trên cùng một bàn tay, nếu úp lại là đen, mà ngửa bàn tay ra là trắng, nhưng úp hay ngửa, trắng hay đen nó cũng chỉ là cơ thể con người. Trong cùng một hơi thở, khi hít vào thì thấy hơi lạnh, nhưng thở ra thì hơi ấm, nhưng trên thực tế thì hít vào hay thở ra, ấm hay lạnh cũng chỉ một làn hơi đó thôi chứ không có một làn hơi nào khác chen vào. Trên cùng một mặt nước, gió dây thì sóng sanh, gió lặng thì mặt nước phẳng, nếu khéo nhận ra tánh ướt thì sóng gọn hay mặt nước phẳng cũng đồng một tánh ướt. Khéo nhận như vậy thì không còn bị các cảnh bên ngoài chi phối nữa.

Như vậy, cuối cùng đạt đến định phi tưởng phi tưởng xứ rồi mà vị tiên nhân cũng không biết được chỗ này. Mới thấy chúng ta có phước duyên sâu dày. Nay đây, nếu quý vị khéo một chút thì cũng có thể nhận ra được. Bây giờ biết rồi thì quý vị thấy cái biết này có xa không? Đâu có ở đâu xa. Nếu quý vị biết bình hoa mà phan duyên thì còn sanh tử. Nay đây, lặng mà biết, đừng biết theo bình hoa này thì đó là cái biết của giải thoát. Nay đây, mình gạn được cái sanh tử và giải thoát không cách một đường tơ. Lúc này mới hiểu được câu của Ngài Quảng Nghiêm nói: “Nam nhi tự hữu xung thiên chí, hưu hướng Như Lai hành xứ hành”, nghĩa là “Làm trai có chí xông trời thẳm, chó dãm Như Lai bước đã qua”. Mình đừng nên đếm từng bước mà đức Phật đã trải qua, mà nên nhận lấy ngay cái đức Phật chỉ cho mình sau khi đã thành tựu được, chứ không có nghĩa là bỏ đức Phật để làm một cái gì kỳ đặc hơn.

Sau khi đã khám phá ra nghi vấn cuối cùng này, cả một cuộc đời đức Phật dù giáo hóa rất nhiều, nhưng điểm trọng tâm chính yếu là Ngài cũng muốn chỉ cho chúng ta nhận ra ngay chỗ này mà thôi. Lần lượt đi qua một vài điểm điển hình trong kinh điển thì quý vị sẽ thấy rõ hơn.

Đầu tiên trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy ngài A Nan ““Nếu rời tiền tràn mà có tánh phân biệt, đó là tâm ông. Nếu tánh phân biệt đó rời tiền tràn mà không có thực thể, đó là bóng dáng phân biệt tiền tràn”. Có phải là Đức Phật chỉ cho chúng ta cái lặng mà biết đây không? Quý vị đã nghe phân tích câu này ở đoạn trên rồi đó.

Trong Tiểu bộ kinh, Đức Phật dạy cho Bâhiya: “Này Bâhiya, đây là điều ngươi cần phải học tập. Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bâhiya, ngươi đâu phải là cái ấy, là chỗ ấy? Thì ngươi không còn là đời này, không còn là đời sau, không còn là đời chặng giữa...”

Bây giờ quý vị thấy Đức Phật nói: “Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng chỉ là cái thọ tưởng, và trong cái thức tri (rõ biết) chỉ là thức tri (rõ biết)”. Nghĩa là sao? Nay đang thấy biết, không thêm một niệm thứ hai xen vào, thì ngay đó là rỗng lặng mà hăng biết. Đó là chỗ đức Phật dạy: Thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, thọ tưởng chỉ là thọ tưởng, thức tri chỉ là thức tri. Cái đó thấy vật thì liền biết, có tiếng thì liền nghe biết, có xúc chạm thì liền giác biết, có niệm hay không niệm cũng thường rõ biết... Đó là cấp độ thứ nhất, quý vị đã thấy nơi mình có cái

lặng mà biết rồi. Nay Đức Phật nói rõ hơn một chút nữa, ngay cái bình hoa này, quý vị biết chỉ là biết, chưa thêm một niệm thứ hai xen vào, thì quý vị là cái đang lặng mà biết, hay quý vị là cái đang bị đồng hóa với bình hoa này? Đang lặng mà biết, thì mình không phải là cái bị bình hoa này đồng hóa, mình không phải ở trên cái bình hoa này, đây chính là chỗ Đức Phật nói: “Ngươi đâu phải là chỗ ấy, đâu phải là cái ấy”.

Chính ngay khi rõ biết mà không thêm vào này, mình đâu phải là cái sắc bị thấy, đâu phải là tiếng được nghe, đâu phải là vật bị xúc chạm và đâu phải là niệm bị biết. Đây chính là chỗ Đức Phật nói: “Ngươi đâu phải là chỗ ấy, đâu phải là cái ấy”. Có nghĩa là mình không phải là cảnh duyên bên ngoài. Mà không phải là chỗ ấy, không phải là cái ấy thì “ngươi không còn là đời này, không còn là đời sau, không còn là đời chặng giữa”, tức là ngay cái mình đang sáng biết đây là vượt khỏi ba thời, là giải thoát. Qua đó quý vị thấy, ngay trong Kinh Nguyên Thủy, Đức Phật cũng nhấn mạnh một điểm chính yếu là cái lặng lẽ mà đang sáng biết đây thôi.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: “Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với tất cả pháp, nên Biết Như Thế, nên Thấy Như Thế, Tin Hiểu Như Thế, Chẳng Sanh Pháp Tướng.” Cụ thể, người muốn phát tâm cầu đạo vô thượng bồ đề nên biết như thế, là sao? Là cảnh như thế nào thì biết như thế ấy, không theo cái bên ngoài mà so sánh phân biệt. Nên thấy như thế, là sao? Là vật thế nào thì thấy như thế ấy, không theo cái bên ngoài, không bị cái bên ngoài xoay chuyển mà rơi vào sanh diệt. Nên tin hiểu như thế, là sao? Nhận lại, sống ngay cái đang lặng lẽ mà sáng biết đây. Rồi “chẳng sanh pháp tướng”, pháp tướng sanh khi nào? Quý vị nhìn bình hoa này, phân biệt nó đẹp hay xấu để đem về hoặc bỏ đi, có nghĩa là có bóng dáng bình hoa này trong đầu, trong đầu mình có bóng dáng thì có nghĩa là pháp tướng đã sanh, đó là tri kiến mà lập tri, trên một cái thấy biết lại sanh thêm một cái phân biệt thứ hai, là gốc của vô minh, không phải giác. Cho nên Đức Phật nói: “Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với tất cả pháp, nên Biết Như Thế, nên Thấy Như Thế, Tin Hiểu Như Thế, Chẳng Sanh Pháp Tướng”, có nghĩa là cảnh như thế nào thì thấy như thế ấy, đừng vin theo cảnh, đừng thêm một niệm thứ hai xen vào, thì ngay đây là rõ rõ ràng, lặng lẽ mà sáng biết chưa từng động, không sanh diệt. Bằng nhân vô sanh thì mới đạt quả vị vô sanh. Bằng tâm đó để tu hành thì mới đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Qua những dẫn chứng điển hình ở trên, quý vị thấy sau khi Đức Phật thành đạo rồi, Ngài lập bày rất nhiều phương tiện để giáo hóa, nhưng điểm

chính yếu cuối cùng cũng cốt chỉ cho chúng sanh nhận lại chỗ chân thật đó mà thôi. Nếu chưa được dẫn dắt từ những bước sơ cơ ban đầu mà chỉ thẳng chỗ này thì quý vị thấy dễ nhận hay là khó? Khó. Nên Đức Phật phải lập ra nhiều phương tiện để dẫn dắt từ từ. Nhưng cuối cùng, điều cốt lõi đức Phật muốn chỉ cho mình cũng chỉ là chỗ này thôi. Thì chỉ có một, nhưng ở mỗi bộ Kinh đức Phật diễn tả bằng một danh từ khác nhau. Trong Kinh Lăng Nghiêm thì Ngài nói là Chơn tâm thường trụ, Kinh Pháp Hoa thì Ngài nói là Tri kiến Phật... Cho đến cuối đời khi sắp vào Niết Bàn, trên hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa sen lên, Ngài Ca Diếp liền nhận được ý chỉ, mỉm cười, ngay đó được đức Phật truyền trao tâm án, trở thành vị Tổ đầu tiên. Đức Phật đưa cành hoa sen lên, Ngài muốn chỉ cái gì? Và Ngài Ca Diếp nhận là nhận cái gì mà được truyền tâm án? Nếu quý vị rõ ràng, ngày xưa đức Phật đưa cành hoa sen và bây giờ chúng ta đưa cái tay này lên cũng không khác, là quý vị không theo cái bên ngoài để phân biệt, mà đang sáng biết rõ ràng không động, thì chúng ta sẽ sáng tỏ hết mọi vấn đề. Đức Phật muốn chỉ cũng là chỉ cái lặng lẽ mà sáng biết đây, Ngài Ca Diếp lặng mà biết, nên mỉm cười. Đức Phật thấy Ngài đã thể hội được cái Ngài muốn chỉ nên truyền tâm án. Rõ ràng ngay khi vừa đưa cành sen lên, thấy thì liền biết, thông qua tánh thấy, suốt tột nguồn tâm, đó là nhận được chỗ chính yếu đức Phật muốn chỉ, và Ngài cũng muốn chỉ ngay cái đang thấy biết hiện tiền đây. Mới biết tất cả những gì Đức Phật chỉ dạy cũng không ra ngoài cái trọng tâm đó. Cho nên trong Kinh Pháp Hoa nói, Đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên, đó là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Mục đích chính Đức Phật ra đời là chỉ bày cho chúng ta nhận và sống được với cái thấy biết Phật nơi chính mỗi người.

Bây giờ đi qua phần chư Tổ để thấy rõ hơn cái tri kiến Phật này. Ngài Thân Hội là đệ tử của Lục Tổ, sau khi Lục Tổ qua đời, chính Ngài là người hoằng hóa khiến cho pháp môn đón giáo của Lục Tổ thanh hành. Cả một đời giáo hóa của Ngài không ngoài một mục đích chính là muốn chỉ cho tất cả chúng sanh nhận lại cái sẵn biết không sanh diệt. Trong Hiển tông ký, Ngài nói: "Tri túc biết tâm không lặng, kiến túc thấy tánh không sanh". Tâm không lặng, làm sao biết? Tánh không sanh, làm sao thấy? Nếu nói biết tâm không lặng có nghĩa là có một cái tâm không lặng để biết. Nếu nói thấy tánh không sanh là còn một cái tánh không sanh để thấy. Như vậy có một cái biết để biết về tâm không lặng, có một cái thấy để thấy về cái tánh không sanh. Vậy thì cái tâm không lặng và cái tánh không sanh đó là cái bị biết, bị thấy, là cái bên ngoài cũng giống như cái bình hoa này, thì nó đâu phải là thể tánh chân thật đang thấy biết? Và thấy biết như vậy là còn có hai bên, là có chỗ cho tình thức xen vào, là sanh diệt huyễn hóa rồi, đâu có giá trị gì để nói!

Bây giờ biết tâm không lặng là biết làm sao, thấy tánh không sanh là thấy thế nào? Khi nghe nói biết tâm không lặng thì quý vị đừng nghĩ có một cái tâm không lặng để biết, mà biết tâm không lặng có nghĩa là tâm mình rõ ràng mà hằng biết, chứ không phải chìm vô trong cái không biết. Thấy tánh không sanh là sao? Trong cái bản tánh chân thật không cần khởi niệm, nhưng mà quý vị vẫn hằng thấy, đó là thấy tánh không sanh, chứ không phải là có một cái tánh không sanh để thấy. Thấy biết như vậy thì mới thâu tột được chổ Ngài Thần Hội muốn chỉ cho chúng ta.

Cũng trong Hiển tông ký, Ngài Thần Hội nói: “Vô niệm mà niệm, túc niệm chân như. Vô sanh mà sanh, túc sanh thật tướng”. Nếu quý vị đợi có niệm mới biết, đó là niệm của sanh diệt. Trong khi vô niệm mà quý vị vẫn rõ biết tất cả, đó là cái biết của chân như. Trong cái bản thể chưa từng sanh khởi này, mà mình vẫn rõ biết một cách sống động rõ ràng, thì cái sống động của không sanh đó, là cái sanh của thực tướng chứ không phải là cái sanh của sanh diệt. Quý vị thấy rõ cái tri kiến Ngài Thần Hội chỉ cho chúng ta chưa? Trong tâm rõ ràng mà hằng biết đó là tri, chứ không phải là đợi có cảnh mới biết. Bản tánh vốn không sanh mà một điểm lừa mình cũng chẳng được, đó là cái thấy Ngài muốn chỉ, chứ không phải là cái thấy đợi có cảnh mới thấy. Như vậy, cái không đợi có cảnh mới biết, mới thấy mà hằng thấy biết thì đó là cái biết chân thật. Đó là cái tri kiến mà Ngài Thần Hội muốn chỉ cho chúng ta. Chỗ này không phải chỗ để hiểu, biện cho quý vị hiểu, để rồi mình khéo tu, khéo nhận, chứ không phải dùng cái hiểu rồi cho là nó. Quý Thầy biện cho quý vị biết, nhưng nên nhớ biện để cảm nhận, còn muốn đến đó thì mỗi người phải tự thầm khê hội, không nên nhận cái hiểu này làm cái biết kia thì nguy.

Các bậc cõi đức có tạm chia ra làm 3 loại phân biệt (3 loại biết):

- Thứ nhất là căn thức: túc là căn thức mới sanh ra theo niệm mà sanh phân biệt.
- Thứ hai là ý thức: Túc là ý thức nhận biết suy lường phân biệt.

Hai cái biết này là cái biết của mê lầm, hư vọng, không thật.

- Thứ ba là cái biết của chân tâm: là chọn tâm ứng vật, như gương chiếu soi hình tượng, sáng suốt rõ ràng, giống như phân biệt mà không phải là cái phân biệt của ý thức. Lặng lẽ mà sáng biết thì tuy thấy biết rõ hết các cảnh mà không khởi tâm phân biệt.

Như vậy là chúng ta có ba cái biết hay sao? Tuy ba mà một thể. Chỉ vì quên mình mà lầm theo vật nên tạm chia ra làm ba để nhận lại thôi. Khi trở về rồi thì chỉ là một thể thanh tịnh sáng biết không động.

Trong Ngũ Lục Tỗ Lâm Tế, Ngài cũng chỉ cho chúng ta cái thấy biết này. Ngài nói: “Giả sử có Văn Thù, Phổ Hiền, mỗi vị đều hiện thân đến hỏi pháp, vừa mở miệng thưa Hòa thượng, tôi sớm biết rồi. Huynh đệ vừa đến gặp nhau, tôi đã trọn rõ, bởi vì chỗ thấy của tôi có riêng khác, ngoài chẳng trụ phàm thánh, trong chẳng trụ căn bản, thấy suốt trọn không nghi ngờ”. Quý vị thấy Ngài Lâm Tế biết cái gì? Có phải là ngài có thần thông không? Nếu nói Ngài biết được điều gì đó, là đợi có một cái gì bên ngoài mới biết thì đó là cái biết của phàm phu sanh diệt chúng ta chứ không phải là cái biết của Tỗ. Thông thường con người chúng ta đợi có vật mới biết, không vật thì không biết. Nghĩa là mình quen biết theo vật và chờ có vật mình mới biết, cho nên quên mất cái sẵn biết nơi chính mình. Vì vậy khi nghe Tỗ Lâm Tế nói như thế thì chúng ta liền nghĩ, chắc do Tỗ có thần thông nên biết trước mọi điều. Đó là chúng ta đem cái hiểu biết loạn động của mình mà suy lường tâm không động của Tỗ, thì có đúng không? Nay giờ quý vị trả lại cái lặng mà biết đây thì sẽ thấy được chỗ Ngài Lâm Tế biết. Đây là Ngài nói rõ chứ không phải quý Thầy ngụy biện, Ngài nói: “Bởi vì chỗ thấy của tôi có riêng khác”, khác ở chỗ nào? Khác ở chỗ, cái thấy biết của Ngài bên ngoài chẳng trụ phàm thánh. Tức là không trụ vào cái hai bên, không trụ vào cảnh đẹp hay cảnh xấu, không trụ vào phải hay trái, cảnh thánh hay phàm, tức là Ngài đang lặng mà biết chứ không phải phóng tâm ra để biết, để kẹt trên những cái này. Ngài nói tiếp, bên trong không trụ căn bản. Tức là Ngài không còn thấy có một cái để giữ mà sạch tất cả, vốn tự lặng lẽ thênh thang mà hăng sáng biết khắp, thấy suốt trọn không một chút nghi ngờ. Nếu quý vị còn thấy có cái gì đó để kèm giữ tức là chưa rời niêm thâm thâm gìn giữ bên trong, đó là còn trụ căn bản, còn kẹt, chưa thực sự tự do tự tại. Khi Ngài Văn Thù, Phổ Hiền chưa đến Ngài biết, cái biết đó sẵn có nơi chính mình, chưa đến cũng đã sẵn biết tự thuở nào rồi. Nếu quý vị đợi đến mới biết thì đó là biết về một cái gì đó, là cái biết theo duyên, đó là mình mê. Như vậy, vật đến, vật đi, một điểm cũng không đổi qua được cái lặng lẽ sáng biết này. Bước vào mở miệng thì Ngài liền biết, không lầm, tại sao? Nếu chúng ta ngầm đợi có đối tượng mới biết, đó là cái biết của mê lầm, bị Ngài Lâm Tế gạt. Còn nếu bên ngoài quý vị đừng trụ vào cảnh hai bên, bên trong quý vị buông luôn không thèm trụ giữ, thì ngay đó toàn thể sáng biết thênh thang trùm khắp. Khéo nhận lại thì đó là quý vị nhận được cái biết chân thật mà chư Phật, chư Tỗ muốn chỉ.

Bây giờ gút lại cái biết chân thật để quý vị dễ nắm, dễ nhớ và thực hành. Cái biết chân thật là không động, sẵn biết, hằng biết. Như trong bài hô thiền canh một quý vị thường nghe: “Nếu biết tâm tánh không tướng mạo, lặng yên chẳng động tự như như”. Chỉ cần lặng yên không động thì tự nó là như như, lặng đây là không thêm thì tự nó là trùm khắp.

Ngài Bá Trượng nói: “Linh quang chói sáng, vượt khỏi căn trần, thê bày chơn thường, không cuộc ván tự”. Tại sao vượt khỏi căn trần? Mình có nguồn linh sáng rõ, vượt lên trên căn trần, tức là không cần đợi có vật mới biết mà hằng biết, bản tánh nó không nhiễm mà vốn tự viên thành, sẵn như vậy, nhưng chỉ vì mình quên nên không nhận ra, nhớ lại thì nó ngay đây, vốn tự tròn đầy từ hồi nào tới giờ. Chỉ vì chúng ta theo vọng duyên bên ngoài mà bỏ quên nó. Bây giờ lọc ra, chỉ cần không theo trần cảnh, không thấy biết theo cảnh thì tánh thể thấy biết chân thật không động hiển hiện rõ rõ ràng. Cho nên Ngài nói tiếp: “Tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng duyên, tức như như Phật”.

Như vậy, cái biết chân thật là cái lặng sáng mà hằng biết, vật đến liền biết, vật đi cũng đang biết. Tất cả cảnh vật có đến, có đi nhưng không ra ngoài tánh sáng biết chân thật đó. Nhận và sống với cái biết đó thì hằng ngày mình vẫn hằng biết mà không động. Mình không cần động, không cần sanh khởi mà vốn hằng biết. Nhận và sống nhu vậy là chúng ta đang sống bằng thể tánh chân thật nơi mỗi người.

Cỗ đức có nói: “Tri chi nhất tự, chúng diệu chi môn”, tức là một cái biết này là cửa vào của bao nhiêu thứ mầu nhiệm khác. Bao nhiêu thần thông diệu dụng, bao nhiêu thiền định trí tuệ, bao nhiêu sự linh diệu thù thắng đều không rời ngoài tâm sáng biết này. Quý vị nhận và sống ngay cái này thì tất cả những cái khác đều từ nơi này mà có ra, chứ không phải tìm cái gì bên ngoài đem vào. Ngài Khuê Phong Tông Mật nói: “Người đốn ngộ tự tâm xưa nay thanh tịnh (tức là người nhận được tâm chân thật này thì tâm đó vốn tự thanh tịnh, không động, không có phiền não), trí tánh vô lậu sẵn tự đầy đủ, tâm này tức là Phật, cứu cánh không khác, y đây mà tu tức gọi thiền tối thượng thừa, cũng gọi là thiền Như Lai thanh tịnh, cũng gọi là Nhất hạnh tam muội. Đây là căn bản của tất cả Tam Muội, nếu người hay niệm niệm tu tập tự nhiên dần dần được trăm ngàn tam muội khác”. Quý vị thấy trăm ngàn thần thông diệu dụng của Phật đều từ một tâm thanh tịnh mà có ra, cho nên chúng ta tu Phật là nhận và sống ngay nơi chỗ này thì tất cả những cái khác đều từ cái này mà có. Chỉ cần nhận cái gốc này thì những cái kia tự có chứ không phải cầu để có. Nếu chúng ta tỏ nhận được CÁI GỐC này và sống

trọn vẹn, không xen hở, thì dần dần cũng được trăm ngàn Tam Muội và các diệu dụng không khác đức Phật.

Nay giờ quý vị nghe có hiểu không? Bây giờ không cho hiểu nữa, khéo nhận thì nhận ngay, không suy nghĩ, suy nghĩ thì liền sai.

Thiền sư Duyên Quán ở Lương Sơn một hôm có thầy tri viễn hỏi:

- Khi giặc nhà khó giữ thì thế nào?

Sư đáp:

- Biết được chẳng phải là oan gia.

Giặc nhà là quý Ngài ngầm chỉ cho vọng tưởng phiền não nơi mỗi người. Khi mình tu, vọng tưởng nhiều quá, mình chặn không nổi thì phải làm sao? Thì chỉ cần biết được nó rồi, thì nó không phải là giặc của mình nữa. Ngài không bắt mình phải dẹp niệm, chỉ cần biết nó thôi, thì nó không còn là giặc trong nhà nữa. Nếu còn có tâm muốn cho vọng hết thì thàm chấp cho nó là thật, nên muốn đuổi nó đi, mà nhiều quá thì không chịu nổi, phải nhờ người chỉ dạy. Đem tâm ra xem coi, tìm không được, liền biết vọng không thật có. Khi vọng khởi kéo dây, kéo nhẹ, thì quý vị đừng can thiệp trên nó, chỉ cần biết nó là đồ giả, không quan tâm. Ngay khi quý vị không can thiệp trên nó, chính là quý vị đang tự sáng biết mà không biết theo nó. Cho nên nó có quyền đến và đi, mà mình vẫn đang là toàn một thể sáng biết không động, thì có gì phải bỏ. Biết nó là giả, là đối tượng thì bao nhiêu vọng không quan tâm, chỉ cần mình lặng mà tự sáng biết, không biết theo nó, không biết trên nó, không tác ý thêm, thì không còn nền tảng cho niệm, thì nó có dính dáng gì đâu. Nền tảng của niệm đặt trên ý thức, mình không thèm để ý thì nó yên. Còn chỉ cần khởi nghĩ sao nhiều quá, thì đó là có điều kiện cho nó vin và nó đua nhau sanh khởi. Cuối cùng, không cần dẹp, chỉ cần lặng mà sáng biết đây thì liền xong. Cho nên Lục Tổ nói: “Không sợ vọng khởi, chỉ sợ giác chậm” là vậy.

Thầy tri viễn hỏi tiếp:

- Sau khi biết được rồi thì sao?

Ngài Duyên Quán nói:

- Biến nó đến nước vô sanh.

Đây chính là chỗ Đức Phật nói “Độ tất cả chúng sanh vào vô du Niết Bàn mà không thấy có chúng sanh thật được diệt độ”, khi lặng mà sáng biết thì đừng khởi tim thêm gì, đừng làm thêm gì nữa, an liền ngay đó thì thể tánh thênh thang hiện bày.

Thầy tri viên hỏi tiếp:

- Đâu không phải là chỗ y an thân lập mạng?

Nếu chấp nhận an ồn ngay đó thì chưa phải là chỗ rốt ráo cuối cùng. Coi chừng trong đó chưa vượt qua khỏi cái thức thần nó ngầm ngầm lưu chuyển, nhưng vì nhỏ nhiệm quá mìn không biết rồi tưởng đó là chỗ rốt ráo của đạo là sai. Vì thức thần còn thì còn có cớ cho niệm sanh khởi trở lại. Cho nên Thầy Tri viên mới nói, đó không phải là chỗ mà giặc (niệm) vẫn còn ẩn núp trong đó hay sao?

Ngài Duy Quán nói:

- Nước chết không chứa được rồng.

Tức là dù cho quý vị có đạt được chỗ vô sanh đó rồi và an trong đó, vẫn còn thấy có một cái vô sanh để thầm thầm giữ nó, chưa có một cơ sống dây thì vẫn chưa được tự tại, chưa phải là trí chiểu phá sanh tử. Đó là đầu sào trãm trọng, là chỗ các Thiền sư quở trách, không chấp nhận. Cho nên ngài Duyên Quán nói: “Nước chết không chứa được rồng”.

Thầy tri viên hỏi tiếp:

- Thế nào là nước sống chứa được rồng?

Ngài Duyên Quán nói:

- Dây mòi không phải sóng.

Đang lặng mà sáng biết, cái biết này không phải ý thức cho nên nó không phải là sóng nhấn chìm mình trong biển sanh tử. Ngay bản tánh sáng biết thanh tịnh tuyệt đối, không động nhưng rất mực sống động. Cái đó không phải là cái sanh diệt. Không phải làm gì cho nó được an định mà bản chất nó vốn là tự tịnh, tự định, nhưng sống động, rờ rỡ, sáng người.

Thầy tri viên hỏi tiếp:

- Bỗng khi đầm nghiêng, nước đổ thì thế nào?

Tuy nói dậy mòn không phải sóng. Nhưng hôm nay ngồi đây còn bàn trên ngôn ngữ là còn trên sự tưởng, còn một chút mòn, một chút nước, một chút sóng. Giờ đầm nghiêng nước đổ, tức là dẹp hết sự tưởng, bật đường nói năng, rồi thì sao, còn có chỗ để nói không? Khi dẹp hết sự tưởng rồi, chỉ như thế mà quên sở đặc, quên chỗ ngộ, đừng trụ nữa, như thế mà sạch luôn, tiêu mất nước, tiêu mất mòn, tiêu mất sóng, không còn một bóng đáng khái niệm, bật đường ngôn ngữ, không còn chỗ nói năng thì cái gì là cơ sống động?

Ngài Duyên Quán bước xuống giường thiền nắm đứng lại bảo:

- Chớ nói ướt góc ca sa của lão tăng!

Trong đây, nếu vừa chân chừ, chưa vượt khỏi khái niệm, còn một mảy may tràn tư niệm lụ là phàm là thánh thì nước tràn ngập đầu, nhấn chìm trở lại trong biển lớn sanh tử liền. Đối với Thiền sư Duyên Quán thì đi trên mòn, lướt trên sóng mà chéo áo ca sa cũng không dính chút nước. Do đó Ngài bước xuống tòra ra tay liền. Đó là cơ sống động rất đặc biệt của Ngài.

Ở trên đã giảng nói hết rồi, đến đây không phải là chỗ để giảng nói cho quý vị hiểu nữa. Đến chỗ rốt ráo rồi thì phải bật hết dấu vết của tâm, không có chỗ cho tình thức chen vào. Và cái sau đó là cái tự sống dậy, không phải làm thêm gì vào trong đó. Không còn ngồi đó mà luận là BIẾT và KHÔNG BIẾT nữa. Đây là chỗ mà mỗi người phải khéo nhận và sống. Nhận và sống được như vậy thì hàng ngày mình vẫn làm, vẫn ăn, vẫn sinh hoạt mà đời sống của mình không hề bị nhiễm. Ở bất cứ nơi đâu, trong bất cứ khi nào, làm bất cứ điều gì cũng là đạo hết.

Đây chính là điểm đặc biệt của đạo Phật. Khi mê, mình quên mất tánh giác biết này, bây giờ không theo cảnh nữa thì cũng nhận ngay cái giác biết này. Mê là quên cái chân thật này, ngộ là nhận lại cái sẵn nơi mình. Khi chuyển được cái gút này thì đạo là cuộc sống bình thường hàng ngày chứ không phải làm cái gì khác thường. Vì thế, Tổ Bá Trượng nói với ngài Qui Sơn: "Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp". Người thật sự nhận chân rõ ràng rồi thì không còn nói có biết hay không biết, mà cuộc sống thường nhật chính là đạo.

Thiền sư Triệu Châu hỏi Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyên đáp:

- Tâm bình thường là đạo.
- Lại có thể nhầm tiến đến chặng?
- Nghĩ nhầm tiến đến là trái.
- Khi chặng nghĩ làm sao biết là đạo?
- Đạo chặng thuộc biết và chặng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thật đạt đạo thì chặng nghi, ví như hư không thênh thang rỗng rang đâu thể gắng nói phải quấy?

Ngay câu nói này, Ngài Triệu Châu ngộ lý.

Đến chỗ cuối cùng không còn khái niệm chỉ là bình thường thì đâu đâu cũng là Phật pháp. Phật pháp là cái sẵn có ngay trong sinh hoạt hằng ngày của mỗi chúng ta. Ngài Văn Ích Pháp Nhã khi đến tham học với Ngài Quế Sâm, trình kiến giải nói đạo lý hơn một tháng mà Ngài Quế Sâm đều nói: “Phật pháp không phải thế ấy”. Cuối cùng, không còn gì để nói nữa, Ngài Pháp Nhã thưa: ‘Bạch Thầy, con đã hết lời cùng lý rồi’. Ngài Quế Sâm khêu nhẹ: “Nếu luận về Phật pháp thì tất cả hiện thành”. Ngài Văn Ích Pháp Nhã ngay đó đại ngộ. Thiền sư gạn nhiều là bởi cái phân biệt của mình sâu dày quá. Gạn cho đau khổ tột cùng để khô kiệt cái phân biệt kia đi. Trong chỗ tình thức dứt bặt đó, chỉ cần khơi một chút thì liền sống dậy. Tới đó, đâu đâu cũng là Phật pháp. Mặc áo, ăn cơm, đi đại, đi tiểu trong tất cả sinh hoạt hàng ngày, làm gì cũng không ra ngoài Phật pháp, Phật pháp lúc nào cũng hiện tiền. Cho nên khác với tất cả các bộ kinh đại thừa khác, hình ảnh đức Phật đã xuất hiện vào đầu Kinh Kim Cang rất gần gũi, bình dị mà đạo lý vô cùng. “Đến giờ ăn, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp đi khát thực. Khát thực xong trở về chỗ ngồi thọ thực. Thọ thực xong thu xếp y bát, rửa chân, trải tòa ngồi...”. Thấy như là những sinh hoạt bình thường hằng ngày chúng ta vẫn làm, nhưng ánh sáng giác ngộ hiện hiện sáng ngời trong từng cử chỉ của đấng đã giác ngộ. Sóng trọn vẹn băng tánh giác lặng mà sáng biết đó, thì trong bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì cũng đều là Phật pháp, không hề thiếu vắng.

Từ trên chư Phật đến các đệ tử của Ngài lập bày nhiều phương tiện giáo hóa dẫn dắt người sau, nhưng không ngoài một mục đích là chỉ cho tất cả chúng ta nhận lại cái thấy biết Phật nơi chính mình. Mừng Phật đản sanh,

không gì thiết thực hơn là chúng ta cần phải tin, hiểu, khéo nhận và sống cho được với cái chính yếu mà đức Phật đã chỉ dạy. Được như vậy, chúng ta mới xứng đáng là một người đệ tử học theo đạo giác ngộ của đức Phật. Đó chính là món quà xứng đáng mà chúng ta dâng lên cúng dường Ngài trong ngày lễ kỷ niệm đức Phật đản sanh.

---o0o---

TÂM BÌNH THƯỜNG

Trước khi bắt đầu buổi sinh hoạt hôm nay, quý Thầy xin kể một câu chuyện thế này: Thuở xưa, tại vương quốc nọ, có ông vua trị vì một đất nước rất giàu có và xinh đẹp, nhưng có lẽ đẹp nhất là ba bà hoàng hậu của vua. Ba người này có tài sắc ngang nhau nên rất được vua sủng ái. Cuộc sống cứ thế yên bình cho đến một hôm, bất thình lông vua nảy ra ý định muốn tìm ra một người đẹp nhất trong ba bà hoàng hậu. Khi hỏi tất cả các cung phi thì ai cũng nói ba bà đẹp ngang nhau. Cuối cùng, vua mang chuyện này ra hỏi triều đình thì ai cũng bảo như thế, không ai hơn ai. Lúc bấy giờ, có vị quan tể tướng khuyên vua nên dừng việc này lại, vì không lợi ích gì, nếu tiếp tục, sẽ xảy ra những chuyện không lường trước được. Vua không những không nghe mà còn nổi giận, yêu cầu vị tể tướng này phải làm cho ra ai là người đẹp nhất. Vị tể tướng suy nghĩ một lúc rồi nói, việc đánh giá phân biệt đẹp xấu không phải là việc của người làm quan mà để cho mấy ông thầy bói. Một vị thầy bói nổi tiếng nhất thành được mời vào để xem dung nhan của ba bà. Xong, ông thầy bói cũng im lặng, xin về xem lại tài liệu rồi trả lời sau. Vị tể tướng nói nhỏ với vua rằng, việc nhận xét đẹp xấu tùy theo nhận định của mỗi người, nhưng vì sợ ý của các bà nên không ai dám nói ra, có thể ông thầy bói cũng như vậy, không dám nói ai đẹp hơn. Vị quan bèn gợi ý vua viết ba bức thư giả mạo của ba bà, hẹn tới ba nơi khác nhau, nếu ông thầy bói đến chỗ hẹn của bà nào thì bà đó là người đẹp nhất. Vua làm đúng theo lời tể tướng. Quả nhiên, hôm sau, ông thầy bói tới chỗ một bà. Vua biết được bà đó đẹp nhất, từ đó sủng ái bà này mà lơ là hai bà kia. Vì bị bỏ rơi nên hai bà tức giận và ghen ghét, tìm cách bỏ thuốc độc cho bà đẹp nhất chết. Sau khi bà này qua đời, mọi chuyện cũng bị bại lộ, ông vua tức giận chém luôn hai bà còn lại.

Qua câu chuyện, quý vị thấy ông vua này sống bình thường hay không bình thường? Ban đầu mọi chuyện đang bình thường, nhưng không chịu, lại kiêm chuyện bất bình thường để rồi bị xáo trộn, rối loạn cả lên và mất tất cả, một mình chuốc lấy sự khổ đau.

Câu chuyện nghe qua giống như một giả thuyết, nhưng thử hỏi con người chúng ta có lúc nào giống như ông vua đó không? Cụ thể hơn, hiện tại chúng ta đang sống, đang ứng xử, đang làm việc bằng tâm ổn định, bình thường của một buổi sáng mai mới thức dậy với tâm thái bình an, tĩnh táo, hay khi thì tâm ta bồng bềnh phiêu bạt vô bờ bến, khi lại tỏ vẻ hiêu hiêu tự đắc, có khi rối bời, không định hướng được, có lúc choáng ngợp, khi thì cháy rực lên, lúc lại nguội lạnh không muốn làm gì hết? Tất cả những thứ tâm đó đều biểu hiện cho một tâm thái chưa được bình thường, ổn định. Nếu chúng ta bằng vào tâm thái như vậy để sống, để ứng xử, để làm việc và quyết định thì dễ bị hỏng, dễ ân hận, mất cân bằng và gây đau khổ cho chính mình và những người liên hệ. Như vậy, muốn có một cuộc sống ổn định, cân bằng, không sai lầm rồi bị ăn năn ân hận về sau, đem lại sự an ổn cho mình và mọi người chung quanh thì chúng ta cần phải sống bằng Tâm Bình Thường.

---o0o---

1/ NGHĨA BÌNH THƯỜNG

Ý nghĩa hai chữ “bình thường” rất sâu và rộng, bởi nó là đạo lý sống chân thật chứ không phải là một định nghĩa thông thường như mọi người thường hiểu. Chỉ có quý Ngài đạt đạo, sống trọn vẹn bằng tâm chân thật không mê lầm và bất biến thì mới thật sự bình thường, còn chúng ta chưa sống được bằng đạo lý chân thật mà cố làm cho bình thường thì lại càng trở nên bất bình thường hơn. Nếu nói như vậy thì để tự nhiên là bình thường hay bất bình thường? Đang bất bình thường mà để cho tự nhiên là bất bình thường luôn. Cố làm cho bình thường cũng bất bình thường, để cho tự nhiên cũng bất bình thường. Chúng ta thường ở trong trạng thái bất bình thường cho nên có những bất ổn trong nội tâm của mình. Như vậy không lẽ chúng ta không thể áp dụng để sống được phần nào bằng tâm bình thường mà phải chấp nhận sống trong tâm bất bình thường để chịu khổ mãi hay sao? Đó là lý do chúng ta cần nên tìm hiểu về tâm bình thường ở một mức độ nào đó, để có thể ứng dụng vào đời sống của mình cho được ổn định và có lợi ích. Tuy chưa rõ ráo, nhưng nó có tính chất đi thẳng vào đời sống thực tế ở mức độ như chúng ta đang sống và đang còn trên đường tu tập, lấy đó làm căn bản để tiến lên sống trọn vẹn bằng tâm bình thường tuyệt đối.

---o0o---

2/ CON NGƯỜI CHÚNG TA CÓ THỰC SỰ ỔN ĐỊNH VÀ BÌNH THƯỜNG CHUA ?

Xét lại trên thực tế, con người chúng ta đã thực sự ổn định và bình thường hay chưa? Thân mình thì khi nóng, khi lạnh, khi bệnh, khi lành... Còn tâm này thì khi vui, khi buồn, khi mừng, khi giận... Như vậy, thân và tâm mình đều vô thường, thay đổi một cách liên tục, có khi thay đổi tới độ mà mình không kịp biết, không kiểm soát nó được nữa. Như vậy, chúng ta đang bình thường hay không được bình thường? Không được bình thường.

Có một đôi vợ chồng nọ, ông chồng rất hiền lành, nhưng không hiểu sao cô vợ thì ngược lại. Ngày nào không kiêm chuyện để chửi mắng chồng mình thì ăn không ngon, ngủ không yên. Cô vợ có chửi mắng thế nào ông chồng vẫn làm thính, không nói gì cả. Thấy vậy cô ta càng tức giận, nói ông chồng không biết xấu hổ, bị chửi như vậy mà làm thính, không biết nói lại, yếu hèn... Thấy bà vợ không chịu kiểu làm thính, ông chồng bèn đổi qua cười. Mỗi lần bị chửi là mỗi lần ông cứ cười nhẹ và vẫn không nói năng gì. Bà vợ càng tức hơn, nói ông là người không biết hổ thẹn, đã bị chửi như vậy mà còn ngồi đó cười được. Ông chồng thấy cười cũng không xong liền đổi qua khóc, mỗi lần bị chửi thì ông khóc. Bà vợ càng tức tối hơn nữa, nói đàn ông gì mà nhu nhược, có gì thì cứ nói chứ sao lại ngồi đó mà khóc. Thấy làm kiểu gì bà vợ cũng không vừa lòng, suy nghĩ một hồi, ông đi mua một cái hòm đem về để trong nhà. Hôm sau bà vợ chửi, ông ôm cái hòm mà khóc tha thiết như là một người vợ đang khóc cho chồng mình bị chết vậy. Cô vợ nhìn thấy thế liền sực tỉnh, nghĩ rằng bây giờ mình giận chồng và chửi mắng một cách hung dữ như vậy, nhỡ sau này chồng chết và phải ân hận mà khóc thì mắc cỡ lắm. Bây giờ nên thương yêu ông, mai kia nhỡ ông có chết mình khóc chồng thì thấy dễ coi hơn.

Cô vợ này cảm thấy hai hoàn cảnh khi chửi và lúc chết, thời gian cách nhau khá xa, nên cô ta không biết được và chửi chồng mình thỏa mái. Đến khi thấy có người khóc chồng trước cái hòm thì mới sực tỉnh ra nhiều điều, mới biết trước đó là do mình sai lầm nên đã ứng xử một cách bất bình thường và sửa lại. Với chúng ta là những người đã học đạo, mình cũng đã biết khoảng thời gian ấy không phải là dài, nhưng vì chưa giác tỉnh đúng mức do đó có đôi khi vẫn thấy có một khoảng giữa thời gian hơi dài thật nên làm cho chúng ta mờ nhạt, quên đi đạo lý, vì vậy mình cứ sống theo tâm buồn vui, mừng giận một cách không ổn định, không thấy được cái bất bình thường của mình. Nếu khoảng thời gian đó nó sát gần nhau một chút thì chúng ta sẽ thấy mình rất mắc cười với chính cái bất bình thường của mình.

Có lẽ quý vị cũng có lần bắt gặp ở thế gian, có nhiều lúc cô vợ hiếu lầm điều gì đó nên hùng hực tức giận chồng mình đến độ run cả tay chân, bỗng dung ông chồng biết cách giải thích đúng chỗ cô ta hài lòng một cách khôi hài thì cô vợ lại túm tím cười bén lèn. Cười bén lèn, hổ thẹn, đó là cười cho cái bất bình thường của mình trước đó. Trong câu chuyện trên cũng tương tự. Cái chửi trước đó của cô vợ là không bình thường, sau sự tinh lại, không chửi nữa là bình thường trở lại. Mới thấy, khi tâm chúng ta còn đổi thay, chưa được ổn định thì mình đang là bất bình thường, chưa được bình thường một cách tuyệt đối. Nếu chúng ta bằng vào tâm bất bình thường đó để sống, ứng xử và làm việc thì con người mình lúc nào cũng cảm thấy bất ổn, không được thoái mái, không được toàn vẹn, không được đầy đủ, chuốc lấy ân hận về sau. Bất an và khổ đau có ra từ đó. Cho nên bất bình thường là cái khổ của mỗi người.

---o0o---

3/ TẠI SAO CHÚNG TA CHƯA ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG ?

Đến đây, mỗi vị tự kiểm lại coi mình có được bình thường tuyệt đối chưa? Chưa. Vậy tại sao chúng ta chưa được bình thường? Trước tiên là vì tâm mình chưa được an định, chưa được bình tĩnh nên tự mình bất bình thường. Từ đó chuyển sang cấp độ thứ hai là đối xử với công việc không được bình thường, không được sáng suốt. Sau đó ăn năn, hối hận, khó chịu, dẫn đến tiếp tục bị bất bình thường. Tự mình không bình thường, kéo theo ứng xử với công việc không được bình thường, sau đó đưa đến tâm thái không được bình thường, nên cái bất bình thường càng trầm trọng hơn. Đó là lý do khiến chúng ta chưa được bình thường. Ngược lại, khi một việc nào đó xảy đến, nếu quý vị bình tĩnh, sáng suốt, thấy một cách rất rõ ràng thì mình sẽ ứng xử, giải quyết với một thái độ bình thường và cuộc sống của chúng ta sẽ được ổn định, bình thường.

---o0o---

4/ BẤT BÌNH THƯỜNG THÌ CÓ TAI HẠI GÌ ?

Nhưng quý vị thấy, bình thường cũng sống, bất bình thường cũng sống, như vậy, tâm bất bình thường có tai hại gì?

---o0o---

4.a/ BẤT BÌNH THƯỜNG THÌ NGUY HIỂM

Cái tai hại đầu tiên là nguy hiểm. Quý vị để ý, một con gà mái bình thường một ngày sinh một trứng, nếu bất thần hôm nào đó nó sinh bốn trứng trong một ngày thì sẽ chết. Tình thần của một người đang bình thường mà đi xe thì ổn, nhưng nếu hôm nào đó đang bức bối ai, hoặc trong lòng có việc buồn bãn thần chưa thông thì dễ dẫn đến tai nạn. Đó là do tình trạng đột biến, bất bình thường. Những trường hợp đột biến như vậy xảy đến trong cuộc sống của chúng ta không phải là ít. Qua đó, quý vị chiêm nghiệm lại để thấy rõ, cái bình thường là tốt hay bất bình thường là tốt?

---o0o---

4.b/ KHÔNG BÌNH THƯỜNG THÌ CHÚNG TA KHÔNG LÀM CHỦ ĐƯỢC MÌNH

Cái tai hại thứ hai là không làm chủ được mình, đó là nguồn gốc kéo theo những tai hại khác mà mình không thể lường trước được.

Bàng Nguyên và Tôn Tẫn kết bạn thân và cùng nhau đi học đạo Tiên với Quỷ Cốc Tiên Sinh. Đến nơi mà vị Thầy không mở cửa. Có người mách bảo hai người phải đứng bên ngoài thành tâm lạy mãi thì may ra mới được. Tôn Tẫn hết lòng lạy. Bàng Nguyên nghĩ có bạn mình thành tâm thì thế nào cửa cũng mở, cho nên mình lạy dồi dội cũng được. Đến lúc vị thầy mở cửa hang đá nhìn Bàng Nguyên thì biết là Tiểu Nhân, nếu dạy Đạo cho thì chỉ giúp Y làm việc không tốt nên đuổi về, chỉ nhận Tôn Tẫn ở lại học đạo. Tôn Tẫn thưa:

- Hai con kết nghĩa cùng đi học đạo. Nếu Thầy đuổi Bàng Nguyên thì con không nỡ bỏ cho anh ấy ra về mà con ở lại đây một mình. Xin thầy từ bi cho anh ấy cùng học Đạo.

Quỷ Cốc Tiên Sinh hứa nhận.

Trước khi dạy Đạo, ông Thầy thử trí hai người. Ông ngồi trong hang động và bảo, các con có cách gì để có thể dời ta ra khỏi động này được. Bàng Nguyên thưa:

- Sư phụ ra đây xem hai con rồng đang vờn lượn giữa trời rất tuyệt!

Ông Thầy bảo:

- Ông nói gạt ta chứ tháng này làm gì có rồng múa!

Bàng Nguyên nói tiếp:

- Sư phụ xem kia, có Tiên sinh A, bạn thân của Sư phụ đang tới thăm Sư phụ.

Ông Thầy bảo:

- Ông nói gạt, ông ấy mới từ giả ta ra về thì làm gì đến nũa?

Thua kẽ, Bàng Nguyên nói:

- Nay giờ Sư Phụ không ra thì con chát củi đốt cháy động.

Ông Thầy nói:

- Ủ, ngươi đốt cháy động thì ta phải chạy ra thôi. Nhưng mà ác quá. Người về sau sẽ làm việc bất nhân.

Xong phần Bàng Nguyên, đến phiên Tôn Tẫn.

Vừa lúc đó có người mang thau thịt chó lại bốc mùi thơm phức, Tôn Tẫn nói:

- Đây là thịt con chó của Sư Phụ.

Ông Thầy vốn rất yêu thích con chó này và đã được nhốt kỹ bên ngoài, cho nên ông định ngồi dậy chạy ra coi thật hư thế nào. Vừa nhởm định đứng lên thì con chó từ xa chạy lại. Ông liền ngừng lại vui vẻ nói: "Ta nhốt ngươi rất kỹ mà cũng đến đây được à!" Thế là ông vẫn chưa ra khỏi động. Tôn Tẫn nói:

- Con vốn ngu dốt, làm sao có thể dời Sư phụ ra khỏi động được. Chỉ có điều là, nếu mà Sư Phụ ra ngoài này thì chẳng những Sư Phụ, mà Sư Thúc, Sư Bá con cũng đánh cho chạy tuột vào hang động trở lại gấp!

Ông Thầy tức giận đứng bật dậy bước đến trước nó coi nó làm được gì mà láo giọng. Ông vừa bước ra khỏi Động, tiến đến trước Tôn Tẫn thì Tôn Tẫn liền sụp xuống lạy và thưa:

- Con đã dời Sư Phụ ra khỏi hang động rồi!

Ông rất thán phục Tôn Tẫn.

Khi nghe Tôn Tẫn nói: “...nếu mà Sư Phụ ra ngoài này thì chẳng những Sư Phụ, mà Sư Thúc, Sư Bá con cũng đánh cho chạy tuốt vào hang động trở lại gấp!” thì bức quá, chạy ra liền coi nó làm được gì. Chỉ một lời nói gió thoảng qua tai mà có thể điều khiển được cái thân mẩy chục kỵ chạy vù vù. Cũng một lời đó, vẫn nghe rõ ràng, biết rõ ràng mà không sanh khởi, không động thì người đệ tử có thể dời mình ra khỏi động được không? Tâm bất động thì không ai có thể đổi dời người ấy được. Nếu người đã thấy đạo, hàng ngày sống trọn vẹn bằng đạo lý chân thật, tâm người này thực sự là bình thường tuyệt đối. Chư Tỷ nói, người khắp thiên hạ không thể dời nỗi con người này. Qua đó quý vị mới thấy được sự lợi hại của tâm bình thường là như thế nào.

Tất cả con người chúng ta ban đầu ai cũng đang ở tâm thái bình thường, nhưng khi gặp cảnh thì lao theo cảnh, lúc có tiếng thì thường nghe theo tiếng, mà lao theo cảnh thì phân biệt đẹp xấu, nghe theo tiếng thì phân biệt đúng sai, từ đó phát sinh hai bên, có đẹp xấu, đúng sai, phải trái, thương ghét,... và tâm mình bắt đầu biến thái, không được bình thường như ban đầu nữa. Nếu chúng ta khéo tu, luôn ở trạng thái tâm bình thường trên tất cả trường hợp thì sẽ dễ gần với đạo lý chân thật. Quý vị từng nghe Mã Tỗ nói: “Nếu muôn biết đạo áy, thì tâm bình thường là đạo”. Tâm bình thường là tâm không tạo tác, không thị phi, không phải quấy, không hai bên. Khi mình vừa khởi có hai bên thì tâm không còn ở trạng thái bình thường ban đầu nữa. Chính vì không bình thường nên mình thiếu tự chủ, bị người dời đi. Nếu người không dời thì cảnh bên ngoài nó cũng dời mình đi được. Điểm cốt lõi là, chỉ với một tâm thực sự bình thường thì chúng ta mới có thể làm chủ được mình một cách trọn vẹn. Nếu chúng ta không bình thường thì mình sẽ thiếu tự chủ. Con người thiếu tự chủ thì bao nhiêu sự nguy hiểm từ đó có ra. Đó là cái tai hại thứ hai.

---o0o---

4.c/ Sống, làm việc, ứng xử bằng tâm bất bình thường, không được ổn định thì tự mình sẽ ăn năn, hối hận về sau và phải trả giá.

Ví dụ trong gia đình mình có hai người con. Một đứa thì sống bình thường, hiếu thuận, biết vâng lời. Đứa kia thì ngỗ nghịch, làm việc gì cũng trái ý cha mẹ, khiến cho cha mẹ khổ sở rất nhiều. Bất thàm cha mẹ qua đời, người con nào khóc nhiều nhất? Chính đứa con ngỗ nghịch sẽ ân hận và khóc nhiều hơn. Hàng ngày, mình sống càng ngỗ nghịch, càng trái lòng cha mẹ bao nhiêu thì tới khi cha mẹ qua đời, mình càng ăn năn, hối hận, đau khổ

và khóc nhiều bấy nhiêu. Vì trước đó, mình đã sống ngỗ nghịch, sống trong trạng thái bất bình thường. Còn bên ta thì chúng ta hay xem thường mà không nhận ra giá trị của nó, đến khi mọi thứ vuột khỏi tầm tay mới hay ra thì đã muộn màng, hối hận, ăn năn chỉ là vô ích. Người con ngỗ nghịch này đợi cho đến khi đứng trước một sự mất mát lớn lao thì mới sực tỉnh ra, từ đáy lòng mình ăn năn và tự mình muốn sống làm sao để bù đắp lại cái bất bình thường ngày xưa mình đã hành động. Đó là nhân quả từ nội tâm, là hậu quả do tâm bất bình thường của mình gây ra và tự mình muốn phải đèn bù chứ không ai bắt buộc cả.

Xưa kia ở phía bắc Tây Trúc có Ngài Vô Truớc xiển dương giáo nghĩa Đại thừa. Còn người em của ngài là Thiên Thân (có chỗ ghi là Thé Thân) xiển dương giáo nghĩa Tiểu thừa, tạo được 500 bộ luận, nhưng vì không hiểu nên ra sức công kích, bài xích và chê bai Đại thừa. Trải qua một thời gian dài, Ngài Vô Truớc thấy em mình cẩn duyên sắp thuần thực nên Ngài giả bệnh để gọi em tới. Khi gần đến nơi, Ngài sai một đệ tử đi đón người em mình. Trong lúc dừng lại tại một quán trọ, người đệ tử tụng một bài kệ:

Nhược nhơn dục liễu tri,

Tam thế nhất thiết Phật.

Ưng quán pháp giới tánh,

Nhất thiết duy tâm tạo.

Nghĩa là:

Nếu người muốn rõ biết,

Ba đời tất cả Phật.

Nên quán tánh pháp giới,

Tất cả do tâm tạo.

Do tâm đã chín muồi nên khi nghe bài kệ này, Ngài Thiên Thân hoát nhiên khai ngộ, ăn năn hối hận cho lỗi lầm của mình ngày xưa đã dùng cái lưỡi này chê bai, công kích Đại thừa nên định lấy dao bén cắt đứt lưỡi mình. Ngài Vô Truớc là một vị Bồ tát nên biết được, duỗi cánh tay dài tới ngăn lại và nói: “**Em ngộ Đại thừa là vì thời tiết nhân duyên chín muồi. Ngày xưa**

dùng lưỡi để hủy báng thì hôm nay nên dùng lưỡi để tán thán Đại thừa. Nếu cắt lưỡi đi thì có ích lợi gì?”. Ngài Thiên Thủ nghe vậy, tỉnh ra nên không cắt lưỡi nữa, cảm kích và tiếp tục ra đi trong đêm. Khi đến chỗ Ngài Vô Trước, lắng nghe lời chỉ dạy, sau đó Ngài Thiên Thủ tạo thêm 500 bộ luận nữa để xiển dương Đại thừa. Do đó người đời gọi Ngài là Luận sư ngàn bộ.

Chưa hiểu nên chưa thông cảm, đó là chuyện thường. Nhưng nếu có tâm bài xích thì sẽ khiến cho tâm mình ăn năn hối hận về sau. Đó là sự diễn biến một cách tự nhiên và công bằng của nội tâm tất cả con người chúng ta. Sau khi khai ngộ, Ngài Thiên Thủ thấy ra đầy đủ hơn nên sanh lòng ăn năn hối hận về sự bất ổn nên đã bài xích Đại thừa của mình ngày xưa, vì vậy mà định cắt lưỡi để chuộc tội. Nhưng nhờ có người anh là một vị Bồ tát khai thị, ngày xưa dùng lưỡi để hủy báng, ngày nay hối lỗi thì nên dùng chính cái lưỡi đó để tán thán mới là hối lỗi một cách thiết thực.

Có những sự việc còn cảm động hơn. Một vị Tăng vào đời nhà Đường tại Ân Châu khi được giao nhiệm vụ trị nhật (nấu cơm cho chúng tăng) đã cắt trộm một ít khiến cho phần ăn của chúng tăng bị thiếu hụt. Khi trở về liêu thì trong lòng cảm thấy ăn năn, khó chịu. Trải qua một tháng, vị tăng đó không ra khỏi phòng, không đi ăn cơm. Chúng tăng theo dõi thì thấy đến giờ ăn là vị ấy đến nhà vệ sinh xúc phân mà ăn. Khi được hỏi rõ nguyên do thì vị Tăng đó nói là do cắt trộm phần ăn của chúng tăng, vì ăn năn quá nên làm như vậy. Mọi người khuyên nên đến trước đại chúng sám hối. Vị Tăng vâng lời, đối trước đại chúng phát lồ sám hối xong thì được trở lại bình thường.

Điều đó cho chúng ta thấy, khi mình làm một điều gì bất ổn, thì sau đó tâm mình sẽ cảm thấy ăn năn, khó chịu, trong lòng muốn làm một điều gì đó để bù đắp lại. Đó là do hành xử, làm việc bằng tâm bất bình thường mà gây nên. Nhưng những câu chuyện trên vẫn còn là hiện tượng bên ngoài dễ thấy.

Quý vị thấy ở thế gian, có những người nói: Tôi ghét nhất là những người lùn, mà một thời gian sau lại thấy họ sống chung với những người còn thấp hơn cả những người lùn mà họ đã từng ghét. Chúng ta vẫn thường nghe “Ghét của nào, trời trao của ấy”. Nhưng có ông trời nào trao cho mình không? Tại tâm bất bình thường của mình tạo nên thôi. Khi mình ghét thì hỏi lại trong lòng mình, tại sao lại ghét người ấy? Không thể nào khi không khi không mà mình ghét người ta cả. Có lẽ trong đời đã có lúc những người đó vô tình gây ác cảm với mình về điều gì đó nên mình ghét luôn cả nhóm người đó mà thốt lên như vậy. Nhưng vì tâm ác cảm, bức tức mà thốt lên thì

đó là tâm bình thường hay bất bình thường? Chính vì cái tâm bất bình thường cho nên phát ra câu đó. Sau một thời gian bình thường trở lại thì thấy xuyễn xao, một cách tự nhiên, trong lòng mình nó sẽ âm thầm muốn bù đắp lại, do đó cảm thấy có cảm tình với hạng người mà mình đã ghét.

Lúc trước trong phút chốc tự ái vội ghét hạng người ấy, bây giờ đột nhiên phát hiện họ tốt rồi cũng vội thương họ, và biết đâu, do tâm dẽ đột biến như thế cho nên sau này lại quay trở lại ghét cay ghét đắng người ta hồi nào không hay biết. Do tâm đột biến bất thường cho nên nhận định không chuẩn, kết luận vội vàng khiến cuộc sống trở nên xáo trộn, bấp bênh, khổ đau và thiếu tin tưởng từ chính mình lẫn người khác. Đó là căn nguyên dẫn đến bao nhiêu thành quả không tốt trên nhiều phương diện giữa cuộc đời này. Biết vậy rồi thì khi nói hay quyết định hành động bất cứ điều gì, cần phải xem lại coi tâm mình lúc đó có được bình thường không. Nếu tâm không được bình thường thì đừng nên nói, đừng nên quyết định một vấn đề gì cả. Để tìm hiểu một điều gì đó thì chúng ta có thể nghe ngóng từ nhiều người, nhưng để đi đến quyết định một vấn đề thì phải từ trí tuệ suy xét của mình rồi quyết định. Mà muốn có một trí tuệ sáng suốt, nhìn nhận đúng đắn thì cần phải định tĩnh, bình thường. Có như thế cuộc sống chúng ta sẽ không bị lầm lỗi để đưa đến khổ đau cho mình và mọi người chung quanh.

Có nhiều gia đình con cái rất ngoan hiền và hiếu thảo, không có lỗi làm gì với cha mẹ. Nhưng không biết vì sao cha mẹ lại hờ hững với những người con mình mà muốn đi chăm lo cho con của một người khác không hề quen biết. Con mình nói gì cũng thấy sai, không muốn nghe, không muốn gặp mặt, coi con ngoan như của kẻ nợ làm chướng ngại cuộc sống của mình... Ngược lại, con người ngoài đó thì làm gì trong mắt mình cũng thấy cao thượng, là đúng, thích gần gũi. Không cần biết sự nghiệp mình ngày mai thành hay bại, tiền mình còn hay hết, chỉ biết chi ra ào ạc để phục vụ mà không cần tính toán, bất chấp mọi người chung quanh có nói gì không cần thiết, chỉ biết nghe theo con người ta là thấy vui... Vì sao lại có hiện tượng lạ đến vậy? Khéo nhìn một chút chúng ta sẽ thấy nguyên nhân của nó không ra ngoài luật nhân quả mình đã gây tạo. Người cha mẹ này từ quá khứ đã quen cách sống xem thường người gần mình nhất mà thích quan tâm người ngoài nên kiếp này lại tiếp tục sống theo lối cũ. Hơn nữa, trong một kiếp quá khứ, vì con ruột có lần lỡ làm điều gì đó gây ác cảm cho mình, trong phút chốc tức giận và mình đã bỏ rơi nó mà đi quan tâm con người hàng xóm để tìm lấy niềm an ủi. Đến lúc già nằm trên giường bệnh mới nhận ra mọi lẽ đúng sai, mới thấy rõ chỉ có con ruột của mình mới thường ở bên cạnh trực tiếp lo lắng bưng đồ dơ, hốt đồ bẩn của mình một cách tận tụy hết lòng

không hề cảm thấy chán mồi hay nhờm góm, mới hối hận cho một quãng đời mình đã lỡ làm vô tình hờ hững với người con ngoan sống rất gần mình, sẵn sàng sống chết cùng mình. Ôm tâm niệm ân hận chất chứa tràn đầy trong lòng để tái sanh sang một kiếp khác nên kiếp sau gặp lại người con mà mình đã lỗi lầm với nó thì muốn dâng hết cuộc đời để bù đắp liền. Người con hàng xóm mà mình muốn lo cho nó, kiếp trước là con ruột mà mình đã bỏ rơi, hờ hững. Nó nói gì mình cũng thấy hay, thấy đúng là do tâm ân hận từ quá khứ nó bắt mình thần tượng người ta. Ngược lại, với những người con trong kiếp hiện tại đang sống thì mình lại tiếp tục hờ hững, rồi khi sắp lâm chung mình lại hối hận, ăn năn. Ôm lòng ân hận đó để thọ sanh cho nên kiếp sau lại đi lo cho người con hiện nay mình hờ hững tuy nó đã được tái sanh sang nhà một người khác. Và trong kiếp lai sanh đó, người con hàng xóm đời trước mình đã từng lo lắng hết lòng nên nó đang tái sanh làm con ruột trong nhà mình rồi cũng bị mình bỏ rơi không màng tới. Cứ thế diễn tiến xoay vần trả nợ, kiếp nào sanh ra cũng lo cho người ngoài và bỏ rơi con ruột bên mình, dẫn đến cuộc sống đảo lộn, xáo trộn, chính mình không an ổn, gieo rắc khổ đau cho những người chung quanh. Và cứ như thế, lúc nào chúng ta cũng sống trong sự trả nợ, bất ổn, hoang mang, mất định hướng, không có niềm vui trong hiện tại và dẫn đến khổ đau. Đó là do mê lầm, do có một lần vì lý do gì đó khiến tâm mình bất bình thường, đi lo cho người ngoài một cách thái quá, gieo hận cho những người con ruột đang sống bên mình, rồi lại đi làm một việc bù lại tâm ân hận đó, biến cuộc sống của mình thành một sự trả vay nợ nần chứ không có chút gì an ổn, vui tươi. Bây giờ biết rồi chúng ta nên định tĩnh lập lại trật tự bình thường của nó, biết sắp xếp mọi việc cho hợp lý để về sau không còn bị ân hận, chấm dứt đời sống trả vay, hết nợ thì chúng ta mới được thỏa mái, tự do và an vui được.

---o0o---

4.d/ Nếu tâm không bình thường kịp thời, sẽ gây khổ đau cho mình và người khác.

Ngồi đây mà nói thì thấy giống như giả thuyết, không thấy có gì quan trọng. Nhưng nếu quý vị nào lâm vào tình trạng bất ổn rồi thì mới thấy rõ, vượt qua được cái bất ổn do hành động bất bình thường của mình gây ra không đơn giản chút nào. Biết như vậy thì nên khéo chỉnh tâm cho bình thường trở lại, để sau này không phải ăn năn, hối hận, sống trong cảnh vay trả khổ đau. Đằng nào cũng phải điều chỉnh, thay vì sau khi ân hận rồi mới điều chỉnh thì ngay từ bây giờ điều chỉnh tâm mình bình thường trước cho

kịp thời thì sẽ ngăn chặn được những sai lầm, những ray rứt, những vất vả và đau khổ sau này.

Cụ thể trong cuộc sống hàng ngày, quý vị tự chiêm nghiệm lại, nhìn cho thật kỹ để thấy rõ từng trường hợp xảy đến. Khi sự việc xảy ra, nếu sáng suốt để ứng xử, để giải quyết trong một tâm thái bình thường thì sau đó tâm minh cảm thấy hợp lý, yên ổn. Còn nếu thiếu sự tỉnh sáng thì chúng ta dễ giải quyết sự việc trong tình trạng bất bình thường mà có khi phải lâu sau đó mới nhận ra, để rồi cảm thấy ăn năn, hối tiếc, không an. Trong khoảng thời gian lỡ lầm đó, chúng ta đã làm cho biết bao nhiêu con người khác phải đau khổ theo vì cái tâm bất bình thường của mình. Mình đã gây tạo cái nhân không tốt như vậy thì sẽ phải gánh chịu hậu quả. Quả báo đó lấy gì để bù lại cho được? Mới thấy, ứng xử, hành động thiếu sự cân nhắc, không những đem lại hậu quả không tốt cho chính mình, mà còn làm ảnh hưởng đến những người chung quanh. Biết vậy để mình điều chỉnh cuộc sống cho thật bình thường, không gây hại cho mình và người, sống thật tốt, không làm ảnh hưởng đến người khác.

Tuy nhiên, trong thế gian, có những việc nhẹ mình còn có thể bình thường được, nhưng khi những sự việc xảy đến quá sức chịu đựng thì tâm minh liền bất ổn, bất bình thường. Trong tâm sẽ tự dấy lên nhiều suy nghĩ chồng chất, sôi sục khiến mình không tỉnh táo. Đứng trước trường hợp này chúng ta nên ứng xử như thế nào? Trước tiên, chúng ta khoan quyết định một điều gì cả. Tâm đang sôi sục mà quyết định thì rất là nguy hiểm, có khi phạm đến thân mạng của người khác hoặc có khi khiến mình phải mất mạng. Lúc ấy, tâm có sôi sục, có thôi thúc làm gì chúng ta cũng đừng quyết định hay thực thi một vấn đề gì cả. Phải đợi đến khi tâm thái thật sự bình thường, không vì thương ghét, mừng giận hay hại ai rồi mới bắt đầu quyết định. Có thể mới không bị nhầm lẫn, không trái đạo đức, không đưa đến ăn năn hối hận và gây đau khổ cho mình và người về sau. Nhưng khi nó đang trỗi dậy thì quý vị phải làm sao để không quyết định theo nó? Nếu không thắng được nó, không cho nó dừng lại ngay thì có một cách là mình cứ mặc kệ cho nó tự suy nghĩ thỏa mái mà đừng theo, giống như ngồi cười nhìn xem chơi, mặc cho đứa bé thơ ngây nhà mình lên phương án một cách thỏa mái, nhưng chúng ta không cho nó cơ sở để thi hành. Nó không chịu dừng mà còn sôi sục giận dữ quá hay buồn lịm bất an thì cứ nằm đó bất động, buông thư, không thèm nghĩ gì cả, cứ để cho tự nó muốn nghĩ gì thì nghĩ mà mình không nhúc nhích, không thi hành. Một hồi sau nó suy nghĩ đã nín rồi thì tự nhiên nó không còn giá trị. Chúng ta đứng dậy với một sự tỉnh táo và tức cười cho những nghĩ suy vớ vẩn trước đó và mình được bình thường trở lại.

Đây là một kinh nghiệm cá nhân. Khi nào quý vị thấy bất ổn nhiều quá thì cứ vô phòng riêng đóng cửa lại, buông hết, nó lên phương án phải làm thế này thế nọ, kệ nó, cho lên thoái mái mà mình cứ bất động, buông thảng hết thân tâm, không thèm thi hành theo nó thì nó chịu thua. Mình phải kinh nghiệm như vậy để không nên quyết định hay giải quyết bất cứ vấn đề gì trong khi tâm mình bất ổn, để về sau không có gì ăn năn, hối tiếc cho việc làm của mình.

---00---

5/ LÀM SAO ĐỂ ỔN ĐỊNH, ĐỂ ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG ?

Bây giờ quý vị đã biết rõ sự lợi hại của tâm bình thường và bất bình thường rồi, nhưng phải làm sao để tâm mình được ổn định và bình thường?

5.a/ Phải có sự tu tập.

Phương pháp đầu tiên là phải có sự tu tập, đó là cái cần thiết trên hết. Trong Kinh, đức Phật ví dụ tâm mình như dòng nước chảy rất mạnh, gọi là cuồng lưu. Dòng cuồng lưu chính là nguyên nhân gây ra bao nhiêu tội lỗi. Cũng dòng nước dữ dội đó, nếu quý vị khéo đắp đê điều, dẫn nước chảy thành dòng theo sự điều khiển của mình thì có thể sử dụng để tưới ruộng được. Cũng vậy, một tâm cuồng lưu cuộn trào đó, nếu mình biết sử dụng thì nó lại trở thành lợi ích. Hoặc quý ngài ví dụ tâm mình giống như con rắn, nếu thả cho tự do thì nó bò ngoằn ngoèo, loạn xạ, nhưng nếu cho vào ống tre thì tự động nó phải bò thẳng. Tâm mình đang bất bình thường, loạn xạ, phải nhờ vào hàng rào giới luật để giữ gìn, phải có thời khóa tu tập sinh hoạt cho mình thật là ổn định. Tùy thuận hòa mình vào được một khuôn phép chung như vậy thì cái tự ngã riêng tư nó được hòa tan, quý vị mới ché ngự được cái bất ổn, cái bất bình thường ngông cuồng thô đại của mình. Đó là nhờ vào sự tu tập thực sự và cụ thể để điều hòa cho tâm được bình thường.

5.b/ Phải có tính quyết định, dứt khoát.

Thứ hai là phải có tính quyết định, dứt khoát. Chúng ta cần rà soát kiểm tra lại, tại sao hàng ngày mình bị tâm lao xao làm cho dao động, bất ổn, không bình thường? Vì còn có gì đó lờ mờ, không rõ ràng, không dứt khoát dẫn đến tâm thái mình không ổn, chưa giải quyết xong. Bây giờ mình phải biết để điều chỉnh. Nhìn lại, tất cả sự thay đổi xảy ra trên cuộc đời này, dù lớn hay nhỏ, nhìn cho tận cùng, nó đều có một kết quả nhất định ở một mức độ nào đó của nó. Tại vì lâu nay mình chưa nhìn thấy rõ để chấp nhận một kết quả

tương đối của nó nên cứ phân vân chưa quyết định. Nay giờ, đối với tất cả sự việc xảy đến, chúng ta đều có sự sáng suốt trong trạng thái tinh táo, bình thường để nhìn nó, nhận định kết quả cuối cùng của nó là thế nào, sự việc như vậy thì nó sẽ đi đến đâu để đưa ra hướng quyết định chấp nhận mạnh mẽ. Đừng có thái độ hàng hai, phân vân, đòi hỏi thái quá mà không rõ ràng, dẫn đến tâm mình không ổn, cuộc sống bấp bênh, hiệu quả không có, đôi khi còn tồi tệ hơn. Bằng với tâm như vậy để giải quyết thì trong lòng không còn lao xao hay phân vân nữa. Có vậy đời sống của chúng ta mới có thể ổn định và bình yên. Nếu không có thái độ dứt khoát, cứ để nó phân vân, tâm mình bị lao xao, mênh mang vô định đưa đến bất ổn, không được bình thường, cuộc sống rất là chán ngán, khô sầu.

---o0o---

5.c/ Phải luôn tỉnh giác, giữ tâm an tĩnh.

Thứ ba là phải luôn tỉnh giác và giữ cho tâm được an tĩnh. Một lúc nào đó mình ngồi thiền, thấy có một khoảng tâm rất yên lặng, thân thể thoải mái, nhẹ nhàng, lúc xả thiền ra đi lại thì thân tâm vẫn thoái thót, nhẹ nhàng, vui vẻ. Khi ấy, bằng cái tâm khinh an đó để nhìn lại tâm thái trước khi chưa tọa thiền, mới thấy mình lúc nào mình cũng lao xao, động đậy, lăng xăng, lộn xộn, vội vội vàng vàng, chộp cái này, bắt cái kia, giống như một đứa trẻ con máy động không khác, không lúc nào chịu ngồi yên một chỗ. Quý vị nào đã từng ngồi thiền, có những phút giây yên định mới thấy cái tâm bất bình thường của mình một cách đầy đủ, mới thấy mình sống rất là uổng, rất là lãng phí một cách đáng tiếc. Còn lúc đang động thì mình đang sống bằng cái tâm bất bình thường nên khó thấy được nó là trẻ con, quê mùa, áu trĩ, thô tháo, ngông nghênh..., làm trò cười cho hàng thức giả. Thấy được như vậy mới sực tỉnh và tự khéo quân bình lại tâm của mình, để lúc nào mình cũng sống bằng tâm bình thường giống như lúc chúng ta đang tọa thiền an ổn.

Thông thường khi gặp việc gì đó, mình thường phản ứng liền, phản ứng nhanh quá không kịp sáng suốt chính chắn, sau đó lại ăn năn. Giờ gặp việc, khoan phản ứng quá nhanh mà phải giữ tâm an tĩnh để nhìn nó một cách lặng lẽ. Phải quyết tâm khéo léo tìm lấy cho được cái lặng trong, sáng ngàn trên cảnh nghịch đó. Cứ tự hỏi ngay trên nghịch cảnh đây, Phật pháp chân thật đang ở chỗ nào? Khi tha thiết cần nhận lại sự trong trẽo, cần nhận lại Phật pháp chân thật chứ không cần nhận những thứ nghịch duyên kia, bỗng dung tâm ta trở nên yên lặng, tinh táo trên nó. Chính sự tinh táo, sáng suốt,

nhìn tường tận sự việc để giải quyết nên mang lại hiệu quả cao hơn, không bị lỗi lầm khiến về sau phải ăn năn, hối hận.

Ví dụ, ai đó làm trái ý mình, xúc phạm mình, phản ứng đầu tiên là muốn trả lại bằng tất cả những gì mình có, bao nhiêu ngôn từ hoa mỹ dẹp sang một bên hết, và tranh thủ gom những từ nào độc hại, hiểm hóc nhất để dội vào nhau cho thỏa cái tâm sân. Khi đang đấu tranh thì hăng hái lắm, nhưng khi làm xong rồi, bình tĩnh nhìn lại, thấy hậu quả của nó thì lại ăn năn: phải chi chịu nhịn một chút, chịu thiệt một chút cho người ta không đau khổ thì bây giờ thấy mình cao thượng biết mấy? cuộc sống sẽ có ý nghĩa hay ho biết mấy? và tâm mình sẽ yên ắng, thanh cao biết đường nào! Đằng này chỉ vì thiếu tinh túc không nhận ra, vì một chút tự ngã sân hận tham đấu để thắng người ta, giờ nhìn lại chiến thắng đó không dùng được vào đâu cả mà còn thấy mình là thấp hèn, bàng hoàng, lo sợ... Phản ứng liền là hành động bất bình thường, sẽ đưa đến tai hại, không đúng. Chúng ta cứ bình tâm để suy gẫm, nếu mình trả thù, họ thua, họ đau khổ, thì lòng mình cũng cảm thấy bất ổn. Ngược lại, nếu mình chịu thiệt một chút thì cũng không mất mát gì mà sau đó mình lại cảm thấy yên lòng, xứng đáng là một con người cao thượng hơn là đi cãi vả, đánh đập người ta. Nhìn thấy và cảm nhận được cái khổ của người khác sau khi bị hại thì mình sẽ chịu thiệt và nhường cho họ được. Nếu như mình cảm nhận được người khác khổ cũng như mình đang khổ, ngay đó là chúng ta đã tinh túc, đã bình thường, không nỡ làm cho người khác khổ đau. Việc làm không gây đau khổ cho mình, cho người trong hiện tại và tương lai, đó là việc làm trong tình trạng bình thường, đưa đến hậu quả tốt, thánh thiện, an vui.

Biết rõ như vậy rồi, khi nhỡ gặp chuyện gì xích mích trong cuộc sống hoặc trong gia đình có sự cãi vã giận hờn nhau thì liền biết là bất bình thường, ngay đó nên buông xuồng, bỏ qua, đừng cố phân đúng sai, phải trái nữa là được yên. Không có một cái đúng nào tồn tại trong khi tâm bất bình thường. Khi ra đường, nhỡ có ai chửi mình thì đó là hành động bất bình thường, biết được người ta bất bình thường là mình đang tinh túc và sáng suốt, thì chúng ta phải tiếp tục xứng đáng là một con người tinh túc, bình thường. Nếu không buông bỏ được mà chửi lại họ thì đó là mình đã tinh nguyễn trở thành một thành viên sáp nhập vào nhóm bất bình thường. Trong mọi lúc mọi nơi mình đều biết như vậy thì không có việc đáng tiếc xảy ra cho mình và người khác. Đó là trong cuộc sống đời thường.

6/ TÂM BÌNH THƯỜNG TRONG CÔNG PHU TU TẬP

Bây giờ sang phần tâm bình thường trong công phu tu tập.

6.a/ Không vì bên ngoài mà dụng công tu tập.

Khi chúng ta vì một cái gì bên ngoài để tinh tấn tu hành thì chúng ta sẽ rơi vào tình trạng bất bình thường mà tu. Công phu như vậy sẽ đưa đến kết quả không như ý muốn, nếu không muốn nói là đi vòng ngoài, chưa thẳng vào trọng tâm đạo lý chân thật.

Một hôm nào đó, chúng ta thấy tình cảnh cuộc đời xấu xa không như ý mình, nên suy nghĩ phải phát tâm tu hành cho mạnh mới được. Như vậy là vì cái bên ngoài mà tu hay vì mình mà tu? Vì cái bên ngoài. Hoặc có khi vì gia đình mình như thế nào đó, bức bối không chịu được nên phát tâm tu hành cho mạnh. Như vậy, quý vị vì mình mà tu hay vì gia đình mà tu? Hay trong chùa thấy mấy huynh đệ giải đãi, mình liền hăng máu, muốn tu hành cho dữ dội, mạnh mẽ hơn mọi người... Tất cả đều có cái vì và đang vì bên ngoài mà tu chứ chưa phải dụng tâm thẳng đến bản tánh chân thật chính mình.

Ban đầu thấy cảnh vô thường đánh thức giác ngộ tu tập thì tốt. Nhưng khi bắt tay vào dụng công thì phải dụng đến chỗ vô sanh mới thành quả vị vô sanh được. Nếu băng vào tâm vì bất kỳ một cái gì bên ngoài mà tu thì đều là công phu tu hành trong cái sanh diệt, dễ dẫn đến tình trạng đột biến bất bình thường về sau, cho nên nó không được ổn định và bền bỉ lâu dài được. Thoạt đầu thì thấy công phu có vẻ mạnh mẽ, dữ dội, tu tập hơn mọi người chung quanh, ngồi thiền yên ắng lắm. Nhưng được một thời gian thì dễ sanh bệnh, không tồn tại lâu dài mà chỉ trong thời gian rất ngắn rồi sẽ bù lại bằng một sự mệt mỏi, chán chường, buông lung và giải đãi, thả trôi trở lại. Trong chúng có thời khóa ổn định bình thường, hôm nào đó có ai đột biến phát nguyện tu bất bình thường là vị thầy phải khuyên dạy người đó liền. Đây là kinh nghiệm thực tế mà quý Thầy đã trải qua. Tại sao lại như vậy?

Khi chúng ta vì một động lực gì đó bên ngoài để tu, là có tâm mà tu hay không tâm mà tu? Là có tâm. Mà tâm có là có hình tướng, có giới hạn, rơi vào sanh diệt. Dùng cái sanh diệt để tu là sống trong nhân sanh diệt thì làm sao trở thành quả vị vô sanh được? Gần hơn nữa, chính vì dùng tâm có giới hạn, sanh diệt nên tâm đó không đủ lớn, không đủ sức bất động để bền bỉ tồn tại lâu dài. Muốn tiến tu một cách đúng mực, ổn định và tiến mãi thì chúng ta không nên vì bất cứ một động lực hay một cái gì bên ngoài, mà phải từ

một tâm bình thường, phẳng lặng để tu thì mình dễ an định, dễ khé hợp với đạo lý chân thật không sanh không diệt.

Trong Kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “**Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm**”, có nghĩa là “**Không nên trụ trên sắc mà sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia**”. Cụ thể là: Nên không có chỗ trụ mà phát tâm vô thượng bồ đề. Không dùng trụ trên các trần cảnh, ngay đó tâm ta rỗng lặng, sáng rõ, thênh thang. Bằng vào tâm đó là tâm bình thường, sống thẳng đó là khéo tu hành, đó là dụng tâm thẳng đến chỗ chân thật, công phu không bị sai lạc rơi vào sanh diệt, dễ an định, sẽ an ổn và bền bỉ lâu dài, không bị lui sụt. Còn nếu vì một cái gì đó bên ngoài, tức là trụ vào sáu trần mà tu thì có phải là đã trái lại với lời Phật dạy ở đây không?

Ví dụ trong Thiền viện mình đang có thời khóa tu tập đều đặn hàng ngày, huynh đệ nào cũng hòa vào trong đó và tu tập tiến bộ, sống đời an lạc giải thoát. Bỗng dung một hôm nào đó mình muốn làm nổi hơn người khác, muốn công phu nhiều hơn bình thường thì nên tự hỏi lại mình, tại sao, động lực nào khiến mình muốn làm như vậy? Nếu thành thật nhìn lại đáp án thì chúng ta sẽ thấy có một cái vì gì đó. Mà có vì một cái gì đó để tu túc là trụ vào sáu trần mà công phu rồi. Đức Phật dạy không nên trụ sáu trần để dụng công tu tập mà chúng ta lại trụ vào sáu trần mà dụng công tu thì có đúng với lời đức Phật đã chỉ dạy chưa? Hơn nữa, trụ trên sáu trần túc là có tâm mà tu, là bất bình thường mà tu, công phu như vậy ban đầu thì thấy rất mạnh, nhưng sau rồi sẽ tụt xuống trở lại. Nhìn cho kỹ thì mới nhận ra và trị được bệnh của mình. Khi bị đột biến thì tâm nó mạnh lắm, không ai ngăn cản được cả, chỉ có chính mình phải tự nhận ra thì mới dừng lại được, nếu không thì rất khó dừng lại cho bình thường và phải chịu lấy hậu quả về sau. Việc này đã có không ít những vị tu hành cũng đã từng trải qua những trường hợp tương tự như vậy. Qua đó cho thấy, dụng công tu hành phải bằng vào một tâm thực sự bình thường thì mới có thể tu tiến và không bị sai lệch. Còn nếu muốn làm cái gì đó kỳ đặc thì phải nhớ rằng, những cái kỳ đặc chẳng qua là dấu vết của những thứ bên ngoài thôi, không đáng để mình theo. Biết được như vậy để mình khéo chỉnh cho cân bằng, tu hành cho bình thường để đưa đến kết quả không bị sai lệch.

---o0o---

6.b/ **Lìa hai cực đoan**

Khi hạ thủ công phu tu hành, thường mình hay bị rơi vào hai cực đoan. Hoặc là buông lung, xao lãng, hay quên. Hoặc là kềm kẹp, đè nén, châm băm. Nếu không khéo dụng công thì, không rơi vào cực đoan này cũng rơi vào cực đoan khác. Như vậy tức là từ bất bình thường mà tu nên không tiến bộ được.

Có một học Tăng đến pháp đường thưa với Thiên sư rằng:

- Thưa Thiên sư! Con thường thường ngồi thiền, luôn luôn niệm kinh, dậy sớm thức khuya, tâm không tạp niệm, tự xét dưới tòa của Thầy không có ai dụng công hơn con, tại sao không cách gì có thể khai ngộ được?

Thiền sư cầm một hồ lô và nắm muối hột đưa cho vị học Tăng, nói:

- Con đem hồ lô này đựng đầy nước rồi bỏ muối vào cho nó hòa tan, lập tức con sẽ khai ngộ.

Học Tăng vâng theo lời mà làm, không bao lâu, chạy vào thưa:

- Miệng hồ lô quá nhỏ và nước đã được đựng đầy, con đem bùm muối bỏ vào, hòa tan không xong, lấy cây khuấy cũng chẳng động, con lại chẳng có cách nào khai ngộ được.

Thiền sư cầm hồ lô đổ bớt ra một ít nước, chỉ lắc nhẹ vài cái, khối muối liền tan hết. Thiền sư từ tốn nói:

- Một ngày từ sáng đến tối dụng công, nếu chẳng để lại một chút tâm bình thường thì cũng như hồ hô đựng đầy nước, lắc không động, khuấy không được, thì làm sao tan muối, làm sao khai ngộ được?

Học tăng hỏi tiếp:

- Nếu vậy, chẳng lẽ không dụng công mà có thể khai ngộ được sao?

Ban đầu ông tăng này dụng công căng thẳng quá nên đã rơi vào cực đoan châm băm, đè nén. Giờ nghe Thiên sư nói dụng công căng quá là không khai ngộ được, thì ông tăng liền rơi vào cực đoan thứ hai là không dụng công, xao lãng, buông lung. Rõ ràng tâm chúng ta rất dễ rơi vào hai bên cực đoan, không dễ dàng công đúng nghĩa trung đạo, bình thường. Thiên sư nói:

- Tu hành cũng giống như đánh đàn, nếu dây căng quá thì đứt, còn dây chùng quá thì khảy không thành tiếng. Tâm phải bình thường trung đạo, mới là gốc của căn bản ngộ đạo.

Dây đàn căng là ví cho công phu quá kềm kẹp, đè nén; dây đàn chùng là ví cho tâm ta xao lãng, buông lung. Rời hai cực đoan này thì tâm mới bình thường, hợp với trung đạo. Dụng tâm như thế mới khé hợp đạo lý, mới có cơ hội ngộ đạo.

Nếu một ngày chúng ta dụng công rất dũ dội, đè nén từ sáng tối liên tục căng thẳng, không có một chút buông thư thì giống như hồ lô đựng đầy nước, lắc không động, khuấy không được, bằng tâm đó để dụng công thì làm sao ngộ đạo được. Nhưng nếu chúng ta không tu gì hết thì trả lại nguyên hình phàm phu vọng động, rơi vào buông lung, thì cũng là sai. Thực tế khi công phu, chúng ta dụng tâm vẫn phải mạnh mẽ, miên mật, nhưng không phải kềm quá mà cần có một chút thoáng để tự mình buông thõng, lui ra một chút thời gian để chính mình chuyển thân, trả lại trạng thái thực sự bình thường, không gấp quá, không khẩn quá, cũng không phải buông lung quá. Khi quý vị khéo dụng công, khéo sống, khéo tu tập như vậy thì sẽ có lúc, quý vị tự dung cảm nhận bất chợt rơi vào một chân trời mà mình không ngờ trước được, rất tuyệt vời. Cứ thực sự bắt tay vào công phu tu tập rồi quý vị sẽ thấy.

Do đó, Thiền sư Duy Khoan có nói: “**Phàm phu thì vô minh, nhị thừa thì chấp trước, lìa hai bệnh này gọi là chân tu. Người chân tu không được chăm chú, không được quên lãng. Chăm chú thì gần với chấp trước, quên lãng liền rơi vào vô minh. Đây là tâm yếu vạy**”.

Phàm phu thì vô minh, mờ昧, không biết; hàng nhị thừa thì chấp trước, thấy có công phu, có chỗ chứng đắc nên giữ, tức là rơi vào kềm giữ rồi. Lìa hai bệnh này để dụng công tu hành mới thực sự đúng với trung đạo, mới bình thường, mới đạt đến được đạo lý chân thật, rốt ráo. Đây là chỗ tâm yếu quan trọng. Tu hành cần có thời khóa rõ ràng và cần tuân thủ một cách nghiêm túc, đây đủ để nhốt cái tâm khi vươn vọng động của mình cho nó không còn chỗ sanh khởi. Đó là trừ được bệnh giải đai, giúp cho mình không rơi vào quên lãng, buông lung. Nhưng nếu vì quá khích, tự mình đưa ra một thời khóa riêng tư căng thẳng hơn thời khóa bình thường đại chúng đang dụng công, rồi bắt đầu quá quan trọng, cố chấp vào một thời khóa biểu riêng căng thẳng đó, mình phải như vậy, như vậy, lúc nào cũng phải lật đật tranh thủ cho kịp. Đó là rơi vào giới cấm thủ, rơi vào cực đoan thứ hai là chăm

bãm, đè nén rồi sanh bệnh. Chính cái tâm tranh thủ, lật đật đã làm cho mình rộn lên, lao xao, loạn động, lúc nào cũng cảm thấy căng căng. Từ đó tâm thái không còn phẳng lặng bình thường, dẫn đến công phu tu hành không tiến bộ và sanh bệnh.

Hoặc trên cùng một thời khóa biểu hợp lý, nếu chúng ta lơ là, giải dãi, không chấp hành đúng một cách nghiêm túc thì đó là rơi vào buông lung, xao lãng, vô minh. Nếu lúc nào cũng cố chấp, bám chặt, khăng khăng, khiến mình căng thẳng, dễ bức bối với mọi người, đó là rơi vào chấp trước, kềm kẹp, bị thời khóa biểu nó câu thúc, trói buộc mình. Nếu người khéo dụng công, cũng cùng trên một thời khóa hợp lý đó, chúng ta cứ phẳng lặng, bình thường, thỏa mái, thong dong, áp dụng một cách nghiêm mật nhưng không sanh tâm, như thế sẽ hợp với nghĩa trung đạo, công phu mau thăng tiến.

Ví dụ khi quý thầy đang nói đây thì có thể tỉnh sáng, bình thường mà nói. Nhưng khi vừa bung ly nước để uống thì ngay cái khoảnh chuyển động đó, nếu không khéo dụng công là cái mê nó nhảy vọt vô liền. Hoặc là quý vị đang ngồi đây nghe pháp thì ai cũng đang sáng suốt, nhưng khi vừa đặt chân xuống để bước ra khỏi phòng thì trong khoảnh đặt chân xuống đó, chúng ta hay xem thường nên cái bất giác, cái mê mờ, vọng động nó nhảy vào nhanh lắm. Thường là khi bắt đầu chuyển từ động thái này sang động thái khác, từ công việc này chuyển sang công việc khác, từ thời khóa này chuyển sang thời khóa khác, chúng ta hay xem thường, sơ hở, bất giác và bị mê làm. Muốn tu hành cho sít sao, miên mật thì phải khắc tâm, tỉnh giác ngay chỗ chúng ta hay xem thường, sơ hở cho cái bất giác nó nhảy vào đó. Đang nói mà muốn uống nước thì tỉnh lại rồi uống. Ngoài đây mà chuẩn bị đi ra ngoài thì tỉnh lại rồi bước chân đi. Trên bất cứ một hành động nào chúng ta cũng cứ như thế thì công phu mau thăng tiến lắm.

---o0o---

7/ ĐẠT ĐƯỢC TÂM BÌNH THƯỜNG TUYỆT ĐỐI LÀ ĐẠT ĐẾN ĐẠO LÝ CHÂN THẬT

Bây giờ có kinh nghiệm rồi, chúng ta cũng áp dụng thời khóa một cách đầy đủ, trọn vẹn, nhưng trong tư thế buông thõng, rất là bình thường, thoái mái, đừng tranh thủ, cứ bình thường mà chuyển động, phải khắc tâm ngay khoảnh hở đó, đừng để sơ hở cho cái mê nhảy vô. Quý vị thử công phu liên tục như vậy một thời gian sẽ thấy rằng, mình không biến đổi tâm trên việc, từ việc này qua việc kia tâm mình vẫn bình thường không đổi. Như vậy là

không sanh khởi, lúc nào cũng là lúc bình thường đang tu và cuộc sống sẽ trở nên nhẹ nhàng, thanh thoát, an lạc. Ban đầu hơi khó, nhưng một thời gian sau sẽ thuần. Khi thuần rồi quý vị sẽ thấy mình đang ở trên cái toàn thể sáng biết mà làm tất cả mọi việc, làm việc nào tâm mình vẫn vậy, không đổi. Như vậy đang làm mà mình vẫn đang công phu tu tập rất có hiệu nghiệm, ứng dụng cho đến khi thuần thực thì quý vị sẽ có năng lực sống vô biên. Có lực sống vô biên rồi thì trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù thuận hay nghịch, dù khó nhẫn hay dễ nhẫn, tâm mình vẫn bình thường, không thêm không bớt. Được như vậy thì có phải là người đạt đạo chưa? Nếu nói đạt đạo thì có thể quý vị chưa dám quả quyết, bởi tự mình chưa sống trải qua. Quý Thầy sẽ dẫn một giai thoại của Thiền sư Bạch Ân để quý vị thấy rõ hơn.

Trong một ngôi làng Thiền sư Bạch Ân đang ở, có một cô gái bất ngờ mang thai, cha cô rất nghiêm khắc và bắt buộc cô gái phải khai tên người cha của đứa bé trong bụng. Cô gái bị ép quá mức nghĩ ra cách để khai mà không bị phạt, bèn vu oan cho Thiền sư Bạch Ân là cha đứa bé. Người cha tức giận, chờ ngày đứa bé ra đời mang đến trao cho Ngài và chửi mắng, nhục mạ hết sức thậm tệ. Khi ấy, Thiền sư Bạch Ân chỉ nói: “Ồ, thế à!”, rồi ẵm đứa bé lên tay và nuôi đứa bé. Có những ngày mưa gió, bão bùng Ngài vẫn phải đi xin sữa để nuôi. Trước đó Ngài rất được tôn kính, được xem như một vị Phật sống, giờ mất hết uy tín. Môn đệ nhiều người trước đây kéo đến học đạo, tôn thờ Ngài, bây giờ quay lại chống đối. Trải qua nhiều ngày, mẹ đứa bé thấy vậy không chịu đựng nổi việc xa con mình và việc đã vu oan cho một vị Thiền sư nên đã thú nhận lại với cha mình về cha thật của đứa bé. Người cha nghe xong sững sốt và sợ hãi, chạy đến Thiền sư Bạch Ân van xin tha lỗi, khẩn cầu sám hối. Thiền sư Bạch Ân nghe xong cũng chỉ nói: “Thế à!”, rồi gửi lại đứa bé một cách nhẹ nhàng. Khi sự thật đã được bày ra thì danh tiếng của Thiền sư càng tăng hơn so với trước kia.

Hay trường hợp của Đức Phật bị ngoại đạo mắng chửi xối xả, đến mức Ngài A Nan chịu không nổi, xin Phật đi nơi khác, nhưng Đức Phật vẫn điềm nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Nếu như không có một năng lực sống đạo mạnh mẽ bên trong, thì chúng ta có thể điềm nhiên mà “Thế à!” trước hoàn cảnh cắc có như vậy được không? Không phải dễ. Điềm nhiên và “Thế à” như vậy thì có phải là đã đạt được tâm bình thường một cách tuyệt đối chưa? Từ đó mới thấy rằng, đạt được tâm bình thường tuyệt đối là đạt đạo. Đạo lý chân thật là trả lại một cuộc sống thực sự bình thường.

8/ ĐẠO VỐN LÀ CUỘC SỐNG THỰC SỰ BÌNH THƯỜNG

Thường khi vào đầu các bộ kinh Đại thừa, Đức Phật phóng quang ngay giữa chặng mày, nếu ai ngay thấy liền nhận thì Phật không phải nói thêm, ngay đó nhảy vào thi cùng Phật Tổ làm thầy, đó là ngay câu thứ nhất liền nhận được. Còn chưa nhận được thì Phật phải nói ra nghĩa lý, chúng ta nương theo đó tu hành, thê nhận được ý Phật, đó là ngay câu thứ hai mà thê nhận được, cũng có thể cùng Trời người làm thầy. Tới khi nói ra nghĩa lý mà vẫn chưa nhận được ý chỉ tu hành thì Phật phải dạy cho các phuơng tiện như là lập đàn tràng, đọc thần chú... để nghiệp tâm, đó là đợi đến câu thứ ba mới tiến được. Ngài Lâm Té nói: **“Đợi đến câu thứ ba mới vào được thì tự cứu mình cũng không xong”**. Nhưng riêng Kinh Kim Cang, khi vào đầu kinh đức Phật không phóng quang, không làm cho mặt đất bị chấn động theo sáu cách, chỉ là đến giờ ăn, Ngài đắp y, mang bát, đi vào thành Xá Vệ theo thứ lớp khất thực, khất thực xong trở về chỗ của mình thọ thực, thọ thực xong thu xếp y bát, rửa chân, trải tòe ngồi... Quý vị thấy Phật không làm một cái gì kỳ đặc cả, chỉ là cuộc sống sinh hoạt rất bình thường, nhưng Phật cũng là Phật chứ không lẽ trong cuộc sống bình thường Phật lại trở thành con người khác. Cho nên ngay trong cuộc sống sinh hoạt rất bình thường ấy vẫn tràn đầy ánh sáng giác ngộ. Cụ thể khi đức Phật đi khất thực..., trong cái bình thường đó, chúng ta dùng tâm nào để thấy Phật? Nếu quên mình mà nhìn theo tướng thì đó là mê, là không thấy Phật thật được rồi. Nếu bằng tâm bình thường, lóng lặng, sáng biết để thấy, không thấy theo cảnh bên ngoài, thì dù là tướng sáng hào quang hay tướng đi lại bình thường của đức Phật cũng đâu có gì phân biệt sai khác? Ngay đó cái sáng biết thênh thang trùm khắp không động đang hiện ra đó. Đó là chúng ta đã khéo ngay câu thứ nhất mà tiến vào rồi. Đó mới thật sự là không kẹt trên âm thanh sắc tướng mà nhìn Phật, mới được thấy Phật thật. Nhìn được như vậy thì cái thấy chúng ta mới không đổi trên các tướng, mới đạt đến tâm bình thường tuyệt đối, mới thấy đạo. Và mới thấy được đức Phật đã khai thị cho chúng ta thấy rõ ràng, đạo lý chân thật rốt ráo cuối cùng là trở về ngay trong cuộc sống sinh hoạt bình thường, phải ngay nơi cuộc sống bình thường ấy mà thê nhận. Cái bình thường đó khác với cái tầm thường của chúng sanh còn mê lầm ở thế gian. Nếu như chúng ta không thấu rõ, chỉ nhận trên cái tướng bình thường bên ngoài thì rất dễ bị lầm.

Ngài Linh Huân ở dưới hội của Hòa thượng Quy Tông một thời gian, một hôm Ngài đến từ giã ra đi. Ngài Quy Tông hỏi:

- Ông tính đi về đâu?

Ngài Linh Huân thưa:

- Đi về Lãnh Trung.

Ngài Quy Tông nói:

- Ông ở đây đã nhiều năm, về sửa soạn hành lý xong, hãy đến đây, ta sẽ nói cho một câu Phật pháp cao tột.

Ngài Linh Huân về sắp xếp hành lý xong, đến trước Ngài Quy Tông.
Ngài Quy Tông bảo:

- Hãy đến gần đây.

Ngài Linh Huân tiến đến gần, Ngài Quy Tông bảo:

- Trời lạnh, đi đường hãy bảo trọng!

Nghe lời này, ngài Linh Huân liền quên hết chở hiếu trước. Tức là bao nhiêu kiến giải trong đầu trước đó, ngay đây liền sạch.

Nghe nói là sẽ có một câu Phật pháp rốt sau cao tột, thì trong lòng rất hy vọng sẽ được nghe một câu gì đó cao siêu, kỳ đặc lẩm. Nào ngờ khi tới thì chỉ nghe một câu rất bình thường, giản dị, không có vẻ gì là Phật pháp cả. Nhưng khi nghe câu rất bình thường đó thì cái tâm "mong mỏi hy vọng" được một câu cao siêu, kỳ đặc" kia liền mất, bao nhiêu chở hiếu trước đó cũng tan theo, trả lại cái thể tâm nguyên vẹn từ thuở nào không một vật. Mới hay ra, cái cao tột, cái đạo lý rốt ráo vốn là cuộc sống hết sức bình thường. Đến thì đến chào, chào thì dặn dò, chúc tụng, rồi thì vui vẻ ra đi, vậy thôi. Chỉ là trên các hành động đó không một vết mè, đang sáng rõ là được.

Cho nên Mã Tô Đạo Nhất nói: "**Nếu muốn hội thăng đạo này thì tâm bình thường là đạo. Sao gọi là tâm bình thường? Không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoạn thường, không phàm thánh.**" Không lấy thì phải bỏ, nhưng Ngài lại dạy không lấy cũng không bỏ. Không phải phàm thì phải là thánh, nhưng Ngài lại nói không phàm cũng không thánh. Chúng ta làm sao hiểu? Ngay khi không có chở để hiểu là tình thức ngưng bất, thăng đó nhận lấy thì đạo cả hiển hiện sáng ngời, còn tìm hiểu làm gì

nữa! Ngay khi không kẹt hai bên là đang sống bằng tâm bình thường, là đạo đang hiện tiền ra đó.

Hay là như Ngài Triệu Châu đến hỏi Ngài Nam Tuyền: “**Thế nào là đạo?**”. Ngài Nam Tuyền nói: “**Tâm bình thường là đạo**”. Hoặc có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Viên Chiếu, Việt Nam: “**Trúc biếc xanh xanh trọn là chân như, vậy thế nào là dụng của chân như?**” Thiền sư Viên Chiếu nói:

Tặng anh đi đường xa,

Cười trao một ấm trà.

Dụng của chân như nằm tại chỗ nào? Khi anh chuẩn bị lên đường đi xa, mình cũng tặng ấm trà và người ta cũng tặng như thế. Vậy dụng ở chỗ nào? Khi đi liền cười nhẹ trao ấm trà, ngay trao liền biết nhận, thằng đó chưa sanh khởi thì có phải là chỉ có trao nhận ấm trà không thôi, hay đang trao nhận cái gì nữa? Nếu khi trao và nhận ấm trà mà còn tình thức vọng động thì chưa thể lìa tướng, có cố lìa cũng chỉ là sự đèn nén nhất thời và không lìa được, thì vẫn chưa khởi nhầm trên tướng mà nhận, là nhận tướng trao nhận chén trà thôi, chưa phải là đạo. Nếu quý vị nào khéo nhận thì ngay trên hành động đó, đạo vốn sáng ngời, tràn trề không thiếu vắng.

Ngài Sùng Tín theo hầu Ngài Đạo Ngộ đã lâu mà chưa tỏ tâm yếu. Một hôm, ngài Sùng Tín thưa:

- Từ ngày con vào đây đến giờ chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.

Ngài Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày ngươi vào đây, chưa có lúc nào ta không chỉ dạy ngươi tâm yếu.

Ngài Sùng Tín ngạc nhiên, hỏi:

- Thầy dạy con ở chỗ nào?

Ngài Đạo Ngộ nói:

- Người dâng trà lên, ta vì ngươi mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì ngươi mà nhận. Người xá lui thì ta gật đầu, chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu.

Ngài Sùng Tín cúi đầu lặng thính giây lâu vẫn chưa nhận ra. Ngài Đạo Ngộ nói tiếp:

- Thấy thì thảng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngài Sùng Tín ngay đó liền khai ngộ.

Có lần Ngài Kinh Huyền hỏi Thiền sư Duyên Quán:

- Thế nào là đạo tràng vô tướng?

Ngài Duyên Quán chỉ tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ở đằng trước và nói:

- Cái này là do Ngô Xử Sĩ vẽ.

Ngô Xử Sĩ là một tay vẽ tuyệt vời hồi xưa. Kinh Huyền nghe nói như vậy liền suy nghĩ định thưa, Ngài Duyên Quán nhanh nhẹn nói thêm:

- Cái này có tướng, cái kia không tướng.

Ngay đó, Sư liền tỉnh ngộ.

Vừa trầm ngâm suy nghĩ là có tướng sanh trong đầu liền. Ngài Duyên Quán nhanh nhẹn chỉ, Ngài Kinh Huyền liền nhận ra, ngay trước khi chưa khởi nghĩ là đạo tràng vô tướng sẵn đủ nơi tâm mỗi người chúng ta.

Cũng vậy, “**ngươi dâng trà, ta vì ngươi mà tiếp. Người bung cơm đến, ta vì ngươi mà nhận, xá lui thì gật đầu**”, trong đó có suy nghĩ không?

Ngay khi đưa liền biết và nhận mà không kịp suy nghĩ, thì cái khoảng chưa kịp suy nghĩ đó, quý vị có biết hay không? Nếu không biết thì làm sao mình nhận? Tại vì mình không khéo nhận lại mà bị bỏ qua thôi. Ai đang biết và không động đó mà không chịu nhận thảng đi. Cho nên Ngài Đạo Ngộ nói: “**Thấy thì thảng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai**”. Chúng ta chỉ nhận trên tướng động mà quên cái biết chân thật không động đó. Nay giờ quý vị không cần quan tâm trên tướng động nữa mà khi đưa liền biết, ngay biết liền nhận, đừng thêm nữa thì chỗ nào mà không phải là chỗ chỉ tâm yếu? Cho nên ngay đó Ngài Sùng Tín liền tỉnh ngộ, biết chỗ vào liền.

Quý vị thấy dâng trà, bung cơm, xá chào, gật đầu là sinh hoạt bình thường hàng ngày mà chúng ta vẫn làm, nhưng nếu khéo công phu và thể

nhận thì ngay trên ấy đã tràn đầy đạo lý chân thật. Ngay cái biết dâng trà, biết bưng cơm, biết xá chào, biết gật đầu, ngay đó đạo đã hiển hiện đầy đủ rồi. Cho nên đạo không phải là một cái gì đó bên ngoài xa vời huyền hoặc cho chúng ta phải đi tìm cầu, mà nó vốn rất là bình thường trong cuộc sống hàng ngày, chỉ là khéo nhận lại liền xong.

---o0o---

9/ RÕ RÀNG, BÌNH THƯỜNG, SỐNG ĐẠO

Ngài Nguõng Sơn Huệ Tịch là đệ tử của Ngài Quy Sơn Linh Hựu. Một hôm Ngài Nguõng Sơn hỏi Thầy:

- Khi trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến thì phải làm sao?

Có nghĩa là bao nhiêu việc dồn dập, trăm ngàn muôn cảnh cùng đến một lúc thì phải làm thế nào? Nếu như bỏ bản vị chánh định chính mình mà đi ra tìm đáp cho hiểu thì rốt ráo liền. Nhưng nghe vẫn bình thường mà nghe thì quý vị đang ở vai trò chủ thể, không những trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến mà dù nhiều cách mấy cũng vẫn không ra ngoài chân trời tự tánh chánh định chính mình, không động, sáng tỏ, rõ ràng, không trụ, không sót một cảnh nào. Nếu không một vết mè mò thì có cảnh nào chi phối mình được? Cho nên Ngài Nguõng Sơn nói:

- Xanh chǎng phải là vàng, dài chǎng phải là ngắn, các pháp mỗi pháp ở địa vị của nó, chǎng can hệ gì đến việc của ta.

Trước trăm ngàn muôn cảnh cùng đến, quý vị quên mình mà phân biệt theo cảnh thì bị kẹt trên cảnh, bị cảnh chuyển, đó là mê. Nay giờ, trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến mà mình vẫn bình thường, đang lặng sáng, đang ở chủ vị, đang ở bản tâm toàn thể biết khắp thì trăm ngàn muôn cảnh không rời chân trời tự tánh chánh định chính mình, không một vết mè. Như vậy, xanh chǎng phải là vàng, dài chǎng phải là ngắn, đang giác sáng, bất động nhưng thấy biết rõ ràng vượt trên tất cả. Vậy thì mỗi pháp, mỗi pháp tự trả lại vị trí nguyên bản của nó, dính dáng gì đến ta đâu! Cho nên trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: “**Thị pháp trụ pháp vị, Thế gian tướng thường trú**”, có nghĩa là “**Pháp ấy trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trú**”, cũng chính là chỗ Ngài Vân Môn nói: “**Cây gậy là cây gậy...**”.

Có một vị Thiền sư đọc Kinh Pháp Hoa đến câu “**Chư pháp tung bǎn lai, Thường tự tịch diệt tướng**”, tức là “**Các pháp từ xưa nay, tướng**

thường tự vắng lặng”. Vị này khởi nghĩ: “Tánh vắng lặng thì mới phải, chứ sao tướng đang động, đang vô thường, đang biến diệt mà lại tự vắng lặng được?”. Một thời gian sau công phu chín muồi, khi mùa xuân về, nhìn thấy hoa đào nở, có chim hoàng oanh đang đậu và hót trên cành, bất chợt sáng tỏ, “À” lên một tiếng và nói tiếp hai câu thơ sau: **“Xuân đáo bách hoa khai, Hoàng oanh đê liễu thượng”**, thành nên một bài kệ:

Chư pháp tung bản lai,

Thường tự tịch diệt tướng.

Xuân đáo bách hoa khai,

Hoàng oanh đê liễu thượng.

Nghĩa là:

Các pháp từ xưa nay,

Tướng thường tự vắng lặng.

Xuân về trăm hoa nở,

Hoàng oanh hót trên cành.

Không thêm mà rõ biết, bất động mà sáng ngời, thì các pháp trả lại bản vị ban đầu, có can hệ gì đến nhau. Mới hay ra, các pháp từ xưa đến nay thường tự vắng lặng. Nó động là do mình động chứ nó đâu có động bao giờ. Cho nên mình đã vắng lặng thì nó vốn tự vắng lặng. Ở cái toàn thể, cái chủ vị, tất cả các pháp mình không nhầm lẫn, không một vết mè mờ thì trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến đều không can hệ, có ảnh hưởng gì đến mình? Trăm ngàn công việc đến, chúng ta vẫn bằng vào một tâm rất bình thường như thế mà rõ suốt tất cả thì sẽ không động, an ổn. Tính chất sáng biết này vốn nó tự không động, chứ không phải sự an định như ta thường nghĩ là làm cho được an định. Không động nhưng tỏ suốt, trùm khắp, không một chỗ lầm, không một vết mè mờ thì tâm mình đang là bình thường, an nhiên, ngay đó không phải là mình đang sống đạo hay sao? Quý vị sống miên mật như vậy, không một kẽ hở, không một vết mè là chúng ta đang sống trọn vẹn bằng đạo chân thật, đang sống trọn vẹn bằng một tâm thực sự bình thường.

Khi đạt đạo, sống bằng đạo lý thì tâm vốn tự là bình thường (chứ không phải là làm cho bình thường), tự khé hợp với đạo lý chân thật. Đây là một điều rất là đáng quý. Người đến trong đó rồi thì tự biết mà không cần phải bàn nói nhiều. Còn chúng ta là người đang còn trên đường tu tập. Trong khi đang còn công phu, không phải là mình vô phần với đạo lý chân thật này, mà thỉnh thoảng có những phút giây mình cũng cảm nhận và sống được với cái tâm bình thường tuyệt đối đó chứ không phải là không. Lý do mình chưa sống được mạnh, chưa sống được liên tục, chưa sống được trọn vẹn như quý Ngài xưa kia là vì đâu? Là vì sức huân tu của mình chưa được tròn đủ, sức giác của mình còn yếu, chưa mạnh. Chính vì vậy nên hay quên, có khi chúng ta sống, ứng xử và làm việc còn bị thiếu bình thường.

Việc sáng đạo, tâm vốn tự bình thường, đó là nói đến cái rốt ráo, cái cùng tốt, cái lâu dài mà chúng ta phải làm từ kiếp này sang kiếp khác, đó là bốn phận mà hễ ai phát tâm tu tập thì phải tự phần đâu thực hành. Còn ở đây là nhăm thảng đến cái cần thiết hiện tại, nhăm thảng đến những người đang còn trên đường tu tập như chúng ta, có khi bình thường, có khi không ổn. Đó là chúng ta phải luôn tỉnh giác, lặng sáng để cân bằng được cái tâm bất bình thường sanh khởi của mình. Khi quý vị tỉnh giác được, cân bằng được thì quý vị sẽ sống được bằng tâm ổn định, bình thường. Được như vậy thì cuộc sống của chúng ta mới được an ổn, mới gần được với đạo lý chân thật và không làm ảnh hưởng đến ai. Ngay khi chúng ta đang sống, đang dụng công tu tập cho chính mình, cũng chính là đang làm lợi ích cho người khác, đã có lợi cho những người chung quanh rồi. Đó chính là tinh thần ngay trong tự lợi đã có lợi tha, chứ không phải đợi làm gì cho ai mới có lợi. Khi quý vị ứng dụng công phu tu hành càng tương ứng thì quý vị càng cảm nhận được giá trị vô biên của nó, cho đến khi viên mãn Phật đạo thì quý vị sẽ cảm nhận được trọn vẹn giá trị của tâm bình thường.

---o0o---

HẾT